

TIẾT 1: BÀI MỞ ĐẦU

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Học sinh hiểu được vai trò của gia đình và kinh tế gia đình
- Học sinh biết được mục tiêu nội dung chương trình và SGK công nghệ 6 phân môn kinh tế gia đình được biên soạn theo định hướng đổi mới phương pháp dạy và học.

2. Kỹ năng:

- Học sinh biết được phương pháp dạy và học từ thụ động sang chủ động tích cực hoạt động tìm hiểu tiếp thu kiến thức và vận dụng vào cuộc sống.
- Học sinh sử dụng thành thạo các phương pháp học tập.

3. Thái độ:

- Có thói quen học tập và làm việc theo quy trình.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập.

4. Năng lực, phẩm chất :

- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực phân tích, năng lực tổng hợp thông tin .

- Phẩm chất: Yêu thương gia đình, quê hương, đất nước. Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước, nhân loại và môi trường tự nhiên.

Trung thực; Tự tin và có tinh thần vượt khó; Chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :

1. Giáo viên:

- Tranh ảnh miêu tả vai trò của gia đình và kinh tế gia đình.
- Sơ đồ tóm tắt mục tiêu và nội dung chương trình công nghệ THCS.
- Phiếu học tập, máy chiếu

2. Học sinh:

- Chuẩn bị đầy đủ sách giáo khoa, vở ghi, bút, thước...
- Đọc và tìm hiểu trước bài, sưu tầm tài liệu, tranh ảnh liên quan.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Mô tả phương pháp và kỹ thuật thực hiện các chuỗi hoạt động trong bài học

Tên hoạt động	Phương pháp thực hiện	Kỹ thuật dạy học
---------------	-----------------------	------------------

A. Hoạt động khởi động	- Dạy học nêu và giải quyết vấn đề	- Kỹ thuật đặt câu hỏi
B. Hoạt động hình thành kiến thức	- Dạy học theo nhóm - Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề - Thuyết trình vấn đáp	- Kỹ thuật đặt câu hỏi - Kỹ thuật học tập hợp tác
C. Hoạt động luyện tập	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề - Dạy học theo nhóm	- Kỹ thuật đặt câu hỏi - Kỹ thuật học tập hợp tác
D. Hoạt động vận dụng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	- Kỹ thuật đặt câu hỏi -
E. Hoạt động tìm tòi mở rộng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	- Kỹ thuật đặt câu hỏi -

2. Tổ chức các hoạt động

A. Hoạt động khởi động

1. *Mục tiêu* : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân.

3. *Sản phẩm* : Trình bày miệng.

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*.

* *Chuyển giao nhiệm vụ*:

- Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

- + Gia đình là gì ?
- + Gia đình có vai trò như thế nào đối với mỗi người chúng ta ?

- HS lắng nghe

* *Thực hiện nhiệm vụ*:

- HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

- Dự kiến câu trả lời:

C1: Gia đình là nền tảng của xã hội....

C2: quan trọng... là nơi em sinh ra, lớn lên...

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**

- Hs nhận xét bổ xung

- **Gv nhận xét dẫn dắt vào bài:** Gia đình là nền tảng của xã hội, ở đó mọi người được sinh ra và lớn lên, được nuôi dưỡng và giáo dục trở thành người có ích cho xã hội.

Để biết được vai trò của mỗi người với xã hội, chương trình Công nghệ 6- Phần kinh tế gia đình sẽ giúp cho các em hiểu rõ và cụ thể về công việc các em sẽ làm để góp phần xây dựng gia đình và phát triển xã hội ngày một tốt đẹp hơn.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1: Tìm hiểu vai trò của gia đình và kinh tế gia đình. 1. Mục tiêu: Hiểu được vai trò của gia đình và kinh tế gia đình. 2. Phương thức: Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật mảnh ghép; hoạt động cả lớp 3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi 4. Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5. Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ Gv : Yêu cầu HS đọc thông tin mục I(SGK/3) và liên hệ thực tế - thảo luận nhóm 5 phút sử dụng kĩ thuật mảnh ghép. - Nhóm 1,2 cho biết gia đình có vai trò gì ? - Nhóm 3,4 cho biết trách nhiệm của mỗi người trong gia đình? - Nhóm 5,6 cho biết trong gia đình có rất nhiều	I. Vai trò của gia đình và kinh tế gia đình. (5 phút) 1. Vai trò của gia đình. - Gia đình là nền tảng của xã hội. - Mọi thành viên trong gia đình có trách nhiệm làm tốt công việc của mình, để góp phần tổ chức cuộc sống gia đình văn minh, hạnh phúc. 2. Kinh tế gia đình.

công việc phải làm đó là những công việc gì? Kể tên các công việc liên quan đến kinh tế gia đình mà em đã tham gia? HS: lắng nghe câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ: - HS thảo luận nhóm về vấn đề đã được phân công. Sau đó mỗi thành viên của các nhóm này sẽ tập hợp lại thành các nhóm mới, trao đổi lại với cả nhóm mới về vấn đề mà em đã có cơ hội tìm hiểu sâu ở nhóm cũ. - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực * Dự kiến câu trả lời: (phần nội dung I. 1, 2) *Báo cáo kết quả - Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm *Đánh giá kết quả: - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá - GV: Chốt kiến thức, ghi bảng	- Kinh tế gia đình là tạo ra thu nhập và sử dụng nguồn thu nhập hợp lý, hiệu quả làm các công việc nội trợ trong gia đình.
Hoạt động 2: Tìm hiểu mục tiêu của chương trình công nghệ 6- phân môn kinh tế gia đình. 1. <i>Mục tiêu:</i> Hiểu được mục tiêu của chương trình công nghệ 6- phân môn kinh tế gia đình. 2. <i>Phương thức:</i> Hđ cá nhân, hđn , Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật khăn trải bàn; Kỹ thuật chia nhóm. 3. <i>Sản phẩm :</i> Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi 4. <i>Kiểm tra, đánh giá:</i> - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá	II. Mục tiêu của chương trình công nghệ 6- phân môn kinh tế gia đình. (15 phút) 1.Về kiến thức - Biết được kiến thức về ăn uống, may mặc, trang trí và thu chi trong gia đình. - Biết khâu vá, cắm hoa trang trí , nấu ăn .

5. Tiến trình. *Chuyên giao nhiệm vụ. - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục II SGK/3 thảo luận nhóm 5 phút sử dụng KT khăn trải bàn cho biết 1. Sau khi học xong chương trình KTGD các em cần đạt được những mục tiêu gì?(về kiến thức, về kỹ năng, về thái độ). 2. Các em tiếp thu được những kiến thức gì? 3. Những kiến thức đó giúp cho em biết được những công việc gì giúp ích cho cuộc sống thường ngày? 4. Thấy được tầm quan trọng của bộ môn này, em có thái độ học tập như thế nào? - HS: lắng nghe câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ: - HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm. - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực. *Dự kiến câu trả lời: - HS trả lời phần II. Mục 1,2,3 SGK/ 3,4. *Báo cáo kết quả - Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm. *Đánh giá kết quả: - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá. - GV nhận xét, đánh giá - GV: Chốt kiến thức, ghi bảng	2. Về kỹ năng. - Lựa chọn, sử dụng trang phục, bảo quản đúng kỹ thuật, Giữ gìn nhà ở sạch sẽ, Biết ăn uống hợp lý, chi tiêu hợp lý, làm các công việc vừa sức giúp đỡ gia đình. 3. Về thái độ - Say mê học tập và vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống
Hoạt động 3: Phương pháp học tập. 1. Mục tiêu: Biết được phương pháp học tập bộ môn kinh tế gia đình. 2. Phương thức: Hđ cá nhân, hđn, Nêu và giải	III. Phương pháp học tập. (5 phút)

quyết vấn đề; Thuyết trình; Vấn đáp; dạy học nhóm, Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật chia nhóm.

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*.

*** Chuyển giao nhiệm vụ.**

- GV yêu cầu học sinh đọc mục 3(SGK/4)

Thảo luận nhóm 3 phút

1. Theo em để học tốt môn học kinh tế gia đình em cần có phương pháp học mới là gì?

2. Để chủ động hoạt động tiếp thu kiến thức các em cần phải làm gì?

- HS: lắng nghe câu hỏi.

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm.

- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

*** Dự kiến câu trả lời:**

1. Hoạt động tích cực, chủ động để tìm hiểu, phát hiện và nắm vững kiến thức với sự hướng dẫn của giáo viên.

2. Tìm hiểu các hình vẽ, câu hỏi, bài tập, thực hiện các bài thử nghiệm, thực hành liên hệ với thực tế, tích cực thảo luận để vận dụng các kiến thức vào cuộc sống.

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm

- Hoạt động tích cực, chủ động để tìm hiểu, phát hiện và nắm vững kiến thức với sự hướng dẫn của giáo viên.

- Tìm hiểu các hình vẽ, câu hỏi, bài tập, thực hiện các bài thử nghiệm, thực hành liên hệ với thực tế, tích cực thảo luận để vận dụng các kiến thức vào cuộc sống.

*Đánh giá kết quả: - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá GV: Chốt kiến thức, ghi bảng	
---	--

C. Hoạt động luyện tập

1. *Mục tiêu* : nắm vững kiến thức để học tốt bộ môn kinh tế gia đình ở các bài học tiếp theo.
2. *Phương thức*: Gợi mở, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề. Hđ cá nhân, hoạt động cả lớp.
3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân
4. *Kiểm tra, đánh giá*:
 - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
 - Gv đánh giá

5. Tiến trình.

***Chuyên giao nhiệm vụ:**

- Gv yêu cầu cá nhân hs trả lời câu hỏi:

Câu 1: Em hãy nêu vai trò của gia đình và trách nhiệm của mỗi người trong gia đình?

Câu 2: Kinh tế gia đình là gì?

Câu 3: Sau khi học xong phân môn KTGD-HS cần đạt được những mục tiêu ?

Câu 4: Phương pháp học tập mới là gì?

- HS: lắng nghe câu hỏi.

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức.

*** Dự kiến câu trả lời:**

Câu 1: - Gia đình là nền tảng của XH, mỗi người sinh ra lớn lên được nuôi dưỡng giáo dục và chuẩn bị nhiều mặt cho cuộc sống tương lai (vật chất và tinh thần)

- Trách nhiệm của mỗi người trong gia đình: làm tốt công việc của mình để gia đình vẫn mình hạnh phúc.

Câu 2: - Tạo ra nguồn thu nhập (tiền và hiện vật

- Sử dụng nguồn thu nhập để chi tiêu (hợp lí hiệu quả)

- Làm các công việc nội trợ trong gia đình (nấu ăn dọn dẹp...)

Câu 3: Kiến thức..... kĩ năng....., thái độ.....

Câu 4: - Hoạt động tích cực, chủ động để tìm hiểu, phát hiện và nắm vững kiến thức với sự hướng dẫn của giáo viên.

- Tìm hiểu các hình vẽ, câu hỏi , bài tập, thực hiện các bài thử nghiệm, thực hành liên hệ với thực tế, tích cực thảo luận để vận dụng các kiến thức vào cuộc sống.

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

D. Hoạt động vận dụng

1. Mục tiêu : Nắm vững được vai trò của gia đình và kinh tế gia đình, mục tiêu của chương trình công nghệ 6- phân môn kinh tế gia đình, phương pháp học tập bộ môn kinh tế gia đình để vận dụng vào thực tiễn.

2. Phương thức : Hđ cá nhân, Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp.

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân.

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. Tiến trình.

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Hoạt động cá nhân trả lời các câu hỏi sau: GV đưa ra câu hỏi:

1. Sau khi học xong bài này em rút ra được điều gì?

2. Để góp phần tổ chức cuộc sống gia đình văn minh, hạnh phúc bản thân em có trách nhiệm gì đối với gia đình?

3. Để tạo nguồn kinh tế cho gia đình em cần làm việc gì?

- HS: lắng nghe câu hỏi.

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm việc cá nhân

*** Báo cáo kết quả:**

- Hs đứng tại chỗ trả lời nhanh.

*** Đánh giá kết quả**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Gv nhận xét, đánh giá

E. Hoạt động tìm tòi mở rộng

1. *Mục tiêu:* Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức về bộ môn kinh tế gia đình.
2. *Phương thức:* Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...
3. *Sản phẩm :* Phiếu học tập cá nhân.
4. *Kiểm tra, đánh giá:*
 - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá.
 - Gv đánh giá vào tiết học sau.

5. Tiến trình.

- Gv: Em hãy trao đổi với người thân, bạn bè hoặc qua ti vi, internet, sách báo cho biết những người dân sông ở khu vực đồng bằng Sông Cửu Long có nhu cầu cơ bản và thiết yếu như (ăn, mặc, ở , đi lại và thu chi trong gia đình) như thế nào?

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân hoặc nhóm ở nhà.

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp vào giờ học sau.

***Đánh giá kết quả:**

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

*** Dặn dò :**

- Về học bài cũ
- Xem bài mới (bài1).
- Sưu tầm các loại vải may mặc thường dùng trong may mặc(vải sợi bông,tơ tằm,vải lanh,vải cotton,lụa nilon...

*** Rút kinh nghiệm:**

Tuần 1

Tiết 2 - Bài 1: _____

CÁC LOẠI VẢI THƯỜNG DÙNG TRONG MAY MẶC (T.1)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Học sinh hiểu được công dụng của các loại vải.
- Học sinh biết được nguồn gốc, tính chất các loại sợi thiên nhiên, sợi hoá học, vải sợi pha.

2. Kỹ năng:

- Học sinh biết phân biệt được một số loại vải thông dụng .
- Học sinh thực hành chọn các loại vải, biết phân biệt vải bằng cách đốt sợi vải, nhận xét quá trình cháy, nhận xét tro sợi vải khi đốt.

3. Thái độ:

- Có lòng say mê yêu thích môn học.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập.

4. Năng lực, phẩm chất :

- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực phân tích, năng lực tổng hợp thông tin .
- Phẩm chất: Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước, nhân loại và môi trường tự nhiên.Trung thực; Tự tin và có tinh thần vượt khó; Chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :

1. Giáo viên:

- Tranh SGK hình1.1;1.2.
- Phiếu học tập, máy chiếu

2. Học sinh:

- Chuẩn bị đầy đủ sách giáo khoa, vở ghi, bút, thước...
- Mẫu các loại vải.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Mô tả phương pháp và kỹ thuật thực hiện các chuỗi hoạt động trong bài học

Tên hoạt động	Phương pháp thực hiện	Kỹ thuật dạy học
A.Hoạt động khởi động	- Dạy học nêu và giải quyết vấn đề	- Kỹ thuật đặt câu hỏi
B.Hoạt động hình thành kiến thức	- Dạy học theo nhóm - Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề - Thuyết trình vấn đáp	- Kỹ thuật đặt câu hỏi - Kỹ thuật học tập hợp tác

C. Hoạt động luyện tập	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề - Dạy học theo nhóm	- Kỹ thuật đặt câu hỏi - Kỹ thuật học tập hợp tác
D. Hoạt động vận dụng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	- Kỹ thuật đặt câu hỏi -
E. Hoạt động tìm tòi mở rộng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	- Kỹ thuật đặt câu hỏi -

2. Tổ chức các hoạt động

A. Hoạt động khởi động

1. *Mục tiêu* : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân, phương pháp nêu và giải quyết vấn đề và kỹ thuật đặt câu hỏi..

3. *Sản phẩm* : Trình bày miệng.

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*.

* *Chuyển giao nhiệm vụ*:

- Hãy chia sẻ với các bạn những hiểu biết của em về loại vải thường dùng trong may mặc, trong gia đình bằng việc trả lời các câu hỏi sau:

+ Em hãy kể tên những vật dụng được may bằng vải của gia đình em?

+ Theo em, có những loại vải nào được dùng trong may mặc?

- HS: lắng nghe câu hỏi.

* *Thực hiện nhiệm vụ*:

- HS : Ghi tóm tắt ý kiến và chia sẻ với các bạn trong nhóm.

* Dự kiến câu trả lời: Tùy vào hiểu biết của hs có thể là:

C1: quần áo, chăn màn...

C2: vải tơ tằm, vải bông....

* ***Báo cáo kết quả***: Hs trình bày miệng.

* ***Đánh giá kết quả***:

- Hs nhận xét bổ xung

- **Gv nhận xét dẫn dắt vào bài:** Các em đã biết, mỗi sản phẩm quần áo chúng ta mặc hàng ngày đều được may từ các loại vải sợi. Nhưng mỗi loại vải sợi đó được tạo ra như thế nào, chúng có đặc điểm gì, làm thế nào để các em có thể phân biệt được các loại vải đó? Để trả lời cho các câu hỏi trên cô và các em cùng nhau tìm hiểu bài học ngày hôm nay. GV ghi đầu bài lên bảng.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1: Tìm hiểu nguồn gốc tính chất của các loại vải. 1. <i>Mục tiêu:</i> Biết được nguồn gốc tính chất của vải sợi thiên nhiên và vải sợi hóa học. 2. <i>Phương thức:</i> Hđ cá nhân, hđn , Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật chia nhóm; Kỹ thuật khăn trải bàn . 3. <i>Sản phẩm :</i> Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi. 4. <i>Kiểm tra, đánh giá:</i> - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5. <i>Tiến trình.</i> *Chuyển giao nhiệm vụ. - GV hướng dẫn HS nghiên cứu thông tin mục 1 SGK /6 + quan sát h1.1 sgk/6 Hoạt động cặp đôi (5 phút) 1. Cho biết tên cây trồng, vật nuôi cung cấp sợi để dệt vải ? 2. Nêu quy trình sản xuất vải sợi bông, vải tơ tằm? 3. Vải sợi thiên nhiên có nguồn gốc từ đâu?. - HS lắng nghe *Thực hiện nhiệm vụ: - HS : Ghi tóm tắt ý kiến cá nhân và thảo luận cặp với bạn. * Dự kiến câu trả lời:	I. Nguồn gốc tính chất của các loại vải . 1.Vải sợi thiên nhiên a. Nguồn gốc: - Vải sợi thiên nhiên được dệt bằng các dạng sợi có sẵn trong thiên nhiên có nguồn gốc thực vật như sợi bông, lanh, đay, gai và động vật như

1. Cây bông , con tằm 2. * <i>Cây bông</i> → <i>quả bông</i> → <i>xơ bông</i> → <i>sợi dệt</i> → <i>vải sợi bông</i>. * <i>Con tằm</i> → <i>kén tằm</i> → <i>sợi tơ tằm</i> → <i>sợi dệt</i> → <i>vải tơ tằm</i>. 3. - Vải sợi thiên nhiên được dệt bằng các dạng sợi có sẵn trong thiên nhiên có nguồn gốc thực vật như sợi bông lanh, đay, gai và động vật như sợi tơ tằm, sợi len từ lông cừu, dê, vịt. *Báo cáo kết quả: Đại diện cặp Hs trình bày miệng. *Đánh giá kết quả: - Hs nhận xét bổ xung - Gv đánh giá chốt kiến thức ghi bảng. * GV đưa bộ mẫu vải cho HS quan sát và nhận biết. - GV làm thử nghiệm vò vải, đốt sợi vải, nhúng vải vào nước trước lớp để HS quan sát. *Chuyển giao nhiệm vụ. Hoạt động cá nhân ? Nêu tính chất vải sợi bông và vải tơ tằm ? *Thực hiện nhiệm vụ: - HS hđ cá nhân trả lời câu hỏi. * Dự kiến câu trả lời: Tính chất: - Độ hút ẩm cao, mặc dễ thấm - Mặc thoáng mát - Dễ nhàu và mốc - Lâu khô, dễ bay màu. - Đốt thì than tro dễ tan, không vón cục. * Báo cáo kết quả	sợi tơ tằm, sợi len từ lông cừu, dê, vịt. b.Tính chất - Độ hút ẩm cao, mặc dễ thấm - Mặc thoáng mát - Dễ nhàu và mốc - Lâu khô, dễ bay màu. - Đốt thì than tro dễ tan, không
---	--

- Đại diện 1-2 hs trình bày kết quả trước lớp. *Đánh giá kết quả: - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá - GV: Chốt kiến thức, ghi bảng *Chuyển giao nhiệm vụ. GV yêu cầu HS đọc nội dung thông tin mục 2 SGK/ 7 + quan sát hình 1.2 sgk/7. Hoạt động theo nhóm (8 phút) 1. Nêu nguồn gốc của vải sợi hoá học?.Vải sợi hoá học có thể chia làm mấy loại? 2. Nêu tóm tắt quy trình sản xuất vải sợi nhân tạo và vải sợi tổng hợp?. 3. Hoàn thành câu hỏi SGK trang 8 - HS: lắng nghe câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ: - HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm. - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực. * Dự kiến câu trả lời: 1. Nguồn gốc : Vải sợi hoá học được dệt bằng các loại sợi do con người tạo ra từ một số chất hoá học lấy từ gỗ, tre nứa, dầu mỏ, than đá. - 2 loại: vải sợi tổng hợp và vải sợi nhân tạo. 2. HS nêu dựa theo tranh sgk. 3. các cụm từ cần điền là: +.....vải sợi nhân tạo.....vải sợi tổng hợp.... +.....visco, axetat(rayon).....gỗ, tre, nứa. +.....vải sợi tổng hợp.....thn đá, dầu mỏ..... * Báo cáo kết quả - Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.	vón cục. 2.Vải sợi hoá học a. Nguồn gốc. - Vải sợi hoá học được dệt bằng các loại sợi do con người
---	---

*Đánh giá kết quả: - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt kt ghi bảng. - GV giới thiệu một số mẫu vải: vải sợi tổng hợp, vải sợi nhân tạo cho HS quan sát. - GV đốt ,vỏ vải. *Chuyển giao nhiệm vụ. - GV yêu cầu HS đọc SGK mục 2.b SGK+ quan sát thao tác của GV Hoạt động nhóm 5 phút (sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn) hãy cho biết: 1. Tính chất của vải sợi hoá học? 2. Vì sao vải sợi hoá học sử dụng nhiều trong may mặc?. - HS: lắng nghe câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ: - HS thảo luận nhóm về vấn đề đã được phân công. - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực * Dự kiến câu trả lời: 1. -Vải sợi nhân tạo có nhu cầu hút ẩm cao nên mặc thoáng mát nhưng ít nhàu và bị cứng lại trong nước, khi đốt sợi vải tro bóp dễ tan. -Vải sợi tổng hợp có độ hút ẩm thấp nên mặc bí vì ít thấm mồ hôi, được sử dụng nhiều vì rất đa dạng bền, đẹp, giặt mau khô và không bị nhàu, khi đốt sợi vải, tro vón cục, bóp không tan. 2. Vải sợi hóa học phong phú, đa dạng, bền đẹp, giặt mau khô, ít bị nhàu, giá thành rẻ. *Báo cáo kết quả - Các nhóm treo sản phẩm của mình lên tường tại vị trí gần nhóm nhất. - Đại diện 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả	tạo ra từ một số chất hoá học lấy từ gỗ, tre nứa, dầu mỏ, than đá. b. Tính chất: - Ngược với tính chất của vải sợi thiên nhiên. - Vải sợi nhân tạo hút ẩm cao,
---	---

của nhóm *Đánh giá kết quả: - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá - GV: Chốt kiến thức, ghi bảng	thoáng mát, ít nhàu, tro bóp dễ tan. - Vải sợi tổng hợp hút ẩm thấp mặc bí, ít thấm mồ hôi, bền đẹp, giặt mau khô, không nhàu.
--	---

C. Hoạt động luyện tập

1. *Mục tiêu* : Nhằm vững kiến thức về nguồn gốc và tính chất của vải sợi thiên nhiên và vải sợi hóa học để làm 1 số bài tập luyện tập.

2. *Phương thức*: Gọi mở, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề. Hđ cá nhân, hoạt động cả lớp.

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*.

***Chuyên giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân trả lời các câu hỏi sau:

1. Vì sao người ta thích mặc vải bông, vải tơ tằm và ít sử dụng lụa nylon, vải polyste vào mùa hè?

2. Làm thế nào để phân biệt được vải sợi thiên nhiên và vải sợi hóa học?.

3. Nối tên loại vải ở cột A với tính chất chung của các loại vải đó ở cột B trong bảng sau sao cho phù hợp:

A. Loại vải	B. Tính chất
1. Vải sợi thiên nhiên	a. Nhẹ, mềm mại, bóng đẹp, nhiều màu sắc, không bị nhàu, dễ giặt sạch và phơi khô nhanh nhưng độ hút ẩm kém, giữ nhiệt kém, tạo cảm giác bí khi mặc, không thấm mồ hôi.
2. Vải sợi nhân tạo	b. Độ hút ẩm cao, mặc thoáng mát và tương tự vải sợi thiên nhiên nhưng ít nhàu hơn và bị cứng lại khi nhúng vải vào nước, tro bóp dễ tan.
3. Vải sợi tổng hợp	c. Độ hút ẩm cao, mặc thoáng mát, có khả năng giữ nhiệt tốt nhưng dễ bị nhàu, độ bền kém, giặt khó sạch và phơi lâu khô,

	đốt than tro dễ tan, không vẩn đục.
	d. Bền, đẹp, không bị nhàu, dễ giặt sạch, có độ hút ẩm cao nên mặc thoáng mát, thích hợp với khí hậu nhiệt đới.

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân trả lời các câu hỏi.

- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

* Dự kiến câu trả lời:

Câu 1. - Vì thời tiết mùa hè rất nóng bức, cơ thể ra nhiều mồ hôi, nên cần mặc vải bông, vải tơ tằm cho hút ẩm, thoáng mát, nếu mặc vải lụa nylon, hay polyester thì ít thấm mồ hôi, sẽ không thoải mái.

Câu 2. Quan sát độ nhàu và độ vụn của tro khi đem đốt sợi vải

Câu 3. 1- b ; 2- c ; 3 - a

*** Báo cáo kết quả**

- 3- 4hs trình bày kết quả trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

D. Hoạt động vận dụng

1. Mục tiêu : Nhằm vững nguồn gốc tính chất của vải sợi thiên nhiên và vải sợi hóa học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Phương thức : Học cá nhân, Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp.

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân.

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau.
- Gv đánh giá.

5. Tiến trình.

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV đưa ra câu hỏi:

1.Theo em để tạo ra vải sợi thiên nhiên cần thời gian như thế nào?

2. Khi nuôi trồng cây, con để sản xuất vải sợi thiên nhiên cần chú ý gì để bảo vệ môi trường?

3. Khi khai thác các tài nguyên để sản xuất vải hóa học, cần chú ý điều gì?

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân

*** Dự kiến câu trả lời:**

1. Cần thời gian dài, từ lúc bắt đầu trồng cây con đến khi cho thu hoạch.
2. Trồng cây đúng kĩ thuật để hạn chế sâu bệnh, hạn chế phun thuốc trừ sâu. Nuôi tằm, khi ươm tơ cần tìm biện pháp hạn chế khỗi thải ra môi trường.
3. Cần khai thác hợp lí, kế hoạch, không bừa bãi và đảm bảo an toàn.

*** Báo cáo kết quả**

- 2-3 hs trình bày kết quả trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau.
- GV nhận xét, chính xác hóa.

E. Hoạt động tìm tòi mở rộng

1. *Mục tiêu:* Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức về các loại vải thường dùng trong may mặc.
2. *Phương thức:* Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...
3. *Sản phẩm :* Phiếu học tập cá nhân.
4. *Kiểm tra, đánh giá:*
 - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá.
 - Gv đánh giá vào tiết học sau.
5. *Tiến trình.*

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

1. Em hãy cùng bạn đến cửa hàng bán vải may mặc, bán quần áo hoặc cửa hàng may mặc, quan sát các loại vải và hỏi người bán hàng hoặc thợ may tên của những loại vải hiện nay đang được nhiều người ưa chuộng, sử dụng để may mặc. Ghi nhận xét của em về các loại vải đó. Nếu có thể được em hãy sưu tầm một số mẫu vải để chia sẻ với các bạn trong lớp.
2. Tra cứu trên mạng internet với các từ khóa “ Các loại vải thường dùng trong may mặc” và “ sản xuất vải sợi hóa học bằng cách nào?” để tìm hiểu thêm về đặc điểm, tính chất của các loại vải.

Sản phẩm: Bản mô tả ngắn gọn những loại vải đã quan sát và sưu tầm được.

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân hoặc nhóm ở nhà.

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau.

*** Hướng dẫn về nhà :**

- Học thuộc bài, đọc có thể em chưa biết.
- Làm câu hỏi trang 10 SGK và vở bài tập.
- Đọc trước nội dung bài mới mục 3 đến hết bài 1 SGK/ 9.

*** Rút kinh nghiệm:**

Tuần 2

Tiết 3 - Bài 1

CÁC LOẠI VẢI THƯỜNG DÙNG TRONG MAY MẶC (T.2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Học sinh biết được nguồn gốc, tính chất , công dụng vải sợi pha.
- Biết cách thử nghiệm để phân biệt được 1 số loại vải đã học.

2. Kỹ năng:

- Học sinh biết phân biệt được các loại vải qua thử nghiệm.
- Học sinh thực hành chọn các loại vải, biết phân biệt vải bằng cách đốt sợi vải, nhận xét quá trình cháy, nhận xét tro sợi vải khi đốt.

3. Thái độ:

- Có lòng say mê yêu thích môn học.
- Cần cẩn thận khi thử nghiệm.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực phân tích, năng lực tổng hợp thông tin .
- Phẩm chất: Yêu thương gia đình, quê hương, đất nước.

Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước, nhân loại và môi trường tự nhiên.

Trung thực; Tự tin và có tinh thần vượt khó; Chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :

1. Giáo viên:

- Bộ mẫu vải, nước, diêm ,que hương.
- Sưu tầm các băng vải nhỏ dính trên quần áo may sẵn
- Phiếu học tập, máy chiếu, giấy A0, bút dạ...

2. Học sinh:

- Chuẩn bị đầy đủ sách giáo khoa, vở ghi, bút, thước...
- Mẫu các loại vải.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Mô tả phương pháp và kỹ thuật thực hiện các chuỗi hoạt động trong bài học

Tên hoạt động	Phương pháp thực hiện	Kỹ thuật dạy học
A.Hoạt động khởi động	- Dạy học nêu và giải quyết vấn đề	- Kỹ thuật đặt câu hỏi
B.Hoạt động hình thành kiến thức	- Dạy học theo nhóm - Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề - Thuyết trình vấn đáp	- Kỹ thuật đặt câu hỏi - Kỹ thuật học tập hợp tác
C. Hoạt động luyện tập	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề - Dạy học theo nhóm	- Kỹ thuật đặt câu hỏi - Kỹ thuật học tập hợp tác
D. Hoạt động vận dụng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	- Kỹ thuật đặt câu hỏi -
E. Hoạt động tìm tòi mở rộng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	- Kỹ thuật đặt câu hỏi -

2. Tổ chức các hoạt động

A. Hoạt động khởi động

1. *Mục tiêu* : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân, phương pháp nêu và giải quyết vấn đề và kĩ thuật đặt câu hỏi..

3. *Sản phẩm* : Trình bày miệng.

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

- Hãy chia sẻ với các bạn những hiểu biết của em về loại vải thường dùng trong may mặc, trong gia đình:

+ Theo em, có những loại vải nào được dùng trong may mặc?

+ Làm thế nào để phân biệt được các loại vải may mặc?

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm.

- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

* Dự kiến câu trả lời: Theo ý hiểu của HS .

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá

- **GV dẫn dắt vào bài:** Tiết trước chúng ta đã được tìm hiểu về hai loại vải là vải sợi thiên nhiên và vải sợi hoá học. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu thêm loại vải nữa đó là vải sợi pha. Vậy vải sợi pha có nguồn gốc, tính chất và ưu nhược điểm gì thì chúng ta cùng nhau đi tìm hiểu

B. Hoạt động hình thành kiến thức

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1: Tìm hiểu về vải sợi pha: 1. <i>Mục tiêu</i> : Biết được nguồn gốc tính chất của vải sợi pha. 2. <i>Phương thức</i> : Hđ cá nhân, hđn , Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật chia nhóm; Kĩ thuật khăn trải bàn . 3. <i>Sản phẩm</i> : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học	3. Vải sợi pha

tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. Tiến trình.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

- GV yêu cầu HS đọc mục 3 SGK/8 kết hợp xem 1 số mẫu vải sợi pha hoạt động nhóm 8 phút trả lời câu hỏi :

1. Thế nào là vải sợi pha? Người ta tạo ra sợi pha bằng cách nào?

2. Chúng có những ưu điểm gì nổi bật so với những loại vải đã được học? Lấy ví dụ?,

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm.

- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

* Dự kiến câu trả lời:

1. Vải sợi pha được dệt bằng sợi pha được kết hợp hai hoặc nhiều loại sợi khác nhau để tạo thành sợi dệt.

2. Có ưu điểm hơn hẳn vì nó kết hợp ưu điểm của các loại sợi thành phần. Ví dụ :

+ Cotton+ polyester (PECO): hút ẩm nhanh, thoáng mát, không nhăn, nhanh khô, bền, đẹp.

+ Polyester+ visco (PEVI): tương tự vải PECO

+ Polyester+ len: bóng, đẹp, mặc ấm, giữ nhiệt tốt, dễ giặt, ít bị nhện, gián cắn.

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.

***Đánh giá kết quả:**

a. Nguồn gốc

- Vải sợi pha được dệt bằng sợi pha được kết hợp hai hoặc nhiều loại sợi khác nhau để tạo thành sợi dệt.

b. Tính chất

- Vải sợi pha thường có những ưu điểm của các loại sợi thành phần.

+ Cotton+ polyester (PECO): hút ẩm nhanh, thoáng mát, không nhăn, nhanh khô, bền, đẹp.

+ Polyester+ visco (PEVI): tương tự vải PECO

+ Polyester+ len: bóng, đẹp, mặc ấm, giữ nhiệt tốt, dễ giặt, ít bị nhện, gián cắn.

Tính chất		xatanh	polyeste		- Vải sợ bông : tro màu trắng , dễ vỡ; vải tơ tằm tro đen, vón cục	, dễ ở - Tro màu đen, vón cục, dễ vỡ	- Tro đen, vón cục, bóp không tan
Độ nhàu	- Dễ nhàu	- Ít	hàu - Không nhàu	Độ vụn của tro			
Độ vụn của tro	- Vải sợ bông: tro màu trắng, dễ vỡ; vải tơ tằm tro đen, vón cục, dễ vỡ	- Tro màu đen, vón cục, dễ vỡ	- Tro đen, vón cục, bóp không tan				

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá, chốt kt ghi bảng

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

- GV Cho HS đọc mục 2 SGK/9 kết hợp quan sát GV thực hành mẫu (vò vải,đốt vải và nhúng nước)

- Lớp chia theo 3 nhóm thực hành vò, đốt vải bằng que hương trong thời gian 5 phút điền kết quả vào bảng mẫu.

- GV hướng dẫn HS thực hiện theo dõi, nhắc nhở cần cẩn thận khi đốt vải(nên đốt bằng que hương)

- Các nhóm trình bày kết quả luyện tập thực hành của nhóm.

- GV nhận xét và bổ sung

2. Thử nghiệm để phân biệt một số loại vải

- Thao tác vò vải

*Chuyển giao nhiệm vụ. - GV yêu cầu HS đọc SGK mục 3 liên hệ thực tế + GV chiếu một số tem mác có chứa các thành phần sợi vải. HĐ cá nhân ? Hãy đọc thành phần sợi vải trên các ví dụ ở hình 1.3 và trên các băng sợi nhỏ mà các em đã sưu tầm được. - HS: lắng nghe câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ: - HS: làm việc cá nhân - GV: Quan sát, hỗ trợ . * Dự kiến câu trả lời: - Cá nhân học sinh quan sát trả lời. * Báo cáo kết quả - Hs trả lời nhanh trước lớp. *Đánh giá kết quả: - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt kt ghi bảng	- Thao tác ngâm vải trong nước - Thao tác đốt sợi vải 3. Đọc thành phần sợi vải trên các băng nhỏ trên quần áo (SGK)
Ho¹t	

C. Hoạt động luyện tập

1. *Mục tiêu* : nắm vững kiến thức về nguồn gốc và tính chất của vải pha, và 1 số loại đã học để làm 1 số bài tập luyện tập.
2. *Phương thức*: Gọi mở, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề. Hđ cá nhân, hoạt động cả lớp.
3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân.
4. *Kiểm tra, đánh giá*:
 - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau.
 - Gv đánh giá.
5. *Tiến trình*.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

- Hãy vận dụng những hiểu biết về tính chất của các loại vải để nối mỗi loại vải ở cột A với cách sử dụng và bảo quản tương ứng ở cột B trong bảng sau:

A. Loại vải	B. Sử dụng và bảo quản
1. Vải sợi bông (100% cotton)	a. Thường được sử dụng để may trang phục mùa đông vì giữ nhiệt rất tốt. Khi sử dụng, chú ý không giặt nhiều và không giặt bằng nước nóng để tránh làm xơ hoặc co sợi vải.
2. Lụa nylon	b. Được nhiều người sử dụng để may các loại trang phục mùa hè vì loại vải này có độ hút ẩm cao, tạo cảm giác thoáng mát, ít bị nhàu, dễ giặt sạch, dễ bảo quản.
3. Vải len, dạ	c. Thường được sử dụng để may áo vỏ áo khoác, áo “ gió” vì nhẹ, bền, bóng, đẹp.
4. Vải sợi pha	d. Được sử dụng để may trang phục các mùa trong năm. Giặt được bằng nước nóng. Chú ý vò kỹ khi giặt, giữ mạnh quần, áo trước khi phơi để quần áo đỡ bị nhàu. Trước khi mặc nên là (ủi) cho phẳng.

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm.

- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

* Dự kiến câu trả lời:

1 - d 2- c 3 -a 4- b

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá.

D. Hoạt động vận dụng

1. Mục tiêu : nắm vững nguồn gốc tính chất của vải sợi thiên nhiên và vải sợi hóa học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Phương thức : Hđ cá nhân, Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân.

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. Tiến trình.

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Tìm hiểu xem trong gia đình mình, trang phục hằng ngày của ông bà, cha mẹ, bản thân và anh chị em được may bằng loại vải nào nhiều nhất? Hãy giải thích cho mọi người biết vì sao dùng loại vải đó may trang phục là tốt hoặc không tốt?

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân .

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

- Gv nhận xét, đánh giá

E. Hoạt động tìm tòi mở rộng

1. Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2. Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá

- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình.

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Em hãy tra cứu trên mạng internet với các từ khóa “ Các loại vải thường dùng trong may mặc” và “ Sản xuất vải sợi hóa học bằng cách nào?” Để tìm hiểu thêm về đặc điểm, tính chất của các loại vải.

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân hoặc nhóm ở nhà.

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá.

- Gv đánh giá vào tiết học sau

***Hướng dẫn về nhà:**

- Về học bài cũ và xem trước bài mới : Bài 2: Lựa chọn trang phục.
- HS chuẩn bị tranh hình 1.4 SGK trang 11 , mẫu quần áo của các loại trang phục (nếu có) .

*** Rút kinh nghiệm:**

Tuần 2

Tiết 4 - Bài 2

LỰA CHỌN TRANG PHỤC (T. 1)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Học sinh biết được khái niệm trang phục, các loại trang phục, chức năng của trang phục.
- Học sinh hiểu thế nào là trang phục, chức năng của nó là để làm gì.

2. Kỹ năng:

- Học sinh biết vận dụng được kiến thức đã học vào lựa chọn trang phục cho phù hợp.
- Học sinh lựa chọn trang phục đẹp mặc phù hợp với bản thân, gia đình .

3. Thái độ:

- Có lòng say mê yêu thích môn học.
- Biết trân trọng, giữ gìn quần áo mặc hàng ngày, có ý thức sử dụng trang phục hợp lý, đảm bảo yêu cầu thẩm mỹ.

4.Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực phân tích, năng lực tổng hợp thông tin .

- Phẩm chất:

Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước, nhân loại và môi trường tự nhiên.

Trung thực; Tự tin và có tinh thần vượt khó; Chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :

1. Giáo viên:

- Tranh SGK hình 1.4 và một số mẫu trang phục trong lứa tuổi học trò.
- Phiếu học tập, máy chiếu, giấy A0, bút dạ...

2. Học sinh:

- Chuẩn bị đầy đủ sách giáo khoa, vở ghi, bút, thước...

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Mô tả phương pháp và kỹ thuật thực hiện các chuỗi hoạt động trong bài học

Tên hoạt động	Phương pháp thực hiện	Kỹ thuật dạy học
A. Hoạt động khởi động	- Dạy học nêu và giải quyết vấn đề	- Kỹ thuật đặt câu hỏi
B. Hoạt động hình thành kiến thức	- Dạy học theo nhóm - Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề - Thuyết trình vấn đáp	- Kỹ thuật đặt câu hỏi - Kỹ thuật học tập hợp tác
C. Hoạt động luyện tập	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề - Dạy học theo nhóm	- Kỹ thuật đặt câu hỏi - Kỹ thuật học tập hợp tác
D. Hoạt động vận dụng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	- Kỹ thuật đặt câu hỏi -
E. Hoạt động tìm tòi mở rộng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	- Kỹ thuật đặt câu hỏi -

2. Tổ chức các hoạt động

A. Hoạt động khởi động

1. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2. Phương thức: Hđ cá nhân, phương pháp nêu và giải quyết vấn đề và kỹ thuật đặt câu hỏi..
3. Sản phẩm : Trình bày miệng.
4. Kiểm tra, đánh giá:
 - Hs đánh giá
 - Gv đánh giá
5. Tiến trình.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

- Liên hệ thực tế trao đổi với các bạn về những điều em quan sát hoặc biết được về trang phục và thời trang theo các câu hỏi dưới đây:

1. Quần áo có vai trò như thế nào với con người?

2. Quần áo có phải là trang phục không? Vì sao?

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm.

- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

* Dự kiến câu trả lời: Theo ý hiểu của HS .

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá

- **GV dẫn dắt vào bài:** Mặc là một trong những nhu cầu thiết yếu của con người. Nhưng điều cần thiết là mỗi chúng ta phải biết cách lựa chọn vải may mặc có màu sắc, hoa văn và kiểu may như

thế nào để có được bộ trang phục phù hợp ,đẹp và hợp thời trang làm tôn vẻ đẹp của mỗi người.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1: Tìm hiểu trang phục và chức năng của trang phục. 1. <i>Mục tiêu:</i> Biết được khái niệm trang phục, các loại trang phục, chức năng của trang phục 2. <i>Phương thức:</i> Hđ cá nhân, hđn , Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật chia nhóm; Kỹ thuật khăn trải bàn . 3. <i>Sản phẩm :</i> Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi 4. <i>Kiểm tra, đánh giá:</i> - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5.<i>Tiến trình.</i>	I. Trang phục và chức năng của trang phục. (35 phút) 1.Trang phục là gì?.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

- GV yêu cầu HS đọc mục 1.1 + liên hệ thực tế

Hoạt động cá nhân 3 phút

1. Trang phục là gì ?
2. Hãy nêu các vật dụng của bộ trang phục em đang mặc ;trong đó vật dụng nào quan trọng nhất?

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân
- GV: Quan sát, hỗ trợ

*** Dự kiến câu trả lời:**

1. Trang phục bao gồm các loại áo, quần
2. Một số vật dụng khác đi kèm như: mũ,giày, tất, khăn quàng...trong đó áo,quần là những vật dụng quan trọng nhất._

*** Báo cáo kết quả**

- HS trình bày kết quả trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá
- GV bổ sung và ghi bảng.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

- GV yêu cầu HS đọc mục 2 + quan sát hình 1.4 SGK/11.

Hoạt động nhóm (5 phút)

1. Cho biết trang phục được phân loại bằng những cách nào?
2. Hãy nêu tên và công dụng của từng loại trang phục ở các hình 1.4a,b,c và mô tả các trang phục khác mà em biết?

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- Trang phục bao gồm các loại áo, quần và_một số vật dụng khác đi kèm như: mũ,giày, tất, khăn quàng...trong đó áo,quần là những vật dụng quan trọng nhất._

2. Các loại trang phục.

- HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm. - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực. * Dự kiến câu trả lời: 1.Theo thời tiết ; hè, đông . - Theo công dụng: lót, lễ hội, lao động. - Theo lứa tuổi. - Theo giới tính. 2. H.a : Trang phục trẻ em. - H. b : Trang phục thể thao. - H. c: Trang phục lao động. * Báo cáo kết quả - Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp. *Đánh giá kết quả: - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, ghi bảng. *Chuyển giao nhiệm vụ. - GV yêu cầu HS đọc mục 3 SGK/12 và liên hệ thực tế thảo luận nhóm 5 phút sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn cho biết 1. Trang phục có chức năng gì? 2. Em hãy nêu những ví dụ về chức năng bảo vệ cơ thể của trang phục. 3. Theo em mặc thể nào là đẹp? Em cho biết trang phục đồng phục của HS trường ta ? - HS: lắng nghe câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ: - HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm. - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực. * Dự kiến câu trả lời:	+ Có nhiều loại trang phục, mỗi loại được may bằng chất liệu vải và kiểu may khác nhau với công dụng khác nhau. + Cách phân loại trang phục (sgk tr 11) 3. Chức năng của trang phục.
--	--

1. Chức năng của trang phục: + Bảo vệ cơ thể tránh tác hại của môi trường. + Làm đẹp cho con người trong mọi hoạt động. 2. HS nêu vd : áo mưa dùng để tránh mưa. Áo khoác, áo len dùng để giữ ấm cơ thể... 3. Mặc đẹp là mặc phù hợp với vóc dáng, lứa tuổi, nghề nghiệp của bản thân, phù hợp với công việc và hoàn cảnh sống. * Báo cáo kết quả - Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp. *Đánh giá kết quả: - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, kết luận.	+ Bảo vệ cơ thể tránh tác hại của môi trường. + Làm đẹp cho con người trong mọi hoạt động.
--	---

C. Hoạt động luyện tập

1. Mục tiêu : nắm vững kiến thức về trang phục và chức năng của trang phục để làm 1 số bài tập luyện tập.
2. Phương thức: Gọi mở, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề. Hđ cá nhân, hoạt động cả lớp.
3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân.
4. Kiểm tra, đánh giá:
 - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau.
 - Gv đánh giá.
5. Tiến trình.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

 - Điều quan trọng nhất các em được học hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?
 - HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

 - HS: làm việc cá nhân suy nghĩ và viết ra giấy .
 - GV: Quan sát, hỗ trợ nếu cần.

*** Báo cáo kết quả**

 - Đại diện 1- 2 hs trình bày kết quả trước lớp. mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã được học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp.

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá.
- GV tổ chức chương trình biểu diễn thời trang:

Mỗi nhóm cử 1-2 bạn tham gia biểu diễn thời trang. Những bạn lên biểu diễn thời trang sẽ thuyết minh ngắn (1-2 phút) về bộ trang phục của mình (mặc trong hoạt động nào? Sự phù hợp của trang phục đối với bản thân...)

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất trong nhóm.
- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm lên bảng trình bày , nhóm khác nhận xét, bổ sung
- Các bạn trong lớp bình bầu những bạn có trang phục phù hợp với vóc dáng cơ thể, màu da, lứa tuổi học trò.

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá.

D. Hoạt động vận dụng

1. Mục tiêu : nắm vững các nội dung đã học về lựa chọn vải và kiểu may để vận dụng vào thực tiễn.

2. Phương thức : Hđ cá nhân, Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân.

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. Tiến trình.

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Chia sẻ với cha mẹ và mọi người trong gia đình về cách lựa chọn trang phục và thời trang đã được học ở lớp
- Tìm hiểu trang phục hằng ngày của người thân trong gia đình và bạn bè được may bằng các loại vải nào? Và có kiểm dáng như thế nào? Có phù hợp hay không?
- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân .
- GV: Quan sát, hỗ trợ nếu cần.

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá.

E. Hoạt động tìm tòi mở rộng

1. Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức về lựa chọn trang phục.
2. Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...
3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4. Kiểm tra, đánh giá:
 - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
 - Gv đánh giá vào tiết học sau
5. Tiến trình.

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Trong tiếng anh có từ và cụm từ: Fashion; be in fashion; out of fashion em hãy tìm hiểu xem nghĩa tiếng việt của những từ và cụm từ này là gì?
- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân hoặc nhóm ở nhà.

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp vào giờ học sau.

***Đánh giá kết quả:**

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau.

*** Hướng dẫn về nhà.**

- Về nhà học bài và trả lời các câu hỏi trong SGK
- Xem trước bài mới bài 2 phần II-SGK
- Sưu tầm các loại tranh vẽ hình 1.5;1.8; một số mẫu quần áo của các loại trang phục;
- Kẻ bảng 2.3 SGK trang 13;14 vào vở ghi.

*** Rút kinh nghiệm:**

Tuần 3

Tiết 5 - Bài 2

LỰA CHỌN TRANG PHỤC (T. 2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức :

- Biết được ảnh hưởng màu sắc, hoa văn của vải, kiểu mẫu quần áo đến vóc dáng người mặc.
- Học sinh hiểu kiến thức cơ bản của lựa chọn trang phục

2. Kỹ năng:

- Học sinh biết vận dụng được kiến thức đã học vào lựa chọn trang phục cho phù hợp với bản thân, vào hoàn cảnh gia đình một cách hợp lý.
- Học sinh biết lựa chọn trang phục một cách thành thạo.

3. Thái độ:

- Học sinh có thói quen lựa chọn trang phục và sử dụng trang phục vào đúng công việc của mình.
- Có ý thức sử dụng trang phục hợp lý.

4. Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực phân tích, năng lực tổng hợp thông tin .
- **Phẩm chất:** Trung thực; Tự tin và có tinh thần vượt khó; Chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :

1. Giáo viên:

- Tranh SGK hình 1.4 và một số mẫu trang phục trong lứa tuổi học trò.
- Phiếu học tập, máy chiếu, giấy A0, bút dạ...

2. Học sinh:

- Chuẩn bị đầy đủ sách giáo khoa, vở ghi, bút, thước...

- Kẻ bảng 2;3 SGK trang 13;14 -vào vở ghi

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:

A. Hoạt động khởi động: 5'

1. *Mục tiêu* : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2. *Phương thức*: Hđ cá nhân, phương pháp nêu và giải quyết vấn đề và kĩ thuật đặt câu hỏi..
3. *Sản phẩm* : Trình bày miệng.
4. *Kiểm tra, đánh giá*:
 - Hs đánh giá
 - Gv đánh giá
5. *Tiến trình*.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

- Liên hệ thực tế trao đổi với các bạn về những điều em quan sát hoặc biết được về trang phục và thời trang theo câu hỏi dưới đây:

Thế nào là trang phục đẹp? Trong các bộ trang phục của mình em thích nhất bộ nào? Vì sao em thích?

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm.

- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

* Dự kiến câu trả lời: Theo ý hiểu của HS .

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá.

- **Gv dẫn dắt vào bài:** Để có có được trang phục đẹp cần có những hiểu biết về cách lựa chọn vải, kiểu may phù hợp với dáng và lứa tuổi.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1: Tìm hiểu lựa chọn trang phục: 30' <i>1. Mục tiêu:</i> Biết được ảnh hưởng màu sắc , hoa	<u>II- Lựa chọn trang phục</u> 1. Chọn vải, kiểu may phù hợp với vóc dáng

văn của vải , kiểu mẫu quần áo đến vóc dáng người mặc và biết cách phối hợp trang phục hợp lí. 2. <i>Phương thức</i>: Hđ cá nhân, hđn , Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật chia nhóm; Kỹ thuật khăn trải bàn . 3. <i>Sản phẩm</i> : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi. 4. <i>Kiểm tra, đánh giá</i>: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5. <i>Tiến trình</i>. *Chuyển giao nhiệm vụ. - GV yêu cầu HS đọc mục II.1 SGK/12. Hoạt động cặp đôi 3 phút 1. Cho biết vì sao cần chọn vải, kiểu may phù hợp với vóc dáng cơ thể? 2. Trước khi chọn vải, kiểu may em phải tìm hiểu điều gì? - HS: lắng nghe câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ: - HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong cặp. - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực. * Dự kiến câu trả lời: 1. Cần chọn vải, kiểu may phù hợp với vóc dáng cơ thể vì để khắc phục bớt khuyết nhược điểm của cơ thể tôn lên vẻ đẹp của người mặc. 2. Phải tìm hiểu: đặc điểm vóc dáng của bản thân , lứa tuổi cho phù hợp * Báo cáo kết quả - Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp. *Đánh giá kết quả: - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá. *Chuyển giao nhiệm vụ.	cơ thể. a) Lựa chọn vải
--	---

- GV chiếu bảng 2 và hình 1.5 SGK/13 yêu cầu Hs đọc và tìm hiểu thông tin sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn .

Hoạt động nhóm 5 phút

1. Em hãy cho biết ảnh hưởng của vải may đến vóc dáng người mặc như thế nào?

2. Nêu nhận xét về ảnh hưởng của màu sắc, hoa văn, đến vóc dáng người mặc như thế nào? Cho ví dụ?

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm.

- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

* Dự kiến câu trả lời:

1. Ảnh hưởng của vải may đến vóc dáng người mặc : như bảng 2

2. Nhận xét:

H1.5 a: Người gầy, cao – mặc áo có màu sắc sẫm, kẻ sọc dọc tạo cảm giác người ốm yếu.

H1.5 b : Người béo, thấp – mặc áo cảm giác người càng béo, thấp xuống.

H1.5 c : Người gầy, cao –mặc áo có màu sáng cảm giác người ốm yếu.

H1.5 d : Người gầy, cao – mặc áo cảm giác người ốm yếu.

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá.

- GV bổ sung và kết luận ghi bảng.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

- Màu sắc, hoa văn, chất liệu của vải có thể làm cho người mặc có cảm giác gầy đi hoặc béo lên, cũng có thể làm cho họ trở lên xinh đẹp, duyên dáng, trẻ ra hoặc già đi.

b. Lựa chọn kiểu may.

- GV cho HS đọc mục b bảng 3 SGK/14

Hoạt động nhóm thời gian 3 phút

1. Cho biết ảnh hưởng của kiểu may đến vóc dáng người mặc như thế nào?

2. Dựa vào kiến thức ở bảng 3 và quan sát hình 1.6 hãy nêu nhận xét về ảnh hưởng của kiểu may đến vóc dáng của người mặc ?

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân , sau đó thống nhất ý kiến trong nhóm.

- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

* Dự kiến câu trả lời:

1. Ảnh hưởng của kiểu may đến vóc dáng người mặc: bảng 3 SGK/14

2. Nhận xét :

- Người nam giới có vóc dáng gầy, vai ngang khi may áo nếu có thêm các đường dọc thân (như áo 7 mảnh) , hoặc may kiểu áo chiết ly sát eo, hay may quần bó sát thì người càng gầy.

- Người phụ nữ hơi béo, vai u dầy nếu ta lại chọn kiểu áo vai bông, có cầu vai, cầu ngực và quần may kiểu thùng ống rộng thì sẽ càng lùn và béo. Nên chọn kiểu áo vai thẳng, dùng các đường may gân (áo 7 mảnh) hoặc áo gọn thắt eo, không nên may kiểu có các đường ngang để tạo cảm giác lùn và thấp.

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

- GV chiếu hình 1.7 cho Hs quan sát

Hoạt động cặp đôi 5 phút

1. Em hãy đưa ra ý kiến của mình về cách lựa chọn vải may mặc của từng dáng người trong hình 1.7?

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong cặp.

- GV: Quan sát, hỗ trợ các cặp đôi làm việc tích cực.

* Dự kiến câu trả lời:

1. Nhận xét:

- Người cân đối (h1.7 a) : thích hợp với nhiều loại trang phục, cần chọn màu sắc, hoa văn và kiểu may phù hợp với lứa tuổi.

- Người cao, gầy (h1.7b): phải chọn cách mặc sao cho có cảm giác đỡ gầy và béo ra, ví dụ nên chọn vải màu sáng, hoa to, chất liệu vải thô xốp, kiểu tay bông.

- Người thấp , bé (h1.7 c) : nên chọn vải màu sáng may vừa người tạo dáng cân đối, có cảm giác hơi béo ra.

- Người béo, lùn (h1.7 d): Chọn vải trơn màu tối hoặc hoa nhỏ, vải kẻ dọc, kiểu may có đường nét dọc để tạo cảm giác gọn, nhỏ hơn.

- Người cân đối (h1.7 a) : thích hợp với nhiều loại trang phục, cần chọn màu sắc, hoa văn và kiểu may phù hợp với lứa tuổi.

- Người cao, gầy (h1.7b): phải chọn cách mặc sao cho có cảm giác đỡ gầy và béo ra, ví dụ nên chọn vải màu sáng, hoa to, chất liệu vải thô xốp, kiểu tay bông.

- Người thấp , bé (h1.7 c) : nên chọn vải màu sáng may vừa người tạo dáng cân đối, có cảm giác hơi

- Muốn có bộ trang phục đẹp mỗi người cần biết rõ đặc điểm của bản thân, để chọn chất liệu vải, màu sắc, hoa văn cũng như kiểu may phù hợp với vóc dáng để khắc phục bớt những nhược điểm

béo ra. - Người béo, lùn (h1.7 d): Chọn vải trơn màu tối hoặc hoa nhỏ, vải kẻ dọc, kiểu may có đường nét dọc để tạo cảm giác gọn, nhỏ hơn. * Báo cáo kết quả - Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp. *Đánh giá kết quả: - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	của cơ thể.
--	-------------

C. Hoạt động luyện tập : 5'

1. Mục tiêu : nắm vững kiến thức về chọn vải và kiểu may phù hợp với vóc dáng cơ thể để làm 1 số bài tập luyện tập.
2. Phương thức: Gọi mở, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề. Hđ cá nhân, hoạt động cả lớp.

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân.

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau.
- Gv đánh giá.

5. Tiến trình.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

- Điều quan trọng nhất các em được học hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?
- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân suy nghĩ và viết ra giấy .
- GV: Quan sát, hỗ trợ nếu cần.

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện 1- 2 hs trình bày kết quả trước lớp. mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã được học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp.

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá.

GV đưa ra 1 tình huống sau:

Mai là học sinh lớp 6. Bạn có nước da trắng, khuôn mặt rất dễ thương và vóc dáng cao nhưng bạn luôn mặc cảm vì thân hình của bạn quá béo. Em hãy giúp bạn lựa chọn loại vải, màu sắc, hoa văn của vải và nói cho bạn biết bạn nên may trang phục hằng ngày như thế nào để tôn được những nét đẹp của bạn, đồng thời tạo cảm giác không bị béo.

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm.

- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

* Dự kiến câu trả lời: Đa dạng, tùy HS.

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm lên bảng trình bày , nhóm khác nhận xét, bổ sung

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá.

D. Hoạt động vận dụng : 3'

1. Mục tiêu : nắm vững các nội dung đã học về lựa chọn vải và kiểu may để vận dụng vào thực tiễn.

2. Phương thức : Hđ cá nhân, Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân.

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. Tiến trình.

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

1. Vận dụng kiến thức đã học em hãy lựa chọn vải và kiểu may phù hợp với vóc dáng cơ thể mình?.

2. Quan sát đặc điểm hình dáng bên ngoài của mọi người trong gia đình và chia sẻ ý kiến của bản thân về lựa chọn trang phục phù hợp với từng người. Lắng nghe nhận xét của mọi người trong gia đình về ý kiến của mình.

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân

- GV: Quan sát, hỗ trợ nếu cần.

* Dự kiến câu trả lời: Đa dạng, tùy HS.

*** Báo cáo kết quả:**

- Hs trả lời nhanh trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

- GV nhận xét, đánh giá.

E. Hoạt động tìm tòi mở rộng: 2'

1. Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức về lựa chọn trang phục.

2. Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình.

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Em có phải là người thích tìm hiểu về trang phục dân tộc không? Em hãy tự mình sưu tầm các bức ảnh về trang phục của dân tộc mình và trang phục của các nước trên thế giới. Cố gắng sưu tầm một hoặc hai bức ảnh trang phục dân tộc truyền thống, sau đó hãy mô tả và ghi lại cảm nhận của em về bộ trang phục dân tộc mà em sưu tầm được để giờ sau chia sẻ với các bạn trong lớp. Cả lớp sẽ làm thành bộ sưu tập trang phục dân tộc.

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân hoặc nhóm ở nhà.

* Dự kiến câu trả lời: Đa dạng, tùy HS.

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau.

*** Hướng dẫn về nhà.**

- Về nhà học bài và trả lời các câu hỏi trong SGK

- Đọc trước bài 3 - Thực hành - Lựa chọn trang phục

*** Rút kinh nghiệm:**

Tuần 4

Tiết 6 - Bài 2

LỰA CHỌN TRANG PHỤC (T. 3)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức :

- Biết cách chọn vải và kiểu may phù hợp với lứa tuổi và sự đồng bộ của trang phục.
- Biết chọn một số vật dụng đi kèm phù hợp với quần áo đã chọn.

2. Kỹ năng:

- Học sinh biết vận dụng được kiến thức đã học vào lựa chọn trang phục cho phù hợp với bản thân, vào hoàn cảnh gia đình một cách hợp lý.
- Học sinh biết lựa chọn trang phục một cách thành thạo.

3. Thái độ:

- Học sinh có thói quen lựa chọn trang phục và sử dụng trang phục vào đúng công việc của mình.
- Có ý thức sử dụng trang phục hợp lý.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực phân tích, năng lực tổng hợp thông tin .
- Phẩm chất: Trung thực; Tự tin và có tinh thần vượt khó; Chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :

1. Giáo viên:

- Tranh SGK hình 1.4 và một số mẫu trang phục trong lứa tuổi học trò.
- Phiếu học tập, máy chiếu, giấy A0, bút dạ...

2. Học sinh:

- Chuẩn bị đầy đủ sách giáo khoa, vở ghi, bút, thước...
- Kẻ bảng 2;3 SGK trang 13;14 -vào vở ghi

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:

A. Hoạt động khởi động: 5'

1. *Mục tiêu* : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2. *Phương thức*: Hđ nhóm, phương pháp nêu và giải quyết vấn đề và kĩ thuật đặt câu hỏi..
3. *Sản phẩm* : Trình bày miệng.
4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5. Tiến trình.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

- Liên hệ thực tế trao đổi với các bạn về những điều em quan sát hoặc biết được về trang phục và thời trang theo các câu hỏi dưới đây:
- + Ở lứa tuổi học trò nên mặc trang phục có kiểu cách, hoa văn, chất liệu như thế nào là hợp lý?
- + Theo em thế nào là sự đồng bộ của trang phục?
- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm.
- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

* Dự kiến câu trả lời: Theo ý hiểu của HS .

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá.
- Gv dẫn dắt vào bài: Muốn có trang phục đẹp , chúng ta cần xác định được vóc dáng , lứa tuổi , điều kiện và hoàn cảnh gia đình , sử dụng trang phục đó để có thể lựa chọn vải và lựa chọn kiểu may cho phù hợp.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1: Tìm hiểu cách chọn vải, kiểu may phù hợp với lứa tuổi. 30' 1. <i>Mục tiêu:</i> Biết được cách chọn vải, kiểu may phù hợp với lứa tuổi và biết cách phối hợp trang phục hợp lí. 2. <i>Phương thức:</i> Hđ cá nhân, hđn , Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật chia nhóm; Kỹ thuật khăn trải bàn . 3. <i>Sản phẩm :</i> Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi 4. <i>Kiểm tra, đánh giá:</i> - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5. <i>Tiến trình.</i> *Chuyển giao nhiệm vụ. - GV yêu cầu HS đọc mục II.2 SGK/15. Hoạt động cặp đôi 5 phút 1. Cho biết vì sao cần chọn vải , kiểu may phù hợp với lứa tuổi? Ví dụ?. 2. Theo em ta nên có các cách chọn vải, kiểu may như thế nào ?. - HS: lắng nghe câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ: - HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong cặp. - GV: Quan sát, hỗ trợ các cặp làm việc tích cực. * Dự kiến câu trả lời: 1. Cần chọn vải , kiểu may phù hợp với lứa tuổi vì : mỗi lứa tuổi có nhu cầu , điều kiện sinh hoạt , làm việc , vui chơi và đặc điểm tính cách khác nhau, nên sự lựa chọn vải may mặc cũng khác nhau.	2. Chọn vải, kiểu may phù hợp với lứa tuổi.

Ví dụ : sgk /15

2. Nên lựa chọn những vật dụng đi kèm với quần áo có kiểu dáng, màu sắc phù hợp với nhiều bộ trang phục để tránh tốn kém, lãng phí.

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, ghi bảng.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

- GV yêu cầu HS đọc mục II.3 SGK/15. kết hợp quan sát hình 1.8 và liên hệ thực tế

Hoạt động nhóm đôi 10 phút

1. Để đỡ tiền mua sắm nên mua vật dụng đi kèm với áo quần như thế nào?.Cho ví dụ?.

2.. Em hiểu thế nào là sự đồng bộ của trang phục ?

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm.

- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

*** Dự kiến câu trả lời:**

1. Để đỡ tiền mua sắm nên mua những vật dụng đi kèm với áo quần có màu sắc, hình dáng hợp với nhiều loại áo quần.

- Ví dụ : Mũ chọn vừa đầu, giày dép chọn đúng số, màu sắc hài hòa với nhiều loại áo quần...

2. Sự đồng bộ của trang phục là cùng với việc lựa chọn vải, kiểu may cần chọn một số vật dụng đi kèm với áo quần như mũ, khăn quàng, túi xách, thắt lưng... phù hợp, hài hòa

- Mỗi lứa tuổi có nhu cầu,điều kiện sinh hoạt, làm việc, vui chơi và đặc điểm tính cách khác nhau nên sự lựa chọn vải may mặc, kiểu may cũng khác nhau và phải phù hợp với lứa tuổi.

Ví dụ : sgk /15

3. Sự đồng bộ của trang phục.

về màu sắc, hình dáng với áo quần... * Báo cáo kết quả - Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp. *Đánh giá kết quả: - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt ghi bảng.	- Nên lựa chọn những vật dụng đi kèm với quần áo có kiểu dáng, màu sắc phù hợp với nhiều bộ trang phục để tránh tốn kém, lãng phí. - Ví dụ SGK/ 16
---	--

C. Hoạt động luyện tập: 5'

1. *Mục tiêu* : nắm vững kiến thức về về lựa chọn vải , kiểu may phù hợp với lứa tuổi và sự đồng bộ của trang phục để làm 1 số bài tập luyện tập.
2. *Phương thức*: Gợi mở, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề. Hđ cá nhân, hoạt động cả lớp.
3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân.
4. *Kiểm tra, đánh giá*:
 - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau.
 - Gv đánh giá.
5. *Tiến trình*.

***Chuyển giao nhiệm vụ.** Hoạt động cá nhân trả lời các câu hỏi sau:

1. Mặc đẹp có hoàn toàn phụ thuộc vào kiểu một và giá tiền trang phục không vì sao?

2. Hãy mô tả bộ trang phục (áo, quần hoặc váy) dùng để mặc đi chơi hợp với em nhất. Khi ở nhà em thường mặc như thế nào?

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân

- GV: Quan sát, hỗ trợ.

*** Dự kiến câu trả lời:**

1. không vì nếu mặc giản dị nhưng may khéo vừa vặn, sạch sẽ và có thân hình cân đối, cách ứng xử lịch sự thì vẫn được cho là “ mặc đẹp”

2. Rất đa dạng, tùy vào từng hs..

*** Báo cáo kết quả**

- HS trình bày kết quả trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

D. Hoạt động vận dụng: 3'

1. *Mục tiêu* : nắm vững kiến thức về lựa chọn vải , kiểu may phù hợp với lứa tuổi và sự đồng bộ của trang phục để vận dụng vào thực tiễn.

2. *Phương thức* : Hđ cá nhân.

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân.

4. *Kiểm tra, đánh giá:*

2. Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

3. Gv đánh giá

5. *Tiến trình.*

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Quan sát đặc điểm hình dáng bên ngoài cách ăn mặc của các bạn trong lớp của mình để nhận xét xem bạn nào trong lớp mình có trang phục đẹp, phù hợp? Hãy mô tả trang phục của bạn để chứng minh là trang phục của bạn đẹp và phù hợp.

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm.

- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

*** Dự kiến câu trả lời:**

- Rất đa dạng, tùy vào từng hs..

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt.

E. Hoạt động tìm tòi mở rộng: 2'

1. *Mục tiêu:* Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2. *Phương thức:* Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân

4. *Kiểm tra, đánh giá:*

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình.

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Thử làm nhà thiết kế thời trang: Em hãy đưa ra ý tưởng và thiết kế một bộ trang phục mà em thích nhất cho bản thân hoặc người mà em yêu quý ?.
- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân hoặc nhóm ở nhà.

* Dự kiến câu trả lời: Đa dạng, tùy HS.

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau.

*** Hướng dẫn về nhà.**

- Về nhà xác định lại đặc điểm về vóc dáng của bản thân và kiểu áo định may?
- Chọn vải có chất liệu, màu sắc, hoa văn phù hợp với vóc dáng, kiểu may?
- Chọn vật dụng đi kèm (nếu cần) phù hợp với quần áo đã chọn?
- Xác định đặc điểm vóc dáng của người thân và kiểu mẫu định may chuẩn bị tiết sau thực hành .

*** Rút kinh nghiệm:**

Tuần 4

Tiết 7 - Bài 3

THỰC HÀNH : LỰA CHỌN TRANG PHỤC

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nắm vững hơn về kiến thức đã học về lựa chọn vải, lựa chọn trang phục
- Biết lựa chọn được vải và kiểu may phù hợp với vóc dáng, phù hợp với nước da của mình, đạt yêu cầu thẩm mỹ, góp phần tôn vẻ đẹp của mỗi người.

2. Kỹ năng:

- Biết lựa chọn được vải và kiểu may phù hợp với vóc dáng, phù hợp với nước da của mình, đạt yêu cầu thẩm mỹ, góp phần tôn vẻ đẹp của mỗi người một cách thành thạo.

- Biết chọn một số vật dụng đi kèm phù hợp với quần áo đã chọn.

3. Thái độ :

- Học sinh có thói quen lựa chọn trang phục và sử dụng trang phục vào đúng công việc của mình.

- Có ý thức sử dụng trang phục hợp lý.

4.Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực:

- Năng lực chung : Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tổng hợp thông tin .

- Năng lực chuyên biệt : Năng lực phân tích, năng lực sử dụng ngôn ngữ kỹ thuật.

4.2. Phẩm chất:

Trung thực; Tự tin và có tinh thần vượt khó; Chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Sưu tầm các loại tranh vẽ hình 1.5;1.8 một số mẫu quần áo của các loại trang phục và phụ trang đi kèm.

- Phiếu học tập, máy chiếu, giấy A0, bút dạ...

2. Học sinh:

- Chuẩn bị đầy đủ sách giáo khoa, vở ghi, bút, thước...

- Nhận định trước vóc dáng của bản thân và nêu dự kiến lựa chọn vải và kiểu may phù hợp cho bản thân.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC :

A. Hoạt động khởi động: 10'

1.*Mục tiêu* : Tạo tâm thế, hứng khởi cho học sinh khi vào bài mới.

2.*Phương thức*:Hỏi cá nhân, hỏi ,Kỹ thuật đặt câu hỏi ,hoạt động cả lớp

3.*Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân ,phiếu học tập nhóm

4.*Kiểm tra, đánh giá*:

Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau,Gv đánh giá

5.*Tiến trình*

Gv: Yêu cầu hs vận dụng kiến thức đã học, trả lời câu hỏi

- GV tổ chức trò chơi” Ai nhanh, ai nhanh” . Trò chơi như sau:

Chọn 4 bạn trong lớp có vóc dáng tương đối khác nhau; Một bạn vóc dáng cân đối; Một bạn cao gầy; Một bạn thấp bé; Một bạn thấp, mập. Bốn bạn đứng ở 4 vị trí trên bảng.

Trưởng nhóm ra góc học tập lấy cho nhóm mình 10-12 tấm thẻ ghi tên các loại vải, kiểu may khác nhau.

Mỗi nhóm cử một bạn tham gia trò chơi, lớp cử ba bạn làm trọng tài. Theo hiệu lệnh của trọng tài, bạn được cử nhanh chân chạy lên bảng đính các tấm thẻ ghi nội dung mà các em cho là phù hợp với vóc dáng của mỗi bạn đứng trên bảng.

Các bạn ngồi dưới lớp quan sát và bình chọn người hoàn thành nhanh nhất. Đúng nhất. Tổ trưởng tổ trọng tài, công bố kết quả.

B. Hoạt động hình thành kiến thức:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1: Tìm hiểu nội dung thực hành: 30' 1. <i>Mục tiêu</i> : nắm vững kt để làm bài tập 2. <i>Phương thức</i>: Hđ cá nhân, hđn, Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp 3. <i>Sản phẩm</i> : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm 4. <i>Kiểm tra, đánh giá</i>: Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau-Gv đánh giá 5. <i>Tiến trình</i> Gv : yêu cầu hs hđ cá nhân tl câu hỏi, làm bài tập - GV nêu yêu cầu bài thực hành->-HS xem SGK trả lời - GV Kiểm tra sự chuẩn bị của HS - > nhận xét - Kiểm tra kiến thức về lựa chọn TP. - Để có được trang phục phù hợp và đẹp cần xác định điều gì? - Xác định đặc điểm về vóc dáng người mặc? -Xác định loại áo, quần hoặc váy và kiểu mẫu định may? - Lựa chọn kiểu vải phù hợp với loại áo quần , kiểu may và vóc dáng cơ thể?	Nội dung - Xác định đặc điểm về vóc dáng người mặc; loại áo, quần hoặc váy và kiểu mẫu định may; -Lựa chọn kiểu vải phù hợp với loại áo quần , kiểu may và vóc dáng cơ thể; -Lựa chọn vật dụng đi kèm phù hợp với áo quần đã chọn.

- Lựa chọn vật dụng đi kèm phù hợp với áo quần đã chọn? GV: Hướng dẫn HS làm việc cá nhân -1 HS đọc phần chuẩn bị SGK để cả lớp nắm chắc nội dung cần chuẩn bị và nội dung thực hành của bài.	
*Chuyển giao nhiệm vụ - GV: Hướng dẫn HS chia nội dung thảo luận ở tổ làm 2 phần: - Từng cá nhân trình bày phần viết của mình trước tổ. Các bạn trong tổ nhận xét cách lựa chọn trang phục của bạn - Sự lựa chọn của bạn đã hợp lí chưa? - Nếu chưa hợp lí thì nên sửa như thế nào? *Thực hiện nhiệm vụ Hs: Hđn- Gv : theo dõi *Báo cáo kết quả Hs: đại diện nhóm báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá - GV giao nhiệm vụ : - Học sinh báo cáo kết quả đã đạt được.. - Các bạn góp ý, cá nhân ghi vào bài làm của mình.	

C. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 5'

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức:Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá,Gv đánh giá vào tiết học sau

5.Tiến trình

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

Thử làm nhà thiết kế thời trang: Em hãy đưa ra ý tưởng và thiết kế một bộ trang phục mà em thích nhất cho bản thân hoặc người mà em yêu quý.

*. Đọc lại nội dung bài 4: Sử dụng và bảo quản trang phục SGK/18

- Sưu tầm tranh ảnh về sử dụng trang phục và các mẫu ghi kí hiệu bảo quản trang phục. Sưu tầm tranh ảnh về sử dụng trang phục. Cách phối hợp trang phục.

*** Rút kinh nghiệm:**

Tuần 5

Tiết 8: Thực hành lựa chọn trang phục (Tiếp)

I. Mục tiêu

- Kiến thức: Củng cố lại kiến thức về lựa chọn trang phục phù hợp với vóc dáng, lứa tuổi của bản thân

- Kỹ năng: Lựa chọn được vải, kiểu may, phù hợp với vóc dáng bản thân.
- Thái độ: Có thái độ tích cực thực hành lựa chọn vải và kiểu may.
- Định hướng năng lực: năng lực giao tiếp, quan sát, hợp tác, thực hành, tư duy

II. Chuẩn bị :

1. GV:

- Sưu tầm một số tranh ảnh về trang phục.
- Bảng phô.

2. Học sinh:

- Học và đọc trước bài.

III. Quá trình tổ chức hoạt động cho học

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: 5'

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế, thu hút sự quan tâm chú ý của học sinh. Khai thác vốn kiến thức của các em về lựa chọn trang phục .

- **Phương thức thực hiện:** Tổ chức trò chơi:

Các tổ cử ra 4 bạn mặc với các trang phục khác nhau, cử ra, một bạn giới thiệu về trang phục các thành viên trong tổ mặc.

Lớp cử 3 em trong ban giám khảo chấm, nhận xét trang phục của các tổ.

- Kết quả sản phẩm: Trình diễn trang phục của các tổ.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Mục tiêu : nắm vững kt để làm bài tập

2. Phương thức: Hđ nhóm

3. Sản phẩm : Phiếu học tập nhóm.

4. Kiểm tra, đánh giá:

Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau-Gv đánh giá

5. Tiến trình

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<u>Hoạt động 1: Chuẩn bị</u> - Yêu cầu HS nhắc lại một số kiến thức cũ về quy trình lựa chọn trang phục.	- HS nhắc lại.	<u>I. Chuẩn bị: 8'</u> Để có một trang phục phù hợp và đẹp cần: - Xác định đặc điểm vóc dáng người mặc. - Xác định loại quần, áo, váy và kiểu mẫu định may. - Lựa chọn vải phù hợp với loại áo quần, kiểu may và vóc dáng cơ thể. - Lựa chọn vật dụng đi kèm phù hợp với áo quần đã chọn.
<u>Hoạt động 2: Thực hành</u> - Nêu nội dung bài tập thực hành - Tổ chức lớp thực hành theo 2 bước: + Bước 1: Làm việc cá nhân	- Hs lắng nghe để nắm được yêu cầu của bài tập. - Thực hiện việc lựa chọn trang phục theo quy trình các bước trên phần I: + Đặc điểm vóc dáng	<u>II. Thực hành: 24'</u> 1. Nội dung - Nội dung: bài tập tình huống về chọn vải, kiểu may một bộ trang phục mặc đi chơi vào mùa lạnh. 2. Tổ chức thực hành - Chia nhóm học sinh và nêu nhiệm vụ của các nhóm.

+ Bước 2: Thảo luận trong tổ	bản thân + Kiểu áo quần định may + Chọn vải: Chất liệu, màu sắc, hoa văn + Chọn vật dụng đi kèm - Cá nhân trình bày phần chuẩn bị của mình, các thành viên trong tổ thảo luận, đưa ra nhận xét, sửa sai về cách lựa chọn trang phục của bạn.	- HS thực hành theo đúng trình tự. - GV hướng dẫn, quan sát, sửa sai cho HS, cuối giờ thu bài.
------------------------------	--	---

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TÌM TÒI, MỞ RỘNG: 8'

1.*Mục tiêu:* Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.*Phương thức:* Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.*Sản phẩm :* Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4.*Kiểm tra, đánh giá:*

Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá, Gv đánh giá vào tiết học sau

5.*Tiến trình*

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Tổ chức cho học sinh thảo luận nhận xét về sự đồng bộ của trang phục trực tiếp của thành viên trong lớp.

Vận dụng lựa chọn vải may, kiểu may, các vật dụng đi kèm trang phục cho mình và gia đình.

***. Rút kinh nghiệm.**

Tiết 9 - Bài 4.

SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN TRANG PHỤC (T.1)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết cách sử dụng trang phục hợp lý phù hợp với hoạt động, môi trường và công việc

2. Kỹ năng:

- Biết ăn mặc phối hợp giữa áo và quần hợp lý đạt yêu cầu thẩm mỹ.

3. Thái độ:

- Biết cách sử dụng trang phục sao cho hợp lý.

- Có ý thức sử dụng bảo và quản trang phục.

4. Năng lực, phẩm chất:

4.1. Năng lực:

- Năng lực chung : Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực phân tích, năng lực tổng hợp thông tin .

- Năng lực chuyên biệt : Năng lực sử dụng công nghệ cụ thể, năng lực phân tích, năng lực sử dụng ngôn ngữ kỹ thuật.

4.2. Phẩm chất:

- Trung thực; Tự tin và có tinh thần vượt khó; Chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ :

1. Giáo viên:

- Tranh hình 1.9 , 1.10(SGK) và sưu tầm tranh..

- Phiếu học tập, máy chiếu, giấy A0, bút dạ...

2. Học sinh:

- Chuẩn bị đầy đủ sách giáo khoa, vở ghi, bút, thước...

- Sưu tầm tranh ảnh về sử dụng trang phục và các mẫu ghi kí hiệu bảo quản trang phục.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

A. Khởi động: 5'

1. *Mục tiêu* : huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân, hđn

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs đánh giá- Gv đánh giá

5.Tiến trình

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ...

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học...

- GV sử dụng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề và kĩ thuật đặt câu hỏi.

***Chuyển giao nhiệm vụ**

Hãy vận dụng kinh nghiệm, hiểu biết thực tế của bản thân để trao đổi với các bạn trong nhóm về tác dụng, cách sử dụng, bảo quản trang phục theo các câu hỏi gợi ý dưới đây:

+ Em đã sử dụng trang phục của mình như thế nào? Theo em, việc sử dụng trang phục của em như vậy có hợp lí không? Vì sao?

+ Em hãy cho biết sử dụng, bảo quản trang phục hợp lí có tác dụng gì? Em đã bảo quản trang phục của mình bằng những cách nào?

- Gv : Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy HDN trả lời câu hỏi

- Hs : nghe

***Thực hiện nhiệm vụ**

Hs: HDN

Gv : theo dõi

***Báo cáo kết quả**

Hs: đại diện nhóm báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

- GV giao nhiệm vụ :

Học sinh báo cáo kết quả đã đạt được..

B. Hoạt động hình thành kiến thức:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
1.Mục tiêu : nắm được cách sử dụng trang phục 2.Phương thức: Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp 3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung	I.Sử dụng trang phục (30 phút)

trong vở ghi 4. Kiểm tra, đánh giá: Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, Gv đánh giá 5. Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc mục I.1 SGK/18 - GV: Đưa ra tình huống sử dụng trang phục chưa hợp lý, không phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh.. HS : Lắng nghe để thấy được tác hại của việc sử dụng trang phục chưa đúng VD: + Khi đi lao động mặc áo trắng.. + Khi đến dự một đám tang mặc áo ba lỗ hoặc váy áo lòe loẹt... - Gv : Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy HDN trả lời câu hỏi - Hs : nghe *Thực hiện nhiệm vụ Hs: HDN Gv : theo dõi *Báo cáo kết quả Hs: đại diện nhóm báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá - GV giao nhiệm vụ : Học sinh báo cáo kết quả đã đạt được.. GVKL: SGK/18. - Khi đi lao động mà mặc quần áo đẹp? - Em hiểu thế nào là lựa chọn trang phục phù hợp với hoạt động? - Hãy kể những hoạt động thường ngày của	1. Cách sử dụng trang phục a. Trang phục phù hợp với hoạt động. - Làm việc không thoải mái... - Không tiết kiệm, dễ bị hiệu lăm là người không hiểu biết, không có thẩm mỹ trong sử dụng trang phục..... +Trang phục đi học : - Đồng phục của trường theo mùa .Quần xanh áo trắng, áo màu vải thoáng mát, kiểu đơn giản, màu sắc nhã nhặn, dễ hoạt động, mùa lạnh mặc thêm áo ấm. +Trang phục lao động. - Chọn quần áo thoải mái, tối màu, dễ thoát mồ hôi, rộng rãi, dễ làm việc. - Chất liệu vải : vải sợi bông : dễ thoát mồ hôi - Màu sắc : màu sẫm : dễ giặt - Kiểu may đơn giản, rộng: dễ làm việc - Dép thấp, giày ba ta : đi lại dễ dàng
--	--

em ở nhà và ở trường? - Khi đi học em thường mặc trang phục nào? Màu sắc chất liệu vải kiểu may như thế nào? GV: Hướng HS vào hoạt động chính các em tham gia để cùng lựa chọn. GV: Yêu cầu HS Quan sát hình 1.9 SGK + liên hệ thực tế. - Khi đi lao động như trồng cây dọn vệ sinh , mồ hôi ra nhiều lại dễ bị lấm bẩn, em mặc như thế nào? Tại sao? GV: Yêu cầu thảo luận nhóm 5 phút chọn từ đã cho điền vào khoảng trống(...) cuối mỗi câu sau để nói về sự lựa chọn trang phục lao động và giải thích. - Đại diện nhóm báo cáo kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV bổ sung và kết luận HS đọc SGK quan sát hình 1.10+ liên hệ thực tế trả lời. - Em hãy mô tả các bộ trang phục lễ hội, lễ tân mà em biết (áo dài, áo tứ thân, comple)? - Trang phục lễ tân(lễ phục) là gì? - Khi đi dự các buổi sinh hoạt văn nghệ, dự liên hoan , em thường mặc như thế nào? - Em hãy đọc bài “Bài học về trang phục của Bác” và rút ra nhận xét về cách sử dụng trang phục? - Đi thăm Đền Hùng Bác Hồ mặc như thế nào? - Tiếp khách quốc tế Bác bắt các đồng chí cùng đi mặc com lê? - Vì sao bác nhắc nhở bác Vân khi mặc com lê đón Bác?	+ .Trang phục lễ hội, lễ tân. - Áo dài Việt Nam, áo tứ thân vùng Kinh Bắc,.... - Là loại trang phục được mặc trong các buổi nghi lễ, các cuộc họp trọng thể. - Đẹp, kiểu cách... b. Trang phục phù hợp với môi trường và công việc - Áo ka ki cò , dép cao su
--	--

GV: Hướng cho học sinh tự rút ra kết luận GV: Bổ sung và kết luận GV: Yêu cầu HS đọc kĩ câu chuyện (Bài học về trang phục của Bác) hoạt động nhóm 5 phút sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn rút ra bài học và nêu sự cần thiết phải sử dụng trang phục phù hợp với hoạt động - Đại diện nhóm báo cáo kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung sau đó dưới sự góp ý của giáo viên tự rút ra kết luận.	
1.<i>Mục tiêu</i> : nắm được cách sử dụng trang phục 2.<i>Phương thức</i>: Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp 3.<i>Sản phẩm</i> : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi 4. <i>Kiểm tra, đánh giá</i>: Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau Gv đánh giá 5.<i>Tiến trình</i> *Chuyển giao nhiệm vụ GV: Đưa ra 2 tình huống sau: TH1: Em có 5 bộ quần áo nhưng em máy móc bộ nào phải đi với bộ đó. TH2: Em có 5 bộ quần áo nhưng mọi người vẫn thấy TP của em khá phong phú. - GV yêu cầu Hs hoạt động nhóm 5 phút đọc lại 2 tình huống trên sau đó trả lời 1 số câu hỏi sau: - Nhận xét về sự khác biệt? - Tại sao TP của bạn lại phong phú?	2. Cách sử dụng trang phục: - Do bạn biết phối hợp áo của bộ TP này với quần của bộ TP kia một cách hợp lí, có tính thẩm mỹ. -quan tâm tới sự hợp lý hài hoà của màu sắc và hoa văn. a. Phối hợp hoa văn với vải trơn

***Thực hiện nhiệm vụ**

Hs: Hđn

Gv : theo dõi

***Báo cáo kết quả**

Hs: đại diện nhóm báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- GV giao nhiệm vụ :
- GV hướng dẫn Hs tổng hợp để đưa ra câu trả lời đúng nhất.
- Đại diện nhóm báo cáo kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét và hoàn thiện.
- GV: Yêu cầu HS đọc mục 2 SGK/ 20 quan sát hình 11-> Tìm thông tin.
- GV chiếu một số mẫu tranh ảnh quần áo hoặc các mẫu vải để hs làm bài tập ghép bộ. - > Nhận xét nên hay không nên ghép bộ? Tại sao?
- Phối hợp trang phục có tác dụng gì và nên phối hợp như thế nào?
- HS quan sát hình chiếu đưa ra nhận xét.
- HS hoạt động cá nhân 3 phút hoàn thành yêu cầu của giáo viên.
- Cá nhân báo cáo kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV hướng dẫn Hs tự rút ra kết luận cái gì nên và không nên theo nội dung SGK/20.
- GV chiếu vòng màu giới thiệu cho HS nắm được.
- Có 3 màu cơ bản: Đỏ - Vàng - xanh ..
- Hãy nêu thí dụ về sự kết hợp màu sắc

- Làm đẹp.....

+ áo hoa, kẻ ô có thể mặc với quần hoặc váy trơn có màu đen hoặc màu trùng hay đậm hơn màu chính của áo

+ **Không nên** : Mặc quần và áo có kẻ khác nhau cả về màu sắc và dòng kẻ

VD : áo kẻ caro to, nhỏ, quần kẻ dọc sọc.

b. Phối hợp màu sắc.

+ Sự kết hợp giữa các sắc độ khác nhau trong cùng một màu.

+ Sự kết hợp giữa 2 màu cạnh nhau trên vòng màu

+ Sự kết hợp giữa 2 màu tương phản

giữa phần áo và phần quần trong các trường hợp sau(xanh thẫm - xanh nhạt, vàng – vàng lục, cam – xanh , trắng - đen....) - Theo em các màu sắc nên phối hợp với nhau như thế nào? Nhận xét nên hay không nên ghép quần, áo có màu sắc như thế nào với nhau? Tại sao? - Vậy cách phối hợp trang phục có quan trọng đối với cuộc sống của chúng ta hay không? Tại sao? Rút ra kết luận.	<i>đối nhau. Màu đen, trắng dễ kết hợp.</i> <i>- Sự phối hợp màu sắc hợp lí (xanh- xanh nhạt) sẽ làm cho quần áo phong phú và đẹp.</i> <i>- Không nên mặc quần áo có 2 màu tương phản nhau (xanh- đỏ, tím - vàng..)</i> <i>- Không nên mặc cả quần và áo có màu quá sặc sỡ (cùng đỏ hoặc cùng vàng..)</i> <i>GVKL:Việc phối hợp màu sắc trong may TP là rất quan trọng bởi màu sắc khi kết hợp hợp lý không những góp phần tôn vẻ đẹp của TP cũng như vẻ đẹp của người sử dụng mà còn thể hiện người sử dụng TP có cái nhìn thẩm mỹ, có sự hiểu biết về mỹ thuật hội họa....</i>
--	--

C. Hoạt động luyện tập : 5'

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
1.Mục tiêu : nắm vững kt để làm bài tập 2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp 3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm 4.Kiểm tra, đánh giá: Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau- Gv đánh giá 5.Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ Gv : yêu cầu hs hđ cá nhân tl câu hỏi, làm bài tập - Điều quan trọng nhất các em được học hôm nay	- 2 học sinh phát biểu. - Vì nó giúp ta có kết quả công việc tốt hơn , thiện cảm của mọi người đối với

là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp? - Hãy suy nghĩ và viết ra giấy, GV gọi đại diện một số em, mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã được học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp. - Vì sao sử dụng trang phục phải phù hợp với môi trường và công việc? - GV đưa ra 1 tình huống sau: Chuẩn bị đến ngày thương binh liệt sĩ 27 tháng 7, nhà trường tổ chức cho học sinh lao động trồng cây, quét dọn vệ sinh ở nghĩa trang liệt sĩ của xã. Các bạn lao động nên sử dụng trang phục nào trong những trang phục sau đây là phù hợp nhất? a. Trang phục có chất liệu là vải sợi bông, màu sáng, kiểu may đơn giản, giày đế cao. b. Trang phục có chất liệu bằng vải sợi hóa học, màu sáng, kiểu may cầu kì, bó sát người, dép thấp. c. Trang phục có chất liệu bằng vải sợi pha, màu tối, kiểu may đơn giản, rộng rãi, dép thấp hoặc giày ba ta. d. Trang phục có chất liệu bằng vải nilon, màu tối, kiểu may *Thực hiện nhiệm vụ Hs: Hđn Gv : theo dõi *Báo cáo kết quả Hs: đại diện nhóm báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá - GV giao nhiệm vụ : - GV hướng dẫn Hs tổng hợp để đưa ra câu trả lời đúng nhất.	mình cũng cao hơn.
---	---------------------------

D.Hoạt động vận dụng: 3'

1.Mục tiêu : nắm vững được kt vận dụng vào thực tế

2.Phương thức:Hđ cá nhân

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4.Kiểm tra, đánh giá:

Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau- Gv đánh giá

5.Tiến trình

Gv; Yêu cầu hs vận dụng kiến thức đã học, tl câu hỏi

Chia sẻ với cha mẹ và mọi người trong gia đình về cách sử dụng trang phục đã được học ở lớp.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức:Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá,Gv đánh giá vào tiết học sau

5.Tiến trình

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

Em hãy tìm hiểu cách sử dụng trang phục của những người xung quanh và ghi lại những gì em quan sát được.

*- Về học bài câu 1 SGK19-20

- Xem bài mới phần 2: Cách phối hợp trang phục SGK/21.

- Sưu tầm tranh ảnh về sử dụng trang phục và các mẫu ghi kí hiệu bảo quản trang phục.

*** Rút kinh nghiệm:**

Tuần 6

Tiết 9 - Bài 4.

SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN TRANG PHỤC (T.2)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Biết cách bảo quản trang phục như thế nào cho đúng kỹ thuật để giữ vẻ đẹp, độ bền và tiết kiệm chi tiêu cho may mặc.

2. Kỹ năng: Biết ăn mặc phối hợp giữa áo và quần hợp lý đạt yêu cầu thẩm mỹ.

3. Thái độ: - Biết cách sử dụng trang phục sao cho hợp lý.

- Có ý thức sử dụng bảo và quản trang phục.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: Năng lực tự học. Năng lực giải quyết vấn đề. Năng lực tư duy. Năng lực thực hành, năng lực phân tích, tổng hợp thông tin. Năng lực hợp tác. Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Phẩm chất: Trung thực; Tự tin và có tinh thần vượt khó; Chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: - Tranh hình 1.9, 1.10(SGK) và sưu tầm tranh..

- Phiếu học tập, máy chiếu, giấy A0, bút dạ...

2. Học sinh: - Chuẩn bị đầy đủ sách giáo khoa, vở ghi, bút, thước...

- Sưu tầm tranh ảnh về sử dụng trang phục và các mẫu ghi kí hiệu bảo quản trang phục.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC :

A . Hoạt động khởi động: 5'

1. Mục tiêu : huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. Phương thức: Hđ cá nhân, hđn

3. Sản phẩm : Phiếu học tập

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá- Gv đánh giá

5. Tiến trình

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ...

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học...

- GV sử dụng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề và kỹ thuật đặt câu hỏi.

***Chuyên giao nhiệm vụ**

- Gv : Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy Hđn trả lời câu hỏi

- Hs : nghe

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Sử dụng trang phục cần chú ý tới vấn đề gì ?

+Trang phục phù hợp với hoạt động : đi học, đi chơi, đi lao động.....

+ Trang phục phù hợp với môi trường và công việc tạo cách ăn mặc trang nhã lịch sự.

+ Biết cách phối hợp hài hoà giữa quần và áo hợp lý.

- Sử dụng trang phục hợp lý mang lại lợi ích gì cho gia đình với môi trường?

Biết cách sử dụng trang phục hợp lý sẽ làm cho trang phục của chúng ta bền và đẹp lâu hơn sử dụng được thời gian dài hơn tiết kiệm tài chính cho gia đình đồng thời tiết kiệm được nguyên liệu dệt vải, giúp làm giàu môi trường.

Gv : theo dõi

***Báo cáo kết quả**

Hs: đại diện nhóm báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- **Vào bài** :Gia đình bạn A rất khó khăn, bạn A có ít quần áo nhưng bạn ấy lại muốn trang phục mình mặc luôn phong phú, mới lạ. Theo các bạn thì bạn A có làm được điều đó hay không? Làm bằng cách nào?

- HS hoạt động cá nhân.

- GV: Bạn A hoàn toàn có thể thực hiện được điều đó. Vậy làm bằng cách nào thì chúng ta cùng nhau đi tìm hiểu bài ngày hôm nay để giải đáp những thắc mắc đó.

B. Hoạt động hình thành kiến thức :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hđ 1: Tìm hiểu về bảo quản trang phục: 30' <i>1.Mục tiêu</i> : nắm được cách sử dụng trang phục <i>2.Phương thức</i> : Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp <i>3.Sản phẩm</i> : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi <i>4. Kiểm tra, đánh giá</i> : Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau Gv đánh giá <i>5.Tiến trình</i>	II. Bảo quản trang phục.

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV: Yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi.

- Bảo quản trang phục gồm những công việc nào?(*Giặt, phơi, là, cất giữ.*)

GV: Cho HS từ trung tâm của tiết học:“**BẢO QUẢN TRANG PHỤC**” dựa vào câu hỏi cô vừa nêu gọi một học sinh lên vẽ tiếp các nhánh chính thể hiện kiến thức của tiết học.

***Thực hiện nhiệm vụ**

Hs: cả lớp

Gv : theo dõi

***Báo cáo kết quả**

Hs: đại diện nhóm báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: Tiết học hôm nay có bốn nội dung thể hiện trên BĐTD. Chúng ta sẽ tìm hiểu lần lượt từng nội dung để thực hiện bảo quản trang phục đúng kĩ thuật. Đầu tiên cô và các em đi tìm nội dung thứ nhất:

1. Giặt, phơi.

GV: Khi quần áo chúng ta mặc một thời gian sẽ bị bẩn, ta muốn nó được mới trở lại ta phải giặt và phơi cho khô. Ví dụ: Quần, áo của các em mặc buổi hôm nay do các em vận động mồ hôi ra, bụi dính vào gây bẩn nên phải giặt để có quần áo sạch mặc vào buổi khác.

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 5 phút sử dụng KT khăn trải bàn cho biết: Giặt, phơi quần áo nhằm mục đích gì? Hãy nêu trình tự giặt, phơi mà em từng làm?

1. Giặt, phơi.

Mục đích: Giữ quần áo luôn mới.

Quy trình: GIẶT

B₁ Lấy đồ trong túi ra

B₂ Tách riêng quần áo màu sáng và màu tối

B₃ Vò xà phòng những chỗ bẩn nhiều

B₄ Ngâm 30 phút, vò kĩ

B₅ Giũ nhiều lần bằng nước sạch

B₆ Thêm chất làm mềm vải

- Lấy các đồ vật trong túi ra

- Đại diện nhóm báo cáo kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV hướng dẫn HS chốt kiến thức.

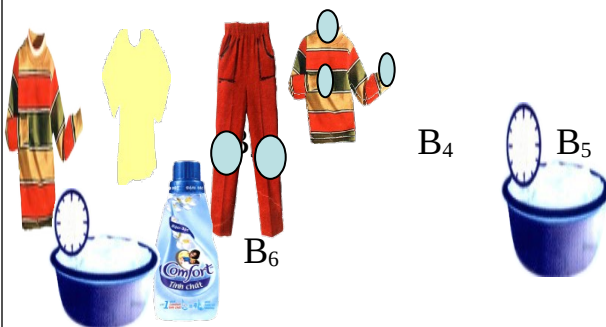
GV: Để biết được quy trình giặt bạn vừa nêu có đúng kỹ thuật hay không chúng ta cùng nhau nghiên cứu phần quy trình giặt và tìm ra quy trình.

GV yêu cầu HS quan sát tranh- GV Giới thiệu tranh: Đây là bước đầu tiên trong quy trình giặt

- Bức tranh nói đến công việc gì trước khi giặt? Công việc này có

B₁ cần thiết không? Tại sao?

Cứ như vậy giáo viên đưa tranh và yêu cầu học sinh quan sát và trả lời các câu hỏi để tìm ra quy trình giặt.



- Vậy qua tìm hiểu các em cho cô biết các bạn giặt ở nhà so với quy trình giặt chúng ta tìm hiểu trong bài có gì khác? Bạn như vậy đã giặt đúng kỹ thuật chưa?

GV nêu vấn đề: nếu chúng ta mặc quần áo mà không thay giặt thì nó sẽ ntn? - Học sinh nghe tình huống và trả lời.

khỏi quần áo

- Vò những chỗ bẩn nhiều rồi bỏ vào máy

- Điều khiển máy giặt theo hướng dẫn của máy

PHƠI

-Ngoài nắng với loại áo, quần màu sáng bằng vải bông, lanh, pha

- Trong bóng râm với loại áo, quần màu tối bằng vải lụa, len, polyeste

- Là việc làm cần thiết và thường xuyên trong gia đình

- Là một công việc cần thiết để làm phẳng áo quần sau khi giặt phơi.

- Vậy bao lâu giặt 1 lần là phù hợp?

GV: Muốn cho quần áo có độ bền chúng ta cần giặt đúng kĩ thuật và quan tâm đến kí hiệu giặt ghi ở băng vải nhỏ dính trên áo quần để giặt cho đúng với từng loại vải. GV cho HS quan sát các kí hiệu giặt và hướng dẫn cách đọc kí hiệu và áp dụng vào thực tế khi giặt quần áo.

- Nếu giặt bằng máy thì chúng ta sẽ giặt như thế nào?

GV: Khi giặt sẽ gây ướt quần áo, chúng ta muốn có quần áo khô để mặc thì phải đem phơi. Vậy phải phơi như thế nào cho đúng kĩ thuật? Để trả lời cho câu hỏi này chúng ta cùng nhau tìm hiểu quy trình phơi

-Yêu cầu HS quan sát tranh về quá trình phơi quần áo ngoài nắng và trong bóng râm và trả lời câu hỏi

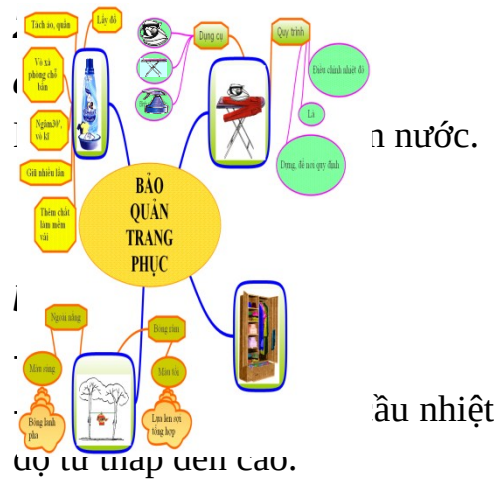
- Bức tranh nói lên điều gì? Khi phơi ngoài nắng ta lên phơi những loại quần áo nào? Khi phơi trong bóng râm ta lên phơi những loại quần áo nào? – HS trả lời

- Khi phơi tất của trẻ em ta nên phơi ở đâu là thuận lợi nhất? Trước khi phơi các loại quần áo, khăn bông nhỏ của trẻ em ta phải làm gì? Phơi áo có độ giãn cao như áo len ta có nên phơi bằng móc treo không? Tại sao?...

GV: Các em đã tìm hiểu xong phần kiến thức giặt và phơi. Hãy vẽ sơ đồ tư duy cho phần kiến thức này. GV yêu cầu một HS lên bảng vẽ HS phía dưới cùng vẽ ra nháp. Gọi HS nhận xét. GV nhận xét - bổ sung

Sau khi giặt, phơi thường bị nhàu quần áo, em sẽ làm gì để áo quần phẳng ra?

Vậy đây là công việc có cần thiết không?



- Là dọc chiều vải.

- Khi ngưng là phải dựng bàn là.

Chú ý:

- Bắt đầu là với loại vải có yêu cầu nhiệt độ thấp

- Quan sát kí hiệu hướng dẫn là trên băng vải dính ở trang phục

- Chú ý hơn với loại quần áo có li

- Bàn là để lâu, mới mua hoặc đã sử dụng lâu ngày cần được lau sạch, được kiểm tra về điện.

1. Cất giữ.

Tại sao? Muốn là được quần áo chúng ta cần có dụng cụ là GV: Cho HS quan sát tranh các dụng cụ là. GV: Cho HS quan sát tranh quy trình là. GV: Phát phiếu học tập yêu cầu HS hoạt động cặp đôi 3 phút nêu lại quy trình là quần, áo mà các em quan sát được: - HS hoàn thành phiếu học tập, đại diện cặp đôi lên báo cáo kết quả, cặp đôi khác nhận xét, bổ sung và tự rút ra kết luận. - Tại sao phải có kí hiệu là? Kí hiệu này có ở đâu?(<i>Để người sử dụng tuân theo tránh làm hư hỏng.</i>) - Khi là quần áo chúng ta cần chú ý điều gì? GV: Giới thiệu cho HS các chú ý khi là quần áo. GV Hướng dẫn cụ thể khi là cần làm như thế nào để tránh mất dáng, hỏng chất liệu của vải, không làm hỏng làm xước mặt của bàn là (<i>Nếu không có cầu là có thể dùng chăn lót - chú ý: chăn không được phai màu, mỏng</i>) - Hướng dẫn cụ thể trên bàn là và quần áo cho HS quan sát. GV: Tương tự như khi kết thúc phần giặt và phơi. GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ tư duy cho phần kiến thức này. GV yêu cầu một HS lên bảng vẽ HS phía dưới cùng vẽ ra nháp. Gọi HS nhận xét. GV nhận xét- bổ sung Các công việc bảo quản trang phục. Ngoài các công việc giặt phơi và là quần áo còn có công việc cất giữ cho quần áo không bị hỏng. Công việc này được làm như thế nào cô và các em cùng nhau tìm hiểu.	- Treo bằng móc hoặc gấp vào tủ - Quần áo chưa dùng đến nên gói vào túi nilon <u>Chú ý:</u>Trong quá trình gấp cần phân loại quần áo (Quần áo của mỗi thành viên trong gia đình- Quần áo dài, quần áo lót) - Để đúng nơi quy định
---	--

GV: Cho HS quan sát tranh thể hiện các công việc cất giữ quần áo. - Cất giữ quần áo gồm những công việc gì? - Khi cất giữ có nhiều loại quần áo khác nhau và của nhiều người chúng ta phải làm như thế nào? Chúng ta có nên cất quần áo của nhiều người vào một tủ hay không? Tại sao? Yêu cầu HS quan sát tranh và tìm hiểu thực tế thảo luận nhóm để tìm ra các công việc cất giữ quần áo.-	
---	--

C. Hoạt động luyện tập : 5'

1.Mục tiêu : nắm vững kt để làm bài tập

2.Phương thức:Hỏi cá nhân, hỏi ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
phiếu học tập nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau-Gv đánh giá

5.Tiến trình

*** Giao nhiệm vụ :**

Hs : cá nhân

- Điều quan trọng nhất các em được học hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?

Hãy suy nghĩ và viết ra giấy, GV gọi đại diện một số em, mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã được học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp.

- Yêu cầu HS vẽ BĐTD cho phần kiến thức ở cả tiết học

- GV gọi HS lên bảng vẽ – HS khác nhận xét - GV đưa bản đồ đã chuẩn bị cho học sinh quan sát, tham khảo.

- Tại sao phải bảo quản trang phục? Bao gồm những công việc gì?

Bài tập tình huống 1: Hôm trước đi đá bóng về, quần áo của bình bị lấm lem, ướt đầm mồ hôi. Sau khi thay ra, Bình cho luôn quần áo đó vào trong máy giặt để giặt cùng với quần áo của cả nhà. Mẹ biết vậy, bảo Bình lần sau không được làm như thế. Em hãy giải thích cho cho Bình biết lần sau Bình nên làm như thế nào cho đúng?

Bài tập tình huống 2:Mùa hè, trời nắng to. Trước khi đi làm, mẹ nhờ Hà phơi quần áo mẹ vừa giặt xong giúp mẹ. Hà nhặt từng trang phục trong chậu ra phơi luôn, không giữ phẳng và cùng không lộn mặt trái của trang phục ra ngoài. Theo em, cách phơi trang phục của Hà như vậy đúng hay chưa đúng? Các trang phục của nhà Hà sẽ như thế nào sau khi phơi?

****Thực hiện nhiệm vụ***

Hs: thảo luận nhóm

Gv : theo dõi

****Báo cáo kết quả***

Hs: đại diện báo cáo kết quả

****Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá- GV yêu cầu HS báo cáo kết quả làm bài tập tình huống trước lớp.
- Cô giáo bổ sung, tổng hợp ý kiến.

D. Hoạt động vận dụng: 3'

1.Mục tiêu : nắm vững được kt vận dụng vào thực tế

2.Phương thức:Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau- Gv đánh giá

5.Tiến trình

**** Giao nhiệm vụ***

- Chia sẻ với cha mẹ, người thân trong gia đình về cách sử dụng và bảo quản trang phục đã được học ở lớp.

Vận dụng những kiến thức đã học vào việc bảo quản trang phục cho bản thân và mọi người trong gia đình. Làm được như vậy sẽ giúp em hiểu rõ hơn về cách bảo quản trang phục mà em đã được học.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 5'

1.*Mục tiêu:* Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.*Phương thức:* Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.*Sản phẩm :* Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4.*Kiểm tra, đánh giá:*

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá

- Gv đánh giá vào tiết học sau

5.*Tiến trình*

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

Em hãy tìm hiểu trên internet, nhập vào địa chỉ WWW.google.vn, gõ chữ “Kí hiệu giặt, là quần áo” để tìm hiểu một số kí hiệu, ý nghĩa của kí hiệu giặt là, phơi khô quần áo. Sau đó điền ý nghĩa của từng kí hiệu vào cột Ý nghĩa của bảng các kí hiệu.

*- Học bài, làm bài tập 2,3 vào vở BT.

- Vẽ BĐTD cho cả ***bài 4:Sử dụng và bảo quản trang phục***

- Hằng ngày các em phải thường xuyên tham gia giúp bố mẹ và hướng dẫn các thành viên trong gia đình bảo quản trang phục được đúng kĩ thuật

- Nghiên cứu bài 5. Ôn một số mũi khâu cơ bản

- Chuẩn bị:Kéo,kim chỉ khâu,2 miếng vải KT8 x15 cm,1 miếng vải KT 10 x 15 cm.

*** Rút kinh nghiệm:**

Tuần 6

Tiết 11 - Bài 5.

THỰC HÀNH - ÔN MỘT SỐ MŨI KHÂU CƠ BẢN (T.1)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Thông qua bài thực hành Hs nắm vững thao tác khâu một số mũi khâu cơ bản trên vải để áp dụng khâu một số sản phẩm đơn giản.

2. Kỹ năng: Rèn kĩ năng quan sát, liên hệ thực tế và làm việc theo quy trình.

3. Thái độ: Có ý thức hăng say học tập, luyện tập, yêu lao động

4.Năng lực, phẩm chất:

Năng lực: Năng lực tự học. Năng lực giải quyết vấn đề. Năng lực tư duy. Năng lực thực hành, năng lực phân tích, tổng hợp thông tin. Năng lực hợp tác. Năng lực sử dụng ngôn ngữ

Phẩm chất: Trung thực; Tự tin và có tinh thần vượt khó; Chấp hành kỉ luật

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:- Mẫu hoàn chỉnh các đường khâu, bảng phụ.

- Bìa kim khâu len, len, kim nhỏ, chỉ, vải

2. Học sinh: - Kim, chỉ khâu, vải

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

- Kiểm tra 15 phút :

*. Đề bài:

Câu 1: Trang phục là gì? Chức năng của trang phục?

Câu 2: Sử dụng trang phục như thế nào gọi là phù hợp?

***. Đáp án và biểu điểm:**

Câu 1: (Mỗi ý trả lời đúng đạt 2.5 điểm)

- TP là bao gồm quần áo và một số vật dụng khác đi kèm như giày, tất....

- TP có chức năng bảo vệ cơ thể tránh khỏi tác hại của môi trường : 1,5 đ
làm đẹp cho con người trong mọi hoạt động... : 1,5 đ

Câu 2: (Mỗi ý trả lời đúng đạt 1.5 điểm)

- *Phù hợp với hoạt động.(1.5đ)*

- *Phù hợp với môi trường công việc.(1.5đ)*

- *Phù hợp với hoàn cảnh sống.(1.5đ)*

A. Hoạt động khởi động: 5'

1.*Mục tiêu* : huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2.*Phương thức*:Hđ cá nhân

3.*Sản phẩm* : Phiếu học tập

4.*Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs đánh giá- Gv đánh giá

5.*Tiến trình*

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ...

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học...

- GV sử dụng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề và kĩ thuật đặt câu hỏi.

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv : Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy trả lời câu hỏi

Em hãy kể tên các mũi khâu cơ bản mà em đã được học?

- Hs : nghe

***Thực hiện nhiệm vụ**

Hs: Hđ cá nhân

Gv : theo dõi

***Báo cáo kết quả**

Hs: đại diện báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

- GV giao nhiệm vụ :

Học sinh báo cáo kết quả đã đạt được..

- **Vào bài :** Ở cấp tiểu học các em đã được học những mũi khâu cơ bản. Để các em có thể vận dụng các mũi khâu đó vào hoàn thành một số sản phẩm đơn giản ở bài thực hành sau, hôm nay chúng ta cùng nhau ôn lại kỹ thuật khâu các mũi khâu cơ bản đó.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới : 20'

1. Mục tiêu : Hs biết cách vẽ mẫu trên bìa giấy.

2. Phương thức: Hđ cá nhân

3. Tiến trình

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
- GV nêu yêu cầu bài thực hành->-HS xem SGK trả lời -1 HS đọc phần chuẩn bị SGK để cả lớp nắm chắc nội dung cần chuẩn bị và nội dung thực hành của bài.	I. Chuẩn bị. - Kim, chỉ , vải....
Hoạt động 2: Lý thuyết: GV: Treo bảng phụ hình 1.14, 1.15 SGK/27+28. - Giáo viên yêu cầu HS quan sát, thảo luận nhóm 5 phút sử dụng kỹ thuật mảnh ghép hoàn thành ghi ra giấy câu trả lời	A. Lý thuyết: 1. Khâu mũi thường(mũi tới). - Dùng kim, chỉ tạo thành những mũi nổi, mũi lặn cách đều nhau, đẹp và êm.

của các câu hỏi sau: *. Vòng 1 chuyên gia: - Tìm hiểu khái niệm và cách khâu mũi khâu thường (mũi tới)? (nhóm 1,2,3) - Tìm hiểu khái niệm và cách khâu mũi khâu đột mau? (nhóm 1,2,3) *. Vòng mảnh ghép: Nhóm 4,5,6: - Mũi khâu thường, mũi khâu đột mau là gì? - Hiểu biết của em về mũi khâu thường, mũi khâu đột mau? - Nũi khâu thường, mũi khâu đột mau được tạo thành như thế nào? - Nhóm nào xong trước sẽ lên trình bày sản phẩm của nhóm mình. - Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung	- Mũi khâu này được sử dụng may nối, vá quần áo, khâu lược. *Cách khâu: -<i>Lấy thước và bút chì kẻ một đường trên vải</i> -<i>Xâu chỉ vào kim thắt nút cuối sợi</i> -<i>Tay trái cầm vải ,tay phải cầm kim ,khâu từ phải sang trái.</i> -<i>Lên kim, xuống kim bằng 3 canh sợi</i> 2. Khâu mũi đột mau. - Là phương pháp khâu mà mỗi mũi nối được tạo thành bằng cách đưa kim lùi lại 3-4 canh sợi vải, rồi lại khâu tiếp 4 canh sợi vải. *Cách khâu: - Kẻ một đường thẳng trên vải - Lên kim 8 sợi vải, xuống kim lùi lại một mũi 4 sợi, lên kim về phía trước 4 sợi,xuống kim ngay lỗ lên kim đầu tiên..Cứ tiếp tục như thế cho đến hết đường khâu. Lại mũi khi kết thúc đường khâu. - Mũi khâu đột mau được dùng khi may nối mạng, viền bọc mép.
--	---

C .Hoạt động thực hành: 15'

- GV: Giảng giải + Làm thao tác mẫu trên bìa bằng kim khâu len và len.
- GV yêu cầu cả lớp làm bài thực hành cá nhân.

D. Hoạt động vận dụng: 3'

- 1.*Mục tiêu* : nắm vững được kt vận dụng vào thực tế
- 2.*Phương thức*:Hđ cá nhân.
- 3.*Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau- Gv đánh giá

5.Tiến trình

*** Giao nhiệm vụ**

- Quan sát nhận diện các mũi khâu để may.

***Thực hiện nhiệm vụ**

Hs: cả lớp

Gv : theo dõi

***Báo cáo kết quả**

Hs: đại diện báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

- GV yêu cầu HS báo cáo kết quả làm bài tập tình huống trước lớp.

- Cô giáo bổ sung, tổng hợp ý kiến.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức:Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân.

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự tìm hiểu về các dạng mũi khâu , có thể nhờ trợ giúp của người thân.

5.Tiến trình

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Vận dụng những kiến thức đã được học về nhà tìm hiểu và chuẩn bị dụng cụ vật liệu tập khâu các mũi khâu đã học

*- Về tập khâu lại 2 đường khâu đã học mỗi đường dài 10 cm.

- Chuẩn bị: Tiết sau vẫn mang kim, chỉ, vải để thực hành các đường khâu còn lại

-Tìm hiểu mũi khâu thường SGK/28.

Tuần 6

Tiết 12: Thực hành: ôn một số mũi khâu cơ bản (T2)

A. Mục tiêu

- **Kiến thức:** Củng cố và nắm vững các thao tác của khâu vắt.
- **Kĩ năng:** Thực hiện được các thao tác khâu vắt thành thạo.
- **Thái độ:** Có ý thức tích cực, cẩn thận, đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động.
- **Định hướng năng lực:** năng lực giao tiếp, quan sát, hợp tác, thực hành, tư duy

B. Chuẩn bị

1. Giáo viên:

- Mảnh vải có khâu vắt.
- Kim khâu, chỉ thường, chỉ thêu màu, kéo, thước kẻ, bút chì.
- Hai mảnh vải: 1 mảnh kích thước 8cm x 15cm và 1 mảnh có kích thước 10cm x 15cm
- Bộ dụng cụ, vật liệu cắt, thêu, may

2. Học sinh:

- Học và đọc trước bài.

III. Quá trình tổ chức hoạt động cho học

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: 5'

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế, thu hút sự quan tâm chú ý của học sinh khi vào bài học mới
- **Phương thức thực hiện:** Trả lời câu hỏi:
? Ở tiểu học các em đã được học các mũi khâu cơ bản nào?

Kết quả sản phẩm: Nội dung các câu trả lời:

- 3 mũi (mũi thường, mũi đột mau, mũi khâu vắt)

- **Phương án kiểm tra:** Gọi 2 học sinh trình bày.

Đặt vấn đề : Để các em có thể vận dụng các mũi khâu đó vào hoàn thành một số sản phẩm đơn giản, hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau ôn lại một số mũi khâu cơ bản đó.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- **Mục tiêu:** Học sinh biết cách khâu vắt.
- **Phương thức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, nhóm.
- **Kết quả sản phẩm:** Nội dung các câu trả lời, sản phẩm của học sinh

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<u>Hoạt động 1: Chuẩn bị: 5'</u> - GV yêu cầu HS nhắc lại những công việc	- HS nhắc lại.	<u>I. Chuẩn bị</u> - Kim khâu, chỉ thường, chỉ thêu màu, kéo, thước kẻ, bút

cần chuẩn bị cho thực hành. <u>Hoạt động 2: Thực hành</u> 10' - GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK, giới thiệu mẫu đường khâu vắt mẫu ? Thế nào là mũi khâu vắt? ? Mũi khâu vắt được sử dụng khi nào? - GV hướng dẫn và thao tác mẫu * Tổ chức thực hành: 18' - GV tổ chức cho HS thực hành theo nhóm. - Yêu cầu mỗi HS phải hoàn thành 1 sản phẩm gồm: . + Một đường khâu mũi vắt dài 10 cm. - GV theo dõi hướng dẫn HS làm thực hành, uốn nắn, sửa chữa các thác tác khâu chưa đảm bảo của học sinh . - GV nhắc nhở HS tiến hành khâu cẩn thận,	, - HS nghiên cứu thông tin SGK ,quan sát đường khâu mẫu. - Lµ ®ình mép gấp của vải với nền bằng các mũi khâu vắt. - Áp dụng: may viền, gấp mép - Học sinh quan sát - HS nhận nhóm và dụng cụ thực hành. - Thực hiện công việc được giao, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp	chì. - Hai mảnh vải: 1 mảnh kích thước 8cm x 15cm và 1 mảnh có kích thước 10cm x 15cm <u>II. Thực hành</u> 3. Khâu vắt - Thao tác: Tay trái cầm vải, mép gấp để phía trong người khâu; khâu từ phải sang trái từng mũi một ở mặt trái vải. + Lên kim từ dưới nếp gấp vải, lấy 2-3 sợi vải mặt dưới rồi đưa chéch kim lên qua nếp gấp, rút chỉ về mũi kim chặt vừa phải. Các mũi khâu vắt cách nhau 0,3-0,5cm. Ở mặt phải nổi lên những mũi chỉ nhỏ nằm ngang cách đều nhau. * Thực hành + Khâu một đường khâu mũi vắt dài 10 cm
---	---	---

đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh lớp học.		
--	--	--

C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH /LUYỆN TẬP: 21'

- GV tổ chức cho HS thực hành theo nhóm.
- Yêu cầu mỗi HS phải hoàn thành 1 sản phẩm gồm:
 - + Một đường khâu vắt dài 10 cm.
- GV theo dõi hướng dẫn HS làm thực hành, uốn nắn, sửa chữa các thác tác khâu chưa đảm bảo của học sinh .
- GV nhắc nhở HS tiến hành khâu cẩn thận, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh lớp học.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: 3'

- GV nhận xét chung về buổi thực hành: Sự chuẩn bị của HS, ý thức, tổ chức, kỉ luật và thái độ thực hành của HS; An toàn lao động trong quá trình làm thực hành.
- GV lấy một số mẫu thực hành đạt yêu cầu và một số mẫu không đạt yêu cầu của HS để nhận xét, rút kinh nghiệm cho HS (GV có thể chấm điểm cho các sản phẩm khâu đẹp)

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG: 1'

Vận dụng các kiến thức để khâu một sản phẩm nào đó bằng mũi khâu vắt

***. Rút kinh nghiệm.**

Tuần 7

TIẾT 12: THỰC HÀNH – CẮT KHÂU BAO TAY TRẺ SƠ SINH (T.1)

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** Thông qua bài thực hành HS vẽ và cắt được mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh.
- 2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng quan sát, vận dụng thực tế và làm việc theo quy trình.
- 3. Thái độ:** Có ý thức hăng say học tập, luyện tập, yêu lao động
- 4. Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực: Năng lực tự học. Năng lực giải quyết vấn đề. Năng lực tư duy. Năng lực thực hành, năng lực phân tích.
- Phẩm chất: Trung thực; Tự tin và có tinh thần vượt khó; Chấp hành kỉ luật

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Tranh vẽ phóng to cách vẽ tạo mẫu giấy.
- Bìa, kéo, thước, ...

2. Học sinh: Kéo, giấy bìa, bút chì, compa ...

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

A. Hoạt động khởi động: 5'

1. *Mục tiêu* : Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2. *Phương thức*: Hđ cá nhân
3. *Sản phẩm* : Hs trình bày miệng
4. *Kiểm tra đánh giá*:
 - Hs đánh giá, nhận xét.
 - Gv đánh giá.

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv : Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy: hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:
Trẻ sơ sinh thường được mẹ bao gì ở bàn tay? Việc đó có tác dụng gì đối với em bé?

- Hs : nghe

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Hs : trả lời câu hỏi
- Gv : theo dõi giúp đỡ hs.
- Dự kiến sản phẩm:
 - + Trẻ được mẹ đeo bao tay vải.
 - + Có tác dụng giữ ấm, khi bé cào tay nên mặt ko bị đau.

***Báo cáo kết quả**

Hs: trình bày miệng đáp án.

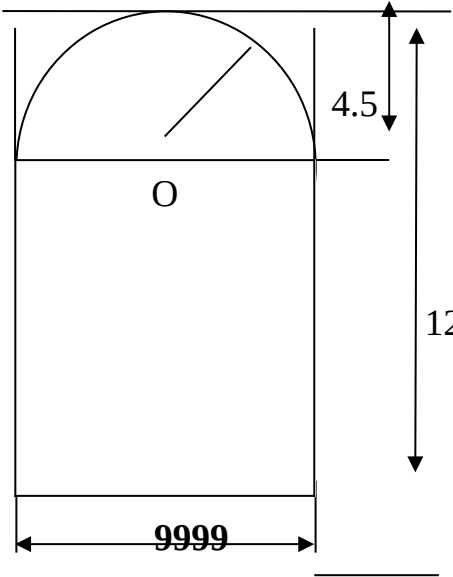
***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu vào bài học.

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1: Chuẩn bị: 5' 1.<i>Mục tiêu:</i>Nắm được vật liệu, dụng cụ cần thiết . 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> hoạt động cá nhân. 3.<i>Sản phẩm:</i> Đáp án trả lời của HS 4.<i>Kiểm tra đánh giá:</i> - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá, bổ sung và chốt lại. 5.<i>Tiến trình</i> *Chuyển giao nhiệm vụ - GV: +Tiết hôm nay cô trò chúng ta sẽ nghiên cứu, tìm hiểu phần 1- Vẽ và cắt mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh. + Yêu cầu HS dựa vào mục I cho biết: Để vẽ và cắt được mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh cần vật liệu và dụng cụ gì? - HS: tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - HS: Suy nghĩ cá nhân trả lời - GV : Quan sát - Dự kiến sản phẩm: Bìa, kéo, thước kẻ, eke... *Báo cáo kết quả - Hs trả lời. *Đánh giá kết quả - Học sinh : Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá,chốt và yêu cầu hs ghi bài vào vở	I. Chuẩn bị: - Bìa cứng 20cm x 25cm - Kéo, thước kẻ, compa, eke

*GV nêu yêu cầu bài thực hành. - Kiểm tra sự chuẩn bị của HS - nhận xét	
Hoạt động 2: Vẽ và cắt mẫu giấy: 10' 1. <i>Mục tiêu:</i> Hiểu được vẽ, cắt được mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh. 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> Hoạt động nhóm 3. <i>Sản phẩm:</i> Đáp án trả lời của HS 4. <i>Kiểm tra đánh giá:</i> - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá, bổ sung và chốt lại. 5. <i>Tiến trình</i> *Chuyển giao nhiệm vụ - GV: Yêu cầu HS đọc nội dung mục II SGK/29, hoạt động nhóm 5 phút, sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn hoàn thành ghi ra giấy câu trả lời của các câu hỏi sau: + Quy trình thực hiện cắt, khâu bao tay trẻ sơ sinh gồm những công đoạn nào? + Nêu cách vẽ và cắt mẫu giấy theo hình 1.17a? - HS: tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - HS: Suy nghĩ cá nhân trả lời, hoạt động nhóm hoàn thành nhiệm vụ. - GV : Quan sát - Dự kiến sản phẩm: + Quy trình gồm: Vẽ và cắt mẫu giấy; cắt vải theo mẫu giấy; khâu bao tay; trang trí hoàn thiện bao tay. + Vẽ hình chữ nhật có dài 12cm, rộng 9cm. chia hình chữ nhật ra làm 2 phần.	II. Vẽ và cắt mẫu giấy.  The diagram shows a rectangular piece of paper with a semi-circle attached to the top edge. The width of the rectangle is labeled as 9cm. The height of the rectangle is labeled as 12cm. The semi-circle has a radius of 4.5cm, indicated by a vertical line from the top edge of the rectangle to the center of the semi-circle. The center of the rectangle is labeled 'O'.

Phần 1 vẫn rộng 9 và dài còn 4,5 cm. Phần 2 vẫn rộng 9 và dài là 7,5 cm. Phần 1 là phần cong đầu ngón tay ta dùng com pa vẽ nửa hình tròn có bán kính 4,5 cm. Cuối cùng ta cắt theo nét vẽ tạo được mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh. *Báo cáo kết quả - Đại diện nhóm lên trình bày. *Đánh giá kết quả - Học sinh : Các nhóm khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt và yêu cầu hs ghi bài vào vở	
C. Hoạt động luyện tập: 20' 1. <i>Mục tiêu:</i> Vẽ, cắt được mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh. 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> Hoạt động cá nhân 3. <i>Sản phẩm:</i> Mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh. 4. <i>Kiểm tra đánh giá:</i> - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá. 5. <i>Tiến trình</i> *Chuyển giao nhiệm vụ - GV: Yêu cầu HS vẽ và cắt mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh theo hình 1.17 a/sgk/ 29. - HS: tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - HS: Làm việc cá nhân. - GV : Quan sát - Dự kiến sản phẩm:	III. Thực hành

Mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh . *Báo cáo kết quả - Hs báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh : Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá.	
---	--

D. Hoạt động vận dụng: 3'

1. *Mục tiêu:* Tạo ra được mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh đẹp và chính xác

2. *Phương thức thực hiện:* HĐ cá nhân

3. *Sản phẩm:* Sản phẩm của HS

4. *Kiểm tra đánh giá:*

- Hs đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5. *Tiến trình*

***Chuyên giao nhiệm vụ**

- GV: yêu cầu hs thực hành trình bày mẫu tự sáng tạo cá nhân.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai thực hiện.
- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.
- Dự kiến sản phẩm: mẫu bao tay trẻ sơ sinh trên bìa.

***Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- HS: khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'

1. *Mục tiêu:* Trình bày được 1 sản phẩm mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh theo cách của mình

2. *Phương thức thực hiện:* HĐ cá nhân

3.Sản phẩm: Sản phẩm của HS

4.Kiểm tra đánh giá:

- Hs đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: Các em hãy sáng tạo 1 mẫu bao tay trẻ sơ sinh ?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai thực hiện.
- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.
- Dự kiến sản phẩm: Mẫu bao tay trẻ sơ sinh.

***Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- HS: khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá.

* GV hỏi thêm: Theo em nên chọn vải như thế nào để may bao tay cho trẻ sơ sinh?
Vì sao?

- Hs trả lời.
- GV nhận xét, chốt.

* GV giao thêm nhiệm vụ:

- Về nhà dựng lại cho đẹp, chính xác để bài sau thực hành cắt vải theo mẫu giấy và khâu bao tay trẻ sơ sinh.

- Giờ thực hành sau mang vải mềm mỏng có kích thước 25 x 28 cm hoặc 2 mảnh 11 x13 cm, mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh hoàn chỉnh đã cắt.

Rút kinh nghiệm:

Tuần 7

TIẾT 13: THỰC HÀNH – CẮT KHÂU BAO TAY TRẺ SƠ SINH (T.2)

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** Biết cách cắt vải theo mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh.
- 2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng quan sát, vận dụng thực tế và làm việc theo quy trình.
- 3. Thái độ:** Có ý thức hăng say học tập, luyện tập, yêu lao động
- 4. Năng lực, phẩm chất:**
 - Năng lực: Năng lực tự học. Năng lực giải quyết vấn đề. Năng lực tư duy. Năng lực thực hành, năng lực phân tích.
 - Phẩm chất: Trung thực; Tự tin và có tinh thần vượt khó; Chấp hành kỉ luật

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh đã cắt hoàn chỉnh.
- Vải
- Kéo, thước, bút chì.....

2. Học sinh:

- Mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh đã cắt hoàn chỉnh.
- Vải
- Kéo, thước, bút chì.....

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

A. Hoạt động khởi động: 5'

1. *Mục tiêu* : Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2. *Phương thức*: Hđ cá nhân
3. *Sản phẩm* : Hs trình bày miệng
4. *Kiểm tra đánh giá*:
 - Hs đánh giá, nhận xét.
 - Gv đánh giá.

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv : Các em hãy: hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:

Mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh các em đã cắt được ở tiết trước dùng để làm gì?
Vì sao lại cần có nó?

- Hs : nghe

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Hs : trả lời câu hỏi
- Gv : theo dõi giúp đỡ hs.
- Dự kiến sản phẩm:
 - + Để đặt lên vải, cắt vải theo mẫu giấy.
 - + Vĩ: giúp rút ngắn thời gian và có độ chính xác cao hơn vẽ trực tiếp lên vải.

***Báo cáo kết quả**

Hs: trình bày miệng đáp án.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu và vào bài học.
- >Giáo viên nêu mục tiêu bài học.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1: Chuẩn bị: 5' 1.Mục tiêu:Nắm được vật liệu, dụng cụ cần thiết . 2. Phương thức thực hiện: hoạt động cá nhân. 3.Sản phẩm: Đáp án trả lời của HS 4.Kiểm tra đánh giá: - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá, bổ sung và chốt lại. 5.Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ - GV: +Tiết hôm nay cô trò chúng ta sẽ nghiên cứu, tìm hiểu phần 2- Cắt vải theo mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh. + Yêu cầu HS dựa vào mục I cho biết: Để vẽ và cắt được mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh cần vật liệu và dụng cụ gì? - HS: tiếp nhận	I. Chuẩn bị: - Vải 25cm x 28cm - Mẫu bìa bao tay trẻ sơ sinh . - Kéo, thước kẻ, compa, eke

*Thực hiện nhiệm vụ - HS: Sũy nghĩ cá nhân trả lời - GV : Quan sát - Dự kiến sản phẩm: Mẫu giấy đã cắt ở tiết trước, vải, kéo, thước kẻ, eke... *Báo cáo kết quả - Hs trả lời. *Đánh giá kết quả - Học sinh : Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt và yêu cầu hs ghi bài vào vở *GV nêu yêu cầu bài thực hành. - Kiểm tra sự chuẩn bị của HS - nhận xét	
Hoạt động 2: Cắt vải theo mẫu giấy: 10’ 1.Mục tiêu: Hiểu được cách cắt vải theo mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm 3.Sản phẩm: Đáp án trả lời của HS 4.Kiểm tra đánh giá: - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá, bổ sung và chốt lại. 5.Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc nội dung mục II .2 SGK/29, hoạt động nhóm 5 phút, hoàn thành ghi ra giấy câu trả lời của câu hỏi sau: + Cắt vải theo mẫu giấy được thực hiện như thế nào?	II. Cắt vải theo mẫu giấy. + Gấp đôi vải (nếu là mảnh vải liền) hoặc úp mặt phải 2 mảnh rời vào nhau. + Đặt mẫu giấy lên vải và ghim cố định. + Dùng bút chì vẽ lên vải theo rìa mẫu giấy. + Cắt đúng nét vẽ được 2 mảnh vải để may 1 chiếc bao tay.

- HS: tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - HS: Sũy nghĩ cá nhân trả lời, hoạt động nhóm hoàn thành nhiệm vụ. - GV : Quan sát - Dự kiến sản phẩm: + Gấp đôi vải (nếu là mảnh vải liền) hoặc úp mặt phải 2 mảnh rời vào nhau. + Đặt mẫu giấy lên vải và ghim cố định. + Dùng bút chì vẽ lên vải theo rìa mẫu giấy. + Cắt đúng nét vẽ được 2 mảnh vải để may 1 chiếc bao tay. *Báo cáo kết quả - Đại diện nhóm lên trình bày. *Đánh giá kết quả - Học sinh : Các nhóm khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt và yêu cầu hs ghi bài vào vở	
C. Hoạt động luyện tập: 15' 1.Mục tiêu: Cắt được vải theo mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh. 2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân 3.Sản phẩm: 2 mảnh vải để may 1 chiếc bao tay trẻ sơ sinh. 4.Kiểm tra đánh giá: - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá. 5.Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ - GV: Yêu cầu HS cắt vải theo mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh .	III. Thực hành.

- HS: tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - HS: Làm việc cá nhân. - GV : +Quan sát, theo dõi HS cách gấp vải và áp mẫu giấy vẽ. + Em nào khéo tay thì GV cho cắt cách nét vẽ 1cm không phải vẽ đường thứ 2 + Luôn nhắc HS phải vẽ đường thứ hai theo đường thứ nhất để có phần trừ đường may + GV giúp đỡ HS còn lúng túng + GV kiểm tra bạn nào vẽ hoàn chỉnh thì cho cắt vải theo nét vẽ 2. - Dự kiến sản phẩm: 2 mảnh vải để may 1 chiếc bao tay trẻ sơ sinh. *Báo cáo kết quả - Hs báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh : Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá.	
---	--

D. Hoạt động vận dụng: 10'

1. Mục tiêu: Cắt được vải theo mẫu giấy bao tay trẻ sơ sinh (cắt thêm 2 mảnh)
2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân
3. Sản phẩm: cắt được tiếp 2 mảnh vải nữa để may thêm 1 chiếc bao tay trẻ sơ sinh.
4. Kiểm tra đánh giá:
 - Hs đánh giá, nhận xét.
 - Gv đánh giá.
5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: yêu cầu hs thực hành cá nhân.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai thực hiện.

- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.

- Dự kiến sản phẩm: 2 mảnh vải nữa để may thêm 1 chiếc bao tay trẻ sơ sinh.

***Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- HS: khác nhận xét, đánh giá.

- GV nhận xét, đánh giá.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 5'

1. Mục tiêu: Trình bày được 1 sản phẩm mẫu bao tay trẻ sơ sinh theo cách của mình

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân

3. Sản phẩm: Sản phẩm của HS

4. Kiểm tra đánh giá:

- Hs đánh giá, nhận xét.

- Gv đánh giá.

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: Các em hãy sáng tạo 1 mẫu bao tay trẻ sơ sinh ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai thực hiện.

- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.

- Dự kiến sản phẩm: Mẫu bao tay trẻ sơ sinh.

***Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- HS: khác nhận xét, đánh giá.

- GV nhận xét, đánh giá.

- Cuối buổi thực hành GV chọn một số bài đẹp, đúng kĩ thuật và một số bài chưa đúng kĩ thuật cần rút kinh nghiệm treo lên bảng cho HS tự nhận xét kết quả của nhau -> tự rút ra kinh nghiệm cho bản thân.

GV: + Về nhà cắt thêm 1 sản phẩm mới và chỉnh sửa cho đẹp, chính xác để bài sau thực hành khâu bao tay trẻ sơ sinh.

+ Giờ thực hành sau mang kim, chỉ và sản phẩm của tiết 2 để hoàn thành bao tay trẻ sơ sinh.

Rút kinh nghiệm:

Tuần 8

TIẾT 14: THỰC HÀNH – CẮT KHÂU BAO TAY TRẺ SƠ SINH (T.3)

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** Biết cách khâu vòng ngoài bao tay trẻ sơ sinh.
- 2. Kỹ năng:** Vận dụng các mũi khâu đã học để khâu được vòng ngoài 2 chiếc bao tay.
- 3. Thái độ:** Yêu thích môn học, có tính cẩn thận thao tác chính xác đúng quy trình, có ý thức tự giác thực hành đảm bảo vệ sinh an toàn trước và sau thực hành.
- 4. Năng lực, phẩm chất:**
 - Năng lực: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực diễn đạt; Năng lực giải quyết vấn đề.
 - Phẩm chất: Trung thực; Tự tin và có tinh thần vượt khó; Chấp hành kỉ luật

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Tranh vẽ quy trình thực hiện khâu bao tay
- Mẫu bao tay trẻ sơ sinh bằng vải đã cắt ở tiết 2.
- Kim , chỉ, bút chì, thước....

2. Học sinh:

- Mẫu bao tay trẻ sơ sinh bằng vải đã cắt ở tiết 2.
- Kim , chỉ, bút chì, thước....

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

A. Hoạt động khởi động: 5'

1.Mục tiêu : Huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2.Phương thức: Hđ cá nhân

3.Sản phẩm : Hs trình bày miệng

4.Kiểm tra đánh giá:

- Hs đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5.Tiến trình

***Chuyên giao nhiệm vụ**

- Gv : Các em hãy: hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:

Hãy kể tên những mũi khâu cơ bản mà em đã được học ?

Hãy nêu quy trình thực hiện mũi khâu thường(mũi tới)?

- Hs : tiếp nhận.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Hs : trả lời câu hỏi

- Gv : theo dõi giúp đỡ hs.

- Dự kiến sản phẩm:

+ Mũi khâu thường (Mũi tới) , mũi khâu vắt, mũi khâu đột mau.

+ Quy trình mũi khâu thường: Vạch 1 đường thẳng; khâu chỉ vào kim; vê gút 1 đầu chỉ; tay trái cầm vải, tay phải cầm kim, khâu từ phải sang trái; Lên kim từ mặt trái của vải, xuống kim cách chỗ lên kim 0,2 cm, làm như vậy đến hết; khâu xong cần lại mũi.

***Báo cáo kết quả**

Hs: trình bày miệng đáp án.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu và vào bài học: Hôm nay chúng ta áp dụng các đường khâu đó vào việc hoàn thành một sản phẩm đơn giản đó là khâu bao tay trẻ sơ sinh.

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1: Chuẩn bị: 5' 1.Mục tiêu:Nắm được vật liệu, dụng cụ cần	

thiết . 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> hoạt động cá nhân. 3. <i>Sản phẩm:</i> Đáp án trả lời của HS 4. <i>Kiểm tra đánh giá:</i> - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá, bổ sung và chốt lại. 5. <i>Tiến trình</i> *Chuyển giao nhiệm vụ - GV: + Tiết hôm nay cô trò chúng ta sẽ nghiên cứu, tìm hiểu phần 3a- Khâu vòng ngoài bao tay trẻ sơ sinh. + Yêu cầu HS dựa vào mục 3a cho biết: Để khâu vòng ngoài bao tay trẻ sơ sinh cần vật liệu và dụng cụ gì? - HS: tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - HS: Suy nghĩ cá nhân trả lời - GV : Quan sát - Dự kiến sản phẩm: + Mẫu bao tay trẻ sơ sinh bằng vải đã cắt ở tiết 2. + Kim , chỉ, bút chì, thước.... *Báo cáo kết quả - Hs trả lời. *Đánh giá kết quả - Học sinh : Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt và yêu cầu hs ghi bài vào vở *GV: + Nêu yêu cầu bài thực hành: Khâu bao tay trẻ sơ sinh theo đúng quy	I. Chuẩn bị. + Mẫu bao tay trẻ sơ sinh bằng vải + Kim , chỉ, bút chì, thước.... .
---	---

trình Cẩn thận khi dùng kéo.kim để cắt may. Chú ý vệ sinh lớp học + Kiểm tra sự chuẩn bị của HS	
Hoạt động 2: Khâu bao tay- a. Khâu vòng ngoài bao tay: 10' 1.<i>Mục tiêu:</i> Hiểu được cách khâu vòng ngoài bao tay trẻ sơ sinh. 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> Hoạt động nhóm 3.<i>Sản phẩm:</i> Đáp án trả lời của HS 4.<i>Kiểm tra đánh giá:</i> - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá, bổ sung và chốt lại. 5.<i>Tiến trình</i> *Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc SGK/29 -> Liên hệ thực tế hoạt động nhóm 5 phút cho biết: + Khâu vòng ngoài bao tay dùng mũi khâu gì? + Nêu cách khâu vòng ngoài bao tay trẻ sơ sinh? - HS: tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - HS: Suy nghĩ cá nhân trả lời, hoạt động nhóm hoàn thành nhiệm vụ. - GV : Quan sát - Dự kiến sản phẩm: + Khâu mũi thường hoặc mũi vắt. + Cách khâu vòng ngoài bao tay trẻ sơ sinh: Vẽ đường may xung quanh cách mép vải 0,5 cm. Úp mặt phải 2 miếng vải vào trong, sắp bằng mép, khâu theo nét vẽ bằng mũi khâu	II. Khâu vòng ngoài bao tay trẻ sơ sinh. + Vẽ đường may xung quanh cách mép vải 0,5 cm. + Úp mặt phải 2 miếng vải vào trong, sắp bằng mép, khâu theo nét vẽ bằng mũi khâu thường hoặc vắt.

thường hoặc vắt. *Báo cáo kết quả - Đại diện nhóm lên trình bày. *Đánh giá kết quả - Học sinh : Các nhóm khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt và yêu cầu hs ghi bài vào vở	
C. Hoạt động luyện tập: 20' 1.<i>Mục tiêu:</i> Khâu được vòng ngoài bao tay trẻ sơ sinh. 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> Hoạt động cá nhân 3.<i>Sản phẩm:</i> 1 chiếc bao tay trẻ sơ sinh đã khâu xong vòng ngoài. 4.<i>Kiểm tra đánh giá:</i> - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá. 5.<i>Tiến trình</i> *Chuyển giao nhiệm vụ - GV: Yêu cầu HS khâu vòng ngoài bao tay trẻ sơ sinh. - HS: tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - HS: Làm việc cá nhân. - GV : +Quan sát, theo dõi HS + GV giúp đỡ HS còn lúng túng - Dự kiến sản phẩm: 1 chiếc bao tay trẻ sơ sinh đã khâu xong vòng ngoài. *Báo cáo kết quả - Hs báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh : Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá	III. Thực hành.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.	
---------------------------------	--

D. Hoạt động vận dụng, tìm tòi, mở rộng: 5'

1. *Mục tiêu:* Khâu được vòng ngoài bao tay trẻ sơ sinh (khâu thêm 1 chiếc để thành 1 đôi)

2. *Phương thức thực hiện:* HĐ cá nhân

3. *Sản phẩm:* 1 chiếc bao tay trẻ sơ sinh khâu xong vòng ngoài.

4. *Kiểm tra đánh giá:*

- Hs đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5. *Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: yêu cầu hs thực hành cá nhân.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai thực hiện.
- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.
- Dự kiến sản phẩm: 1 chiếc bao tay trẻ sơ sinh khâu xong vòng ngoài.

***Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- HS: khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá.

*** GV:** Các em tìm hiểu thêm ở địa phương chúng ta có còn sử dụng bao tay cho trẻ sơ sinh hay không? Nếu còn sử dụng thì bao tay này thường sử dụng cho những em ở những lứa tuổi nào? Báo cáo kết quả với cô vào tiết học sau.

Rút kinh nghiệm:

TIẾT 15: THỰC HÀNH – CẮT KHÂU BAO TAY TRẺ SƠ SINH (T.4)

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** Biết cách khâu viền gấp mép vòng cổ bao tay trẻ sơ sinh.
- 2. Kỹ năng:** Vận dụng các mũi khâu để khâu được viền gấp mép vòng cổ bao tay.
- 3. Thái độ:** Yêu thích môn học, có tính cẩn thận thao tác chính xác đúng quy trình, có ý thức tự giác thực hành đảm bảo vệ sinh an toàn trước và sau thực hành.
- 4. Năng lực, phẩm chất:**
 - a. Năng lực: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực diễn đạt; Năng lực giải quyết vấn đề.
 - b. Phẩm chất: Trung thực; Tự tin và có tinh thần vượt khó; Chấp hành kỉ luật

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- 2 chiếc bao tay đã khâu xong vòng ngoài bao tay.
- Kéo, kim, chỉ.

2. Học sinh:

- 2 chiếc bao tay đã khâu xong vòng ngoài bao tay.
- Kéo, kim, chỉ.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

A. Hoạt động khởi động: 5'

1. *Mục tiêu* : Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2. *Phương thức*: Hđ cá nhân
3. *Sản phẩm* : Hs trình bày miệng
4. *Kiểm tra đánh giá*:
 - Hs đánh giá, nhận xét.
 - Gv đánh giá.
5. *Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv : Các em hãy: hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:
Theo em khâu bao tay trẻ sơ sinh gồm những công đoạn nào?
- Hs : tiếp nhận.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Hs : trả lời câu hỏi
- Gv : theo dõi giúp đỡ hs.

- Dự kiến sản phẩm: gồm khâu vòng ngoài bao tay và khâu viền gấp mép vòng cổ tay.

***Báo cáo kết quả**

Hs: trình bày miệng đáp án.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu và vào bài học: Hôm nay chúng ta tiếp tục áp dụng các đường khâu thường hoặc khâu vắt vào việc hoàn thành viền gấp mép vòng cổ tay của bao tay trẻ sơ sinh.

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1: Chuẩn bị: 5' 1.Mục tiêu:Nắm được vật liệu, dụng cụ cần thiết . 2. Phương thức thực hiện: hoạt động cá nhân. 3.Sản phẩm: Đáp án trả lời của HS 4.Kiểm tra đánh giá: - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá, bổ sung và chốt lại. 5.Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ - GV: +Tiết hôm nay cô trò chúng ta sẽ nghiên cứu, tìm hiểu phần 3b- Khâu viền gấp mép vòng cổ tay. + Yêu cầu HS dựa vào mục 3b cho biết: Để khâu vòng ngoài bao tay trẻ sơ sinh. cần vật liệu và dụng cụ gì? - HS: tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - HS: Suy nghĩ cá nhân trả lời	I. Chuẩn bị. + 2 chiếc bao tay trẻ sơ sinh bằng vải đã khâu xong vòng ngoài bao tay. + Kim , chỉ, bút chì, thước....

- GV : Quan sát - Dự kiến sản phẩm: + 2 chiếc bao tay trẻ sơ sinh bằng vải đã khâu xong vòng ngoài bao tay. + Kim , chỉ, bút chì, thước.... *Báo cáo kết quả - Hs trả lời. *Đánh giá kết quả - Học sinh : Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt và yêu cầu hs ghi bài vào vở *GV: + nêu yêu cầu bài thực hành: Khâu bao tay trẻ sơ sinh theo đúng quy trình Cẩn thận khi dùng kéo.kim để cắt may. Chú ý vệ sinh lớp học + Kiểm tra sự chuẩn bị của HS	
Hoạt động 2: Khâu viền gấp mép vòng cổ tay: 10' 1.<i>Mục tiêu:</i> Hiểu được cách khâu viền gấp mép cổ tay của bao tay trẻ sơ sinh. 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> Hoạt động nhóm 3.<i>Sản phẩm:</i> Đáp án trả lời của HS 4.<i>Kiểm tra đánh giá:</i> - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá, bổ sung và chốt lại. 5.<i>Tiến trình</i> *Chuyên giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc SGK/29 -> Liên hệ thực tế hoạt động nhóm 5 phút cho biết: + Khâu viền gấp mép vòng cổ tay dùng mũi khâu gì? + Nêu cách khâu viền gấp mép vòng cổ tay của bao tay trẻ sơ sinh? - HS: tiếp nhận	II. Khâu viền gấp mép vòng cổ tay. + Gấp mép vải xuống 0,5 cm, gấp tiếp xuống 0,5 cm, khâu lược. + Khâu viền bằng mũi khâu thường hoặc khâu vắt.

*Thực hiện nhiệm vụ - HS: Sũy nghĩ cá nhân trả lời, hoạt động nhóm hoàn thành nhiệm vụ. - GV : Quan sát - Dự kiến sản phẩm: + Khâu mũi thường hoặc mũi vắt. + Cách khâu viền gấp mép vòng cổ tay: Gấp mép vải xuống 0,5 cm, gấp tiếp xuống 0,5 cm, khâu lược. - Khâu viền bằng mũi khâu thường hoặc khâu vắt. *Báo cáo kết quả - Đại diện nhóm lên trình bày. *Đánh giá kết quả - Học sinh : Các nhóm khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt và yêu cầu hs ghi bài vào vở	
C. Hoạt động luyện tập: 20' 1. <i>Mục tiêu:</i> Khâu được viền gấp mép vòng cổ tay của bao tay trẻ sơ sinh. 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> Hoạt động cá nhân 3. <i>Sản phẩm:</i> 1 chiếc bao tay trẻ sơ sinh đã khâu xong viền gấp mép vòng cổ tay. 4. <i>Kiểm tra đánh giá:</i> - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá. 5. <i>Tiến trình</i> *Chuyển giao nhiệm vụ - GV: Yêu cầu HS khâu viền gấp mép vòng cổ tay. - HS: tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - HS: Làm việc cá nhân.	III. Thực hành.

- GV : +Quan sát, theo dõi HS + GV giúp đỡ HS còn lúng túng - Dự kiến sản phẩm: 1 chiếc bao tay trẻ sơ sinh đã khâu xong viền gấp mép vòng cổ tay. *Báo cáo kết quả - Hs báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh : Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá.	
--	--

D. Hoạt động vận dụng, tìm tòi, mở rộng: 5'

1. *Mục tiêu:* Khâu được viền gấp mép vòng cổ tay của bao tay trẻ sơ sinh (khâu thêm 1 chiếc để thành 1 đôi)

2. *Phương thức thực hiện:* HĐ cá nhân

3. *Sản phẩm:* 1 chiếc bao tay trẻ sơ sinh khâu xong viền gấp mép vòng cổ tay.

4. *Kiểm tra đánh giá:*

- Hs đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: yêu cầu hs thực hành cá nhân về nhà làm.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai thực hiện.
- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.
- Dự kiến sản phẩm: 1 chiếc bao tay trẻ sơ sinh khâu xong viền gấp mép vòng cổ tay

***Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- HS: khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá.

Rút kinh nghiệm:

Tuần 9

Tiết 17

ÔN TẬP CHƯƠNG I: MAY MẶC TRONG GIA ĐÌNH

A. Mục tiêu.

- Kiến thức: Hệ thống được kiến thức về các loại vải thường dùng trong may mặc và việc may mặc trong gia đình.
- Kỹ năng: Củng cố và kỹ năng phân biệt các loại vải và lựa chọn trang phục.
- Thái độ: Có ý thức tích cực, tự giác ôn tập để chuẩn bị kiểm tra.
- Định hướng năng lực: Rèn năng lực thực hành, giao tiếp, quan sát.

B. Chuẩn bị .

1. GV - Soạn giáo án

2. HS: Ôn tập

III. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: 5'

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế, thu hút sự quan tâm chú ý của học sinh vào bài mới.
- **Nhiệm vụ:** Vẽ sơ đồ tư duy các kiến thức đã học trong chương I
- **Phương thức thực hiện:** HĐ nhóm.
- **Sản phẩm:** Tranh vẽ của các nhóm.
- **Gợi ý tiến trình:** Tổ chức trò chơi

Chia lớp làm 4 tổ, các tổ sẽ vẽ một ngôi nhà một cách nhanh nhất. Sau khi hoàn thành xong sẽ dán lên bảng cho cả lớp quan sát.

Tổ nào xong trước và đẹp sẽ là tổ thắng cuộc.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

Mục tiêu : HS củng cố lại các kiến thức đã học trong chương.

Nhiệm vụ : HS trả lời các câu hỏi GV đưa ra, trao đổi thảo luận nhóm

Phương thức hoạt động : hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, thực hiện nhiệm vụ giáo viên giao cho ở nhà.

Sản phẩm : nội dung câu trả lời cá nhân của HS, sản phẩm của nhóm ghi vào phiếu học tập

Gợi ý tiến trình hoạt động

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
Hoạt động : Ôn tập lý thuyết - GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận, dựa theo 4 nội dung trọng	- HS thảo luận theo từng nhóm, tóm tắt lại toàn bộ kiến thức	<u>A. Về kiến thức: 15'</u> <u>I. Các loại vải thường dùng trong may mặc.</u>

tâm - <u>Nhóm 1: Các loại vải thường dùng trong may mặc</u> (Yêu cầu HS nêu tóm tắt được nguồn gốc, tính chất, cách nhận biết của các loại vải)	chính của từng nội dung. - HS cử đại diện báo cáo, các nhóm khác nhận xét.	
--	---	--

Vải Đặc điểm	Vải sợi thiên nhiên	Vải sợi hoá học	Vải sợi pha
Nguồn gốc	Nguồn gốc từ thực vật, động vật	Nguồn gốc từ một số chất hóa học ở tre, gỗ, nứa, than đá, dầu mỏ...	Kết hợp từ hai hay nhiều loại sợi khác nhau
Tính chất	- Độ hút ẩm cao, mặc thoáng mát nhưng dễ bị nhàu	- Bền, đẹp, ít thấm mồ hôi, ít nhàu.	- Có ưu điểm của các loại sợi thành phần: thoáng mát, ít nhàu, bền, đẹp.
Nhận biết	- Dễ nhàu. - Thấm nước. - Tro bóp dễ tan	- Ít hoặc không nhàu. - Ít thấm nước. - Tro bóp khó tan	- Phụ thuộc vào thành phần của các loại sợi vải.

(Yêu cầu HS khai quát lại được những điều cần chú ý khi lựa chọn trang phục) - GV có thể cho HS quan sát một số hình ảnh sưu tầm về trang phục và lựa chọn trang phục để HS nhận xét. - <u>Nhóm 3: Sử dụng trang phục.</u> (yêu cầu HS nêu được những lưu ý khi sử dụng trang phục) - GV cho HS làm bài	- HS cử đại diện báo cáo, các nhóm khác nhận xét, bổ sung - HS quan sát và nhận xét về cách lựa chọn trang phục của các đối tượng. - Đại diện báo cáo, các nhóm nhận xét	da... - Chọn vải và kiểu may phù hợp với lứa tuổi. - Sự đồng bộ của trang phục: vật dụng đi kèm cần phù hợp với quần áo về màu sắc, hình dáng, kiểu cách... <u>III. Sử dụng trang phục.</u> - Trang phục phù hợp với hoạt động: đi học, lao động, dự lễ hội... - Trang phục phù hợp với môi trường và công việc - Phối hợp màu sắc, hoa văn
--	--	--

tập lựa chọn <i>Hãy nối các cột sau để lựa chọn được trang phục phù hợp.</i>	- HS thảo luận và trả lời: + 1-a-y + 2-d-z + 3-c-v + 4-b-x	với vải trơn - Phối hợp màu sắc quần và áo.
---	--	--

Trang phục	Màu sắc	Kiểu may
1. Đi học	a. Quần sẫm, áo trắng	x. May kiểu cách, cầu kì
2. Lao động	b. Màu sắc tươi sáng, rực rỡ	y. May bằng vải pha, dễ hoạt động
3. Đám tang	c. Quần áo màu tối	z. May bằng vải sợi bông, đơn giản, đi lại, làm việc
4. Liên hoan văn nghệ	d. Màu sẫm, thẫm mồm hôi, giấy бата	v. Đơn giản, lịch sự

<u>-Nhóm 4: Bảo quản trang phục.</u> (Yêu cầu HS trình bày được quy trình thực hiện các công việc bảo quản trang phục) ? Bảo quản trang phục đúng kĩ thuật có tác dụng gì? ? Yêu cầu HS quan sát và giải thích một số kí hiệu giặt, là.	- HS trả lời. - HS trả lời.	<u>IV. Bảo quản trang phục.</u> - Giặt, phơi - Là (ủi) - Cất giữ
<u>Hoạt động 2: Thực hành: 17'</u> - GV yêu cầu HS	- HS lắng nghe GV phổ	<u>B: Thực hành</u> <u>I. Chuẩn bị.</u> - Hộp mẫu các loại vải. - Vải, kim chỉ, thước, bút

đọc nội dung II. SGK. * Nội dung: Nhận biết, phân biệt các loại vải. - GV yêu cầu HS nhắc lại các cách nhận biết, phân biệt các loại vải. * Ôn lại một số mũi khâu cơ bản. - GV có thể hướng dẫn lại thao tác thực hiện một số mũi khâu cơ bản. - GV chia nhóm và phát dụng cụ thực hành cho các nhóm. - Nêu yêu cầu, mục tiêu và nhiệm vụ thực hành + Thành thạo các kỹ năng nhận biết, phân biệt các loại vải.	biến nội dung thực hành. + Vò: vải sợi thiên nhiên dễ nhàu, vải sợi hóa học ít nhàu hoặc ko nhàu + Ngâm nước: vải sợi thiên nhiên thấm nước, lâu khô; vải sợi hóa học ít thấm nước, nhanh khô và có thể bị cứng lại trong nước. + Đốt sợi vải: vải sợi thiên nhiên tro bóp dễ tan, vải sợi hóa học tro bóp khó tan hoặc ko tan. - HS quan sát, củng cố lại kỹ năng để thực hành, chuẩn bị cho giờ sau kiểm tra thực hành - Nhận nhóm và dụng cụ thực hành - Thực hành theo yêu cầu và nhiệm vụ đã được giao	chì, phấn màu, kéo... <u>II. Nội dung</u> 1. Nhận biết, phân biệt các loại vải. - Vò - Ngâm nước - Đốt sợi vải 2. Ôn một số mũi khâu cơ bản. - Khâu mũi thường (mũi tới) - Khâu đột mau(khâu đột) - Khâu vắt <u>III. Thực hành</u> - Nhận biết, phân biệt các loại vải - Ôn một số mũi khâu cơ bản
--	--	---

+ Khâu thành thạo các mũi khâu cơ bản đã học - Quan sát, theo dõi, sửa sai kịp thời cho HS		
---	--	--

C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH /LUYỆN TẬP: 3'

Mục tiêu : Học sinh vận dụng kiến thức vừa học về bản vẽ nhà để làm bài tập.

Nhiệm vụ : HS làm bài tập mà Gv giao cho.

Phương thức hoạt động : HĐ cá nhân

Sản phẩm : Nội dung trả lời cá nhân của HS vào vở

Gợi ý tiến trình hoạt động

Hãy khoanh tròn vào một trong các chữ cái trong bảng để trả lời câu hỏi của em cho lựa chọn đúng nhất .

1. Vai trò của gia đình là :

- A. Nơi sinh ra, lớn lên, nơi ở hàng ngày
- B. Nơi sinh ra, lớn lên, nơi ăn ngủ hàng ngày
- C. Nơi sinh ra, lớn lên, nuôi dưỡng, giáo dục và chuẩn bị nhiều mặt cho tương lai
- D. Nơi sinh ra, lớn lên, nơi ở hàng ngày và cung cấp cho chúng ta nhiều thức ăn ngon

2. Vải sợi pha có nguồn gốc:

- A. Từ sợi pha
- B. Từ các dạng sợi do con người tạo ra
- C. Từ sợi cây đay
- D. Từ sợi tơ tằm

3. Vải sợi thiên nhiên có tính chất :

- A. Ít thấm mồ hôi, ít bị nhàu
- B. Giặt mau khô, hút ẩm thấp
- C. Hút ẩm cao, giặt lâu khô
- D. Ít thấm mồ hôi, khi đốt tro vón cục

4. Chức năng của trang phục :

- A. Giúp con người chống nóng
- B. Bảo vệ cơ thể và làm đẹp cho con người
- C. Giúp con người chống lạnh
- D. Làm tăng vẻ đẹp của con người

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: 5'

Mục tiêu : Học sinh vận dụng kiến thức về may mặc tự lên kế hoạch may cho mình một trang phục chuẩn bị cho chuyến tham quan, trải nghiệm do nhà trường tổ chức vào 20/11

Nhiệm vụ : Thực hiện yêu cầu các câu hỏi GV giao cho.

Phương thức hoạt động : HĐ cá nhân.

Sản phẩm : Bản thiết kế trang phục của học sinh.

Gợi ý tiến trình hoạt động

Học sinh làm việc cá nhân.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG: 1'

- *Mục tiêu* : Học sinh mở rộng kiến thức về may mặc.
- *Nhiệm vụ* : sưu tầm các mẫu trang phục, các hiểu biết về vải các loại
- *Phương thức hoạt động* : HĐ nhóm.
- *Gợi ý tiến trình hoạt động*

Sưu tập các mẫu trang phục, các hiểu biết về vải các loại .

*** Dặn dò:** Chuẩn bị tiết sau kiểm tra 1 tiết lí thuyết.

*** Rút kinh nghiệm .**

Tuần 9

Tiết 18: KIỂM TRA 1 TIẾT

A. Mục tiêu.

1. Kiến thức:

Kiểm tra học sinh về các kiến thức :

- Chủ đề 1: Bài mở đầu
- Chủ đề 2: Các loại vải thường dùng trong may mặc
- Chủ đề 3: Lựa chọn trang phục
- Chủ đề 4: Thực hành lựa chọn trang phục
- Chủ đề 5: Sử dụng và bảo quản trang phục

2. Kỹ năng:

- Giải câu hỏi trắc nghiệm khách quan
- Vận dụng những kiến thức đã học vào lựa chọn trang phục phù hợp với bản thân
- Biết lựa chọn vải, kiểu may phù hợp cho lứa tuổi

3. Thái độ:

- Xây dựng lòng tin và tính quyết đoán của HS khi giải quyết vấn đề
- Rèn luyện tính cẩn thận nghiêm túc thẩm mỹ

4. Năng lực có thể hướng tới :

- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực tư duy
- Năng lực tự quản lý

II. ĐỀ KIỂM TRA

1. ThiỐt kỐ ma trỀn hai chiỜu

Hình thức kiểm tra : Kết hợp cả hai hình thức TNKQ và TL

Mức độ	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Tổng
					Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
Chủ đề	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	T L	
Chủ đề 1 Mở đầu			Hiếu được vai trò của gia đình						
Số câu 1			1						1
Số điểm :			0,5						0,5đ
Tỉ lệ			5%						5%
Chủ đề 2 Các loại vải thường dùng trong may mặc	Biết được nguồn gốc của các loại vải		Hiếu được cơ sở để phân loại các loại vải						

Số câu 2	1		1						2
Số điểm :	0,5		0,5						1đ
Tỉ lệ	5%		5%						10%
Chủ đề 3 Lựa chọn trang phục	Biết được chức năng của trang phục	Biết được khái niệm về cách phân loại trang phục			Biết cách vận dụng sử dụng trang phục phù hợp				
Số câu 3	1	1			1				3
Số điểm : 4	0,5	2			0,5				3đ
Tỉ lệ	5%	20%			5%				30%
Chủ đề 4 Thực hành lựa chọn trang phục					Vận dụng kiến thức đã học vào việc lựa chọn trang phục	Hiếu được thể nào là trang phục đẹp			
Số câu 4					3	1			4
Số điểm :					1,5	1			2,5
Tỉ lệ					15%	10%			25%
Chủ đề 5 Sử dụng và bảo quản trang phục	Biết mục đích của		Quy trình bảo quản trang	Biết được quy trình					

	việc là (ủi)		phục	giặt phơi					
Số câu 3	1		1	1					3
Số điểm : 2,5	0,5		0,5	2					3đ
Tỉ lệ	5%		5%	20%					30%
Tổng số câu: 11	5	1	4	1	7	1			
Tổng số điểm:10	1,25	3	1	2	1,75	1			10
100%	12,5%	30%	10%	20%	17,5%	10%			100%

2. §Ò kiÓm tra :

Phần A: Trắc nghiệm

C©u I (4 ®iÓm): H·y khoanh trñn vµo mét trong c,c ch÷ c,i ®ång tríc c©u tr¶ lêi mµ em cho lµ ®óng nhÊt .

1. Vai trò của gia đình là :

- A. Nơi sinh ra, lớn lên, nơi ở hàng ngày
- B. Nơi sinh ra, lớn lên, nơi ăn ngủ hàng ngày
- C. Nơi sinh ra, lớn lên, nuôi dưỡng, giáo dục và chuẩn bị nhiều mặt cho tương lai
- D. Nơi sinh ra, lớn lên, nơi ở hàng ngày và cung cấp cho chúng ta nhiều thức ăn ngon

2. Vải sợi pha có nguồn gốc:

- A. Từ sợi pha
- B. Từ các dạng sợi do con người tạo ra
- C. Từ sợi cây đay
- D. Từ sợi tơ tằm

3. Vải sợi thiên nhiên có tính chất :

- A. Ít thấm mồ hôi, ít bị nhàu
- B. Giặt mau khô, hút ẩm thấp
- C. Hút ẩm cao, giặt lâu khô
- D. Ít thấm mồ hôi, khi đốt tro vón cục

4. Chức năng của trang phục :

- A. Giúp con người chống nóng
- B. Bảo vệ cơ thể và làm đẹp cho con người
- C. Giúp con người chống lạnh

- D. Làm tăng vẻ đẹp của con người
5. Người béo và lùn nên mặc loại vải :
- Màu sáng, mặt vải thô, kẻ sọc ngang
 - Màu sáng, mặt vải láng, kẻ sọc dọc
 - Màu tối, mặt vải thô, kẻ sọc ngang
 - Màu tối, mặt vải trơn, kẻ sọc dọc
6. Người có dáng cao, gầy nên mặc trang phục :
- Áo có cầu vai, tay bông , kiểu thụng
 - May sát cơ thể, tay chéo
 - Đường may dọc theo thân áo, tay chéo
 - Kiểu may sát cơ thể, tay bông
7. Khi chọn vải phù hợp cho trẻ em từ sơ sinh đến mẫu giáo ta chọn vải :
- Vải thô cứng, màu tối
 - Vải mềm, dễ thấm mồ hôi, màu sắc đẹp
 - Vải ít thấm mồ hôi, màu sắc đẹp
 - Màu vải sáng, ít thấm mồ hôi
8. Khi đi học thể dục em chọn trang phục :
- Vải sợi bông, may sát người, giày cao gót
 - Vải sợi tổng hợp, may rộng, giày da đắt tiền
 - Vải sợi bông, may rộng, dép lê
 - Vải sợi bông, may rộng, giày ba ta

Phần B: Tự luận

Câu II (2 điểm): Em hãy trình bày quy trình giặt, phơi ?

Câu III (3 điểm): Trang phục là gì? Các loại trang phục?

Câu IV (1 điểm): Để có một bộ trang phục đẹp và phù hợp cần thực hiện theo quy trình lựa chọn như thế nào ?

Điểm và biểu điểm

	$\sum p, n$	Biểu điểm																		
Câu I 4	Mỗi câu khoanh đúng $0,5 \text{ điểm} \times 8 = 4 \text{ điểm}$																			
	<table><tr><td>Câu</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td></tr><tr><td>Đáp án</td><td>C</td><td>A</td><td>C</td><td>B</td><td>D</td><td></td><td></td><td></td></tr></table>		Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	Đáp án	C	A	C	B	D			
	Câu		1	2	3	4	5	6	7	8										
Đáp án	C	A	C	B	D															

®iỐm										
C©u II 2 ®iỐm	Quy trình giặt phơi: - Lấy các đồ vật còn sót lại trong túi áo túi quần ra - Tách riêng quần áo sáng màu và quần áo màu - Ngâm quần áo 10 - 15 phút trong nước lã trước khi vò xà phòng - Vò kĩ bằng xà phòng những chỗ bẩn rồi ngâm 15- 30 phút - Giữ quần áo nhiều lần bằng nước sạch - Vắt kĩ và phơi khô	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,5 đ 0,5 đ 0,25 đ								
C©u III 3 ®iỐm	- Trang phục bao gồm các loại quần áo và một số vật đi kèm khác như: mũ, giày ... - Có 4 loại trang phục: + Theo thời tiết: trang phục mùa lạnh, trang phục mùa nóng + Theo công dụng: Trang phục lễ hội , trang phục thể thao ... + Theo lứa tuổi: Trang phục trẻ em, trang phục người đứng tuổi + Theo giới tính: Trang phục nam, trang phục nữ	1 đ 0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ								
C©u IV 1 ®iỐm	Để có một bộ trang phục đẹp và phù hợp cần thực hiện theo qui trình lựa chọn : - Đặc điểm vóc dáng bản thân - Kiểu áo, quần định may - Chọn vải: chất liệu màu sắc - Chọn vật dụng đi kèm	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ								

4. Dặn dò.

- Thu bài của HS về nhà chấm điểm, nhận xét giờ kiểm tra..
- Nhắc HS chuẩn bị bài sau: đọc trước bài 8.

***. Rút kinh nghiệm.**

Tuần 10

CHƯƠNG II. TRANG TRÍ NHÀ Ở

Tiết 19 - Bài 8

SẮP XẾP ĐỒ ĐẠC HỢP LÝ TRONG NHÀ Ở (T.1)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: - Trình bày được vai trò của nhà ở đối với con người.

- Kể tên được một số khu vực chính của nhà ở và trình bày được các yêu cầu đối với các khu vực chính của nhà ở.

2. Kỹ năng: - Biết vận dụng hợp lý sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp nơi ngủ, góc học tập, gắn bó và yêu quý nơi ở của gia đình.

3. Thái độ: Yêu quý ngôi nhà của mình và có ý thức giữ gìn nhà ở sạch sẽ.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: Năng lực tự học. Năng lực giải quyết vấn đề. Năng lực tư duy, năng lực phân tích, tổng hợp thông tin . Năng lực hợp tác. Năng lực sử dụng ngôn ngữ
- Phẩm chất: Trung thực; Tự tin và có tinh thần vượt khó; Chấp hành kỉ luật

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: - Sưu tầm các tranh ảnh về nhà ở,

- Phiếu học tập

2. Học sinh: SGK, sưu tầm tranh ảnh, trang trí nội thất trong gia đình.

III. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: 5'

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế, thu hút sự quan tâm chú ý của học sinh vào bài mới.

- **Nhiệm vụ:** Vẽ ngôi nhà

- **Phương thức thực hiện:** HĐ nhóm.

- **Sản phẩm:** Tên các đồ vật thường dùng trong nhà.

- **Gợi ý tiến trình:** Tổ chức trò chơi; Tiếp sức.

Chia lớp làm 4 tổ, các tổ sẽ cho từng bạn lên viết tên các khu vực sinh hoạt trong nhà một cách nhanh nhất. Sau khi hoàn thành xong sẽ về chỗ, bạn khác lên viết tiếp. trong khoảng 3 phút tổ nào viết được nhiều khu vực sẽ thắng

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ...

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1 :Vai trò của nhà ở đối với đời sống con người. 15' 1.<i>Mục tiêu</i> : nắm được vai trò của việc sắp xếp đồ đạc hợp lí trong gia đình 2.<i>Phương thức</i>: Thảo luận nhóm; 3.<i>Sản phẩm</i> : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi 4. <i>Kiểm tra, đánh giá</i>: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá	I. Vai trò của nhà ở đối với đời sống con người.

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

Yêu cầu HS quan sát hình trên máy chiếu-> Thảo luận nhóm 5 phút.

* Sử dụng kỹ thuật mảnh ghép:

- Vòng 1 chuyên gia:

Nhóm 1,2 quan sát và tìm hiểu hình 1,2,3 ;

Nhóm 3,4 quan sát và tìm hiểu hình 4,5,6 ;

Nhóm 5,6 quan sát và tìm hiểu hình 7,8,9 tìm hiểu xem nhà ở có vai trò gì ? Các bức tranh nói lên điều gì ?

Nó miêu tả những hoạt động nào của con người ?

- Các nhóm thảo luận, ghi câu trả lời ra giấy. Thời gian thảo luận là 5 phút

- Vòng mảnh ghép:

- Với em nhà ở có ý nghĩa gì không? Em đã làm gì cho ngôi nhà của mình chưa?

- Nếu không có nhà thì em sẽ ntn?

)*Thực hiện nhiệm vụ

Hs :tl----

(Em rất yêu nhà của em, vì nhà em là nơi cho em rất nhiều tình cảm. Em luôn dọn dẹp nhà cửa... Không thể ở, không thể tránh mưa gió, không có sự yêu thương, lo lắng của gia đình...)

- Sau 5 phút, nhóm nào xong trước sẽ lên trình bày sản phẩm của nhóm mình.

- Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung.

GV: Nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm.

HS: Ghi vở

GV nói thêm: Tránh thú dữ, tránh lũ, tránh gió cát.....

Để HS biết và so sánh với nhà ở địa phương mình.

Nhà ở là một nhu cầu thiết yếu của con người. Hiến pháp và pháp luật nước CHXHCNVN đã quan tâm đến vấn đề nhà ở của công dân.....(điều 62 và điều 73

Nhóm 1,2:

- Nhà ở là nơi trú ngụ của con người.

Nhóm 3,4:

- Nhà ở bảo vệ con người tránh khỏi những tác hại do ảnh hưởng của tự nhiên, môi trường.

Nhóm 5,6:

- Nhà ở là nơi đáp ứng các nhu cầu về vật chất và tinh thần của con người.

[illegible]

1. *Mục tiêu* : nắm được cách phân chia các khu vực sinh hoạt trong gia đình

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân.

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*

Gv : yêu cầu hs hđ cá nhân nghiên cứu sgk, tl câu

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV cho HS đọc mục 1 –SGK/35 + liên hệ thực tế hoạt động cá nhân 2 phút cho biết:

+ Trong nhà ở thông thường phải có ít nhất những khu vực nào? Ngoài các khu vực nêu trên, nhà em còn có những khu vực khác nào nữa?(VD: khu tập thể dục, khu SX, vườn cây...)

+ Ở nhà em các khu vực đó được bố trí như thế nào?

- Cá nhân nào xong trước báo cáo kết quả, các bạn còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung.

- GV chiếu hình ảnh một số khu vực của nhà ở yêu cầu HS cho biết:

+ Tên gọi và vai trò của khu vực trong mỗi hình ảnh đó là gì?

+ Kể tên những đồ vật chủ yếu trong các khu vực đó?

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS cá nhân nghiên cứu trả lời.

***Báo cáo kết quả**

hs trả lời, - GV:Nhận xét -> Chốt lại nội dung chính của mỗi gia đình, sự cần thiết phải bố trí khu vực sinh hoạt.

- GV: ở nhà em khu vực sinh hoạt được bố trí như thế

a) Chỗ sinh hoạt chung, tiếp khách, nên rộng rãi, thoáng mát, đẹp, trung tâm.

b) Chỗ thờ cúng cần trang trọng.

c) Chỗ ngủ cần riêng biệt, yên tĩnh.

d) Chỗ ăn uống gần bếp hoặc trong bếp, sạch sẽ, thoáng mát.

e) Khu vực bếp cần sáng sủa, sạch sẽ, tiện cho việc cấp thoát nước.

f) Khu vực vệ sinh cần kín đáo, xa nhà , cuối hướng gió.

g) Chỗ để xe kín đáo, chắc chắn, an toàn.

nào? Tại sao lại bố trí như vậy? Em có muốn thay đổi không , trình bày lý do.

HS: Trả lời

- Các hộ gia đình thuộc dân tộc miền núi thường sống ở nhà sàn.....Các hộ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu sống trên thuyền?(Dân tộc: Tiếp khách ->Thờ cúng-> Sinh hoạt chung-> Ngủ, nghỉ đều quanh bếp chính.

- ĐBSCL: Đơn sơ, chật hẹp, chủ yếu chỉ để ngủ còn các sinh hoạt khác thì thiếu thốn.....)

GV: Sự phân chia khu vực cần tính toán hợp lý tùy theo diện tích nhà ở, phù hợp với tính chất, công việc mỗi gia đình cũng như địa phương để đảm bảo cho mọi thành viên sống thoải mái, thuận tiện.

***Đánh giá kết quả**

- 1 HS khác nhận xét.

- Gv phân tích thêm.

C. Hoạt động luyện tập: 5'

1.Mục tiêu : nắm vững được vai trò của các chất dinh dưỡng để làm bài tập

2.Phương thức:Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
phiếu học tập nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

Gv : yêu cầu hs hđ cá nhân tl câu hỏi, làm bài tập

- Hãy chọn câu đúng (Đ) hoặc sai (S):

Stt	Nội dung	Đ	S
1	Chỗ ngủ, nghỉ thường bố trí ở nơi riêng biệt yên tĩnh	x	
2	Nhà chật, một	phò ng khô	x

		ng thể bố trí thu ận tiện đượ c	
3	Nhà chật, một phòng cần phải bố trí các khu vực thật hợp lí.	x	
4	Nhà ở là nhu cầu thiết yếu của con người, nhà nước khuyến khích người dân cải thiện điều kiện nhà ở.	x	
5	Khu vệ sinh không cần sạch sẽ, kín đáo.		x
6	Chỗ ngủ ,nghỉ cần bố trí gần bếp hoặc kết hợp trong bếp.		x
7	Chỗ để xe nên bố trí nơi kín đáo, chắc chắn, an toàn .	x	

D. Hoạt động vận dụng: 3'

1.*Mục tiêu* : nắm vững được vai trò của các chất dinh dưỡng vận dụng vào thực tế

2.*Phương thức*:Hđ cá nhân.

3.*Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4.*Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.*Tiến trình*

Gv; Yêu cầu hs vận dụng kiến thức đã học, tl câu hỏi

- Hãy quan sát những khu vực trong nhà ở của gia đình em và một số gia đình xung quanh nơi em ở. Từ đó rút ra nhận xét về việc bố trí các khu vực đó
- Ghi câu trả lời ra giấy để chia sẻ với các bạn trong nhóm.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'

1.*Mục tiêu*: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.*Phương thức*:Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
phiếu học tập nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5.Tiến trình

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

Em hãy trao đổi với người thân, bạn bè để trả lời câu hỏi sau:

- Vì sao người dân ở vùng cao thường làm kiểu nhà sàn?
- Em hiểu câu “**An cư,lạc nghiệp**” như thế nào?

*. Về học bài câu 1;2 SGK .Xem bài 8 phần 2;3 –SGK trang 35- 38 và sưu tầm tranh hình 2.2- 2.6.SGK.

- Tìm hiểu cách sắp xếp đồ đạc trong từng khu vực.
- 1 số ví dụ về cách sắp xếp nhà ở hợp lý,...

Rút kinh nghiệm.

Tuần10

Tiết 20 - Bài 8

SẮP XẾP ĐỒ ĐẠC HỢP LÝ TRONG NHÀ Ở (T.2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: - Trình bày được vai trò của nhà ở đối với con người.

- Kể tên được một số khu vực chính của nhà ở và trình bày được các yêu cầu đối với các khu vực chính của nhà ở.

- Phân biệt được một số kiểu nhà ở thông thường ở nước ta.

2. Kỹ năng: - Biết vận dụng hợp lý sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp nơi ngủ, góc học tập, gắn bó và yêu quý nơi ở của gia đình.

3. Thái độ: Yêu quý ngôi nhà của mình và có ý thức giữ gìn nhà ở sạch sẽ.

4.Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: Năng lực tự học. Năng lực giải quyết vấn đề. Năng lực tư duy, năng lực phân tích, tổng hợp thông tin . Nl hợp tác. Nl sử dụng ngôn ngữ

- Phẩm chất: Trung thực; Tự tin và có tinh thần vượt khó; Chấp hành kỉ luật

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: - Sưu tầm các tranh ảnh về nhà ở, máy chiếu; Phiếu học tập

2. Học sinh: SGK, sưu tầm tranh ảnh, trang trí nội thất trong gia đình.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:

A. Hoạt động khởi động: 5'

1. *Mục tiêu* : huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân.

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

Giáo viên chiếu một số hình ảnh về cách sắp xếp đồ đạc hợp lý và không hợp lý?

- Dù nơi ở rộng hay hẹp, nhà nhiều phòng hay ít phòng. Nhà ngói hay nhà tranh... cũng cần phải sắp xếp hợp lý, phù hợp với mọi sinh hoạt của gia đình...

***Thực hiện nhiệm vụ**

-Hs : trả lời câu hỏi

Gv : theo dõi

***Báo cáo kết quả**

Hs: đại diện nhóm báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Đặt vấn đề : Giờ trước chúng ta đã được phân chia các khu vực sinh hoạt trong gia đình. Nhưng để có thể sắp xếp hợp lý nhất các đồ đạc và dụng cụ trong nhà cần làm thế nào?

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1 : Sắp xếp đồ đạc trong từng khu vực: 12' <i>Mục tiêu</i> : HS nắm được sự sắp xếp đồ đạc trong từng khu vực sao cho hợp lý. <i>Nhiệm vụ</i> : HS trả lời các câu hỏi GV đưa ra, trao đổi	2. Sắp xếp đồ đạc trong từng khu vực.

thảo luận nhóm <i>Phương thức hoạt động</i> : hoạt động cá nhân, hoạt động cá nhân. <i>Sản phẩm</i> : nội dung câu trả lời cá nhân của HS, sản phẩm của nhóm ghi vào phiếu học tập <i>Gợi ý tiến trình hoạt động</i> Gv : yêu cầu hs hđ cá nhân nghiên cứu sgk, tl câu *Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc mục II.2 SGK/36 kết hợp quan sát 1 số hình ảnh về cách sắp xếp đồ đạc hợp lý và không hợp lý? - GV yêu cầu HS đọc, quan sát và suy nghĩ trong thời gian 1 phút tìm hiểu thông tin. - GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi trong thời gian 3 phút chọn ra đâu là cách sắp xếp hợp lý và đâu là cách sắp xếp không hợp lý? Vì sao cần sắp xếp đồ đạc hợp lý trong nhà ở? *Thực hiện nhiệm vụ - HS cá nhân nghiên cứu trả lời. *Báo cáo kết quả hs trả lời, - GV:Nhận xét -> Chốt lại nội dung chính của mỗi gia đình, sự cần thiết phải bố trí khu vực sinh hoạt. - GV: ở nhà em khu vực sinh hoạt được bố trí như thế nào? Tại sao lại bố trí như vậy? Em có muốn thay đổi không , trình bày lý do. HS: Trả lời - Các hộ gia đình thuộc dân tộc miền núi thường sống ở nhà sàn.....Các hộ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu sống trên thuyền?(Dân tộc: Tiếp khách ->Thờ cúng-> Sinh hoạt chung-> Ngủ, nghỉ đều quanh bếp chính. - ĐBSCL: Đơn sơ, chật hẹp, chủ yếu chỉ để ngủ còn các sinh hoạt khác thì thiếu thốn.....) GV: Sự phân chia khu vực cần tính toán hợp lý tùy	- Cách bố trí đồ đạc cần phải thuận tiện, có tính thẩm mỹ song cũng lưu ý đến sự an toàn và để lau trùi, quét dọn. .
--	--

theo diện tích nhà ở, phù hợp với tính chất, công việc mỗi gia đình cũng như địa phương để đảm bảo cho mọi thành viên sống thoải mái, thuận tiện. *Đánh giá kết quả - 1 HS khác nhận xét. - Gv phân tích thêmGV: Cho học sinh tự sắp xếp đồ dùng học tập trong cặp sách. HS: Sắp xếp tuần tự - GV: Đưa tranh vẽ về sự sắp xếp đồ đạc hợp lý - GV: Kết luận: sắp xếp đồ đạc hợp lý tạo môi trường sống trong nhà ở thoải mái, thuận tiện. GV giáo dục: không cần nhà ở chúng ta phải to thì mới bố trí hợp lý mà chỉ cần 1 ngôi nhà lúc nào cũng sạch sẽ, thoáng, bố trí theo từng không gian, vậy là đã rất đẹp. Bản thân chúng ta cần có thói quen ăn ở sạch sẽ, ngăn nắp.	
Hoạt động 2: Một số ví dụ về bố trí, sắp xếp đồ đạc trong nhà ở của Việt Nam: 18' 1.Mục tiêu : giúp hs hiểu được cách bố trí sắp xếp đồ đạc trong nhà ở các khu vực khác nhau 2.Phương thức: hđ nhóm, hđ cá nhân. 3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, nhóm. phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi 4.Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5.Tiến trình Gv : yêu cầu hs hđ cá nhân nghiên cứu sgk, tl câu *Chuyên giao nhiệm vụ Cho học sinh đọc nội dung mục II.3 SGK/36 kết hợp quan sát hình 2.2 suy nghĩ tìm hiểu thông tin chính. Cho Hs thảo luận theo nhóm trả lời các câu hỏi sau:	3. Một số ví dụ về bố trí, sắp xếp đồ đạc trong nhà ở của người Việt Nam. (Nhóm 1,2) a. Nhà ở nông thôn: - Nhà ở đồng bằng Bắc bộ: Thường có 2 ngôi

- Nêu những hiểu biết về nhà ở của địa phương? Đặc điểm địa hình và khí hậu ở đồng bằng sông Cửu Long như thế nào? Cách sắp xếp đồ đạc như thế nào? (Nhóm 1) - Em hãy nêu 1 số loại nhà ở thành phố?(Nhóm 2) - Em hãy mô tả kiểu nhà ở miền núi? Tại sao lại bố trí như vậy?(Nhóm 3) ? Đặc điểm chung của nhà ở ở nông thôn Bắc bộ, thành phố, ở đồng bằng sông Cửu Long và ở miền núi? *Thực hiện nhiệm vụ - HS cá nhân nghiên cứu trả lời. *Báo cáo kết quả hs trả lời, - GV:Nhận xét -> Chốt lại nội dung chính của mỗi gia đình, sự cần thiết phải bố trí khu vực sinh hoạt. - GV: ở nhà em khu vực sinh hoạt được bố trí như thế nào? Tại sao lại bố trí như vậy? Em có muốn thay đổi không , trình bày lý do. HS: Trả lời - Các hộ gia đình thuộc dân tộc miền núi thường sống ở nhà sàn.....Các hộ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu sống trên thuyền?(Dân tộc: Tiếp khách ->Thờ cúng-> Sinh hoạt chung-> Ngủ, nghỉ đều quanh bếp chính. - ĐBSCL: Đơn sơ, chật hẹp, chủ yếu chỉ để ngủ còn các sinh hoạt khác thì thiếu thốn.....) GV: Sự phân chia khu vực cần tính toán hợp lý tùy theo diện tích nhà ở, phù hợp với tính chất, công việc mỗi gia đình cũng như địa phương để đảm bảo cho mọi thành viên sống thoải mái, thuận tiện. *Đánh giá kết quả - 1 HS khác nhận xét.	nhà: + Nhà chính + Nhà phụ + Ngoài ra còn có chuồng trại chăn nuôi và nhà vệ sinh được đặt ở xa nhà. - Nhà ở đồng bằng sông Cửu Long: Nên sử dụng các đồ vật nhẹ có thể gắn kết với nhau tránh thất lạc khi có nước lên. (Nhóm 3,4) b. Nhà ở thành phố, thị xã: (Nhóm 5,6) c. Nhà ở miền núi: Nhà sàn: - Phần sàn để ở và sinh hoạt - Dưới sàn: để dụng cụ lao động.
---	--

C.Hoạt động luyện tập: 5'

1.Mục tiêu : nắm vững được vai trò của các chất dinh dưỡng để làm bài tập

2.Phương thức:Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

- Điều quan trọng nhất các em được học hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?

Hãy suy nghĩ và viết ra giấy, GV gọi đại diện một số em, mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã được học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp.

- Gọi 1 vài học sinh đọc ghi nhớ SGK/33.

- GV phát phiếu bài tập yêu cầu HS hoạt động nhóm trong thời gian 3 phút thảo luận và hoàn thành :

Trong nhà ở, một vài khu vực có thể đ ược bố trí chung trong cùng một khu vực. Hãy ghép các khu vực trong nhà ở cho dưới đây thành từng nhóm sao cho phù hợp nhất.

A. Nơi thờ cúng	F. Nơi học tập
B. Nơi tiếp khách	G. Nơi tắm giặt
C. Nơi ngủ, nghỉ	H. Nơi làm kho
D. Nơi nấu ăn	I. Nơi vệ sinh
E. Nơi ăn uống	J. Nơi chăn nuôi.

- Nhóm thảo luận xem nếu cần ghép ba khu vực trong nhà ở với nhau thì đó là những khu vực nào và có khu vực nào không thể ghép chung được với các khu vực khác.

- Nhóm thảo luận biện pháp phân chia khu vực trong điều kiện nhà ở chỉ có một hoặc hai phòng. Khi đó, có những khu vực nào không thể bố trí trong nhà ở được.

- Gợi ý: Có thể dùng vách ngăn bằng gỗ mỏng, rèm, tủ đứng... để chia khu vực tạm thời.

- HS báo cáo kết quả những việc mà mình đã làm.

- Bài tập: Đánh dấu (x) vào cột **Nên/Không nên** trong bảng sau về việc sắp xếp hợp lí đồ đạc trong nhà ở.

STT	Sắp xếp đồ đạc trong nhà	Nên	Không nên
01	Kê giường gần cửa ra vào		
02	Kê giường gần cửa sổ		
03	Kê tủ chặn cửa sổ		
04	Kê ti vi trong phòng khách		
05	Kê bàn học trong phòng khách		
06	Khu vệ sinh bố trí trước nhà và đầu hướng gió		
07	Nhà chật chội thì không thể sắp xếp đồ đạc hợp lí.		
08	Bàn học có thể bố trí trong phòng ngủ		
09	Phòng ngủ nên bố trí ở nơi riêng biệt, yên tĩnh.		

- Hãy lên bảng hãy tóm tắt toàn bộ nội dung bài 8 bằng bản đồ tư duy

D.Hoạt động vận dụng: 3'

1.*Mục tiêu* : nắm vững được vai trò của các chất dinh dưỡng vận dụng vào thực tế

2.*Phương thức*:Hđ cá nhân.

3.*Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân

4.*Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.*Tiến trình*

- Đề xuất ý tưởng bố trí lại một vài khu vực trong nhà ở của gia đình em sao cho khoa học và hợp lí hơn. Trao đổi, bàn bạc với gia đình về ý tưởng của em và cách thực hiện - Thảo luận với bạn xem ăn uống như vậy đã hợp lí chưa? Giải thích vì sao?Nếu chưa thì cần điều chỉnh như thế nào cho hợp lí?

- Ghi câu trả lời ra giấy để chia sẻ với các bạn trong nhóm.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'

1.*Mục tiêu*: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.*Phương thức*:Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.*Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4.*Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5.Tiến trình

- Trao đổi với người thân, bạn bè để cho biết vì sao người dân ở vùng cao thường làm nhà kiểu nhà sàn?

- Giáo viên chia nhóm, sau đó mỗi nhóm cùng nhau trao đổi, thảo luận đưa ra sơ đồ thiết kế, bố trí khu vực trong nhà ở.

*. Về học bài và trả lời các câu hỏi SGK.Xem trước bài 9: Thực hành- Sắp xếp đồ đạc hợp lý trong nhà ở –SGK trang 39 và sưu tầm tranh .

- Chuẩn bị: Sơ đồ hình 2.7.SGK trang 39 và một số mẫu bìa giáo viên đã hướng dẫn.

Rút kinh nghiệm.

Tuần 11

Tiết 21: Thực hành: sắp xếp đồ đạc hợp lý trong gia đình.

I. Mục tiêu.

- Kiến thức: Củng cố lại những kiến thức về sắp xếp các đồ đạc hợp lý trong nhà ở.
- Kỹ năng : Sắp xếp được đồ đạc trong hình 2.7 SGK và chỗ ở của bản thân và gia đình.
- Thái độ: Hình thành nếp sống ăn ở gọn gàng, ngăn nắp.
- Định hướng năng lực: Rèn năng lực thực hành, giao tiếp, quan sát, hợp tác, tư duy.

II .Chuẩn bị.

1. Giáo viên: Nội dung thực hành

2. Học sinh:

- Mẫu mô hình cắt bằng bìa cứng hoặc xốp, mặt bằng phòng ở và đồ đạc, keo dính...
- Dụng cụ: bút, chì, thước, đồ vẽ...

III. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG.

***Kiểm tra bài cũ:** (3 phút)

- ? Nêu vai trò của nhà ở đối với đời sống con người, lấy ví dụ?
- ? Nhà ở được phân chia thành các khu vực như thế nào? Yêu cầu sắp xếp của mỗi khu vực?

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: 5'

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế, thu hút sự quan tâm chú ý của học sinh vào bài mới.
- **Nhiệm vụ:** Trả lời câu hỏi
- **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân.
- **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.
- **Gợi ý tiến trình:** GV đặt câu hỏi cho học sinh:
Phòng ngủ thường có những đồ đạc gì?

HS:

Giới thiệu bài mới:

Trong bài trước chúng ta đã được tìm hiểu lý thuyết về sắp xếp, bố trí hợp lý đồ đạc trong gia đình. Hôm nay chúng ta sẽ vận dụng những kiến thức, những hiểu

biết đó của mình vào để tự sắp xếp một số đồ đạc trong gia đình một cách hợp lý nhất.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

Mục tiêu : HS ôn luyện lại các kiến thức về sắp xếp đồ đạc hợp lý, biết sắp xếp các đồ đạc trong từng khu vực sinh hoạt hợp lý.

Nhiệm vụ : HS trả lời các câu hỏi GV đưa ra, trao đổi thảo luận nhóm

Phương thức hoạt động : hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

Sản phẩm : nội dung câu trả lời cá nhân của HS, sản phẩm của nhóm ghi vào phiếu học tập

Gợi ý tiến trình hoạt động

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<u>Hoạt động 1: Công tác chuẩn bị.(2')</u> - gv liệt kê sự chuẩn bị cho hs.	- Hs kiểm tra lại sự chuẩn bị của mình.	<u>I. Chuẩn bị.</u> - Giấy, bút, thước, dụng cụ vẽ, keo dán giấy - Sơ đồ phòng 2,5m x 4m thu nhỏ, mẫu (mô hình) một số đồ đạc
<u>Hoạt động 2: Tìm hiểu nội dung thực hành.(7')</u> - Yêu cầu hs đọc to nội dung thực hành. - GV yêu cầu hs nhắc lại một những yêu cầu của 1 số khu vực như chỗ ngủ, chỗ làm việc, học tập... - GV hướng dẫn hs cách làm bài thực hành theo các công việc: + Các nhóm thảo luận, dựa vào các kiến	- Đọc nội dung thực hành. - Khu ngủ, nghỉ ngơi cần kín đáo, yên tĩnh; khu làm việc, học tập cần có ánh sáng, nơi để đồ đạc cần thuận tiện, dễ lấy... - HS nghe và nắm rõ nhiệm vụ thực hành.	<u>II. Nội dung thực hành.</u> Giả sử em có một căn phòng riêng 10m² và một số đồ đạc gồm: 1 giường cá nhân, 1 tủ quần áo, 1 tủ đầu giường, 1 bàn học, 2 ghế, 1 giá sách Em sẽ sắp xếp đồ đạc trong phòng như thế nào để thuận tiện cho sinh hoạt, học tập, nghỉ ngơi?

thức đã học và thống nhất cách sắp xếp cho hợp lí. + Dán các đồ vật vào các vị trí đã sắp xếp trong căn phòng. + Các nhóm trình bày ý kiến của mình về sự sắp xếp đó, các nhóm khác sẽ nhận xét, bổ sung		
---	--	--

C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH /LUYỆN TẬP: 23'

Mục tiêu : Học sinh vận dụng kiến thức vừa học để làm bài tập.

Nhiệm vụ : HS thực hành yêu cầu của Gv giao cho.

Phương thức hoạt động : HĐ nhóm

Sản phẩm : Sản phẩm của các nhóm học sinh.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Nội dung
- GV chia nhóm thực hành, giao dụng cụ thực hành cho mỗi nhóm và nêu rõ nhiệm vụ. - GV quan sát, theo dõi, hướng dẫn các nhóm để có kết quả tốt nhất. - Các nhóm trình bày ý tưởng, các nhóm khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, bổ sung chung cho các nhóm và nhấn	- HS nhận nhóm, nhận dụng cụ thực hành, và thực hành theo các nhiệm vụ đã được giao. + Thảo luận, đưa ra phương án hợp lí nhất + Trình bày ý kiến, nhận	<u>III. Thực hành.</u> - Sắp xếp căn phòng với các đồ đạc đã cho một cách hợp lí nhất. - Trình bày ý tưởng về sự sắp xếp đó.

mạnh cho hs các điều cần chú ý trong quá trình sắp xếp nhà ở.	xét, bổ sung lẫn nhau - Lắng nghe và ghi nhớ những nhận xét, rút kinh nghiệm của gv.	
---	---	--

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ TÌM TÒI MỞ RỘNG: 5'

Mục tiêu : Học sinh vận dụng kiến thức vừa học để vận dụng vào thực tế.

Nhiệm vụ : Thực hiện yêu cầu các câu hỏi GV giao cho.

Phương thức hoạt động : HĐ cá nhân

Sản phẩm : Câu trả lời được ghi vào vở.

Gợi ý tiến trình hoạt động

- GV: Phòng khách nhà em thường có những đồ đạc nào, các đồ đạc đó được sắp xếp như nào?

HS trả lời tại lớp.

- GV yêu cầu học sinh về nhà sắp xếp lại đồ đạc trong nhà mình sao cho hợp lý, khoa học.

*** Rút kinh nghiệm.**

I./ Mục tiêu.

- Kiến thức: Củng cố thêm kiến thức về sắp xếp, bố trí đồ đạc trong gia đình.
- Kỹ năng: Sắp xếp được đồ đạc, chỗ ở của bản thân và gia đình một cách hợp lý.
- Thái độ: Hình thành ý thức về nếp sống gọn gàng, ngăn nắp.
- Định hướng năng lực: Rèn năng lực thực hành, giao tiếp, quan sát, hợp tác, tư duy.

II./ Chuẩn bị.

1. Giáo viên:

- Dụng cụ : bút, thước, giấy vẽ, bút màu, các dụng cụ vẽ cần thiết...
- Một số tranh ảnh về sắp xếp đồ đạc trong gia đình(nếu có).

2. Học sinh:

- Chuẩn bị theo hướng dẫn giờ trước.

III. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG.

***Kiểm tra bài cũ:** (3 phút)

? Em hãy nêu cách sắp xếp đồ đạc trong nhà ở sao cho hợp lý? Giải thích cách sắp xếp đó của mình?

? Các khu vực sinh hoạt trong gia đình được phân chia như thế nào? Yêu cầu của mỗi khu vực?

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: 5'

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế, thu hút sự quan tâm chú ý của học sinh vào bài mới.
- **Nhiệm vụ:** Trả lời câu hỏi
- **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân.
- **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.
- **Gợi ý tiến trình:** GV đặt câu hỏi cho học sinh:

¿ Bàn học của các em có nên kê gần cửa ra vào không? Tại sao?

HS: Không, vì không yên tĩnh khi học bài,...

Giới thiệu bài mới:

: Tiết trước chúng ta đã thực hành 1 tiết về sắp xếp đồ đạc hợp lý trong gia đình. Hôm nay chúng ta vẫn tiếp tục thực hành để rèn luyện kỹ năng sắp xếp, bố trí đồ đạc của các em.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

Mục tiêu : HS ôn luyện lại các kiến thức về sắp xếp đồ đạc hợp lý, biết sắp xếp các đồ đạc trong từng khu vực sinh hoạt hợp lý.

Nhiệm vụ : HS trả lời các câu hỏi GV đưa ra, trao đổi thảo luận nhóm

Phương thức hoạt động : hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

Sản phẩm : nội dung câu trả lời cá nhân của HS, sản phẩm của nhóm ghi vào phiếu học tập

Gợi ý tiến trình hoạt động

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<u>Hoạt động 1: Công tác chuẩn bị.(2')</u>	- HS chuẩn bị như giờ trước.	<u>I. Chuẩn bị.</u> Giấy vẽ, bút, thước, chì tẩy, màu vẽ, các dụng cụ vẽ cần thiết...
<u>Hoạt động 2: Nội dung thực hành.(7')</u> - GV nêu nội dung và yêu cầu thực hành. - GV gợi ý hoặc yêu cầu hs nhắc lại 1 số kiến thức về cách sắp xếp một số đồ đạc và khu vực sinh hoạt phòng khách như: bàn ghế, bàn thờ, cửa...	- HS nghe và nắm rõ nội dung cần thực hành.. - Phòng khách cần rộng rãi, sáng sủa, thoáng mát; bàn thờ cần đặt nơi trang trọng hoặc có thể gắn lên tường...	<u>II. Nội dung thực hành.</u> Em hãy tự bố trí, sắp xếp đồ đạc trong phòng khách của gia đình em với các đồ dùng sau: bàn uống nước, 4 ghế, bàn thờ, bình đựng nước, lọ hoa, tivi, tủ đựng tivi, gương soi và 2 cửa sổ, 1 cửa ra vào

C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH /LUYỆN TẬP: 23'

Mục tiêu : Học sinh vận dụng kiến thức vừa học để làm bài tập.

Nhiệm vụ : HS thực hành yêu cầu của Gv giao cho.

Phương thức hoạt động : HĐ nhóm

Sản phẩm : Sản phẩm của các nhóm học sinh.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Nội dung
- GV nêu yêu cầu thực hành: + Mỗi HS hoàn thành một bài vẽ mô tả cách sắp xếp của mình. + HS có thể thảo luận với nhau để tìm ra phương án	- HS chuẩn bị mọi dụng cụ và bắt đầu thực hành, có thể thảo luận với các	<u>III. Thực hành.</u> - Trình bày trên bài vẽ cách sắp xếp theo ý

hợp lí nhất cho bài vẽ của mình. + Cuối giờ nộp cho gv.	bạn - Cuối giờ nộp bài tập lại cho gv.	muốn - Cuối giờ nộp bài cho gv
--	---	-----------------------------------

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ TÌM TÒI MỞ RỘNG: 5'

Mục tiêu : Học sinh vận dụng kiến thức vừa học để vận dụng vào thực tế.

Nhiệm vụ : Thực hiện yêu cầu các câu hỏi GV giao cho.

Phương thức hoạt động : HĐ cá nhân

Sản phẩm : Câu trả lời được ghi vào vở.

Gợi ý tiến trình hoạt động

- GV: Phòng ngủ nhà em thường có những đồ đạc nào, các đồ đạc đó được sắp xếp như nào?

HS trả lời tại lớp.

- GV yêu cầu học sinh về nhà sắp xếp lại đồ đạc trong nhà mình sao cho hợp lý, khoa học.

*** Rút kinh nghiệm.**

Tuần 12

Ngày soạn: 6 / 11/

Ngày dạy: 11 / 11 /

Tiết 23: Gìn giữ nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp.

I. Mục tiêu.

- Kiến thức: Hiểu được thế nào là nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp.
- Kỹ năng: Biết cần làm gì để giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp và vận dụng vào thực hiện trong cuộc sống.
- Thái độ: Rèn luyện ý thức lao động và trách nhiệm với việc giữ gìn nhà ở luôn sạch sẽ, ngăn nắp.
- Định hướng năng lực: Rèn năng lực thực hành, giao tiếp, quan sát, hợp tác, tư duy.

II. Chuẩn bị.

1. Giáo viên:

- Sưu tầm một số tranh ảnh về nhà ở sạch sẽ ngăn nắp và nhà ở lộn xộn, bừa bộn.

2. Học sinh:

- Học và đọc trước bài.

III. Quá trình tổ chức các hoạt động.

***Kiểm tra bài cũ:** (3 phút)

? Cần sắp xếp đồ đạc trong gia đình như thế nào cho hợp lí?

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: 5'

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế, thu hút sự quan tâm chú ý của học sinh vào bài mới.
- **Nhiệm vụ:** Trả lời câu hỏi
- **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân.
- **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.
- **Gợi ý tiến trình:** GV đặt câu hỏi cho học sinh:

Khi bước chân vào một ngôi nhà tuy giản dị nhưng sạch sẽ, ngăn nắp và vào một ngôi nhà bừa bộn, mất vệ sinh, em có cảm giác như thế nào ?

Nhà ở gọn gàng, sạch sẽ	Nhà ở lộn xộn, thiếu vệ sinh
- Thoải mái, dễ chịu, có thiện cảm với chủ nhân.....	- Không thoải mái, giảm bớt thiện cảm với chủ nhân.....

***Thực hiện nhiệm vụ**

-Hs : trả lời câu hỏi

Gv : theo dõi

***Báo cáo kết quả**

Hs: đại diện nhóm báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ...
- >Giáo viên nêu Vậy thế nào là nhà ở sạch sẽ ngăn nắp và nhà ở sạch sẽ ngăn nắp mang lại cho chúng ta lợi ích gì? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài 10: Giữ gìn nhà ở sạch sẽ ngăn nắp ...

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động I: Tìm hiểu về nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp: 15' Mục tiêu : HS hiểu được thế nào là nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp và cách giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp	I. Nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp

<i>Nhiệm vụ</i> : HS trả lời các câu hỏi GV đưa ra, trao đổi thảo luận nhóm <i>Phương thức hoạt động</i> : hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. <i>Sản phẩm</i> : nội dung câu trả lời cá nhân của HS, sản phẩm của nhóm ghi vào phiếu học tập <i>Gợi ý tiến trình hoạt động</i> *Chuyển giao nhiệm vụ GV chiếu 1 số hình ảnh trong và ngoài nhà gọn gàng, 1 số bữa bộn, bẩn thỉu - Em có nhận xét gì về sự đảm bảo vệ sinh, ngăn nắp của nhà ở trong các hình ảnh này? - GV nêu vấn đề thế nào là nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp? GV chiếu hình 2.8. Yêu cầu HS đọc quan sát hình hoạt động nhóm 8 phút : nêu nhận xét ngoài nhà và trong nhà qua hình 2.8 ? *Thực hiện nhiệm vụ -Hs : trả lời câu hỏi - Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét. Yêu cầu nêu được: - Ngoài nhà: + Sân sạch sẽ, không có rác, không có lá rụng, có cây cảnh nhìn quang đãng. + Đồ đạc, cây cảnh được sắp xếp đẹp mắt. - Trong nhà: + Chăn màn, giường ngủ được gấp gọn gàng và được sắp xếp vào một chỗ. + Dép guốc để gọn cùng chiều phía dưới giường. + Bàn học kê sát giá sách và sách vở được xếp ngay ngắn trên bàn, trên giá sách.. + Lọ hoa được chăm chút, quả tươi được đặt trong đĩa. -HS liên hệ thực tế lấy ví dụ. - Lấy ví dụ cụ thể về chỗ ăn, ngủ, bếp của gia đình các em ? - Nêu những suy nghĩ của mình về sự sạch sẽ, ngăn nắp ?	- Môi trường sống sạch sẽ. - Có sự chăm sóc của con người. <i>KL: Nhà có môi trường sống luôn sạch, đẹp và thuận tiện, khẳng định có sự chăm sóc và giữ gìn bởi bàn tay của con người.</i> * Nhà ở lộn xộn, thiếu vệ sinh.
--	--

- GV bổ sung và kết luận
 - GV chiếu hình 2.9, yêu cầu HS quan sát hình 2.9 nêu nhận xét ngoài nhà và trong nhà qua hình 2.9 ?
 - GV phát phiếu học tập yêu cầu trong thời gian 5 phút hoàn thành phiếu
 - Đại diện nhóm trả lời -> Nhóm khác nhận xét, bổ sung -> GV thu phiếu nhận xét -> chốt.
- _ Ngoài nhà : Đồ đạc để bừa bãi lộn xộn, ngổn ngang.
 -Trong nhà: Chăn màn, quần áo để bừa bãi, phòng lộn xộn nhiều giấy rác...

***Báo cáo kết quả**

Hs: đại diện nhóm báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ...

HOẠT ĐỘNG 2: Giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp: 15'

1.Mục tiêu : Biết được sự cần thiết của việc giữ gìn nhà ở sạch sẽ ngăn nắp. Các công việc để giữ gìn nhà ở sạch sẽ ngăn nắp

2.Phương thức:Hđ cá nhân, .

3.Sản phẩm : Phiếu học tập

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV cho HS đọc mục II SGK -> Hoạt động cá nhân trả lời-> Nhận xét-> Bổ sung.

- Nhà ở được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ nhưng có thể trở nên lộn xộn thiếu vệ sinh. Vì sao ?
- Thiên nhiên, môi trường và con người đã ảnh hưởng như thế nào đến nhà ở?

=> Cảm giác khó chịu, tìm kiếm vật gì cũng khó khăn, mất thời gian, nơi ở như ngôi nhà vô chủ

Ở như vậy dễ bị đau ốm do môi trường bị ô nhiễm làm môi trường ở xấu đi , đồ đạc dễ bị hỏng.

Đánh giá chủ nhân ngôi nhà rất luộm thuộm...

II. Giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp

1.Sự cần thiết phải giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp ?

- Vậy chúng ta phải làm gì để nhà ở luôn sạch, gọn?
- GV cho Hs phân tích qua một số ví dụ như VD về hoạt động nấu ăn: Khi sơ chế TĂ tạo ra rác: vỏ, lá cây già...xoong nồi khi nấu xong , bát đĩa sau khi sử dụng....
- GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi 5 phút tổng kết về lợi ích của nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Hs : trả lời câu hỏi
- Do thiên nhiên, môi trường và hoạt động hàng ngày của con người*
- *Do thiên nhiên, môi trường: Mưa, gió, bụi bẩn, bão, lũ....*
- *Hoạt động hàng ngày của con người :Sử dụng đồ đạc tạo ra rác.....)*

Gv : theo dõi

***Báo cáo kết quả**

Hs: đại diện nhóm báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ...

=> **Làm nhà cửa bị bụi bẩn...**

=> **Phải thường xuyên lau, chùi, quét dọn, sắp xếp đồ đạc vào đúng vị tríđể giữ gìn nhà ở luôn sạch sẽ, ngăn nắp.**

KL: Làm cho ngôi nhà đẹp để và ấm cúng. Đảm bảo sức khỏe cho con người. Tiết kiệm thời gian , sức lực trong công việc gia đình .Do vậy cần thường xuyên giữ gìn nhà ở sạch, gọn, đẹp.

2. Các công việc cần làm để giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp

a.Cần có nếp sống, nếp sinh hoạt như thế nào ?

	Cần có nếp sống sinh hoạt sạch sẽ, ngăn nắp, giữ vệ sinh cá nhân gọn gàng, đồ dùng xong để đúng nơi quy định b. Cần làm những công việc gì? Quét nhà, lau nhà, dọn dẹp đồ đạc của cá nhân, của gia đình, làm sạch khu bếp, khu vệ sinh
--	---

C.Hoạt động luyện tập: 5'

1.Mục tiêu : nắm vững được vai trò của các chất dinh dưỡng để làm bài tập

2.Phương thức:Hỏi cá nhân, hỏi ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
phiếu học tập nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

Điều quan trọng nhất các em học hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng mà em chưa được giải đáp?Em muốn giải đáp ngay?

HS suy nghĩ và viết ra giấy, mỗi học sinh trình bày trước lớp 1 phút về những điều các em đã được học và những câu hỏi mà em muốn giải đáp.

Yêu cầu học sinh ghép mỗi **Đặc điểm** với mỗi nội dung **Kết quả** ở bảng sau thành từng cặp cho phù hợp:

Đặc điểm	Cột nội	Kết quả
1. Sạch sẽ	1 + c	a. Ảnh hưởng không tốt tới sức khỏe
2. Ngăn nắp	2 + f	b. Khó tìm đồ đạc
3. Rộng rãi	3 + d	c. Đảm bảo sức khỏe con người

4. Chật chội	4 + e	d. Dễ bố trí đồ đạc
5. Lộn xộn	5 + b	e. Cần bố trí đồ đạc hợp lí
6. Thiếu vệ sinh	6 + a	f. Tìm đồ đạc nhanh, thuận tiện

Chọn một trong các cụm từ : sức khỏe, chăm sóc, sạch sẽ. Tiết kiệm. Vẻ đẹp, môi trường để điền vào chỗ chấm (...) cho thích hợp:

+ Nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp là ngôi nhà(1)..... sông luôn luôn.....
(2).....

Thuận tiện và khẳng định có sự.....(3)giữ gìn bởi con người.

+ Giữ gìn nhà cửa sạch sẽ, ngăn nắp để: Đảm bảo.....(4).....cho các thành viên trong gia đình.....(5) thời gian khi tìm vật dụng và làm tăng.....
(6).....

Của nhà ở.

D. Hoạt động vận dụng: 3'

1.*Mục tiêu* : nắm vững được vai trò của các chất dinh dưỡng vận dụng vào thực tế

2.*Phương thức*:Hđ cá nhân.

3.*Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4.*Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.*Tiến trình*

- Em hãy quan sát nhà ở của mình xem như vậy đã sạch sẽ, ngăn nắp chưa? Nếu chưa hãy suy nghĩ tìm cách thực hiện để giữ gìn nhà ở sạch sẽ và ngăn nắp.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'

1.*Mục tiêu*: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.*Phương thức*:Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.*Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4.*Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5.*Tiến trình*

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Em hiểu thế nào về câu: Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm.
- Ngoài câu trên, em hãy tìm các câu ca dao, tục ngữ khác nói về lợi ích khi giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp.

*.Về nhà xem trước phần II. Giữ gìn nhà ở sạch sẽ ngăn nắp SGK/41.

Liên hệ thực tế lí giải vì sao phải giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp ? Các công việc cần phải làm để giữ gìn nhà ở sạch sẽ ngăn nắp

*** Rút kinh nghiệm.**

Tuần 12

Tiết 24: Trang trí nhà ở bằng một số đồ vật.

I. Mục tiêu.

-Kiến thức: Nêu được dụng cụ của tranh ảnh, gương, rèm cửa...trong trang trí nhà ở.

- Kỹ năng: Lựa chọn được một số đồ vật để trang trí phù hợp với hoàn cảnh gia đình.

- Thái độ: Hình thành ý thức thẩm mỹ.

- Định hướng năng lực: Rèn năng lực giao tiếp, quan sát, hợp tác, tư duy.

II. Chuẩn bị.

1. Giáo viên:

- Tranh trang trí nhà ở bằng một số đồ vật
- Sưu tầm một số tranh, hình ảnh về trang trí nhà ở bằng các đồ vật tranh ảnh, gương, rèm cửa...

2. Học sinh:

- Học và đọc trước bài.

III. Quá trình tổ chức các hoạt động.

***Kiểm tra bài cũ:** (3 phút)

- ? Thế nào là nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp? Vì sao phải giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp?
? Phải làm gì để giữ gìn sự sạch sẽ, ngăn nắp của ngôi nhà?

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: 5'

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế, thu hút sự quan tâm chú ý của học sinh vào bài mới.
- **Nhiệm vụ:** Trả lời câu hỏi
- **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân.

- **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

- **Gợi ý tiến trình:** GV đặt câu hỏi cho học sinh:

? Làm cách nào để ngôi nhà mình tăng thêm vẻ đẹp?

HS: Để làm tăng vẻ đẹp cho ngôi nhà của mình, ngoài việc thường xuyên lau chùi, quét dọn để giữ cho ngôi nhà luôn sạch đẹp thì chúng ta cũng cần biết cách trang trí thêm làm cho ngôi nhà đẹp hơn nữa. Một cách rất đơn giản mà chúng ta thường sử dụng là trang trí nhà ở bằng một số đồ vật.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

Mục tiêu : HS hiểu được thế nào là nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp và cách giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp

Nhiệm vụ : HS trả lời các câu hỏi GV đưa ra, trao đổi thảo luận nhóm

Phương thức hoạt động : hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

Sản phẩm : nội dung câu trả lời cá nhân của HS, sản phẩm của nhóm ghi vào phiếu học tập

Gợi ý tiến trình hoạt động

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<u>Hoạt động 1: Tìm hiểu về các đồ vật thường được sử dụng để trang trí cho ngôi nhà.10'</u> ? Theo em, để được dùng vào trang trí nhà ở thì các đồ vật cần đảm bảo những chức năng gì? - Yêu cầu hs quan sát H 2.10 theo hướng dẫn. ? Hãy nêu tên các đồ vật được dùng trong trang trí nhà ở? - GV định hướng để giới hạn, lựa chọn những đồ vật thường dùng trong trang trí nhà ở như tranh ảnh, gương, rèm , màn...	- Đảm bảo phải có giá trị sử dụng vừa có tác dụng trang trí. - Các đồ vật như: tranh, ảnh, các đồ vật nhỏ, bình cổ, đồng hồ, thảm, khăn trải bàn, gương, rèm...	

<u>Hoạt động 2: Tìm hiểu về tranh ảnh.19'</u> ? Nêu công dụng của tranh ảnh? (GV gợi ý hướng hs đến câu trả lời) ? Khi dựng tranh trang trí cho ngôi nhà em sẽ thấy thế nào? ? Lựa chọn tranh ảnh cần dựa vào những yếu tố nào? ? Tranh ảnh thường được treo ở đâu? - Gv: Mỗi gia đình có hoàn cảnh khác nhau, mỗi khu vực trong gia đình có một chức năng riêng, và mỗi thành viên trong gia đình cũng có sở thích riêng do đó cần lựa chọn tranh cho phù hợp. ? Lựa chọn tranh ảnh theo những nội dung nào?	+ Lưu giữ các kỉ niệm, các sự kiện có ý nghĩa của gia đình, bản thân. + Lưu giữ các giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ... + Là những đồ vật đẹp, có tác dụng trang trí. - Sẽ tạo thêm sự vui mắt, duyên dáng, đầm ấm, dễ chịu cho ngôi nhà. - Lựa chọn tranh ảnh dựa vào ý thích của chủ nhân và tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của gia đình. - Trong phòng khách, phòng riêng, góc học tập, nhà ăn... - Có thể là tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật, tranh thư pháp, ảnh gia đình, ảnh cá nhân, ảnh những	<u>I. Tranh ảnh.</u> 1. Công dụng. - Tranh ảnh thường được dùng để trang trí nhà cửa, làm đẹp thêm cho ngôi nhà, tạo sự vui tươi, đầm ấm, thoải mái, dễ chịu. 2. Cách chọn tranh ảnh. a. Nội dung tranh ảnh - Tranh phong cảnh, tranh
---	--	---

? Cần chỳ ý điều gì khi chọn nội dung tranh? ? Khu vực phòng khách hay treo tranh gì? Phòng riêng treo tranh gì? ? Hoàn cảnh gia đình khó khăn, không gian nhà ở đơn giản thì chúng ta có cần phải treo một bức tranh có nội dung trang trọng và đắt tiền không? ? Hãy nêu các màu sắc của tranh theo các thể loại? ? Cần chỳ ý điều gì chọn màu sắc của tranh để tăng hiệu quả trang trí ? - GV cho hs làm bài tập tình huống: ? Tường màu vàng nhạt, màu kem thì nên chọn màu tranh thế nào? ? Màu tường là xanh, màu sẫm thì chọn tranh màu gì ? ? Ta nên chọn màu tranh như thế nào cho một căn	người mình yêu thích... - Chọn theo sở thích, theo khu vực treo tranh và theo điều kiện kinh tế. - Phòng khách treo tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật, tranh của cả gia đình; phphòng riêng có thể treo tranh gia đình, tranh cá nhân, tranh các nghệ sĩ hay người mà mình yêu thích. - Không cần vì sẽ làm mất cân xứng. - Màu sắc của tranh rất phong phú, sang, tối, rực rỡ, nhẹ nhàng... - Chọn màu sắc của tranh phù hợp với màu tường, màu đồ đạc. - Chọn màu tối hoặc màu rực rỡ; hoặc chọn khung tranh màu tối, nền tranh màu sáng. - Chọn tranh màu sắc sang sủa, tươi tắn, nhẹ nhàng tạo cảm giác ấm cúng.	tĩnh vật, tranh thư pháp... - Ảnh gia đình, ảnh cá nhân, ảnh những người mình yêu thích... -> Cần chọn tranh theo sở thích, theo khu vực sinh hoạt và theo điều kiện kinh tế của gia đình. b. Màu sắc của tranh - Cần chọn màu sắc của tranh phù hợp với màu tường, màu đồ đạc để làm nổi bật được tranh và tạo cảm giác dễ chịu cho căn phòng.
--	---	--

phòng hẹp hoặc rộng? ? Em nên chỳ ý đến kích thước của tranh ảnh như thế nào với kích thước của bức tường? - GV kết luận: - Cho hs quan sát H 2.11. ? Tranh có thể treo ở đâu? ? Cần treo tranh thế nào tạo cảm giác dễ chịu, dễ nhìn? - GV có thể sưu tầm hoặc cho hs quan sát một số hình ảnh về trang trí nhà ở bằng tranh ảnh, hoặc chiếu đoạn phim về cách trang trí tranh ảnh cho hs theo dõi.	- Căn phòng hẹp nên chọn tranh nào tạo cảm giác thoáng đãng, rộng rãi, như tranh phong cảnh, tranh bói biển màu rực rỡ, sang sủa; phòng rộng, trống trải nên chọn loại tranh tạo cảm giác ấm cúng, gần gũi, vui tươi, sáng sủa, ấm áp như tranh ảnh gia đình... - HS trả lời. - Tranh được treo ở khoảng trống tường, ở khu thờ cúng, ở đầu giường, ở góc học tập, ở phòng ngủ... - Treo vừa vặn, ngay ngắn, không quá dày...	c. Kích thước tranh ảnh phải cân xứng với tường - Không nên treo bức tranh to trên khoảng tường nhỏ - Có thể ghép nhiều tranh nhỏ để treo trên khoảng tường rộng. 3. Cách trang trí tranh ảnh - Vị trí treo tranh: có thể trên khoảng trống của tường, phía trên tràng kỉ, kệ, đầu giường... - Cách treo tranh; + Độ cao: vừa tầm mắt, cân xứng với độ cao trần nhà + Hình thức: ngay ngắn, không lộ dây treo.
---	---	--

C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH /LUYỆN TẬP: 3'

Mục tiêu : Học sinh vận dụng kiến thức vừa học để làm bài tập.

Nhiệm vụ : HS thực hành yêu cầu của Gv giao cho.

Phương thức hoạt động : HĐ cá nhân

Sản phẩm : Sản phẩm của học sinh.

Gợi ý tiến trình hoạt động

Chọn đáp án đúng:

Câu hỏi:

1. Khi chọn màu của tranh ảnh cần phải?

- ☐ A. Phù hợp với màu tường
- ☐ B. Làm nổi bật được tranh
- ☐ C. Tạo cảm giác dễ chịu cho căn phòng
- ☐ D. Tất cả đáp án trên

2. Tường màu xanh, màu sẫm thì chọn màu sắc của tranh như thế nào?

- ☐ A. Màu sáng
- ☐ B. Màu tối
- ☐ C. Màu xanh đậm hơn tường
- ☐ D. Màu nào cũng được

Đáp án: 1.D; 2.A

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ TÌM TÒI MỞ RỘNG: 5'

Mục tiêu : Học sinh vận dụng kiến thức vừa học để vận dụng vào thực tế.

Nhiệm vụ : Thực hiện yêu cầu các câu hỏi GV giao cho.

Phương thức hoạt động : HĐ cá nhân

Sản phẩm : Câu trả lời được ghi vào vở.

Gợi ý tiến trình hoạt động

GV: ? Cách chọn tranh ảnh ?

HS:

- Nội dung tranh ảnh tùy theo ý thích của chủ nhân và điều kiện kinh tế của gia đình.

- Màu sắc của tranh ảnh phải phù hợp với màu tường, màu đồ đạc.

- Kích thước tranh ảnh phải cân xứng với tường.

Cách sử dụng tranh ảnh :

- Vị trí treo tranh ảnh trang trí tùy theo ý thích của mỗi gia đình.
- Nên treo tranh ảnh vừa tầm mắt, ngay ngắn
- GV yêu cầu học sinh về nhà chia sẻ cách chọn tranh ảnh treo trong nhà với các thành viên trong gia đình, rồi sắp xếp treo lại tranh ảnh trong nhà mình sao cho đẹp.

*** Rút kinh nghiệm.**

Tuần 13

Tiết 25 - Bài 11: TRANG TRÍ NHÀ Ở BẰNG MỘT SỐ ĐỒ VẬT (T. 2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Thông qua bài học HS:

- HS hiểu được mục đích của việc trang trí nhà ở.
- Biết được công dụng của tranh ảnh, gương, rèm nhà cửa trong trang trí nhà ở.
- Lựa chọn được một số đồ vật để trang trí nhà ở

2. Kỹ năng: Nhận biết được các đồ vật sử dụng và trang trí trong nhà ở; lựa chọn được một số đồ vật thông thường để trang trí nhà ở của gia đình và nơi học tập ở nhà của bản thân.

3. Thái độ:- Giáo dục ý thức thẩm mỹ, ý thức làm đẹp của mình.

- Có thói quen quan sát nhận xét việc trang trí nhà ở bằng các đồ vật.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: - Năng lực thực hành; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin
- Phẩm chất: Trung thực; Tự tin; Chấp hành kỉ luật

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Tranh rèm cửa, phiếu học tập.

2. Học sinh: Sgk, vở, vở bài tập.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP :

A. Hoạt động khởi động: 5'

1. *Mục tiêu* : Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho HS. Rèn khả năng hợp tác cho HS.

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân.

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập.

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs đánh giá.
- Gv đánh giá.

5. *Tiến trình*.

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv : Liên hệ thực tế trả lời câu hỏi sau:

+ Ngoài tranh, ảnh, gương ra em hãy kể tên một số đồ vật trong gia đình em vừa dùng để sử dụng vừa dùng để trang trí nhà ở?

+ Theo em nó có công dụng gì?

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ.**

- Hs : trả lời câu hỏi.

- GV quan sát hỗ trợ (nếu cần).

- Dự kiến trả lời:

+ Rèm cửa, màn.

+ Công dụng: Có giá trị sử dụng và trang trí nhà cho đẹp.

***Báo cáo kết quả.**

- Hs: trả lời

***Đánh giá kết quả.**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, vào bài mới.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1: Rèm cửa: 15' 1. <i>Mục tiêu:</i> Biết được công dụng của rèm cửa và cách lựa chọn màu sắc phù hợp để trang trí 2. <i>Phương thức:</i> Hđ nhóm 3. <i>Sản phẩm :</i> Phiếu học tập 4. <i>Kiểm tra, đánh giá.</i> - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau. - Gv đánh giá. 5. <i>Tiến trình.</i> *Chuyển giao nhiệm vụ. GV yêu cầu hs hoạt động nhóm, làm vào phiếu học tập trả lời các câu hỏi sau: + Rèm cửa thường được treo ở đâu? + Treo rèm có tác dụng gì? + Chúng ta phải chọn màu sắc và chất liệu vải như thế nào để may rèm? - Hs tiếp nhận nhiệm vụ. *Thực hiện nhiệm vụ - Hs làm việc. - GV quan sát. - Dự kiến sản phẩm: - Được treo ở cửa sổ, cửa lớn..... - Có tác dụng che khuất, làm tăng vẻ đẹp cho ngôi nhà - Màu sắc: Cần hài hoà, hợp với màu tường, màu cửa và các đồ vật trong phòng ... và phụ thuộc vào sở thích cá nhân. - Chất liệu: vải mềm, mỏng, có độ rủ như gấm, nỉ, voan... *Báo cáo kết quả - Hs đại diện nhóm trả lời. *Đánh giá kết quả	III. Rèm cửa: 1. Công dụng: - Rèm cửa tạo vẻ êm mát, che khuất và tăng vẻ đẹp cho khu nhà. - Tác dụng: giữ ấm về mùa đông, mát về mùa hè. 2. Chọn vải may rèm: a. Màu sắc : - Cần hài hoà, hợp với màu tường, màu cửa và các đồ vật trong phòng ... và phụ thuộc vào sở thích cá nhân. b. Chất liệu: - Mềm, tạo được trạng thái tự

- Học sinh nhóm khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt. * Gv giới thiệu 1 số loại rèm cho hs biết. - Hs lắng nghe và quan sát.	nhiên. - Trạng thái tĩnh: Có độ rủ - Trạng thái động: Kéo rèm mềm mại dễ kéo, dễ định hình. 3. Giới thiệu một số kiểu rèm
Hoạt động 2: Màn : 15' 1. <i>Mục tiêu:</i> Biết được công dụng của màn trong trang trí nhà ở 2. <i>Phương thức:</i> Hđ cá nhân. 3. <i>Sản phẩm :</i> Câu trả lời của hs 4. <i>Kiểm tra, đánh giá.</i> - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau. - Gv đánh giá. 5. <i>Tiến trình.</i> *Chuyển giao nhiệm vụ. * GV: Giới thiệu sơ liệu về cấu tạo của màn + Được ghép từ nhiều thanh che, nhựa, trúc... + Có thể cuộn tròn hoặc thả tự nhiên - GV: Nghiên cứu SGK và thực tế cho biết 1. Màn có tác dụng làm gì? 2. Nhà em có dùng màn không? vì sao? 3. Các chất liệu làm màn là gì? - Hs tiếp nhận nhiệm vụ. *Thực hiện nhiệm vụ - Hs làm việc.	IV. Màn 1.Công dụng của màn - Che bớt nắng, gió, che khuất làm tăng vẻ đẹp cho căn phòng...

- GV quan sát. - Dự kiến sản phẩm: 1. Che bớt nắng gió, che khuất ... Màn hình còn làm tăng vẻ đẹp cho căn phòng 2. HS có(không) giải thích 3. Các chất liệu khác nhau: Nhựa, tre, trúc, nứa.... *Báo cáo kết quả - Hs trả lời. *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt. * GV giới thiệu thêm: - Màn hình nhựa trắng để che khuất nhưng vẫn giữ ánh sáng - Màn hình tre, trúc, nứa che bớt nắng, gió... Màn hình treo ở cửa ra vào, ban công, nối tiếp giữa 2 phòng...	2. Các loại màn hình: - Màn hình có nhiều loại và làm bằng các chất liệu khác nhau, phù hợp với tính năng người sử dụng. - Trúc, tre, nứa tre bớt nắng gió. - Treo cửa ban công nối tiếp các phòng. - Chọn chất liệu vốn chịu được tác động của môi trường.
---	--

C. Hoạt động luyện tập: 5'

1.*Mục tiêu:* Hiểu được công dụng của rèm và màn hình, cách chọn vải may rèm, các loại rèm, màn hình.

2.*Phương thức thực hiện:* Hoạt động cá nhân

3.*Sản phẩm:* Phiếu học tập.

4.*Kiểm tra đánh giá:*

- Hs đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5.*Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: Yêu cầu Hs hoạt động cá nhân hoàn thành phiếu học tập:

Câu 1: Chọn các từ sau điền vào chỗ chấm (...) cho phù hợp: Tranh , ảnh, gương, rèm cửa, màn hình

.....(1).....dùng để trang trí tường nhà

-(2)..... dùng để trang trí căn phòng
-(3)..... dùng để soi
-(4)tạo cảm giác căn phòng rộng rãi, sáng sủa hơn.
-(5)..... có tác dụng che khuất
-(6)..... có tác dụng che bớt nắng, gió.
-(7).....vừa để dùng, vừa để trang trí.
-(8)vừa để trang trí, vừa để lưu giữ kỉ niệm.

Câu 2: Rèm cửa, màn có công dụng gì ?

Câu 3: Nhà em thường sử dụng những đồ vật nào để trang trí ?

- Hs tiếp nhận.

****Thực hiện nhiệm vụ***

- HS: Làm việc cá nhân.

- GV : + Quan sát, theo dõi HS

+ GV giúp đỡ HS còn lúng túng

- Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: 1- Tranh

2- Tranh

3- Gương

4- Gương

5- Màn

6- màn

7- Rèm

8- Ảnh

Câu 2: + Rèm cửa tạo vẻ êm mát, che khuất và tăng vẻ đẹp cho khu nhà.

+ Che bớt nắng, gió, che khuất làm tăng vẻ đẹp cho căn phòng

Câu 3: Tranh, ảnh, màn

****Báo cáo kết quả***

- Hs báo cáo kết quả

****Đánh giá kết quả***

- Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

D. Hoạt động vận dụng: 3'

1.Mục tiêu : Hs nắm vững được kiến thức để vận dụng vào thực tế

2. *Phương thức*: Hđ nhóm.

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập theo nhóm

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: giao bài

Đọc tên các đồ vật dưới đây và làm các bài tập:

Ảnh lãnh tụ, ảnh danh nhân, ảnh gia đình, ảnh diễn viên, bàn thờ, tủ thờ, bàn ghế phòng khách, bàn học, bàn trang điểm, bằng khen, bình phong, chậu cây, đèn bàn, đèn chùm, đèn trang trí, đồng hồ, đồ gốm, đồ mỹ nghệ, đôn, giá sách, giường, gương, lọ hoa, màn, đài, rèm cửa, sập gụ, tivi, tranh, tủ chè, tủ đứng, tủ giày dép, tượng mỹ thuật.

Sắp xếp đồ vật trên theo 3 nhóm: Đồ vật để sử dụng phục vụ sinh hoạt ; Đồ vật dùng để trang trí; Đồ vật vừa dùng để sử dụng vừa dùng để trang trí.

- HS nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm.

- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.

- Dự kiến sản phẩm:

+ Đồ vật để sử dụng phục vụ sinh hoạt: Bàn thờ, tủ thờ, bàn ghế phòng khách, bàn học, bàn trang điểm...

+ Đồ vật dùng để trang trí: Ảnh lãnh tụ, ảnh danh nhân, ảnh gia đình, ảnh diễn viên, bằng khen, chậu cây, ...

+ Đồ vật vừa dùng để sử dụng vừa dùng để trang trí: bình phong, đèn bàn, đèn chùm, đèn trang trí....

***Báo cáo kết quả:**

- Đại diện nhóm báo cáo kết quả.

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhóm khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'

1. *Mục tiêu*: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2. *Phương thức*: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. *Tiến trình*

**Chuyển giao nhiệm vụ*

- Gv : Em hãy tìm hiểu thực tế, trên các kênh thông tin về ý nghĩa của việc phối màu sắc tường, trần nhà, rèm cửa..... các khu vực chính trong nhà ở.
- Hs nhận nhiệm vụ.

Rút kinh nghiệm:

Tuần 13

Tiết 26 - Bài 12: TRANG TRÍ NHÀ Ở BẰNG CÂY CẢNH VÀ HOA (T. 1)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Thông qua bài học HS:

- Học sinh hiểu được ý nghĩa của cây cảnh, hoa, trang trí nhà ở, một số loại cây cảnh dùng trong trang trí.
- Biết lựa chọn được hoa, cây cảnh phù hợp với ngôi nhà và điều kiện kinh tế của gia đình đạt yêu cầu thẩm mỹ

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng trang trí đơn giản cho ngôi nhà của mình phù hợp với lứa tuổi.
- Vận dụng được một số công việc vào cuộc sống gia đình.

3. Thái độ:

- Giáo dục ý thức thẩm mỹ, ý thức làm đẹp của mình.
- Rèn luyện tính kiên trì, óc sáng tạo và có ý thức trách nhiệm với cuộc sống gia đình.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.
- Phẩm chất: Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Phiếu học tập.

2. Học sinh:

- Đọc trước bài 12:
- Sưu tầm tranh, ảnh hoa và cây cảnh.

III. PHÂN BỐ THỜI GIAN BÀI DẠY

Tiết 1: I. Ý nghĩa của cây cảnh và hoa trong trang trí nhà ở

II. Một số loại cây cảnh và hoa trong trang trí nhà ở (1. Cây cảnh)

Tiết 2:(Tiếp theo) II. Một số loại cây cảnh và hoa trong trang trí nhà ở (2. Hoa)

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP :

A. Hoạt động khởi động: 5’

1. *Mục tiêu* : Huy động kiến thức,tạo hứng thú cho HS. Rèn khả năng hợp tác cho HS.

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân

3. *Sản phẩm* : Trình bày miệng.

4.*Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs đánh giá.
- Gv đánh giá.

5.*Tiến trình*.

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: Yêu cầu hs trả lời các câu hỏi sau

1. Để làm đẹp cho nhà ở ngoài tranh ảnh, gương, rèm cửa, màn người ta còn dùng gì để trang trí ?

2. Em hãy lấy 1 ví dụ cụ thể?

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ.**

- Hs : trả lời câu hỏi.

- GV quan sát hỗ trợ (nếu cần).

- Dự kiến trả lời:

1. Cây cảnh, hoa.

2. Lọ hoa hồng để bàn phòng khách,....

***Báo cáo kết quả.**

- Hs: báo cáo kết quả.

***Đánh giá kết quả.**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, vào bài mới.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1: Ý nghĩa cây cảnh và hoa trong trang trí nhà ở: 10' 1. Mục tiêu: HS hiểu được ý nghĩa của cây cảnh và hoa trong trang trí nhà ở 2. Phương thức: Hđ cá nhân 3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân. 4. Kiểm tra, đánh giá. - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau. - Gv đánh giá. 5. Tiến trình. *Chuyển giao nhiệm vụ. Gv : yêu cầu hs Hđ cá nhân nghiên cứu sgk, trả lời câu hỏi: 1. Nhà em có trồng cây cảnh và dùng hoa trang trí không? 2. Nhà em thường trồng cây cảnh gì và trang trí ở đâu? 3. Em hãy giải thích vì sao cây xanh có tác dụng làm trong sạch không khí? 4. Cây cảnh, hoa có ý nghĩa như thế nào trong trang trí nhà - Hs tiếp nhận nhiệm vụ. *Thực hiện nhiệm vụ - Hs trả lời câu hỏi. - Gv quan sát. - Dự kiến trả lời:	I. Ý nghĩa của hoa và cây cảnh trong trang trí nhà ở: - Làm tăng vẻ đẹp của nhà ở.

1. Nhà em có trồng cây cảnh và dùng hoa trang trí. 2. Cây xanh, si, hoa hồng... Ở hiên, ở sân 3. Vì cây xanh hút khí CO₂, nhả khí oxi. 4. + Làm tăng vẻ đẹp nhà ở + Bổ sung cho môi trường bên trong và bên ngoài không khí trong lành (Cây cảnh góp phần làm sạch không khí) + Con người thấy gần gũi thiên nhiên , thêm yêu cuộc sống. *Báo cáo kết quả - 2-3 Hs trả lời. *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt.	- Làm cho con người thấy gần gũi với thiên nhiên, thêm yêu cuộc sống. - Làm cho căn phòng đẹp, mát mẻ hơn. - Cây cảnh góp phần làm sạch không khí. - Đem lại niềm vui, thư giãn cho con người sau những giờ lao động, học tập mệt mỏi. - Đem lại nguồn thu nhập cho gia đình.
Hoạt động 2: Tìm hiểu một số loại cây cảnh và hoa dùng trong trang trí nhà ở: 20' 1. Mục tiêu: HS biết được 1 số loại cây cảnh dùng trong trang trí nhà ở 2. Phương thức: Hđ nhóm. 3. Sản phẩm : Phiếu học tập 4. Kiểm tra, đánh giá. - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau. - Gv đánh giá. 5. Tiến trình. *Chuyển giao nhiệm vụ. GV: Cho HS quan sát (hình 2.14, 2.15 SGK) và nghiên cứu phần 1,2,3 sgk; hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập sau: 1. Hãy nêu tên 1 số loại cây cảnh thông	II. Một số cây cảnh và hoa dùng trong trang trí nhà ở:

dụng dùng trong trang trí nhà ở? 2. Ở địa phương em còn trồng những cây nào ngoài các loại cây này? 3. Người ta thường trang trí cây cảnh ở đâu? 4. Để trang trí cây cảnh có hiệu quả cần chú ý đến điều gì? 5. Theo em ta nên chăm sóc như thế nào cho đúng cách? - Hs tiếp nhận nhiệm vụ. *Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát , hoạt động cá nhân sau đó thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập. - Gv quan sát, trợ giúp . - Dự kiến trả lời: 1. Cây lan ngọc điểm (lan tai trâu) + Cây buồm trắng(lan ý) + Cây ráy xẻ + Cây lười hổ + Cây đinh lăng + Cây phát tài + Cây mẫu tử 2. HS nêu tùy theo địa phương 3. Trang trí trong nhà, ngoài sân, trong phòng, 1 góc nhà, trên bàn nước... 4. Để trang trí có hiệu quả cần đặt chậu phù hợp với cây, đặt chậu phù hợp với vị trí cần trang trí 5. Để cây luôn đẹp phát triển tốt cần chăm bón, tưới nước tùy theo từng loại cây *Báo cáo kết quả - Đại diện nhóm báo cáo. *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá	1. Cây cảnh: a. Một số loại cây cảnh thông dụng: - Cây có hoa. VD: hoa lan, hoa hồng, hoa cúc... - Cây chỉ có lá. VD: cây phát tài, cây lười hổ, cây đinh lăng... - Cây leo, cho bóng mát. VD: cây hoàng anh, cây hoa giấy, ...
---	--

- Giáo viên nhận xét, đánh giá	b. Vị trí trang trí cây cảnh: - Cây cảnh thường được trang trí ở ngoài nhà và ở trong nhà + Ngoài nhà: trước cửa nhà, đặt trên bờ tường dẫn vào nhà, vườn, sân, lan can.... + Trong nhà: Cây cảnh đặt ở góc nhà phía ngoài cửa ra vào, cửa sổ, bàn, tủ... <i>KL : Cây cảnh nếu được đặt đúng chỗ sẽ tăng hiệu quả làm đẹp cho nhà ở, tạo ra một không gian hài hoà giữa con người với thiên nhiên</i> c. Chăm sóc cây cảnh: - Tưới nước vừa đủ, định kì bón phân cho cây. - Tỉa cành, lá sâu, làm sạch chậu cây - Đưa ra ngoài trời sau một thời gian để trong nhà.
---------------------------------------	--

C. Hoạt động luyện tập: 5'

1.Mục tiêu: Nắm được các loại cây cảnh, vị trí trang trí và cách chăm sóc nó.

2.Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm.

3.Sản phẩm: Phiếu học tập.

4.Kiểm tra đánh giá:

- Hs đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: Yêu cầu Hs hoạt động cá nhân sau đó hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập:

Câu 1: Ý nghĩa của cây cảnh và hoa trong trang trí nhà ở:

- a. Làm đẹp nhà ở
- b. Mất thời gian chỉ cần trang trí bằng các đồ vật.
- c. Làm sạch không khí
- d. Góp phần tăng thu nhập cho gia đình.
- e. Làm thiếu ôxi
- f. Gắn gũi với thiên nhiên,thư giãn.

Câu 2: Em hãy chọn câu đúng nhất trong các câu sau đây:

- a. Tất cả các cây cảnh đều phù hợp để trang trí trong phòng.
- b. Trên bàn học nên trang trí một chậu hoa to.
- c. Cần đặt cây vào chỗ mát để cây không bị khô héo, tránh đặt ở cửa ra vào, cửa sổ.
- d. Cần đặt cây ở những vị trí thích hợp để làm đẹp căn phòng nhưng vẫn đủ ánh sáng cho cây như cửa ra vào, cửa sổ

Câu 3: Em hãy chọn câu đúng trong các câu sau:

- a. Tất cả các cây cảnh đều phải tưới nước bón phân thật nhiều
 - b. Tùy vào từng loại cây cảnh mà chúng ta lựa chọn phương pháp chăm sóc cho hợp lí
 - c. Cần phải để cây cảnh trong mát để cây cảnh không bị héo khô
 - d. Câu a và c đều đúng
- Hs tiếp nhận.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS: Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành phiếu.

- GV : + Quan sát, theo dõi HS

+ GV giúp đỡ HS còn lúng túng

- Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: a, c, d, f.

Câu 2: d

Câu 3: b

***Báo cáo kết quả**

- Hs đại diện nhóm báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả**

- Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

D. Hoạt động vận dụng: 3'

1.Mục tiêu : Hs nắm vững được kiến thức để vận dụng vào thực tế

2.Phương thức: Kỹ thuật giao nhiệm vụ

3.Sản phẩm : Câu trả lời của hs.

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyên giao nhiệm vụ**

- GV: giao bài

+ Hãy chia sẻ với bạn bè về những loại hoa, cây cảnh thường dùng để trang trí nhà ở của em.

+ Em hãy đề xuất và cùng mọi người trong gia đình tìm, trồng một số loại cây cảnh phù hợp để làm đẹp cho ngôi nhà của mình hoặc tặng thu nhập cho gia đình.

- HS nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: Làm việc cá nhân
- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.
- Dự kiến sản phẩm: Hs chia sẻ

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trả lời

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5.Tiến trình

**Chuyển giao nhiệm vụ*

- Gv: + Hãy tìm trên internet, sách báo nói về các loại cây cảnh dùng để trang trí nhà ở. Nếu có điều kiện, tìm trên mạng internet với từ khóa: **Cây cảnh** để biết thêm thông tin về các loại cây cảnh thường dùng trong gia đình.

+ Chọn và viết một đoạn văn ngắn về loại cây mà em thích nhất để giới thiệu với cô giáo và các bạn.

Rút kinh nghiệm

Tuần 14

Tiết 27 - Bài 12

TRANG TRÍ NHÀ Ở BẰNG CÂY CẢNH VÀ HOA (T. 2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Học sinh hiểu được ý nghĩa của cây cảnh, hoa, trang trí nhà ở, một số hoa cây cảnh dùng trong trang trí.
- Biết lựa chọn được hoa, cây cảnh phù hợp với ngôi nhà và điều kiện kinh tế của gia đình đạt yêu cầu thẩm mỹ

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng trang trí đơn giản cho ngôi nhà của mình phù hợp với lứa tuổi.
- Vận dụng được một số công việc vào cuộc sống gia đình.

3. Thái độ:

- Giáo dục ý thức thẩm mỹ, ý thức làm đẹp của mình.
- Rèn luyện tính kiên trì, óc sáng tạo và có ý thức trách nhiệm với cuộc sống gia đình.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.
- Phẩm chất: Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy chiếu, phiếu học tập, giấy A0, bút dạ.
- Hoa tươi, hoa giả, hoa khô

2. Học sinh:

- Đọc trước mục 2 - bài 12: Trang trí nhà ở bằng cây cảnh và hoa
- Sưu tầm tranh, ảnh về các loại hoa.; Sưu tầm hoa tươi, hoa giả, hoa khô

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC :

A. Hoạt động khởi động: 5'

1. *Mục tiêu* : huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs.

Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs đánh giá- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*

-> Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ...

-> Giáo viên nêu mục tiêu bài học...

- GV sử dụng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề và kỹ thuật đặt câu hỏi.

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv : Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy HDN trả lời câu hỏi

Giáo viên chiếu hình ảnh 1 là có hoa trang trí còn lại là không có hoa trang trí yêu cầu học sinh quan sát tranh và cho biết phòng nào đẹp hơn? Vì sao?

- Hs : q sát , nghe

***Thực hiện nhiệm vụ**

Hs: Hđ cá nhân, tl câu hỏi

Gv : theo dõi

***Báo cáo kết quả**

Hs: đại diện báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

- GV giao nhiệm vụ :

Học sinh báo cáo kết quả đã đạt được..

Đã từ lâu hoa luôn là người bạn đồng hành cùng con người, giúp tô điểm thêm cuộc sống và mang giá trị tinh thần. Chỉ cần một chút sáng tạo, khéo léo của đôi bàn tay mà chúng ta có thể tô điểm thêm cho ngôi nhà thêm xinh đẹp vậy: Có các loại hoa nào và chúng ta nên đặt hoa ở đâu cho đẹp? Để hiểu sâu chúng ta đi nghiên cứu bài 12: Trang trí nhà ở bằng cây cảnh và hoa (Tiết 2)

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
HD 1: Tìm hiểu ý nghĩa cách trang trí bằng hoa: 30'	2. Hoa.

1. *Mục tiêu* : nắm được ý nghĩa cách trang trí bằng hoa

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân.

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân
phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

Gv đánh giá

5. *Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: Chia lớp làm 4 nhóm hoàn thành phiếu học tập trong vòng 3 phút. Nêu tên các loại hoa tươi dùng trong trang trí nhà ở ? Sau đó mỗi nhóm cử 4 bạn trong nhóm đại diện nhóm lên bảng lần lượt từng bạn ghi 1 tên xong lại quay lại cuối hàng để bạn tiếp theo lên . Cứ như vậy cho đến hết thời gian 2 phút đội nào ghi được nhiều tên hoa và đúng thì đội đó chiến thắng -> đội chiến thắng sẽ nhận được 1 phần thưởng

***Thực hiện nhiệm vụ**

Hs: Hđ nhóm, tl câu hỏi

Gv : theo dõi

***Báo cáo kết quả**

Hs: đại diện báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Học sinh báo cáo kết quả đã đạt được..

- Nhận xét các nhóm trình bày và tổng kết thi đua các nhóm. Trao phần thưởng cho nhóm chiến thắng.

- GV: Đưa ra 3 loại hoa khác nhau cho

a. Các loại hoa dùng trong trang trí.

học sinh phân biệt về màu sắc, mùi hương, độ dẻo của cành hoa yêu cầu HS sờ, ngửi, cảm nhận về những loại hoa này. Kết hợp liên hệ thực tế cho biết đó là loại hoa gì?

- Gia đình em có thường dùng hoa để trang trí không? Em hãy kể tên một số loài hoa mà em biết?

- Hoa mà gia đình em dùng là hoa thật hay hoa giả?

- Hoa trang trí chia làm mấy loại chính? Là những loại hoa nào?

- GV chiếu 1 số hình ảnh hoa tươi, hoa khô và hoa giả yêu cầu HS sinh quan sát kết hợp sờ, cảm nhận đặc điểm của các loại hoa mình đang có . Hoạt động nhóm 5 phút cho biết thể nào là hoa tươi, hoa giả, hoa khô? Nêu ưu, nhược điểm của các loại hoa đó cũng như phạm vi ứng dụng của chúng?

- Đại diện nhóm lên bảng trình bày-> Nhóm khác nhận xét, bổ sung

- GV: Nêu tên các loại hoa thường trồng trong và ngoài nước?

- Hãy nêu thêm tên các loài hoa tươi có ở địa phương em?

- Hoa tươi có đặc điểm gì nổi bật?

- Nêu ưu, nhược điểm của hoa tươi? phạm vi ứng dụng của hoa tươi?

- Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét, chốt.

- Hoa trang trí được phân làm 3 loại chính là: Hoa tươi, hoa giả và hoa khô.

***. Hoa tươi:**

- **Đặc điểm:** là các loại hoa còn xanh , tươi do con người trồng và có sẵn trong thiên nhiên. Hoa tươi rất đa dạng và phong phú trồng ở nước ta và hoa nhập ngoại: VD như Hoa hồng, hoa cúc, hoa đào, hoa cẩm chướng. Đặc biệt chúng có mùi thơm tự nhiên.

- **Ưu điểm:** Phong phú, đẹp, nhiều màu sắc, có hương thơm

- **Nhược điểm:** Mau tàn

- **Phạm vi sử dụng:** được sử dụng rộng rãi

***. Hoa khô:**

- **Đặc điểm:** Được làm từ một số loại hoa, lá, cành tươi được làm khô bằng hóa chất hoặc sấy khô sau đó nhuộm màu. Kỹ thuật làm hoa phức tạp, công phu giá thành cao, việc làm sạch hoa khô khó .

- **Ưu điểm:** Đẹp, bền hơn hoa tươi

- **Nhược điểm:** Giá thành cao, khó làm sạch

- **Phạm vi sử dụng:** Ít sử dụng rộng rãi

- Hoa khô có đặc điểm gì nổi bật?
- Nêu ưu, nhược điểm của hoa khô? phạm vi ứng dụng của hoa khô?
- Vì sao hoa khô ít được sử dụng rộng rãi? - Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét, bổ sung
- GV nhận xét, chốt.
- Hoa giả có đặc điểm gì nổi bật?
- Nêu ưu, nhược điểm của hoa giả? phạm vi ứng dụng của hoa giả?
- Vì sao hoa giả được sử dụng rộng rãi ?
- Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét, bổ sung
- GV nhận xét, chốt.
- Em thích trang trí nhà ở bằng hoa tươi, hoa khô hay hoa giả? Vì sao?
- GV chiếu 1 số hình ảnh vị trí trang trí hoa yêu cầu HS cho biết đó là những vị trí nào?
- Ở mỗi vị trí đó cách cắm có giống nhau không? Vì sao?
- Vậy chúng ta cần cắm hoa như thế nào ở các địa điểm đó?
- GV: Trong gia đình em thường trang trí hoa ở những vị trí nào? (Phòng khách, phòng ngủ).
- GV: Ở mỗi nơi em vừa nêu hoa được trang trí như thế nào?
- Ở nhà em thường cắm hoa trang trí vào những dịp nào và đặt bình hoa ở đâu ?
- Hoa có ý nghĩa gì đối với con người, môi trường và trang trí nhà ở?
- Khi đặt bình cắm hoa cần lưu ý những vị trí nào không nên đặt bình hoa lên trên? (Vị trí có các đồ điện tử, mặt không

***.Hoa giả:**

- **Đặc điểm:** Được làm bằng vải lụa ni lông, giấy mỏng, nhựa. Dây kim loại phủ nhựa hoặc phủ bọc. Hoa giả đẹp bền, dễ làm sạch như mới, phù hợp với những vùng hiếm hoa tươi.
- **Ưu điểm:** Đẹp, nhiều màu sắc, bền, dễ làm.
- **Nhược điểm:** Không có hương thơm
- **Phạm vi ứng dụng:** Được sử dụng rộng rãi

b. Các vị trí trang trí bằng hoa.

- Trang trí ở bàn ăn, bàn tiếp khách, tủ, kệ sách, bàn làm việc, treo tường....
- Mỗi vị trí không cắm giống nhau, vì mỗi vị trí khác nhau có đặc điểm khác nhau nên cần có cách cắm hoa khác.
- Ở bàn nước cần bình hoa thấp dạng toả tròn hoặc dạng tam giác nhiều hoa. Bàn rộng cần có hoa tán rộng và ngược lại
- Ở kệ tủ, kệ tường,... cần cao và vừa, hoa cũng cao, không cần tán rộng, dạng thẳng hoặc nghiêng
- Hoa treo tường cần hướng ra phía không gian

phẳng vì dễ gây đổ, nước vào đồ điện tử gây chập) - Hãy dựa vào các kiến thức đã học, lựa chọn 1 bình hoa phù hợp cho bàn học của em? - GV kết luận:	<i>Kết luận: Hoa làm tăng vẻ đẹp cho nhà ở, làm sạch không khí, giúp con người gần gũi với thiên nhiên và thêm yêu cuộc sống. Đem lại niềm vui, thư giãn và tăng thu nhập cho gia đình.</i>
---	---

C. Hoạt động luyện tập: 5'

1.Mục tiêu : nắm vững kt để làm bài tập

2.Phương thức:Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
phiếu học tập nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau-Gv đánh giá

5.Tiến trình

* Giao nhiệm vụ :

- Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?

- HS suy nghĩ và viết ra giấy, Mỗi HS trình bày trước lớp 1 phút về những điều các em đã học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp.

- Yêu cầu Hs hoàn thiện một số bài tập :

GV: Phát phiếu học tập yêu cầu HS hoạt động nhóm khoanh vào chữ Đ vào câu trả lời đúng, chữ S nếu cho là câu sai.

Em làm gì để có cây cảnh, hoa trang trí nhà ở?

STT	Nội dung	Đúng	Sai
1	Trồng cây cảnh	Đ	
2	Tiết kiệm tiền để mua hoa	Đ	
3	Hái hoa nơi công cộng		S
4	Trồng và chăm sóc cây cảnh, cây hoa	Đ	

5	Hái hoa của nhà bên		S
6	Xin hoa của bạn hái trong công viên		S
7	Tìm kiếm và khai thác hợp lí cây mọc tự nhiên.	Đ	
8	Cây có hình dáng thanh, cao phù hợp với chậu thấp, miệng rộng.		S
9	Cây có hình dáng thanh, cao phù hợp với chậu thấp, miệng rộng vừa phải	Đ	
10	Cây có thân thấp và tán rộng phù hợp với chậu có dáng thấp, miệng rộng.	Đ	

- Khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:

a. Để cây cảnh luôn đẹp và phát triển tốt, em cần phải làm gì?

A. Chăm bón, tưới nước

B. Thỉnh thoảng đưa cây ra ngoài

trời

C. Không nên đưa cây ra ngoài trời **D.** Cả A và B

b. Đặc điểm nào dưới đây làm cho hoa giả được sử dụng rộng rãi?

A. Bền , đẹp, dễ làm sạch

B. Không độc hại

C. Đa dạng, nhiều màu sắc

D. Cả A và C

****Thực hiện nhiệm vụ***

Hs: cả lớp

Gv : theo dõi

****Báo cáo kết quả***

Hs: đại diện báo cáo kết quả

****Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá- GV yêu cầu HS báo cáo kết quả làm bài tập tình huống trước lớp.

- Cô giáo bổ sung, tổng hợp ý kiến.

D. Hoạt động vận dụng, tìm tòi mở rộng kiến thức: 5'

1.Mục tiêu : nắm vững được kt vận dụng vào thực tế

2.Phương thức:Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau- Gv đánh giá

5. Tiến trình

* **Giao nhiệm vụ**

- Hãy chia sẻ với mọi người trong gia đình về những loại hoa, cây cảnh thường dùng để trang trí nhà ở của em.
- Em hãy đề xuất và cùng mọi người trong gia đình tìm, trồng một số loại hoa phù hợp để làm đẹp cho ngôi nhà của mình hoặc tặng thu nhập cho gia đình.
- Em có thể tự học cách làm hoa giả để trang trí cho nhà mình thêm đẹp.
- Tìm hiểu xem trong gia đình mình có những bình hoa loại nào. chọn loại hoa cắm phù hợp với từng bình đã có và chọn vị trí đặt bình hoa phù hợp trong nhà mình.

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Hãy tìm trên internet, sách báo nói về các loại hoa dùng để trang trí nhà ở. Nếu có điều kiện, tìm trên mạng internet với từ khóa: **Cây cảnh** để biết thêm thông tin về các loại hoa thường dùng trong gia đình.
- Chọn và viết một đoạn văn ngắn về loại hoa mà em thích nhất để giới thiệu với cô giáo và các bạn.
- HS đọc “Có thể em chưa biết” SGK/51.
- * Về học bài và trả lời các câu hỏi 1;2;3 SGK/51
- Xem bài 13: Cắm hoa trang trí SGK/52
- Sưu tầm tranh, ảnh, dụng cụ cắm hoa.
- * **Rút kinh nghiệm:**

Tuần 14

Tiết 28 - Bài 13: CẮM HOA TRANG TRÍ.

I. Mục tiêu bài dạy: Sau bài học, HS đạt được :

1. Kiến thức:

- Học sinh nắm được nguyên tắc cắm hoa cơ bản, các loại dụng cụ và vật liệu cắm hoa.

2. Kỹ năng:

- Biết sử dụng kênh hình để phân loại được các dụng cụ và vật liệu cắm hoa.
- Làm được một số loại bình cắm hoa từ các vật liệu như chai lọ, vỏ hộp sữa,...

3. Thái độ:

- Giúp các em thêm yêu thích công việc trang trí trong nhà ở, yêu mến thiên nhiên.

- Rèn luyện óc sáng tạo, sự khéo léo của bản thân.
- Các em có ý thức bảo vệ môi trường và tiết kiệm chi tiêu hơn trong gia đình.
- Giáo dục HS lòng biết ơn, tình yêu thương đối với những người xung quanh

4. Năng lực, phẩm chất:

Tự học, giao tiếp, giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ trình bày, sử dụng dụng cụ trực quan (mẫu vật thật , tranh ảnh), hợp tác ...

II. Chuẩn bị.

1. Giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy, máy chiếu đa năng, giấy A0, bút dạ.
- Mẫu bình hoa đã cắm, một số loại hoa, lá, cành.

2. Học sinh:

- Tìm hiểu bài ở nhà; các nhóm thực hiện nhiệm vụ mà GV giao cho về nhà là tìm hiểu về dụng cụ cắm hoa và có 2 sản phẩm bình cắm tự tạo.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:

A. Hoạt động khởi động: 5'

1. *Mục tiêu* : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân.

3. *Sản phẩm* : Trình bày miệng.

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs đánh giá. Gv đánh giá

5. *Tiến trình*.

***Chuyển giao nhiệm vụ:** Liên hệ thực tế trả lời các câu hỏi.

Hoa có ý nghĩa như thế nào trong đời sống con người?

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm.
- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

*** Dự kiến câu trả lời:**

- Hoa dùng để trang trí nhà ở phòng... làm cho căn nhà đẹp và lộng lẫy, tạo sự vui tươi thoải mái cho con người mỗi khi lao động và làm việc mệt mỏi.

*** Báo cáo kết quả:** Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá.
- **Gv dẫn dắt vào bài** : Qua phần khởi động và các kiến thức mà các em đã nghiên cứu ở tiết trước, các em thấy thiên nhiên có tươi đẹp không? Thiên nhiên không chỉ tươi đẹp mà nó còn giúp cho con người cảm thấy thoải mái thư giãn hơn sau những giờ làm việc mệt mỏi. Chính vì vậy mà con người luôn muốn hòa mình vào thiên nhiên và muốn đưa thiên nhiên vào trong ngôi nhà của mình đang ở. Trong tiết học ngày hôm nay cô sẽ hướng dẫn các em một trong những cách đưa thiên nhiên vào ngôi nhà thân yêu của mình bằng cách : Cắm hoa trang trí .

B. Hoạt động hình thành kiến thức

[illegible]

Hoạt động nhóm 3 phút Kể tên các loại hoa , lá, cành mà em biết có thể dùng để cắm hoa. Sau đó nêu tác dụng của các loại hoa, lá, cành đó trong bình hoa ?. - HS: lắng nghe câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ: - HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm. - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực. * Dự kiến câu trả lời: a, Các loại hoa: Hoa tươi, hoa khô, hoa giả . (Chọn cành hoa tươi, đẹp nhất làm cành chính.) b. Các loại cành: cành tươi, cành khô như cành trúc, cành mai, thủy trúc ... -> Tạo đường nét chính của bình hoa , giúp bình hoa thêm sinh động , đẹp mắt c. Các loại lá: - Lá măng, trúc, lưỡi hổ, thạch thảo, trúc thủy, thông, tre ngà...Các loại quả: ớt, cà chua, táo... các loại cành tươi , cành khô (Giúp bình hoa thêm mềm mại và tăng vẻ tươi thắm của hoa, đồng thời che lấp đế chông.) * Báo cáo kết quả - Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp. *Đánh giá kết quả: - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt.	- Mút xốp hoặc bàn chông. 2. Vật liệu cắm hoa: a. Các loại hoa: Hoa tươi, hoa khô, hoa giả .(Chọn cành hoa tươi, đẹp nhất làm cành chính.) b. Các loại cành: cành tươi, cành khô như cành trúc, cành mai, thủy trúc ... -> Tạo đường nét chính của bình hoa , giúp bình hoa thêm sinh động , đẹp mắt c. Các loại lá: - Lá măng, trúc, lưỡi hổ, thạch thảo, trúc thủy, thông, tre
---	---

	ngà...Các loại quả: ớt, cà chua, táo... các loại cành tươi , cành khô (Giúp bình hoa thêm mềm mại và tăng vẻ tươi thắm của hoa, đồng thời che lấp đế chông.)
--	---

C. Hoạt động luyện tập: 5'

1. *Mục tiêu* : nắm vững kiến thức về cắm hoa trang trí để làm 1 số bài tập luyện tập
2. *Phương thức*: Gọi mở, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề. Hđ cá nhân.
3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân.
4. *Kiểm tra, đánh giá*:
 - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau.
 - Gv đánh giá.

5. Tiến trình.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

- GV chiếu hình ảnh một số bình hoa yêu cầu học sinh quan sát cho biết
1. Trong các bình hoa trên thì bình hoa nào có hoa và bình cắm phù hợp về hình dáng, màu sắc?
 2. Bình hoa nào đảm bảo về sự cân đối về kích thước giữa cành hoa bình cắm? Bình hoa nào đảm bảo cả hai nguyên tắc trên?
 3. Nhận xét các bông hoa phụ thuộc vào độ nở của hoa như thế nào?
 4. Chọn ba trong số các bình hoa trên để đặt vào phòng khách, phòng ăn và góc học tập cho phù hợp và giải thích tại sao lại có sự lựa chọn đó?
- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân
- GV: Quan sát, hỗ trợ.

*** Dự kiến câu trả lời:**

- Theo ý hiểu của Hs.

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp.

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá.

D. Hoạt động vận dụng: 3'

1. *Mục tiêu* : Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào việc cắm hoa trang trí làm đẹp nhà ở hoặc ít nhất là làm đẹp phòng học của mình.

2. *Phương thức* : Hđ cá nhân.

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân.

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*.

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Chia sẻ với mọi người trong gia đình về nguyên tắc cắm hoa để có bình hoa đẹp.
- Tìm hiểu xem trong gia đình mình có những vật dụng nào để có thể làm bình cắm hoa, em có thể sử dụng những vật dụng đơn giản như bát, giỏ, li, vỏ lon bia, vỏ lon nước ngọt, vỏ trái cây để tạo lên những bình hoa độc đáo, dễ làm?.

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc cá nhân .
- GV: Quan sát, hỗ trợ.

* Dự kiến câu trả lời: Rất đa dạng, tùy vào từng hs..

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp .

***Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá, chốt.

E. Hoạt động tìm tòi mở rộng: 2'

1. *Mục tiêu*: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức về cắm hoa trang trí.

2. *Phương thức*: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân.

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. *Tiến trình*.

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Tìm hiểu thêm về nghệ thuật cắm hoa ở Việt Nam và các nước trên thế giới qua sách, báo, các chương trình dạy cắm hoa trên truyền hình, trên các trang web và qua người thân hoặc các nghệ nhân cắm hoa.

- HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:** HS: làm việc cá nhân hoặc nhóm ở nhà.

*** Báo cáo kết quả**

- Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp vào tiết học sau.

***Đánh giá kết quả:**

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá

- Gv đánh giá vào tiết học sau.

*** Hướng dẫn về nhà .**

- Về học và trả lời câu hỏi1;2 SGK .

- Xem bài13-phần III SGK/55 và sưu tầm tranh ảnh có liên quan tới bài học

- Bộ dụng cụ cắm hoa và cành, lá, hoa.làm mẫu.

*** Rút kinh nghiệm:**

Tuần 15

TIẾT 29: BÀI 13- CẮM HOA TRANG TRÍ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:Thông qua bài học HS:

- Học sinh hiểu được 3 nguyên tắc cơ bản về cắm hoa trang trí.

- Biết lựa chọn được hoa, bình cắm phù hợp.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng lựa chọn hoa, bình cắm, vị trí để trang trí.

- Vận dụng được kiến thức vào cắm hoa.

3. Thái độ:

- Giáo dục ý thức thẩm mỹ, ý thức làm đẹp của mình.

- Rèn luyện tính kiên trì, óc sáng tạo và có ý thức trách nhiệm với cuộc sống gia đình.

4. Năng lực,phẩm chất:

- Năng lực: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.

- Phẩm chất: Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Tranh hình 2.21/sgk; phiếu học tập.

2. Học sinh:

- Đọc trước bài 12:
- Sưu tầm tranh, ảnh về các lọ hoa.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP :

A. Hoạt động khởi động: 5'

1. *Mục tiêu* : Huy động kiến thức,tạo hứng thú cho HS. Rèn khả năng hợp tác cho HS.

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân

3. *Sản phẩm* : Trình bày miệng.

4.*Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs đánh giá.
- Gv đánh giá.

5.*Tiến trình*.

***Chuyên giao nhiệm vụ**

- GV: Yêu cầu hs trả lời các câu hỏi sau:

1. Liên hệ thực tế, theo em để cắm được 1 lọ hoa đẹp cần chọn hoa và bình cắm như thế nào?

2. Em hãy lấy 1 ví dụ cụ thể?

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ.**

- Hs : trả lời câu hỏi.

- GV quan sát hỗ trợ (nếu cần).

- Dự kiến trả lời:

1. Chọn hoa và bình cắm phù hợp về màu sắc , hình dáng.

2. Lọ màu trắng , hoa màu đỏ hoặc vàng.

***Báo cáo kết quả.**

- Hs: báo cáo kết quả.

***Đánh giá kết quả.**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, vào bài mới.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1: Chọn hoa và bình cắm phù hợp về hình dáng, màu sắc: 10' 1. <i>Mục tiêu:</i> HS hiểu được cách chọn hoa và bình cắm phù hợp về hình dáng, màu sắc. 2. <i>Phương thức:</i> Hđ cá nhân 3. <i>Sản phẩm :</i> Phiếu học tập cá nhân. 4. <i>Kiểm tra, đánh giá.</i> - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau. - Gv đánh giá. 5. <i>Tiến trình.</i> *Chuyển giao nhiệm vụ. Gv : yêu cầu hs Hđ cá nhân nghiên cứu sgk, trả lời câu hỏi: 1. Em hãy kể tên 1 số loại hoa cắm ở bình thấp, 1 số hoa cắm ở bình cao? 2. Trong 1 lọ hoa em thường chọn hoa như nào? 3. Theo em nên chọn lọ màu như thế nào? - Hs tiếp nhận nhiệm vụ. *Thực hiện nhiệm vụ - Hs trả lời câu hỏi. - Gv quan sát. - Dự kiến trả lời: 1. Hoa cắm ở bình thấp: hoa súng, hoa nhài, hoa hồng... Hoa cắm ở bình cao: Hoa huệ, hoa đơn, hoa hồng.... 2. Có thể chọn hoa cùng 1 màu hoặc nhiều màu. 3. Chọn lọ màu nâu, đen, trắng,sẽ thích hợp với nhiều loại màu hoa.	II. Nguyên tắc cơ bản. 1. Chọn hoa và bình cắm phù hợp về hình dáng, màu sắc. - Hoa cắm ở bình thấp: hoa súng, hoa nhài, hoa hồng... Hoa cắm ở bình cao: Hoa huệ, hoa đơn, hoa hồng.... - Có thể chọn hoa cùng 1 màu hoặc nhiều màu. - Chọn lọ màu nâu, đen, trắng,sẽ thích hợp với nhiều loại màu hoa.

2. * Độ dài cành chính:

- Cành chính 1.
- Cành chính 2.
- Cành phụ T.
- Cành chính (1) $\uparrow = 1,5 \rightarrow 2 (D + h)$
(D đường kính nở nhất của bình)
h chiều cao của bình
- Cành chính (2) $= \frac{2}{3} \uparrow$
- Cành chính (3) $\uparrow = \frac{2}{3}$

* Các cành phụ có chiều dài ngắn hơn cành chính mà nó đứng bên cạnh.

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm báo cáo.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Hoạt động 3: Sự phù hợp giữa bình hoa và vị trí cần trang trí: 10'

1. Mục tiêu: HS biết được sự phù hợp giữa bình hoa và vị trí cần trang trí

2. Phương thức: Hđ cặp đôi.

3. Sản phẩm : Phiếu học tập

4. Kiểm tra, đánh giá.

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau.

- Gv đánh giá.

5. Tiến trình.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

GV: Cho HS quan sát (hình 2.22 SGK) và nghiên cứu phần 3 sgk; hoạt động cặp đôi hoàn thành phiếu học tập sau:

Em hãy nhận xét về cách đặt bình hoa ở các vị trí đó đã phù hợp chưa và giải thích(Hoa treo tường, để bàn, đặt trên giá

- Cành chính (1) $\uparrow = 1,5 \rightarrow 2 (D + h)$

(D đường kính nở nhất của bình)
h chiều cao của bình

- Cành chính (2) $= \frac{2}{3} \uparrow$

- Cành chính (3) $\uparrow = \frac{2}{3}$

* Các cành phụ có chiều dài ngắn hơn cành chính mà nó đứng bên cạnh.

3: Sự phù hợp giữa bình hoa và vị trí cần trang trí.

- Góc nhỏ: Lọ cao.

- Bàn ăn: Bình hoa thấp, vừa.

sách) ? - Hs tiếp nhận nhiệm vụ. *Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát , hoạt động cá nhân sau đó thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập. - Gv quan sát, trợ giúp . - Dự kiến trả lời: + Hoa treo tường: thường rủ xuống, dài.Là giỏ hoặc lồng. + Để bàn: bình thấp cắm tròn, nhiều hoa. + Đặt trên cao(giá sách): Bình cao, hoa thường cắm theo góc nghiêng. *Báo cáo kết quả - Đại diện cặp đôi báo cáo. *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	
--	--

C. Hoạt động luyện tập: 5'

1.*Mục tiêu:* Hiểu được các nguyên tắc cắm hoa cơ bản.

2.*Phương thức thực hiện:* Hoạt động cá nhân.

3.*Sản phẩm:* Phiếu học tập.

4.*Kiểm tra đánh giá:*

- Hs đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5.*Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: Yêu cầu Hs hoạt động cá nhân sau đó hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập: GV cho ảnh một số bình hoa yêu cầu học sinh quan sát

1. Cho biết trong các bình hoa trên thì bình hoa nào có hoa và bình cắm phù hợp về hình dáng, màu sắc?

2. Bình hoa nào đảm bảo về sự cân đối về kích thước giữa cành hoa bình cắm?

3. Bình hoa nào đảm bảo cả hai nguyên tắc trên?

4. Chọn ba trong số các bình hoa trên để đặt vào phòng khách, phòng ăn và góc học tập cho phù hợp và giải thích tại sao lại có sự lựa chọn đó?

- Hs tiếp nhận.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS: Làm việc cá nhân hoàn thành phiếu.

- GV : + Quan sát, theo dõi HS

+ GV giúp đỡ HS còn lúng túng

- Dự kiến sản phẩm: phiếu học tập

***Báo cáo kết quả**

- Hs báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả**

- Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

D. Hoạt động vận dụng: 3'

1.Mục tiêu : Hs nắm vững được kiến thức để vận dụng vào thực tế

2.Phương thức: Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật giao nhiệm vụ

3.Sản phẩm : Câu trả lời của hs.

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: giao bài

+ Chia sẻ với mọi người trong gia đình về nguyên tắc cắm hoa để có bình hoa đẹp.

+ Kể với bạn, xem trong gia đình em có những vật dụng nào để có thể làm bình cắm hoa, em có thể sử dụng những vật dụng đơn giản như bát, giỏ, li, vỏ lon bia, vỏ lon nước ngọt, vỏ trái cây để tạo lên những bình hoa độc đáo, dễ làm.

- HS nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân

- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.

- Dự kiến sản phẩm: Hs chia sẻ

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trả lời

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E. động tìm tòi, mở rộng: 2'

1.*Mục tiêu:* Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.*Phương thức:* Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3.*Sản phẩm :* Phiếu học tập cá nhân

4.*Kiểm tra, đánh giá:*

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5.*Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv: Tìm hiểu thêm về nghệ thuật cắm hoa ở Việt Nam và các nước trên thế giới qua sách, báo, các chương trình dạy cắm hoa trên truyền hình, trên các trang web và qua người thân hoặc các nghệ nhân cắm hoa.
- Hs tiếp nhận: báo cáo với cô trong tiết sau.

Rút kinh nghiệm:

Tuần 15

TIẾT 30 - BÀI 13: CẮM HOA TRANG TRÍ (Tiếp)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết được quy trình cắm hoa. Biết lựa chọn đúng dụng cụ, vật liệu để cắm hoa trang trí
- Hiểu và vận dụng nguyên tắc, quy trình cắm hoa trang trí

2. Kỹ năng:

- Vận dụng kiến thức đã học để cắm hoa trang trí theo chủ đề.
- Những học sinh khá giỏi vận dụng chọn các dụng cụ, vật liệu để cắm hoa trang trí và phối hợp với cây cảnh, đồ vật trang trí nhà ở.

3. Thái độ:

- Có ý thức tham gia công việc gia đình, giữ gìn trang trí nhà ở sạch đẹp tùy theo điều kiện của gia đình.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin, năng lực thực hành, năng lực giao tiếp, năng lực thẩm mỹ.
- Phẩm chất: Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN, HỌC SINH

- GV:

SGK, SBT, tài liệu tham khảo, soạn giáo án

- + Sưu tầm tài liệu tham khảo về cắm hoa trang trí ở các vị trí khác nhau trong nhà .
- + Bộ dụng cụ cắm hoa, tranh mẫu về cắm hoa

- HS :

Vở ghi, SGK, VBT, đọc trước nội dung bài 13. Sưu tầm tranh ảnh về cắm hoa trang trí.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

A. Hoạt động khởi động: 5'

1. *Mục tiêu* : Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho HS. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. *Phương thức thực hiện*: HĐ cá nhân

3. *Sản phẩm* : Đáp án trả lời của HS

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*

***Chuyên giao nhiệm vụ**

- Gv : Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy HĐ cá nhân trả lời câu hỏi :

+ Hãy trình bày nguyên tắc cơ bản cắm hoa?

- Hs: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS: suy nghĩ trả lời.

- GV : quan sát

- Dự kiến sản phẩm:

. Nguyên tắc cơ bản cắm hoa:

Chọn hoa và bình cắm phù hợp về màu sắc hình dáng

Sự cân đối về kích thước giữa cành hoa và bình cắm.

Sự phù hợp giữa bình hoa và vị trí cần trang trí

***Báo cáo kết quả**

HS: Trả lời đáp án của mình

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Gv: Em đã từng cắm hoa hoặc quan sát người khác cắm hoa chưa? Công việc cắm hoa được thực hiện theo các bước như thế nào?

HS: trả lời bằng kiến thức thực tiễn

GV: Dẫn dắt vào bài.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
1. Tìm hiểu: Quy trình cắm hoa: 30' 1. <i>Mục tiêu</i> : Biết chuẩn bị dụng cụ và vật liệu	III. Quy trình cắm hoa.

cắm hoa, hiểu được quy trình cắm hoa cơ bản.

2. Phương thức: đàm thoại, nêu và giải quyết vấn đề, HĐ cá nhân, hoạt động nhóm.

3.Sản phẩm : Câu trả lời của học sinh

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV: Yêu cầu hs nghiên cứu thông tin SGK, HDN trả lời các câu hỏi sau:

1. Để cắm được bình hoa đẹp thì ta cần chuẩn bị những gì?

2. Nêu quy trình cắm hoa cơ bản?

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ làm việc cá nhân trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm thống nhất câu trả lời.

- GV theo dõi
- Dự kiến trả lời:

1. * Bình hoa: Có thể là bình cao, bình thấp, vỏ chai, vỏ lon bia, giỏ, lẵng, ống tre, đĩa...

* Bàn chông, mút xấp giữ nước, dao, kéo và cuối cùng là hoa.

*Hoa:

- Cắt hoa vào buổi sáng, hoặc mua hoa còn tươi.
- Tia bột lá vàng, sâu, cắt vát cuống hoa cách dấu cắt cũ 0,5cm.
- Cho hoa vào xô nước, ngập đến nửa thân cành hoa.
- Để xô nước trong bóng mát.

1. Chuẩn bị

- Bình cắm hoa.
- Dụng cụ cắm: bàn chông, mút xộp, dao kéo.....
- Hoa.

2. Qui trình thực hiện

- Lựa chọn hoa lá, bình cắm, dạng cắm hoa phù hợp, hài hoà.
- Cắt cành và cắm các cành chính.
- Cắt cành phụ xen vào cành chính – Điểm thêm hoa lá.
- Đặt bình hoa vào vị trí cần trang trí.

2. - Lựa chọn hoa lá, bình cắm, dạng cắm hoa phù hợp, hài hoà. - Cắt cành và cắm các cành chính. - Cắt cành phụ xen vào cành chính – Điểm thêm hoa lá. - Đặt bình hoa vào vị trí cân trang trí. *Báo cáo kết quả: - Đại diện nhóm trình bày *Đánh giá kết quả: - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá GV: chốt kiến thức, ghi bảng. - GV mở rộng: Đã có hoa cần chọn bình cắm phù hợp ngược lại đã có bình cắm thì phải chú ý chọn hoa cho phù hợp theo nguyên tắc cắm hoa cơ bản. GV: hướng dẫn hs quy trình cắm hoa: - Khi cắm 1 bình hoa để trang trí cần tuân theo qui trình sẽ thực hiện nhanh chóng và đạt hiệu quả. -Thao tác mẫu 1bình hoa, theo sau mỗi thao tác đều dừng để nhắc lí thuyết. HS: quan sát, lắng nghe. GV hỏi thêm: - Để hoa tươi cắm được tươi lâu chúng ta cần phải làm ntn? HS: Chú ý nên cắt cành hoa trong nước, tránh đặt bình hoa nơi có nắng chiếu vào hoặc gió mạnh, không đặt dưới máy quạt. + Hằng ngày thay nước để hoa tươi lâu.	
--	--

C. Hoạt động luyện tập: 5'

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập, trả lời câu hỏi..

2.Phương thức: Hđ cá nhân

3.Sản phẩm : Câu trả lời của học sinh

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu :
- Hãy trình bày nguyên tắc cơ bản cắm hoa? Để cắm được 1 bình hoa đẹp cần thực hiện theo qui trình như thế nào?
- Cần làm gì để giữ hoa tươi lâu?
- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS đọc yêu cầu làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

***Báo cáo kết quả:**

Hs trả lời nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

D. Hoạt động vận dụng: 3'

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

2.Phương thức: Hđ cá nhân

3.Sản phẩm : Câu trả lời của hs

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV:

BT: Dưới đây là nội dung các bước của quy trình cắm hoa, em hãy sắp xếp theo đúng trình tự có thể thực hiện.

1. Đặt bình hoa vào vị trí trang trí

2. Cắt cành hoa và cắm các cành chính
 3. Chọn hoa, bình cắm, dạng cắm phù hợp.
 4. Cắt các cành phụ, cắm xen vào cành chính và cắm che khuất miệng bình.
- Vận dụng kiến thức về cắm hoa trang trí để áp dụng trong cuộc sống.
 - Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS đọc yêu cầu, liên hệ thực tế trả lời câu hỏi.
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm:

***Báo cáo kết quả:**

HS báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E. Hoạt động tìm tòi mở rộng: 2'

1. Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2. Phương thức: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3. Sản phẩm : Câu trả lời của Hs vào vở

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình hoạt động

* GV giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Tìm hiểu về cách cắm hoa dạng thẳng đứng. Ghi lại những điều em tìm hiểu được để chia sẻ với bạn bè và báo cáo trong buổi học tiếp theo-
- Chuẩn bị bài 14:” Thực hành cắm hoa”.

+Vật liệu cắm hoa: hoa, lá, cành: cành thông nhỏ hoặc lá măng, hoa đồng tiền hoặc loại hoa khác có độ xòe lớn.

+Dụng cụ cắm hoa: bình cắm, mút xốp, bàn chông. Bình thấp, mút xốp hoặc bàn chông, dao, kéo.

RÚT KINH NGHIỆM:

Tuần 16

TIẾT 31 - BÀI 14:
THỰC HÀNH: CẮM HOA (TIẾT 1)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Thực hiện được cắm hoa dạng thẳng đứng phù hợp với không gian nơi ở hoặc nơi học tập

2. Kỹ năng:

- Sử dụng mẫu cắm hoa dạng thẳng đứng phù hợp với vị trí trang trí đạt yêu cầu thẩm mỹ.

3. Thái độ:

- Có tính cẩn thận, thao tác chính xác, đúng quy trình, tiết kiệm nguyên vật liệu, giữ vệ sinh nơi thực hành.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin, năng lực thực hành, năng lực giao tiếp, năng lực thẩm mĩ.

- Phẩm chất: Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN, HỌC SINH

- GV:

SGK, SBT, tài liệu tham khảo, soạn giáo án

+ tranh ảnh vẽ sơ đồ cắm hoa dạng thẳng đứng.

+ Vật liệu cắm hoa: hoa, lá, cành

+ Dụng cụ cắm hoa: bình cắm, mút xốp, bàn chông.

- HS : hoa, lá, cành; dụng cụ: bình cắm, mút xốp, bàn chông.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

A. Hoạt động khởi động: 5'

1. Mục tiêu : Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho HS. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân

3. Sản phẩm : Đáp án trả lời của HS

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá

- Gv đánh giá

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv : Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy HĐ cá nhân trả lời câu hỏi :

+ Hãy trình bày nguyên tắc cơ bản cắm hoa?

+ Khi cắm hoa cần tuân theo qui trình nào?

- Hs: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS: suy nghĩ trả lời.

- GV : quan sát

- Dự kiến sản phẩm:

. Nguyên tắc cơ bản cắm hoa:

Chọn hoa và bình cắm phù hợp về màu sắc hình dáng

Sự cân đối về kích thước giữa cành hoa và bình cắm.

Sự phù hợp giữa bình hoa và vị trí cần trang trí

. Quy trình cắm hoa:

Lựa chọn hoa lá, bình cắm, dạng cắm hoa phù hợp, hài hoà.

Cắt cành và cắm các cành chính.

Cắt cành phụ xen vào cành chính – Điểm thêm hoa lá.

Đặt bình hoa vào vị trí cần trang trí.

***Báo cáo kết quả**

HS: Trả lời đáp án của mình

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: Cho HS quan sát một số mẫu cắm hoa dạng thẳng đứng

? Nhà em thường cắm hoa vào các dịp nào? Những bình hoa cắm dạng thẳng đứng như thế này nhà em thường đặt ở những vị trí nào?

HS: Trả lời

GV: dẫn dắt vào bài.

B. Hoạt động hình thành kỹ năng mới

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG
Hoạt động :Thực hiện mẫu: 20’ 1. Mục tiêu: Biết được cách cắm hoa dạng thẳng đứng và vị trí trang trí phù hợp. 2.Phương thức thực hiện: Trực quan, đàm thoại, nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, HĐ cá nhân. 3.Sản phẩm: Đáp án trả lời của HS, sp thực hiện mẫu của giáo viên. 4.Kiểm tra đánh giá: - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá, bổ sung và chốt lại. 5.Tiến trình	I. Cắm hoa dạng thẳng đứng Thực hiện mẫu. 1.Dạng cơ bản a.Sơ đồ cắm hoa

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- **GV:** Treo tranh sơ đồ cắm hoa lên bảng. hướng dẫn hs tìm hiểu về sơ đồ cắm hoa.

Các em hãy HDN quan sát tranh và trả lời các câu hỏi sau.

- Cành thứ nhất thường nghiêng khoảng bao nhiêu độ?
- Cành thứ 2 nghiêng bao nhiêu độ?
- Cành thứ 3 nghiêng bao nhiêu độ về phía đối diện?
- HS: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS: suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm trả lời.

- GV : quan sát

+ Dự kiến sản phẩm:

- . Cành cắm thẳng đứng là cành 0^0 .
- . Cành cắm ngang miệng bình về 2 phía là cành 90^0 .
- . Góc độ cắm ở 3 cành chính ở dạng cắm thẳng đứng trong bình cao và bình thấp.
- . Cành thứ nhất thường nghiêng khoảng $10^0 - 15^0$
- . Cành thứ 2 nghiêng 45^0
- . Cành thứ 3 nghiêng 75^0 về phía đối diện

***Báo cáo kết quả**

- HS đại diện nhóm trả lời.

***Đánh giá kết quả**

- HS: khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, bổ sung và kết luận

***GV:** hướng dẫn hs tìm hiểu quy trình cắm hoa.

HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi của giáo viên:

? Nêu vật liệu và dụng cụ cần thiết:

- HS: Cành thông nhỏ hoặc lá măng làm cành chính, hoa đồng tiền làm cành phụ- Bình thấp, mút xốp hoặc bàn chông, dao, kéo.

? Nêu quy trình cắm hoa:

HS: - Cắm cành 1 dài khoảng $1.5(D+h)$, nghiêng khoảng $10^0 - 15^0$

b.Quy trình cắm hoa

- Cắm cành 2, dài khoảng 2/3 cành 1, nghiêng 45^0
 - Cắm cành 3, dài khoảng 2/3 cành 2, nghiêng 75^0 về phía đối diện
 - Cắm các cành phụ có độ dài ngắn khác nhau xen vào cạnh các cành chính, điểm thêm các cành lá nhỏ để che miệng bình.
- * GV vừa thao tác mẫu vừa nhắc lại quy trình cho HS quan sát.

HS quan sát GV làm thao tác mẫu.

C. Hoạt động luyện tập: 10'

1. Mục tiêu: HS biết cắm hoa dạng thẳng đứng cơ bản.
2. Phương thức thực hiện: Dạy học nhóm.
3. Sản phẩm: Sản phẩm thực hành của các nhóm.
4. Kiểm tra đánh giá:
 - HS đánh giá, nhận xét.
 - GV đánh giá.

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: Kiểm tra sự chuẩn bị của hs, yêu cầu hs thực hành cắm hoa theo nhóm.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai các bước thực hiện theo hướng dẫn của GV.
- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn hs.
- Dự kiến sản phẩm: bình hoa cắm dạng thẳng đứng.

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- HS: nhóm khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá.

D. Hoạt động vận dụng: 8'

1. Mục tiêu: HS biết vận dụng sáng tạo dạng cơ bản. Bằng cách thay đổi góc độ cành chính hoặc bỏ bớt một hoặc hai cành chính HS có thể tạo ra bình hoa mới từ dạng cơ bản.

Học sinh thực hành dạng cơ bản.

2. <i>Phương thức thực hiện:</i> HĐN 3. <i>Sản phẩm:</i> Bình hoa cắm dạng vận dụng của HS 4. <i>Kiểm tra đánh giá:</i> - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá. 5. <i>Tiến trình</i> *Chuyên giao nhiệm vụ - GV: hướng dẫn hs tìm hiểu các dạng vận dụng. quan sát H2.26, H2.27 trả lời câu hỏi: - Góc độ cắm của cành chính so với dạng cơ bản? - Vật liệu dụng cụ cắm hoa? - Có thể thay thế bằng những hoa lá nào có ở địa phương em? - Em hãy nêu dự kiến về sự chuẩn bị vật liệu, dụng cụ cắm hoa theo sơ đồ h2.27 : hoa lá làm cành chính, cành phụ, bình cắm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. *Thực hiện nhiệm vụ - HS triển khai thực hiện. - GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn. - Dự kiến sản phẩm: . Thay đổi góc độ các cành chính . Bỏ bớt một hoặc hai cành chính.... *Báo cáo kết quả - HS trình bày. *Đánh giá kết quả - HS: khác nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét, đánh giá. * GV yêu cầu hs thực hành các dạng vận dụng theo nhóm * Đánh giá kết quả, sản phẩm thực hành của các nhóm. HS các nhóm, nhận xét, đánh giá chéo. GV nhận xét, kết luận.	2. <i>Dạng vận dụng</i> - Thay đổi góc độ các cành chính - Bỏ bớt một hoặc hai cành chính Học sinh thực hành dạng vận dụng.
--	--

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'

1. *Mục tiêu:* Tạo cho hs hứng thú, thích tìm hiểu về nghệ thuật cắm hoa.

2. *Phương thức thực hiện:* HĐ cá nhân

3. *Sản phẩm:* Sản phẩm của HS

4. *Kiểm tra đánh giá trong tiết học sau.*

5. *Tiến trình*

***Chuyên giao nhiệm vụ**

- GV: + Các bình hoa cắm dạng thẳng đứng thường được trang trí ở những vị trí nào?

+Em hãy tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, qua thực tiễn về các cách cắm hoa dạng nghiêng. Ghi chép lại những điều tìm hiểu được để tiết sau chia sẻ với thầy cô và các bạn.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

* GV dặn dò: Yêu cầu hs dọn vệ sinh lớp học

- Chuẩn bị vật liệu và dụng cụ cắm hoa cho tiết thực hành sau. Hoa hồng, lá dương xỉ, - Bình thấp, mút xốp hoặc bàn chông, dao, kéo.

*** Rút kinh nghiệm.**

Tuần 16

TIẾT 32 - BÀI 14: THỰC HÀNH: CẮM HOA (TIẾT 2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Thực hiện được cắm hoa dạng nghiêng phù hợp với không gian nơi ở hoặc nơi học tập

2. Kỹ năng:

- Sử dụng mẫu cắm hoa dạng nghiêng phù hợp với vị trí trang trí đạt yêu cầu thẩm mỹ.

3. Thái độ:

- Có tính cẩn thận, thao tác chính xác, đúng quy trình, tiết kiệm nguyên vật liệu, giữ vệ sinh nơi thực hành.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin, năng lực thực hành, năng lực giao tiếp, năng lực thẩm mĩ.

- Phẩm chất: Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN, HỌC SINH

- GV:

SGK, SBT, tài liệu tham khảo, soạn giáo án

+ tranh ảnh vẽ sơ đồ cắm hoa dạng nghiêng

+ Vật liệu cắm hoa: hoa, lá, cành

+ Dụng cụ cắm hoa: bình cắm, mút xốp, bàn chông.

- HS : hoa, lá, cành; dụng cụ: bình cắm, mút xốp, bàn chông.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

A. Hoạt động khởi động: 5'

1. *Mục tiêu* : Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho HS. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. *Phương thức thực hiện*: HĐ cá nhân

3. *Sản phẩm* : Đáp án trả lời của HS

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv : Em hãy báo cáo những điều em tìm hiểu được về cách cắm hoa dạng nghiêng.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Một vài HS: báo cáo nội dung đã tìm hiểu trước.

GV: Nhận xét sau đó cho HS quan sát một số mẫu cắm hoa dạng nghiêng.

Những bình hoa cắm dạng nghiêng như thế này nhà em thường đặt ở những vị trí nào?

HS: Trả lời

GV: dẫn dắt vào bài.

B. Hoạt động hình thành kỹ năng mới

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG
Hoạt động :Thực hiện mẫu: 10' 1. <i>Mục tiêu:</i> Biết được cách cắm hoa dạng nghiêng và vị trí trang trí phù hợp. 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> Trực quan, đàm thoại, nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, HĐ cá nhân. 3. <i>Sản phẩm:</i> Đáp án trả lời của HS, sp thực hiện mẫu của giáo viên. 4. <i>Kiểm tra đánh giá:</i> - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá, bổ sung và chốt lại. 5. <i>Tiến trình</i> *Chuyển giao nhiệm vụ - GV: Treo tranh sơ đồ cắm hoa lên bảng. hướng dẫn hs tìm hiểu về sơ đồ cắm hoa. Các em hãy HĐN quan sát tranh và trả lời các câu hỏi sau. ? Nêu góc độ cắm của các cành chính. ? Nhận xét về góc độ và vị trí cắm của các cành chính so với dạng thẳng đứng? - HS: tiếp nhận nhiệm vụ. *Thực hiện nhiệm vụ - HS: suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm trả lời. - GV : quan sát + Dự kiến sản phẩm: . Cành cắm thẳng đứng là cành 0⁰. . Cành thứ nhất thường nghiêng khoảng 45⁰ . Cành thứ 2 nghiêng 10⁰ – 15⁰ . Cành thứ 3 nghiêng 75⁰ về phía đối diện Nhận xét: Góc độ cắm ở 3 cành chính ở dạng cắm thẳng đứng thay đổi so với góc độ cắm ở dạng nghiêng. Độ nghiêng của cành thứ nhất và cành thứ 2 thay đổi cho nhau. *Báo cáo kết quả	II. Cắm hoa dạng nghiêng. Thực hiện mẫu. 1.Dạng cơ bản a.Sơ đồ cắm hoa

- HS đại diện nhóm trả lời.

***Đánh giá kết quả**

- HS: khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, bổ sung và kết luận

***GV:** hướng dẫn hs tìm hiểu quy trình cắm hoa.

HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi của giáo viên:

? Nêu vật liệu và dụng cụ cần thiết:

- HS: Hoa hồng, lá dương xỉ, - Bình thấp, mút xốp hoặc bàn chông, dao, kéo.

? Nêu quy trình cắm hoa:

HS: - Cắm cãnh 1 dài khoảng $1.5(D+h)$, nghiêng khoảng 45^0

- Cắm cành 2, dài khoảng 2/3 cành 1, nghiêng $10^0 - 15^0$, hơi ngả ra phía sau.

- Cắm cọc 3, dài khoảng $\frac{2}{3}$ cọc 2, nghiêng 75^0 hơi ngả về phía trước.

- Cắm các cành phụ có độ dài ngắn khác nhau xen vào cạnh các cành chính, điểm thêm các cành lá nhỏ để che miệng bình.

* GV vừa thao tác mẫu vừa nhắc lại quy trình cho HS quan sát.

HS quan sát GV làm thao tác mẫu.

C. Hoạt động luyện tập: 15'

1. Mục tiêu: HS biết cắm hoa dạng nghiêng cơ bản.

- 2.Phương thức thực hiện: Day học nhóm.

- ### 3.Sản phẩm: Sản phẩm thực hành của các nhóm.

- #### 4. Kiểm tra đánh giá:

- HS đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

- ## 5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: Kiểm tra sự chuẩn bị của hs, yêu cầu hs thực hành cắm hoa theo nhóm.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

b.Quy trình cắm hoa

**Học sinh thực hành
dạng cơ bản.**

- HS triển khai các bước thực hiện theo hướng dẫn của GV. - GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn hs. - Dự kiến sản phẩm: bình hoa cắm dạng nghiêng. *Báo cáo kết quả - Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm. *Đánh giá kết quả - HS: nhóm khác nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét, đánh giá. D. Hoạt động vận dụng: 12' 1. <i>Mục tiêu:</i> HS biết vận dụng sáng tạo dạng cơ bản. Bằng cách thay đổi góc độ cảnh chính hoặc bỏ bớt một hoặc hai cảnh chính, thay đổi độ dài của các cảnh chính HS có thể tạo ra bình hoa mới từ dạng cơ bản. 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> HĐN 3. <i>Sản phẩm:</i> Bình hoa cắm dạng vận dụng của HS 4. <i>Kiểm tra đánh giá:</i> - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá. 5. <i>Tiến trình</i> *Chuyển giao nhiệm vụ - GV: hướng dẫn hs tìm hiểu các dạng vận dụng. quan sát H2.26, H2.27 trả lời câu hỏi: - Góc độ cắm của cảnh chính so với dạng cơ bản? - Có thể thay thế bằng những hoa lá nào khác để cắm dạng vận dụng này? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. *Thực hiện nhiệm vụ - HS triển khai thực hiện. - GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn. - Dự kiến sản phẩm: . Thay đổi góc độ các cảnh chính . Bỏ bớt một hoặc hai cảnh chính.... *Báo cáo kết quả	2. Dạng vận dụng - Thay đổi góc độ các cảnh chính - Bỏ bớt một hoặc hai cảnh chính, thay đổi độ dài của các cảnh chính.
---	--

- HS trình bày. *Đánh giá kết quả - HS: khác nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét, đánh giá. * GV yêu cầu hs thực hành các dạng vận dụng theo nhóm * Đánh giá kết quả, sản phẩm thực hành của các nhóm. - HS các nhóm, nhận xét, đánh giá chéo. - GV nhận xét, kết luận.	Học sinh thực hành dạng vận dụng.
---	---

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 3'

1. *Mục tiêu:* Tạo cho hs hứng thú, thích tìm hiểu về nghệ thuật cắm hoa.

2. *Phương thức thực hiện:* HĐ cá nhân

3. *Sản phẩm:* Sản phẩm của HS

4. *Kiểm tra đánh giá trong tiết học sau.*

5. *Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: + Các bình hoa cắm dạng nghiêng thường được trang trí ở những vị trí nào?

+Em hãy tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, qua thực tiễn về các cách cắm hoa dạng tỏa tròn. Ghi chép lại những điều tìm hiểu được để tiết sau chia sẻ với thầy cô và các bạn.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

* GV dặn dò: Yêu cầu hs dọn vệ sinh lớp học.

- Chuẩn bị vật liệu và dụng cụ cắm hoa cho tiết thực hành sau. Nhiều loại hoa có màu sắc hài hòa như màu trắng, vàng sẫm, vàng nhạt... hoặc tương phản như trắng, tím, đỏ...; lá măng, lá dương xỉ, hoa cúc kim...; bình cắm thấp, nút xốp.

*** Rút kinh nghiệm.**

TIẾT 33 - BÀI 14:
THỰC HÀNH: CẮM HOA (TIẾT 3)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Thực hiện được cắm hoa dạng tỏa tròn và cắm hoa dạng tự do.

2. Kỹ năng:

- Thao tác được theo quy trình cắm hoa dạng tỏa tròn và cắm hoa dạng tự do.

3. Thái độ:

- Có tính cẩn thận, thao tác chính xác, đúng quy trình, tiết kiệm nguyên vật liệu, giữ vệ sinh nơi thực hành.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin, năng lực thực hành, năng lực giao tiếp, năng lực thẩm mĩ.

- Phẩm chất: Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN, HỌC SINH

- GV:

SGK, SBT, tài liệu tham khảo, soạn giáo án

+ tranh ảnh vẽ sơ đồ cắm hoa dạng tỏa tròn

+ Vật liệu cắm hoa: hoa, lá, cành

+ Dụng cụ cắm hoa: bình cắm, mút xốp, bàn chông.

- HS : hoa, lá, cành; dụng cụ: bình cắm, mút xốp, bàn chông.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

A. Hoạt động khởi động: 5'

1. Mục tiêu : Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho HS. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân

3. Sản phẩm : Đáp án trả lời của HS

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv : Em hãy báo cáo những điều em tìm hiểu được về cách cắm hoa dạng tỏa tròn.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Một vài HS: báo cáo nội dung đã tìm hiểu trước.

GV: Nhận xét sau đó cho HS quan sát một số mẫu cắm hoa dạng tỏa tròn.

Những bình hoa cắm dạng tỏa tròn như thế này nhà em thường đặt ở những vị trí nào?

HS: Trả lời

GV: dẫn dắt vào bài.

B. Hoạt động hình thành kỹ năng mới

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG
Hoạt động :Thực hiện mẫu: 10’ 1. <i>Mục tiêu:</i> Biết được cách cắm hoa dạng tỏa tròn và vị trí trang trí phù hợp. 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> Trực quan, đàm thoại, nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, HĐ cá nhân. 3. <i>Sản phẩm:</i> Đáp án trả lời của HS, sp thực hiện mẫu của giáo viên. 4. <i>Kiểm tra đánh giá:</i> - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá, bổ sung và chốt lại. 5. <i>Tiến trình</i> *Chuyển giao nhiệm vụ - GV: Treo tranh sơ đồ cắm hoa lên bảng. hướng dẫn hs tìm hiểu về sơ đồ cắm hoa. Các em hãy HĐN quan sát tranh và trả lời các câu hỏi sau. ? Nêu góc độ cắm của các cành chính. ? Nhận xét về góc độ và vị trí cắm của các cành chính so với dạng thẳng đứng và dạng nghiêng? - HS: tiếp nhận nhiệm vụ. *Thực hiện nhiệm vụ - HS: suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm trả lời. - GV : quan sát + Dự kiến sản phẩm: . Cành thứ nhất cắm thẳng đứng là cành chính giữa bình. . Cành thứ 2 và thứ 3 cắm tỏa tròn đều xung quanh bình. Nhận xét: Ở dạng tỏa tròn, độ dài của các cành chính đều bằng nhau, các cành phụ cắm xen kẽ với cành chính và tỏa ra xung quanh. *Báo cáo kết quả - HS đại diện nhóm trả lời. *Đánh giá kết quả	III. Cắm hoa dạng tỏa tròn. Thực hiện mẫu. 1. Dạng cơ bản a. Sơ đồ cắm hoa

- Dự kiến sản phẩm: bình hoa cắm dạng tỏa tròn.

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- HS: nhóm khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá.

D. Hoạt động vận dụng: 12'

1. Mục tiêu: HS biết vận dụng sáng tạo các dạng cắm hoa cơ bản để cắm hoa nghệ thuật, cắm hoa dạng tự do.

2. Phương thức thực hiện: HĐN

3.Sản phẩm: Bình hoa cắm dạng tự do của HS

4. Kiểm tra đánh giá:

- Hs đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

-GV: hướng dẫn, khuyến khích hs sáng tạo cảm hoa nghệ thuật, dạng tự do.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai thực hiện.
- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.
- Dự kiến sản phẩm: Bình hoa cắm dạng tự do.

***Báo cáo kết quả**

- HS trình bày.

***Đánh giá kết quả**

- HS: khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá.

* GV yêu cầu hs thực hành các dạng vận dụng theo nhóm

* Đánh giá kết quả, sản phẩm thực hành của các nhóm.

HS các nhóm, nhận xét, đánh giá chéo.

GV nhận xét, kết luận.

IV. Cẩm hoa dạng tự do

Học sinh thực hành vận dụng cảm hoa dạng tự do.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 3'

1. *Mục tiêu:* Tạo cho hs hứng thú, thích tìm hiểu về nghệ thuật cắm hoa.
2. *Phương thức thực hiện:* HĐ cá nhân
3. *Sản phẩm:* Sản phẩm của HS
4. *Kiểm tra đánh giá trong tiết học sau.*
5. *Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: + Các bình hoa cắm dạng tỏa tròn thường được trang trí ở những vị trí nào?
+ Em hãy tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, qua thực tiễn về nghệ thuật cắm hoa trang trí. Ghi chép lại những điều tìm hiểu được để chia sẻ với thầy cô và các bạn.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

* GV dặn dò: Yêu cầu hs dọn vệ sinh lớp học.

- Về nhà chuẩn bị nội dung ôn tập chương II

*** Rút kinh nghiệm.**

Tuần:

TIẾT 34: **ÔN TẬP CHƯƠNG II**

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- + Nắm vững kiến thức về vai trò của nhà ở đối với đời sống con người
- + Sắp xếp đồ đạc hợp lý trong nhà ở.
- + Giữ gìn nhà ở sạch sẽ ngăn nắp
- + Trang trí nhà ở bằng đồ vật, cây cảnh và hoa
- + Chăm hoa trang trí.

2. Kỹ năng:

- Vận dụng được một số kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống để giữ gìn nhà ở luôn sạch đẹp.

3. Thái độ:

- Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, cẩn thận, đoàn kết.
- Nhận thức được vấn đề bốn phận, trách nhiệm của bản thân mình đối với cuộc sống gia đình.

4. Năng lực :

- Phát triển năng lực tự học, sáng tạo; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực phân tích, tổng hợp kiến thức.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN, HỌC SINH

- GV: Hệ thống câu hỏi ôn tập, bản đồ tư duy hệ thống hóa kiến thức toàn chương.
- + Tranh ảnh, mẫu vật về nhà ở, trang trí nhà ở bằng một số đồ vật, bằng cây cảnh và hoa.
- Trò: Đọc lại các bài ở chương II.
 - Trả lời câu hỏi ở cuối mỗi bài.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

A. Hoạt động khởi động: 5'

1. *Mục tiêu* : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2. *Phương thức*: Hđ cá nhân.
3. *Sản phẩm* : Trình bày miệng.
4. *Kiểm tra, đánh giá*:
 - Hs đánh giá

- Gv đánh giá

5. Tiến trình

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

Ở chương II, các em đã được học những nội dung kiến thức nào?

HS lắng nghe tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

Chương II là chương gồm các nội dung kiến thức về trang trí nhà ở: Sắp xếp đồ đạc hợp lý trong nhà ở; Giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp; Trang trí nhà ở bằng một số đồ vật; Trang trí nhà ở bằng cây cảnh và hoa; Cắm hoa trang trí.

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**

-Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài:

B. Hoạt động hình thành kỹ năng, luyện tập

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<u>Hệ thống hóa kiến thức chương II Trang trí nhà ở: 35</u> 1. Mục tiêu: Hs hệ thống lại được kiến thức chương II Trang trí nhà ở 2. Phương thức: Hoạt động cá nhân, HĐN. 3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung ghi vở. 4. Kiểm tra đánh giá: + Học sinh đánh giá. + GV đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: * Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk trang 65, trả lời câu hỏi: - GV: các em hãy hệ thống lại kiến thức cũ theo nhóm như sau:	Hệ thống hóa kiến thức chương II Trang trí nhà ở. <u>I. Sắp xếp đồ đạc hợp lý:</u> 1. Vai trò của nhà ở đối với con người. - Nơi trú ngụ tránh.... - Nơi đáp ứng nhu cầu... 2. cách sắp xếp đồ đạc hợp lý trong nhà. - Phân chia các khu vực sinh hoạt trong nơi ở của

-Nhóm 1: Sắp xếp nhà ở hợp lý. -Nhóm 2: Giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp -Nhóm 3: Trang trí nhà ở bằng 1 số đồ vật -Nhóm 4: trang trí nhà ở bằng cây cảnh và hoa. HS tiếp nhận nhiệm vụ *Thực hiện nhiệm vụ: HS các nhóm hệ thống lại kiến thức. * Dự kiến sản phẩm: - Đại diện nhóm 1 trình bày nội dung được phân công: +Nơi trú ngụ tránh mưa nắng gió bão nơi đáp ứng nhu cầu con người về vật chất và tinh thần. -Tiếp khách, ngủ nghỉ thờ cúng, khu bếp, vệ sinh... *Đại diện nhóm 2: - Bảo đảm sức khỏe, tiết kiệm thời gian tìm kiếm. - Nếp sống gọn gàng sạch sẽ, vệ sinh cá nhân chắt chiu gọn gàng các đồ vật khi sử dụng để đúng nơi qui định. - Tham gia các công việc giữ vệ sinh nhà ở lau chùi đồ rác đúng nơi qui định. - Sẽ mất ít thời gian và hiệu quả tốt hơn. * Đại diện nhóm 3: - Tranh ảnh gương lành, rèm cửa. - Để soi để trang trí - Tranh ảnh để trang trí tường nhà. - Rèm cửa tạo vẻ êm mát, tăng vẻ đẹp. - Màn che nắng gió, che khuất, tăng vẻ đẹp căn phòng. -Chọn đồ vật tùy theo ý thích của chủ nhân và điều kiện kinh tế gia đình, vị trí phải phù hợp về màu sắc, kích thước. * Đại diện nhóm 4: - Con người cảm thấy gần gũi với thiên nhiên ; tăng vẻ đẹp ngôi nhà; làm sạch không khí; nguồn thu	gia đình. - sắp xếp đồ đạc trong từng khu vực . <u>II. Giữ gìn nhà ở sạch sẽ ngăn nắp:</u> 1. yêu cầu giữ gìn nhà ở sạch sẽ. 2. Giữ gìn nhà ở sạch sẽ ngăn nắp -Các công việc cần làm giữ gìn nhà ở sạch sẽ ngăn nắp. <u>III. Trang trí nhà ở bằng một số đồ vật.</u> 1. Đồ vật trang trí: Tranh ảnh, gương rèm cửa, màn... 2. Công dụng của gương rèm cửa màn. - Chọn đồ vật - Vị trí trang trí <u>IV. Trang trí nhà ở bằng cây cảnh và hoa:</u> 1. Ý nghĩa của cây cảnh và hoa trong trang trí nhà ở.
--	--

nhập cho gia đình. - Cây chỉ có lá; cây chỉ có hoa; cây leo cho bóng mát. - Hoa tươi, hoa khô, hoa giả. - Cần chú ý về sự cân đối giữa cành hoa và bình cắm, màu sắc, hình dáng. *Báo cáo kết quả: - Đại diện nhóm Hs trình bày miệng. *Đánh giá kết quả: - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá GV: hệ thống hóa kiến thức	2. Các loại cây cảnh và hoa. 3. Vị trí trang trí cây cảnh -Nguyên tắc cắm hoa.
--	--

C. Hoạt động Vận dụng; Tìm tòi, mở rộng: 5'

1. *Mục tiêu:* củng cố, vận dụng, tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức thực tế về trang trí nhà ở.

2. *Phương thức:* Cá nhân hệ thống kiến thức, tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân, vận dụng kiến thức.

3. *Sản phẩm hoạt động:* Phiếu học tập cá nhân.

4. *Kiểm tra đánh giá:*

+ HS tự đánh giá, HS đánh giá lẫn nhau.

+ GV đánh giá vào tiết học sau.

5. *Tiến trình hoạt động:*

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS tìm hiểu trả lời câu hỏi và làm bài tập:

Mô tả cách bố trí, sắp xếp đồ đạc, trang trí nhà ở của gia đình em. Theo em cách sắp xếp và trang trí như vậy hợp lý chưa? Em có muốn thay đổi gì không?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS về nhà làm việc cá nhân tìm hiểu thực tế để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

*** Báo cáo kết quả:**

+ Tiết học sau HS trình bày kết quả làm việc.

***Đánh giá kết quả (Thực hiện ở tiết học sau)**

- HS nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn, bổ sung (nếu có).

=>GV nhận xét, đánh giá.

***Dặn dò:** GV yêu cầu HS về nhà học bài và tiếp tục hệ thống lại toàn bộ kiến thức chương I và Chương II để tiết sau ôn tập học kì I.

*** Rút kinh nghiệ**

Tuần:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 35,36: KIỂM TRA HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Qua tiết kiểm tra GV đánh giá được kết quả học tập của HS về kiến thức kĩ năng và vận dụng

2. Kĩ năng : Qua kết quả kiểm tra HS rút kinh nghiệm về phương pháp học của HS -GV cải tiến bổ sung cho bài giảng

3. Thái độ: Có ý thức tự giác, tự lực, tập trung cao

4.Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực tư duy, năng lực sáng tạo, tự quản lí, tính toán.

- **Phẩm chất:** Trung thực; Nghiêm túc; Tự tin và có tinh thần vượt khó; Chấp hành kỉ luật

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:

- Trắc nghiệm kết hợp với tự luận : Tỉ lệ 20%/80%

III. MA TRẬN ĐỀ:

Kiểm tra học kì I

Môn: Công nghệ 6(Thời gian: 90 phút (không kể phát đề))

A/ MA TRẬN ĐỀ:

Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Cộng
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1. Sử dụng và bảo quản trang phục	Biết được trang phục đi học.					Lựa chọn trang phục phù hợp vóc dáng	Sc:2 Số điểm:

	<i>sc: 1</i> <i>sđ: 0,25</i>					<i>Sc:1</i> <i>Sđ: 2,0</i>	2,25 <i>Tỉ lệ</i> 22,5%
2. Sắp xếp đồ đạc hợp lí trong nhà ở	:	Biết được vai trò của nhà ở đối với đời sống con người <i>sc: 1/2</i> <i>sđ: 1,5</i>	Hiểu được việc phân chia khu vực và kê đồ đạc trong nhà ở hợp lí <i>sc: 1</i> <i>sđ: 1</i>				<i>Sc:1+1/2</i> <i>Số điểm:</i> 2,5 <i>Tỉ lệ 25%</i>
3. Giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp			Hiểu được ý nghĩa của việc giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp <i>sc: 1</i> <i>sđ: 0,25</i>			Những việc cần làm để giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp <i>sc: 1/2</i> <i>sđ: 0,5</i>	<i>Sc: 1+1/2</i> <i>Số điểm:</i> 0,75 <i>Tỉ lệ</i> 7,5%
4. Trang trí nhà ở bằng một số đồ vật	Biết được đồ vật được dùng trong trang trí nhà ở đã được học. <i>sc: 1</i> <i>sđ: 0,25</i>						<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm:</i> 0,25 <i>Tỉ lệ</i> 2,5%
5. Trang trí nhà ở bằng cây	Biết được vật liệu cắm hoa. Biết được ý nghĩa hoa và cây						

cảnh và hoa	<i>sc: 1 sđ: 0,25</i>	cảnh trong trang trí nhà ở và một số loại hoa dùng trong trang trí nhà ở <i>Sc: 1 sđ: 2,0</i>			:		<i>Sc:2 Số điểm: 2,25 Tỉ lệ 22,5%</i>
6. Cắm hoa trang trí Sc: 1 Sđ: 2 đ Tỉ lệ : 20%				Nguyên tắc cơ bản khi cắm hoa <i>Sc:1 sđ: 2</i>			<i>Sc: 1 Sđ: 2 đ Tỉ lệ : 20%</i>
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %	<i>Số câu: 4+1/2 Số điểm: 4,25đ 42,5%</i>		<i>Số câu: 3 Số điểm: 3,25đ 32,5%</i>		<i>Số câu: 1+1/2 Số điểm: 2,5đ 25%</i>		<i>Số câu: 9 Số điểm: 10</i>

B/ ĐỀ KIỂM TRA:

I/ Trắc nghiệm: (2 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng.

Câu 1: Đồ vật nào sau đây không được dùng để trang trí nhà ở?

- A. Gương. B. Lược. C. Rèm. D. Tranh.

Câu 2: Khi đi học, em thường mặc loại trang phục nào?

- A. Trang phục lao động. B. Trang phục dân tộc.
C. Trang phục mặc thường ngày. D. Đồng phục.

Câu 3: Vật liệu cắm hoa gồm:

- A. Rễ, lá. B. Hoa, lá, cành
C. Thân, rễ, hoa. D. Lá, cành.

Câu 4: Giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp giúp mọi thành viên trong gia đình:

- A. Trở nên lười lao động. B. Sống sung túc, đầy đủ.
C. Sống thoải mái, khỏe mạnh. D. Mệt mỏi, dễ đau ốm.

Câu 5: Đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp.

Nội dung	Đúng	Sai
1. Chỗ ngủ, nghỉ thường bố trí ở nơi riêng biệt, yên tĩnh.		
2. Hoa và cây cảnh làm cho nhà ở thêm nhiều rác và ngột ngạt.		
3. Kê đồ đạc trong phòng không cần chú ý chừa lối đi để dễ dàng đi lại.		
4. Cây cảnh và hoa đem lại vẻ đẹp dễ thương cho căn phòng.		

II/ Tự luận: (8 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Nhà ở có vai trò như thế nào đối với đời sống con người? Để giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp em cần phải làm gì?

Câu 2: (2 điểm) Nêu ý nghĩa của cây cảnh và hoa trong trang trí nhà ở? Em hãy cho biết những loại hoa được dùng trong trang trí nhà ở? Nêu chất liệu và ưu điểm của hoa giả?

Câu 3: (2 điểm): Một bạn A có vóc dáng béo, lùn. Em hãy chọn màu vải, mặt vải, hoa văn và một số chi tiết của kiểu may để tạo cảm giác cho bạn gầy đi, cao lên.

Câu 4: (2 điểm): Em hãy trình bày nguyên tắc cơ bản của việc cắm hoa ?

C/ HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM:

I/ Trắc nghiệm: (2 điểm)

Câu	1	2	3	4
Ý	B	D	B	C
Điểm	0,25	0,25	0,25	0,25

Câu 5: Đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp. (1 điểm)

Nội dung	Đúng	Sai
1. Chỗ ngủ, nghỉ thường bố trí ở nơi riêng biệt, yên tĩnh.	X	
2. Hoa và cây cảnh làm cho nhà ở thêm nhiều rác và ngột ngạt.		X
3. Kê đồ đạc trong phòng không cần chú ý chừa lối đi để dễ dàng đi lại.		X
4. Cây cảnh và hoa đem lại vẻ đẹp dễ thương cho căn phòng.	X	

II/ Tự luận: (6 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Vai trò của nhà ở đối với đời sống con người:

- Là nơi trú ngụ của con người.(0,5đ)
- Bảo vệ con người tránh khỏi những tác hại của tự nhiên, môi trường..(0,5đ)
- Là nơi đáp ứng những nhu cầu về vật chất và tinh thần của con người..(0,5đ)

Để giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp cần tham gia vào các công việc giữ vệ sinh nhà ở: gấp chăn gối gọn gàng, quét dọn, lau nhà cửa, đổ rác đúng nơi quy định... (0,5 điểm)

Câu 2: (2 điểm)

Ý nghĩa của cây cảnh và hoa trong trang trí nhà ở:

- Làm tăng vẻ đẹp của nhà ở, làm cho con người gần gũi với thiên nhiên hơn..(0,25đ)
- Làm cho không khí trong lành...(0,25đ)
- Đem lại niềm vui, thư giãn cho con người...(0,25đ)
- Đem lại thu nhập cho con người...(0,25đ)

Hoa tươi, hoa khô, hoa giả. (0,5 điểm)

Hoa giả được làm bằng giấy mỏng, vải, lụa, nhựa... Hoa giả bền, đẹp, dễ làm sạch như mới. (0,5 điểm)

Câu 3: (2 điểm)

Để tạo cảm giác gây đi, cao lên:

Màu vải: màu tối: nâu sẫm, hạt dẻ, đen, xanh nước biển,.....(0,5đ)

Mặt vải: trơn, phẳng, mờ đục,.....(0,5đ)

Hoa văn: kẻ sọc dọc, hoa nhỏ.....(0,5đ)

Kiểu may: vừa sát cơ thể, tay chéo.....(0,5đ)

Câu 4:(2 điểm)

Nguyên tắc cơ bản của việc cắm hoa:

* Chọn hoa và bình cắm phù hợp với vóc dáng và màu sắc..(0,5đ)

* Sự cân đối về kích thước giữa cảnh hoa và bình cắm

Cảnh chính 1: $1,5 - 2 (D + h)$..**(0,25đ)**

(D: đường kính của bình ; h: chiều cao của bình)

- Cảnh chính 2: bằng $\frac{2}{3}$ cảnh chính 1.)..**(0,25đ)**

- Cảnh chính 3: bằng $\frac{2}{3}$ cảnh chính 2.)..**(0,25đ)**

- Các cảnh phụ: ngắn hơn cảnh chính mà nó đứng cạnh.)..**(0,25đ)**

* Sự phù hợp giữa bình hoa và vị trí cần trang trí.)..**(0,5đ)**

3. Thu bài, nhận xét giờ kiểm tra.

*** Rút kinh nghiệm**

Tuần 19

Chương III: Nấu ăn trong gia đình.

Tiết 37: cơ sở của ăn uống hợp lí.

I. Mục tiêu:

- **Kiến thức:** Nêu được vai trò của các chất dinh dưỡng trong bữa ăn hàng ngày.

- **Kĩ năng:** Nhận biết, lựa chọn được một số nguồn lương thực, thực phẩm có chứa các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể con người như: chất đạm, đường bột, chất béo.

- **Thái độ:** Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tế.

- **Định hướng năng lực:** Rèn năng lực giao tiếp, quan sát, hợp tác, tư duy

II. Chuẩn bị:

- GV: Sưu tầm một số tranh ảnh về các nguồn dinh dưỡng, thông tin về các chất dinh dưỡng: chất đạm, đường bột, chất béo.

- HS: Tìm hiểu trước bài

III. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CHO HỌC SINH

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế, thu hút sự quan tâm chú ý của học sinh vào bài mới.

- **Nhiệm vụ:** Trả lời câu hỏi

- **Phương thức thực hiện:** Trả lời cá nhân.

- **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

- **Gợi ý tiến trình:**

+GV: Yêu cầu hs quan sát hình 3.1 và so sánh về ngoại hình của hai bạn

HS: Hình a: bạn nam gầy gò; Hình b: bạn nữ mập mạp, khoẻ mạnh

+ GV: Theo các em thì tại sao hai bạn lại có thể trạng khác nhau như vậy?

HS: Vì bạn nam ăn uống không đủ chất, còn bạn nữ ăn uống đầy đủ nên cơ thể được cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng.

+ GV: Chất dinh dưỡng có vai trò như thế nào đối với cơ thể con người, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu cụ thể hơn.

B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- **Mục tiêu :** HS nắm nguồn cung cấp, vai trò của các chất dinh dưỡng trong bữa ăn hàng ngày: Chất đạm, chất béo, chất đường bột.

- **Nhiệm vụ :** HS trả lời các câu hỏi GV đưa ra, trao đổi thảo luận nhóm

- **Phương thức hoạt động :** hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

- **Sản phẩm :** Nội dung câu trả lời cá nhân của HS, sản phẩm của nhóm ghi vào phiếu học tập

Gợi ý tiến trình hoạt động

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
? Yêu cầu hs nhớ lại kiến thức đã học ở tiểu học và kể tên các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể con người? <u>Hoạt động 1: Tìm hiểu về chất đạm.10'</u> Gv yêu cầu học sinh hoạt động theo nhóm tìm hiểu chất đạm (về nguồn gốc, chức năng dinh dưỡng)	chất đạm, chất bột, chất béo,.. -Đại diện từng nhóm trình bày, nhóm khác theo dõi và nhận xét + Đạm động vật: thịt, cá, trứng, sữa, tôm, cua, ốc, mực, lươn... + Đạm thực vật: các loại đậu như đậu tương, đậu đen, ...	<u>I. Vai trò của các chất dinh dưỡng.</u> 1. Chất đạm (protein) a. Nguồn cung cấp - Đạm động vật: thịt, cá, trứng, sữa, tôm, cua, ốc, lươn... - Đạm thực vật: đậu, lạc, vừng, hạt sen, hạt điều...

Gọi đại diện từng nhóm trình bày, các nhóm khác theo dõi và nhận xét. ? Trong thực đơn hàng ngày, ta nên sử dụng chất đạm như thế nào cho hợp lý? (Gv có thể gợi ý: + Có nên dùng nhiều đạm động vật không? + Nên cân đối như thế nào giữa đạm động vật, đạm thực vật? + Sử dụng đạm còn dựa vào yếu tố nào của cơ thể con người?) ? Rút ra nhận xét về vai trò của chất đạm với cơ thể con người? - GV kết luận : Protein có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự sống. Ang-ghe-n đã nói: “Sự sống là khả năng tồn tại của vật thể protein” hay “Ở đâu có protein, ở đó có sự sống”	- nên dùng 50% đạm động vật và 50% đạm thực vật trong bữa ăn. Điều này phụ thuộc vào lứa tuổi, tình trạng sức khỏe của từng người: phụ nữ có thai, người già yếu và trẻ em cần nhiều đạm + Tham gia vào quá trình tạo hình, là nguyên liệu chính cấu tạo nên tổ chức của cơ thể: kích thước, chiều cao, cân nặng... + Cấu tạo các men tiêu hoá, các chất của tuyến nội tiết như: tuyến thận, tuyến tụy, tuyến giáp trạng, tuyến sinh dục... + Tu bổ những hao mòn của cơ thể, thay thế những tế bào bị huỷ hoại như tóc rụng, đứt tay... + Cung cấp năng lượng cho cơ thể.	b. Chức năng dinh dưỡng - Chất đạm giúp cơ thể phát triển tốt về thể chất: kích thước, chiều cao, cân nặng và trí tuệ. - Chất đạm cần cho việc tái tạo tế bào chết: giúp mọc tóc, thay răng, làm lành vết thương. - Chất đạm còn tăng khả năng đề kháng, cung cấp năng lượng cho cơ thể. 2. Chất đường bột (gluxit) a. Nguồn cung cấp - Tinh bột là thành phần chính: các loại ngũ cốc, gạo, ngô, khoai, sắn, các loại củ quả: chuối, mít, đậu cove... - Đường là thành phần chính: kẹo, mía, mạch nha... b. Chức năng dinh dưỡng - Chất đường bột là nguồn
--	---	--

<u>Hoạt động 2: Tìm hiểu về chất đường bột: 10'</u> - Yêu cầu hs quan sát tranh H3.4 SGK. ? Chất đường bột có trong các thực phẩm nào? Ở các thực phẩm này, thành phần đường và bột có tỉ lệ như thế nào với nhau? ? Quan sát hình 3.5, phân tích hình và nhận xét về vai trò của chất đường bột đối với cơ thể con người. <u>Hoạt động 3: Tìm hiểu chất béo (lipit): 10'</u> - Yêu cầu hs quan sát hình 3.6. ? Chất béo có trong các thực phẩm nào? ? Kể tên các loại thực phẩm chứa chất béo ? ? Cho học sinh thảo luận nhóm: chất béo có vai trò như thế nào đối với cơ thể con người? - GV phân tích thêm: + Lipit là nguồn cung cấp năng lượng quan trọng: 1g lipit = 2g	- Các thực phẩm có tỉ lệ đường và bột khác nhau: + Chất đường: kẹo, mía, mạch nha... + Chất bột: gạo, ngô, khoai, sắn, củ quả, đậu coove, mít, chuối... - HS quan sát, phân tích: - Trả lời dựa theo sgk - HS lắng nghe, ghi nhớ. + Chất béo động vật: có trong mỡ lợn, phomat, sữa, bơ, mật ong... + Chất béo thực vật: dầu thực vật được chế biến từ các loại đậu, hạt như vừng, lạc, oliu... - HS thảo luận và trả lời (dựa theo sgk)	cung cấp năng lượng chủ yếu và rẻ tiền cho cơ thể để con người hoạt động, vui chơi và làm việc... - Chuyển hoá thành các chất dinh dưỡng khác. 3. Chất béo (lipit). a. Nguồn cung cấp. - Chất béo động vật: có trong mỡ động vật, phomat, sữa, bơ, mật ong... - Chất béo thực vật: dầu thực vật được chế biến từ các loại đậu, hạt như vừng, lạc, oliu... b. Chức năng dinh dưỡng. - Chất béo cung cấp năng lượng, tích trữ dưới da ở dạng một lớp mỡ và bảo vệ cơ thể . - Chuyển hoá một số vitamin cần thiết cho cơ thể.
--	---	--

gluxit hoặc protein khi cung cấp năng lượng + Là dung môi hoà tan các vitamin tan trong dầu mỡ như vitamin A, E.. + Tăng sức đề kháng của cơ thể với môi trường bên ngoài(nhất là về mùa đông)		
---	--	--

A. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH /LUYỆN TẬP: 4'

- *Mục tiêu* : Học sinh vận dụng kiến thức vừa học để làm bài tập.
- *Nhiệm vụ* : HS làm bài tập mà Gv giao cho.
- *Phương thức hoạt động* : HĐ cá nhân
- *Sản phẩm* : Nội dung trả lời cá nhân của HS vào vở
- *Gợi ý tiến trình hoạt động*

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Yêu cầu Hs trả lời một số câu hỏi và hoàn thiện một số bài tập :
- **Trong các thực phẩm sau, thực phẩm nào cung cấp nhiều chất đạm:**

A. Khoai, trứng, mật ong

B. Khoai, Ngô, Cá

C. Trứng, thịt, cá

D. Trứng, sữa, Mật ong

- Điền vào từ còn thiếu vào chỗ trống:

Chất đường bột là nguồn chủ yếu cung cấp cho hoạt động của cơ thể .

- cung cấp năng lượng, tích trữ ở dưới một lớp mỡ và giúp bảo vệ cơ thể.

*** Tiếp nhận nhiệm vụ:** HS suy nghĩ và viết ra giấy, GV gọi đại diện một số em, mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: 4'

Mục tiêu : Học sinh vận dụng kiến thức vừa học để trả lời câu hỏi.

Nhiệm vụ : Thực hiện yêu cầu các câu hỏi GV giao cho.

Phương thức hoạt động : HĐ nhóm

Sản phẩm : Câu trả lời được ghi trên phiếu học tập.

Gợi ý tiến trình hoạt động

- Hãy nhớ lại và liệt kê những thức ăn mà em đã ăn trong 3 ngày vừa qua ghi theo mẫu sau:

Ngày	Bữa sáng	Bữa trưa	Bữa tối
1			
2			
3			

- Thảo luận với bạn xem ăn uống như vậy đã hợp lí chưa? Giải thích vì sao? Nếu chưa thì cần điều chỉnh như thế nào cho hợp lí?

- Ghi câu trả lời ra giấy để chia sẻ với các bạn trong nhóm.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG: 2'

- Ăn uống hợp lí phải kèm theo chế độ vận động hợp lí. Em hãy quan sát tháp dinh dưỡng- vận động phía sau, liên hệ với bản thân và điền vào bảng sau những việc em cần thực hiện để có chế độ vận động phù hợp, tốt cho sức khỏe.

*- Về nhà học thuộc bài.

- Chuẩn bị tiếp bài cơ sở ăn uống hợp lý.

- Sinh tố, chất khoáng, chất xơ, nước có vai trò như thế nào ?

- Giá trị dinh dưỡng của các nhóm thức ăn như thế nào ?

- Tìm hiểu về việc sử dụng chất béo, chất đạm, chất đường bột ở gia đình em.

* *Rút kinh nghiệm*

Tuần 19

Tiết 38: Cơ sở của ăn uống hợp lí (tiếp)

I. Mục tiêu:

- **Kiến thức:** Nêu được vai trò của các chất dinh dưỡng: Sinh tố, khoáng, chất xơ, nước và giá trị dinh dưỡng của các nhóm thức ăn trong bữa ăn hàng ngày.

- **Kĩ năng:** Nhận biết, lựa chọn được một số nguồn lương thực, thực phẩm có chứa các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể con người như: chất khoáng, vitamin, chất xơ, nước và các nhóm thức ăn.

-**Thái độ:** Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tế.

- **Định hướng năng lực:** Rèn năng lực giao tiếp, quan sát, hợp tác, tư duy

II. Chuẩn bị:

- GV: Sưu tầm một số tranh ảnh về các nguồn dinh dưỡng, thông tin về các chất dinh dưỡng: vitamin, chất khoáng, nước, chất xơ.

- GV: Tìm hiểu trước bài

III. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CHO HỌC SINH

1. Các hoạt động đầu giờ

Kiểm tra: ? Gọi 3 học sinh lên bảng, lần lượt lấy ví dụ về các chất đạm, chất đường bột, chất béo và nêu chức năng của các chất đó.

2. Tiến trình bài dạy:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. *Mục tiêu :* phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo tìm tòi kiến thức tạo hứng thú cho hs.
2. *Phương thức:* Hđ cá nhân
3. *Sản phẩm :* Phiếu học tập
4. *Kiểm tra, đánh giá:*
 - Hs đánh giá
 - Gv đánh giá
5. Tiến trình

****Chuyển giao nhiệm vụ***

-Gv : Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy HDN tl câu hỏi: Để cơ thể luôn khỏe mạnh, giúp con người sống và học tập tốt cần đáp ứng đủ các chất dinh dưỡng. Đó là chất dinh dưỡng nào?

****Thực hiện nhiệm vụ***

- Học sinh tiếp nhận trả lời

Các chất dinh dưỡng : Đạm, béo, đường bột, vitamin, khoáng,...

- Học sinh nhận xét, bổ sung.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học

Đặt vấn đề : Trong tiết trước, chúng ta đã tìm hiểu về 3 chất dinh dưỡng cần thiết nhất đối với cơ thể con người. Ngoài những chất dinh dưỡng trên, cơ thể còn cần những chất dinh dưỡng nào khác nữa, và giá trị dinh dưỡng của các nhóm thức ăn ra sao ?

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- *Mục tiêu* : HS nắm nguồn cung cấp, vai trò của các chất dinh dưỡng trong bữa ăn hàng ngày: Chất sinh tố, chất khoáng, nước, xơ. Biết được giá trị dinh dưỡng của các nhóm thức ăn.

- *Nhiệm vụ* : HS trả lời các câu hỏi GV đưa ra, trao đổi thảo luận nhóm

- *Phương thức hoạt động* : hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

- *Sản phẩm* : Nội dung câu trả lời cá nhân của HS, sản phẩm của nhóm ghi vào phiếu học tập

Gợi ý tiến trình hoạt động

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<u>Hoạt động 1: Tìm hiểu về các chất dinh dưỡng khác: 15'</u> ? Hãy kể tên các vitamin mà em biết? - GV hướng hs đến 1 số loại vitamin chính: A, B, C, D - Yêu cầu hs quan sát hình 3.7, kể tên các thực phẩm chứa các vitamin trên.?	- Vitamin A, E, C, D, B, K, PP... - Các nhóm khác bổ sung:	<u>I. Vai trò của các chất dinh dưỡng.</u> 1. Chất đạm 2. Chất đường bột 3. Chất béo 4. Sinh tố (vitamin) a. Nguồn cung cấp + Vitamin A: có trong các củ, quả màu đỏ: cà rốt, cà chua, ớt, gấc, + Vitamin B: gồm các vitamin B1, B2, B3, B6, B12..trong các thực phẩm: men bia, thịt lợn nạc, thịt gà, vịt, trứng, lươn, tôm, tim gan, giá đỗ, rau muống, ngũ cốc, đỗ xanh, đậu nành... + Vitamin C: có trong rau quả tươi như bưởi, cam, + Vitamin D: có trong bơ, dầu

GV cho Hs hoạt động theo nhóm: ? Mỗi vitamin này có vai trò như thế nào đối với cơ thể con người? - GV mở rộng thêm: Nhu cầu của các vitamin trên trong 1 ngày: ? Cơ thể còn cần các vitamin nào khác? Tại sao? ? Chất khoáng gồm những chất nào? ? Các chất khoáng này có trong thực phẩm nào? ? Các chất khoáng có vai trò gì với cơ thể con người? ? Nước quan trọng với cơ thể con người như thế nào ? Ngoài nước uống còn có nguồn nào khác cung cấp nước cho cơ thể nữa không? GV cho HS hoạt động	GV cho Hs hoạt động theo nhóm, sau đó đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác theo dõi và nhận xét. - HS suy nghĩ trả lời - Gồm: photpho, I ốt, canxi, sắt... - HS trả lời: dựa vào quan sát trong sgk hình a, b, - HS thảo luận và trả lời, các nhóm khác bổ sung. - HS trả lời theo sgk.	cá, lòng đỏ trứng, ánh nắng mặt trời... b. Chức năng dinh dưỡng. 5. Chất khoáng. a. Nguồn cung cấp. + Canxi và photpho có trong cá, sữa, đậu, tôm, quả tươi... + I ốt: có trong rong biển, cá, tôm, sò biển, sữa, muối I ốt + Sắt: trong gan, tim, cật, não, thịt nạc, trứng tươi, sò, cào... b. Chức năng dinh dưỡng. - Canxi và photpho: giúp xương và răng phát triển tốt, chắc khỏe, giúp đông máu. - I ốt: giúp tuyến giáp tạo hormone điều khiển sự sinh trưởng và phát triển của cơ thể - Chất sắt: cần cho sự tạo máu, giúp da dẻ hồng hào, nếu thiếu người yếu, xanh xao, mệt mỏi, ngất xỉu 6. Nước - Là thành phần chủ yếu của cơ thể. - Là môi trường cho mọi
--	---	---

theo nhóm: ? Tại sao chất xơ lại quan trọng với cơ thể? Nó có vai trò như thế nào? ? Chất xơ có trong những thực phẩm nào? <u>Hoạt động 2: Tìm hiểu giá trị dinh dưỡng của các nhóm thức ăn: 15'</u> - Yêu cầu hs nghiên cứu tài liệu, quan sát hình 3.9 ? Kể tên các loại thức ăn và giá trị dinh dưỡng của từng nhóm? ? Việc phân chia các nhóm thức ăn như vậy có ý nghĩa gì với việc tổ chức bữa ăn hàng ngày của chúng ta? ? Quan sát thực tế hàng ngày, em thấy bữa ăn của gia đình đã đủ 4 nhóm thức ăn chưa? ? Vì sao phải thay thế thức ăn? Nên thay bằng cách nào? - Yêu cầu hs quan sát hình 3.10, nhận xét về sự thay thế thức ăn trong hình ? Ở nhà mẹ em thường	- HS kể tên 4 nhóm thức ăn và các chất dinh dưỡng mà mỗi nhóm cung cấp cho con người. - Giúp ta dễ dàng lựa chọn và thay đổi thực phẩm cho bữa ăn. -HS tự đưa ra và nhận xét, các hs khác bổ sung,	chuyển hoá và trao đổi chất của cơ thể. - Điều hoà thân nhiệt. 7. Chất xơ - Chất xơ giúp ngăn ngừa bệnh táo bón, làm cho những chất thải mềm dễ dàng thoát ra khỏi cơ thể - Chất xơ có trong rau xanh, trái cây, ngũ cốc nguyên chất. <u>II. Giá trị dinh dưỡng của các nhóm thức ăn.</u> 1. Phân nhóm thức ăn. a. Cơ sở khoa học. Căn cứ vào giá trị dinh dưỡng, có 4 nhóm thức ăn: - nhóm giàu chất đạm - Nhóm giàu chất đường bột - Nhóm giàu chất béo - Nhóm giàu vitamin, chất khoáng b. Ý nghĩa. - Việc phân chia các nhóm thức ăn giúp cho việc tổ chức mua, lựa chọn các loại thực phẩm cần thiết và thay đổi món ăn cho đỡ nhàm chán, hợp khẩu vị, thời tiết mà vẫn đảm bảo cân bằng dinh dưỡng. Mỗi ngày, trong khẩu phần ăn nên chọn đủ thức ăn của 4 nhóm để bổ sung dinh dưỡng cho nhau. 2. Cách thay thế thức ăn lẫn nhau - Cần phải thường xuyên thay đổi món ăn cho ngon miệng,
---	---	--

thay đổi món ăn như thế nào? (GV có thể gợi ý cho hs về thay thế thức ăn trong 3 bữa sáng, trưa, tối)	- Trả lời theo sgk. - HS: nhận xét, trả lời theo Ví dụ.	hợp khẩu vị. - Nên thay thế thức ăn trong cùng một nhóm để thành phần dinh dưỡng không thay đổi.
--	--	---

C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH /LUYỆN TẬP: 5'

Mục tiêu : Học sinh vận dụng kiến thức vừa học để làm bài tập.

Nhiệm vụ : HS làm bài tập mà Gv giao cho.

Phương thức hoạt động : HĐ cá nhân

Sản phẩm : Nội dung trả lời cá nhân của HS vào vở

Gợi ý tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?

- HS suy nghĩ và viết ra giấy, GV gọi đại diện một số em, mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp.

- Yêu cầu Hs trả lời một số câu hỏi và hoàn thiện một số bài tập :

C1- Những chất nào sau đây không phải chất dinh dưỡng nhưng rất quan trọng

A. Chất đạm và chất béo

B. Chất bột và đường

C. Nước và chất xơ

D. Vitamin và chất khoáng

C2: Nhu cầu dinh dưỡng phụ thuộc vào những yếu tố nào sau đây?

A. Lứa tuổi

B. Giới tính và tình trạng sinh lí

C. Mức độ lao động và hoạt động thể lực

D. Tất cả các yếu tố trên.

***Thực hiện nhiệm vụ**

-Hs : HS HĐ cá nhân.

- GV: gọi một em trả lời, em khác nhận xét.

- Dự kiến sản phẩm: C1: C; C2: D

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt kt

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TÌM TÒI, MỞ RỘNG: 5'

Mục tiêu : Học sinh vận dụng kiến thức vừa học để trả lời câu hỏi.

Nhiệm vụ : Thực hiện yêu cầu các câu hỏi GV giao cho.

Phương thức hoạt động : HĐ cặp đôi

Sản phẩm : Câu trả lời của học sinh.

Gợi ý tiến trình hoạt động

- Hãy tìm những món ăn có trong thực đơn khác có sử dụng những thực phẩm tương đương có thể thay thế cho những thực phẩm trong thực đơn sau(lấy ít nhất 3 ví dụ)

1. Thịt lợn rang
2. Đậu rán
3. Canh cua rau đay mồng tơi
4. Cà muối

- Ăn uống hợp lí phải kèm theo chế độ vận động hợp lí. Em hãy quan sát tháp dinh dưỡng- vận động phía sau, liên hệ với bản thân và điền vào bảng sau những việc em cần thực hiện để có chế độ vận động phù hợp, tốt cho sức khỏe.

*- Về nhà học thuộc bài.

- Về nhà học bài, làm bài tập 1, 2, 3, 4, 5 trang 75 SGK.
- Chuẩn bị tiếp phần nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể.
- Sưu tầm tranh hình 3.13

** Rút kinh nghiệm*

Tuần 20

Tiết 39: Cở sở của ăn uống hợp lí (tiếp)

I. Mục tiêu:

- Kiến thức: Nắm được nhu cầu của mỗi chất dinh dưỡng đối với cơ thể và nhu cầu dinh dưỡng với cơ thể trong một ngày.
- Kỹ năng: Lựa chọn và sử dụng được một số nguồn lương thực, thực phẩm có chứa các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể con người một cách hợp lí
- Thái độ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tế.
- **Định hướng năng lực:** Rèn năng lực giao tiếp, quan sát, hợp tác, tư duy

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên:

- Sưu tầm một số tranh ảnh về tác dụng của các chất dinh dưỡng với cơ thể, thông tin về các chất dinh dưỡng và nhu cầu của cơ thể.
- Bảng phụ.

2. Học sinh:

- Học và đọc trước bài.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động: 5'

1. *Mục tiêu* : Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân, hđn

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv : Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy HDN tl câu hỏi

? Các chất dinh dưỡng rất cần thiết cho cơ thể, nhưng theo các em có nên ăn quá nhiều không ? Tại sao ?

Hs : nghe

***Thực hiện nhiệm vụ**

Gv : theo dõi

***Báo cáo kết quả**

Hs: đại diện nhóm báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ...

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1 .Tìm hiểu nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể: 25' 1.<i>Mục tiêu</i> : nắm được nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể 2.<i>Phương thức</i>:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp 3.<i>Sản phẩm</i> : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi 4.<i>Kiểm tra, đánh giá</i>: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5.<i>Tiến trình</i> *Chuyển giao nhiệm vụ - GV chiếu 1 số hình ảnh con người suy dinh dưỡng, béo phì, bình thường.. phát phiếu học tập, yêu cầu HS quan sát sau đó hoạt động nhóm 7 phút hoàn thành nội dung yêu cầu trong phiếu học tập vào bảng A0 Hs : nghe *Thực hiện nhiệm vụ Hs : hđn Gv : theo dõi *Báo cáo kết quả	III- Nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể 1. Chất đạm: a. Thiếu chất đạm trầm trọng. - Trẻ em bị suy dinh dưỡng làm cho cơ thể phát triển chậm lại hoặc ngừng phát triển. Ngoài ra trẻ em còn dễ bị mắc bệnh nhiễmkhuẩn và trí tuệ kém phát triển. b.Thừa chất đạm. - Cơ thể gây nên bệnh béo phì, bệnh huyết áp, bệnh tim mạch,.. 2. Chất đường bột: -Ăn quá nhiều chất đường bột sẽ làm tăng trọng lượng cơ thể và gây béo phì. - Thiếu chất đường bột sẽ bị đói, mệt, cơ thể ốm yếu.

- Đại diện nhóm trả lời,

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, chốt.

- Em có nhận xét gì về thể trạng của cậu bé. Em bé mắc bệnh gì và do nguyên nhân nào gây nên?

- HS quan sát nhận xét.

- Thiếu chất đạm trầm trọng ảnh hưởng như thế nào đối với trẻ em?

- Nếu ăn thừa chất đạm sẽ có tác hại như thế nào ?

- HS trả lời.

- GV hướng dẫn HS xem hình 3-12 trang 73 SGK nhận xét.

- Em sẽ khuyên cậu bé đó như thế nào để gầy bớt đi?

- HS quan sát nhận xét.

- Ăn thiếu chất đường bột như thế nào?

- Em hãy cho biết thức ăn nào có thể làm răng dễ bị sâu ? đường

- Ăn quá nhiều chất béo thì cơ thể như thế nào ? sẽ bị hiện tượng gì ?

- Ăn thiếu chất béo cơ thể như thế nào?

* GV hướng dẫn HS quan sát hình 3-13a trang 73 và 3-13b trang 74 SGK phân tích và hiểu thêm về lượng dinh dưỡng cần thiết cho HS mỗi ngày và tháp dinh dưỡng cân đối trung bình cho một người trong một tháng.

3. Chất béo:

- Thừa chất béo làm cơ thể béo phì, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe.

- Thiếu chất béo sẽ thiếu năng lượng và vitamin, cơ thể ốm yếu dễ bị mệt, đói

KL: Cơ thể luôn đòi hỏi phải có đủ chất dinh dưỡng để nuôi sống và phát triển. Mọi sự thừa hoặc thiếu đều có hại cho sức khỏe.

- Muốn đầy đủ chất dinh dưỡng, cần phải kết hợp nhiều loại thức ăn khác nhau trong bữa ăn hàng ngày.
- Cần lưu ý chọn đủ thức ăn của các nhóm để kết hợp thành một bữa ăn hoàn chỉnh, yếu tố này gọi là cân bằng các chất dinh dưỡng trong bữa ăn.

C. Hoạt động luyện tập: 7'

1. *Mục tiêu* : nắm vững kiến thức trọng tâm để làm bài tập

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân.

hoạt động cả lớp

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*

Gv : yêu cầu hs hđ cá nhân tl câu hỏi, làm bài tập

- Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?

- HS suy nghĩ và viết ra giấy, GV gọi đại diện một số em, mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp.

- Yêu cầu Hs trả lời một số câu hỏi và hoàn thiện một số bài tập :

Câu 1: Những dấu hiệu nào sau đây cho biết cơ thể em đang thiếu chất đạm.

A. dễ bị đói, mệt, cơ thể ốm yếu.

B. thiếu năng lượng và vitamin, cơ thể ốm yếu, dễ bị mệt, đói.

C. Trẻ em sẽ bị bệnh suy dinh dưỡng, mắc bệnh nhiễm khuẩn và trí tuệ kém phát triển.

Câu 2: Những dấu hiệu nào sau đây cho biết cơ thể em đang thiếu chất béo.

A. Trẻ em sẽ bị suy dinh dưỡng, mắc bệnh nhiễm khuẩn và trí tuệ kém phát triển.

B. thiếu năng lượng và vitamin, cơ thể ốm yếu, dễ bị mệt, đói.

C. dễ bị đói, mệt, cơ thể ốm yếu

D. Hoạt động vận dụng: 6'

1. *Mục tiêu* : nắm vững được kiến thức cơ bản vận dụng vào thực tế

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân.

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

Gv: Yêu cầu hs vận dụng kiến thức đã học, tl câu hỏi

- Em hãy xem lại cách ăn uống của mình và ghi ra những điều cần thực hiện để đảm bảo ăn uống hợp lí.

- Em nên nhắc nhở người thân trong gia đình và bạn bè điều gì để cùng thực hiện ăn uống cho hợp lí? Ghi lại những điều đó và cùng gia đình thực hiện.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức:Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5.Tiến trình

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

Cách tính chiều cao, cân nặng của trẻ em theo chuẩn của tổ chức y tế thế giới WHO:

** Với trẻ từ 2 – 12 tuổi:*

Cân nặng lý tưởng (kg) = 8 + (số năm tuổi x 2).

Ví dụ: Một em tròn 12 tuổi, số cân nặng cần có là:

$$8 + (12 \times 2) = 32 \text{ (kg)}.$$

** Rút kinh nghiệm*

Tuần 20

Tiết 40 – Bài 16: Vệ sinh an toàn thực phẩm(T1)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: HS hiểu được thế nào là vệ sinh an toàn thực phẩm. Biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Kỹ năng: Cách lựa chọn thực phẩm phù hợp để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Thái độ: Có ý thức giữ vệ sinh và an toàn thực phẩm bảo vệ sức khỏe cho bản thân, cộng đồng, phòng chống ngộ độc thức ăn.

4. Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.

- **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Máy chiếu, phiếu học tập, giấy Ao, bút dạ.

2. Học sinh: Sách vở và đồ dùng học tập

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động: 5'

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung (ghi bảng)
1. Mục tiêu : Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs. 2. Phương thức: Hđ cá nhân, hđn 3. Sản phẩm : Phiếu học tập 4. Kiểm tra, đánh giá: - Hs đánh giá - Gv đánh giá 5. Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ Gv: Sức khỏe và hiệu quả làm việc của con người phần lớn phụ thuộc vào loại và lượng thực phẩm ăn vào mỗi ngày. Hệ thống tiêu hóa sẽ làm việc biến thức ăn thành chất bổ dưỡng nuôi cơ thể khỏe mạnh, phát triển tốt. Tuy nhiên vấn đề này phụ thuộc vào một yếu tố quan trọng đó là vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm. Vậy vệ sinh thực phẩm là gì? Tại sao phải giữ vệ sinh thực phẩm? -Hs : nghe	

*Thực hiện nhiệm vụ -Hs : trả lời câu hỏi Gv : theo dõi *Báo cáo kết quả Hs: đại diện nhóm báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ->Giáo viên nêu mục tiêu bài học...	
---	--

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1.Tìm hiểu về vệ sinh thực phẩm. 1.Mục tiêu : nắm được vệ sinh thực phẩm 2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp 3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi 4.Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5.Tiến trình: - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi Mục a và mục b 2 phút rút ra kết luận thế nào là nhiễm trùng thực phẩm? - Đọc SGK - liên hệ thực tế-> thảo luận và trả lời theo ý hiểu. - Đại diện cặp đôi trả lời, nhóm khác nhận xét, bổ sung	I. Vệ sinh thực phẩm 1. Thế nào là nhiễm trùng thực phẩm?

- GV nhận xét, chốt.

- Em hãy nêu vài loại thực phẩm dễ bị hư hỏng. Tại sao?

- HS cho ví dụ.

Ví dụ: Cơm, thức ăn để lâu ngày.

Ví dụ: Hoa màu phun thuốc hoá học thu hoạch liền.

- Khi ăn phải một món ăn bị nhiễm trùng hoặc nhiễm độc như thế nào ? Có thể dẫn đến ngộ độc thức ăn và bị rối loạn tiêu hoá sẽ gây ra những tác hại rất nguy hiểm cho người sử dụng.

- Cho HS quan sát hình 3-14 trang 77 SGK hoạt động nhóm 4 phút cho biết sự ảnh hưởng của nhiệt độ đối với vi khuẩn

- HS quan sát, hoạt động nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, chốt.

- Cho HS quan sát hình 3-15 trang 77 SGK.

- HS quan sát

- Nêu những biện pháp phòng tránh nhiễm trùng thực phẩm tại nhà.

2. Ảnh hưởng của nhiệt độ đối với vi khuẩn.

- Từ 100° C đến 115° C nhiệt độ an toàn trong nấu nướng, vi khuẩn bị tiêu diệt.

- Từ 50° C đến 100° C vi khuẩn không thể sinh nở nhưng cũng không chết hoàn toàn.

- Trên 0° C đến dưới 50° C độ khoảng nhiệt độ nguy hiểm vì vi khuẩn có thể sinh nở mau chóng

- Dưới 0° C đến dưới - 20° C nhiệt độ này vi khuẩn không thể sinh nở nhưng cũng không chết.

3. Biện pháp phòng và tránh nhiễm trùng thực phẩm tại nhà.

- Rửa tay sạch trước khi ăn, vệ sinh nhà bếp.

	- Rửa kỹ thực phẩm, nấu chín thực phẩm. - Ăn thức ăn cẩn thận, bảo quản thực phẩm chu đáo.
KL: Ăn chín uống sôi là rất quan trọng trong việc bảo vệ sức khỏe, cho nên khi nấu TP phải nấu chín khi đó VK gây hại mới bị tiêu diệt. TP chỉ nên ăn gọn trong ngày và không để TP, TẢ quá lâu vì như thế VK sẽ sinh nở làm TP bị nhiễm trùng	

C. Hoạt động luyện tập: 5'

1.Mục tiêu : nắm vững được kiến thức trọng tâm để làm bài tập

2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
phiếu học tập nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

Gv : yêu cầu hs hđ cá nhân tl câu hỏi, làm bài tập

- Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?

- HS suy nghĩ và viết ra giấy, GV gọi đại diện một số em, mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp.

- Em hãy cho biết tại sao phải giữ gìn vệ sinh an toàn thực phẩm?

D. Hoạt động vận dụng: 4'

1.Mục tiêu : nắm vững được kiến thức trọng tâm vận dụng vào thực tế

2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
phiếu học tập nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

Gv; Yêu cầu hs vận dụng kiến thức đã học, tl câu hỏi

ây chia sẻ với người thân trong gia đình và bạn bè những kiến thức về nhiễm trùng, nhiễm độc thực phẩm và những ảnh hưởng của nhiệt độ tới vi khuẩn để có những biện pháp phòng tránh kịp thời. Bảo vệ sức khỏe cộng đồng một cách tốt nhất.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

1.*Mục tiêu:* Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.*Phương thức:* Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.*Sản phẩm :* Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4.*Kiểm tra, đánh giá:*

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5.*Tiến trình*

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Quan sát nhà mình xem có thực hiện đúng các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm không?

* Về nhà học thuộc bài.

- Làm bài tập 1 trang 80 SGK.

- Chuẩn bị bài mới vệ sinh an toàn thực phẩm (Tiếp theo)

- An toàn thực phẩm.

- Biện pháp phòng và tránh nhiễm trùng, nhiễm độc thực phẩm.

* Rút kinh nghiệm

Tuần 21

Tiết 41 – Bài 16: Vệ sinh an toàn thực phẩm(T2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: HS hiểu được thế nào là vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Kỹ năng: Cách lựa chọn thực phẩm phù hợp để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Thái độ: Có ý thức giữ vệ sinh và an toàn thực phẩm bảo vệ sức khỏe cho bản thân, cộng đồng, phòng chống ngộ độc thức ăn.

4. Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.

- **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: - Máy chiếu, phiếu học tập, giấy A0, bút dạ.

- Một số rau quả tươi, đồ hộp.

2. Học sinh: Sách vở và đồ dùng học tập

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động Khởi động: 5'

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung (ghi
-------------------------------------	---------------

	bảng)
1.Mục tiêu : huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs. 2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn 3.Sản phẩm : Phiếu học tập 4.Kiểm tra, đánh giá: - Hs đánh giá - Gv đánh giá 5.Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ Với hiểu biết và kinh nghiệm của bản thân, em hãy suy nghĩ và trả lời các câu hỏi sau để đánh giá sự hiểu biết của mình về ngộ độc thực phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm: + Em đã từng chứng kiến trường hợp bị ngộ độc thực phẩm nào chưa? (Hãy kể với các bạn trong nhóm về một hiện tượng ngộ độc thực phẩm mà em biết). -Hs : nghe *Thực hiện nhiệm vụ -Hs : Hđ nhóm Gv : theo dõi *Báo cáo kết quả Hs: đại diện nhóm báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ... ->Giáo viên nêu mục tiêu bài học...	

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1. Tìm hiểu về an toàn thực phẩm. 30' 1.Mục tiêu : nắm được an toàn thực phẩm... 2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật	II- An toàn thực phẩm

đặt câu hỏi; Kỹ thuật giao nhiệm vụ;
hoạt động cả lớp

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung
trong vở ghi

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc phần II SGK nghiên cứu trả lời câu hỏi
- An toàn thực phẩm là gì

***Thực hiện nhiệm vụ**

-> HS trả lời.

***Báo cáo kết quả**

Hs: báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá
- ? Vấn đề ngộ độc thức ăn hiện nay đang gia tăng trầm trọng
- Em cho biết nguyên nhân từ đâu mà gần đây có nhiều vụ ngộ độc thức ăn? Lấy ví dụ cụ thể?
 - Giải thích về tình trạng ngộ độc TÃ hiện nay, nêu nguyên nhân và cách xử lý để đảm bảo an toàn khi sử dụng.

Thực phẩm luôn cần có mức độ an toàn cao. Người tiêu dùng cần biết cách lựa chọn cũng như xử lý thực phẩm một cách đúng đắn hợp vệ sinh.

- GV yêu cầu Hs thảo luận nhóm 5 phút

- Là giữ cho thực phẩm khỏi bị nhiễm trùng, nhiễm độc và biến chất.

- Thực phẩm luôn cần có mức độ an toàn cao, người sử dụng cần biết cách lựa chọn cũng như xử lý thực phẩm một cách đúng đắn, hợp vệ sinh.

1. An toàn thực phẩm khi mua sắm

- Thực phẩm tươi sống, thịt, cá, rau, quả
- Thực phẩm đóng hộp, sữa hộp, thịt hộp, đậu hộp
- Đối với thực phẩm tươi sống phải mua loại tươi hoặc được bảo quản ướp lạnh.
- Đối với thực phẩm đóng hộp có bao bì phải chú ý đến hạn sử dụng
- Tránh để lẫn lộn thực phẩm ăn sống với thực phẩm cần nấu chín.

***KL: Để đảm bảo an toàn thực phẩm khi mua sắm cần phải biết chọn thực phẩm tươi ngon, không quá hạn sử dụng, không bị ôi ươn, ẩm mốc....**

hoạt động cả lớp

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. Tiến trình

Gv : yêu cầu hs hđ cá nhân tl câu hỏi, làm bài tập

- Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?

- HS suy nghĩ và viết ra giấy, GV gọi đại diện một số em, mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp.

- Yêu cầu HS làm 1 số bài tập sau:

+ Em hãy xác định những việc “nên” hay “không nên” làm để phòng tránh ngộ độc thực phẩm. Đánh dấu (x) vào cột tương ứng trong bảng sau:

STT	Hành động	Nên	Không nên
1	Ăn các loại thực phẩm nhuộm màu xanh, đỏ đẹp mắt		
2	Làm vệ sinh sạch sẽ nhà bếp và dụng cụ nấu ăn.		
3	Ăn trái cây ươn và các loại quà vật bán ở cổng trường, lề đường.		
4	Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh.		
5	Không che đậy thừa ăn để ruồi, nhặng, rán, chuột... tiếp xúc.		
6	Dùng chung dao, thớt hoặc để chung thực phẩm sống với thức ăn chín.		
7	Rửa thực phẩm, dụng cụ ăn uống bằng nước nhiễm bẩn.		
8	Nấu chín thực phẩm và đun kĩ lại trước khi ăn.		
9			

- Liên hệ với bản thân, gia đình và địa phương, nêu thêm và ghi vào vở những việc nên hoặc không nên làm để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

D. Hoạt động vận dụng: 3'

1. Mục tiêu : nắm vững được kiến thức cơ bản vận dụng vào thực tế

2. Phương thức: Hđ cá nhân, hđn, Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật giao nhiệm vụ;

hoạt động cả lớp

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. Tiến trình

Gv: Yêu cầu hs vận dụng kiến thức đã học, tl câu hỏi

- Em hãy quan sát không gian bếp và những hoạt động phục vụ cho bữa ăn trong nhà mình. Ghi ra những việc cần làm để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Bản thân em thực hiện và chia sẻ với gia đình để cùng thực hiện.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'

1. Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2. Phương thức: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Hiện nay, ở nhiều vùng miền, một số người vẫn thích ăn món tiết canh. Em có biết những nguy cơ gì trong món tiết canh đó không?

- Em hãy tìm hiểu thêm thông tin trên tivi, báo chí và mạng internet về những loại thức ăn hoặc các hiện tượng đang được cảnh báo mất vệ sinh an toàn thực phẩm.

* Về học bài

- Xem bài 17: Bảo quản chất dinh dưỡng trong chế biến món ăn SGK trang 81

- Về nhà học thuộc bài, học thuộc phần ghi nhớ.

- Làm bài tập 2, 3, 4 trang 80 SGK.

- Bảo quản thịt, cá, rau, củ, quả, đậu hạt tươi, đậu hạt khô, gạo khi chuẩn bị chế biến.

*** Rút kinh nghiệm.**

Tuần 21

Tiết 42 – Bài 16: Vệ sinh an toàn thực phẩm(T3)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: HS hiểu được thế nào là vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Kỹ năng: Cách lựa chọn thực phẩm phù hợp để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Thái độ: Có ý thức giữ vệ sinh và an toàn thực phẩm bảo vệ sức khỏe cho bản thân, cộng đồng, phòng chống ngộ độc thức ăn.

4. Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.

- **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: - Máy chiếu, phiếu học tập, giấy A0, bút dạ.

- Một số rau quả tươi, đồ hộp.

2. Học sinh: Sách vở và đồ dùng học tập

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Khởi động: 5'

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung (ghi bảng)
1. Mục tiêu : Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs. 2. Phương thức: Hđ cá nhân, hđn 3. Sản phẩm : Phiếu học tập 4. Kiểm tra, đánh giá: - Hs đánh giá - Gv đánh giá	

5.Tiến trình *Chuyên giao nhiệm vụ Với hiểu biết và kinh nghiệm của bản thân, em hãy suy nghĩ và trả lời các câu hỏi sau để đánh giá sự hiểu biết của mình về ngộ độc thực phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm: + Em cho rằng ngộ độc thực phẩm do những nguyên nhân nào? + Hãy kể tên những sự việc, trường hợp mà em cho rằng không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm ở nơi em sống? -Hs : nghe *Thực hiện nhiệm vụ -Hs : Hđ nhóm Gv : theo dõi *Báo cáo kết quả Hs: đại diện nhóm báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ... ->Giáo viên nêu mục tiêu bài học...	
--	--

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 2.Tìm hiểu biện pháp phòng tránh nhiễm trùng, nhiễm độc TP.(30’) 1.Mục tiêu : nắm biện pháp phòng tránh nhiễm trùng nhiễm độc thực phẩm 2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp 3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi 4.Kiểm tra, đánh giá:	III- Biện pháp phòng tránh nhiễm trùng, nhiễm độc thực phẩm. 1. Nguyên nhân ngộ độc thức ăn. - Ngộ độc do thức ăn nhiễm vi sinh vật và độc tố của nước.

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5. Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc kỹ phần III SGK/79 thảo luận nhóm 5 phút sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn hãy nêu nguyên nhân gây ngộ độc thức ăn? *Thực hiện nhiệm vụ - Đại diện nhóm lên bảng treo và trình bày kết quả của nhóm mình *Báo cáo kết quả Hs: đại diện nhóm báo cáo kết quả nhóm khác theo dõi, quan sát nhận xét, bổ sung *Đánh giá kết quả - GV nhận xét, chốt. - Cần bảo quản như thế nào đối với các loại thực phẩm sau đây ? - Thực phẩm đã chế biến - Thực phẩm đóng hộp - Thực phẩm khô - GV hướng dẫn HS đọc mục 1 trang 78 SGK + HS quan sát SGK, nhận xét những nguyên nhân gây nhiễm trùng và nhiễm độc thực phẩm - Các biện pháp phòng tránh nhiễm trùng và ngộ độc thức ăn? - Chọn thực phẩm như thế nào? - HS trả lời. - Sử dụng nước như thế nào? - Khi có dấu hiệu bị ngộ độc thức ăn, tùy mức độ nặng nhẹ mà có biện pháp xử lý thích hợp - Nếu hiện tượng xảy ra nghiêm trọng,	- Do thức ăn bị biến chất. - Do bản thân thức ăn có sẵn chất độc - Do thức ăn bị ô nhiễm các chất độc hoá học. 2. Các biện pháp phòng tránh ngộ độc thức ăn. a. Phòng tránh nhiễm trùng. - Chọn thực phẩm tươi ngon, không bị bầm dập, sâu úa, ôi ươn, . . . - Sử dụng nước sạch. - Chế biến làm chín thực phẩm. - Rửa sạch dụng cụ ăn uống, chống ô nhiễm. - Cất giữ thực phẩm ở nơi an toàn. - Bảo quản thực phẩm chu đáo. - Rửa kỹ các loại rau, quả ăn sống bằng nước sạch. b. Phòng tránh nhiễm độc. - Không dùng thực phẩm có chất độc. - Không dùng thức ăn bị biến chất, nhiễm chất độc hóa học... - Không dùng đồ hộp đã quá hạn sử dụng, những hộp bị phồng.
--	--

hoặc chưa rõ nguyên nhân, cần đưa ngay bệnh nhân và bệnh viện cấp cứu và chữa trị kịp thời.

- Nêu một số biện pháp phòng tránh nhiễm độc thực phẩm thường dùng ?
- Đối với TẢ đã chế biến cần bảo quản như thế nào ?
- Đối với TP đóng hộp phải bảo quản như thế nào ?
- Uốn nắn, bổ sung sai sót và cho HS ghi vở.
- Bổ sung và kết luận : Để tránh nhiễm trùng , nhiễm độc TP cần vệ sinh nơi nấu nướng và vệ sinh nhà bếp, thường xuyên lau chùi, cọ rửa sạch sẽ...Khi dùng xong cần rửa sạch, để ráo, phơi khô các dụng cụ nấu nướng, ăn uống và để vào nơi quy định.
- Khi có hiện tượng ngộ độc cần xử lý như thế nào ?
- Việc phòng tránh nhiễm trùng, nhiễm độc tại gia đình mang lại lợi ích gì cho bản thân, gia đình và xã hội ?

=> Việc giữ gìn vệ sinh TP là điều cần thiết và phải thực hiện để đảm bảo sức khoẻ cho bản thân, gia đình và cả xã hội.

Giữ vệ sinh ATTP đồng thời tiết kiệm chi phí cho gia đình và xã hội.

C. Hoạt động luyện tập: 5'

- 1.Mục tiêu : nắm vững được những kiến thức cơ bản để làm bài tập
- 2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp
- 3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
phiếu học tập nhóm
- 4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

Gv : yêu cầu hs hđ cá nhân tl câu hỏi, làm bài tập

- Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?

- HS suy nghĩ và viết ra giấy, GV gọi đại diện một số em, mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp.

- Yêu cầu HS làm 1 số bài tập trong vbt

- Liên hệ với bản thân, gia đình và địa phương, nêu thêm và ghi vào vở những việc nên hoặc không nên làm để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

D. Hoạt động vận dụng: 3'

1.*Mục tiêu* : nắm vững được vai trò của các chất dinh dưỡng vận dụng vào thực tế

2.*Phương thức*:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp

3.*Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân
phiếu học tập nhóm

4.*Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.*Tiến trình*

Gv: Yêu cầu hs vận dụng kiến thức đã học, tl câu hỏi

- Em hãy quan sát không gian bếp và những hoạt động phục vụ cho bữa ăn trong nhà mình.

Ghi ra những việc cần làm để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Bản thân em thực hiện và chia sẻ với gia đình để cùng thực hiện.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'

1.*Mục tiêu*: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.*Phương thức*:Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.*Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân
phiếu học tập nhóm

4.*Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5.*Tiến trình*

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Hiện nay, ở nhiều vùng miền, một số người vẫn thích ăn món tiết canh. Em có biết những nguy cơ gì trong món tiết canh đó không?

- Em hãy tìm hiểu thêm thông tin trên tivi, báo chí và mạng internet về những loại thức ăn hoặc các hiện tượng đang được cảnh báo mất vệ sinh an toàn thực phẩm.

* Về học bài

- Xem bài 17: Bảo quản chất dinh dưỡng trong chế biến món ăn SGK trang 81

- Về nhà học thuộc bài, học thuộc phần ghi nhớ.

- Làm bài tập 2, 3, 4 trang 80 SGK.

- Bảo quản thịt, cá, rau, củ, quả, đậu hạt tươi, đậu hạt khô, gạo khi chuẩn bị chế biến.

*** Rút kinh nghiệm.**

Tuần 22

Tiết 43 – Bài 17: BẢO QUẢN CHẤT DINH DƯỠNG TRONG CHẾ BIẾN MÓN ĂN(T1)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: HS biết được sự cần thiết phải bảo quản chất dinh dưỡng trong khi nấu ăn.

2. Kỹ năng: Cách bảo quản phù hợp để các chất dinh dưỡng không bị mất đi trong quá trình chế biến.

3. Thái độ: Áp dụng hợp lý trong quá trình chế biến và bảo quản thực phẩm tạo nguồn dinh dưỡng tốt cho sức khỏe.

4. Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.

- **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: - Máy chiếu, phiếu học tập, giấy A0, bút dạ.

- Một số rau củ, quả, một số hạt đậu các loại, bắp, gạo.

2. Học sinh: Sách vở và đồ dùng học tập

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Khởi động: 5'

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung (ghi bảng)
1. Mục tiêu : huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs. 2. Phương thức: Hđ cá nhân, hđn 3. Sản phẩm : Phiếu học tập 4. Kiểm tra, đánh giá: - Hs đánh giá - Gv đánh giá 5. Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ Với hiểu biết và kinh nghiệm của bản thân, em hãy suy nghĩ và HDN trả lời các câu hỏi sau : ? Muốn cho các loại rau củ quả tươi lâu chúng ta phải làm gì ? em hãy nêu 1 vài biện pháp	

+ Những chất dinh dưỡng nào dễ tan trong nước

***Thực hiện nhiệm vụ**

Hs : hđ cá nhân trả lời câu hỏi

***Báo cáo kết quả**

Hs: đại diện báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả**

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 6 trong thời gian 5 phút cho biết vì sao cần bảo quản thực phẩm? Thực phẩm thường bị hỏng do những nguyên nhân nào? Thực phẩm có thể bảo quản bằng những phương pháp nào?

- Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, chốt.

- Bảo quản chất dinh dưỡng phải tiến hành trong những trường hợp nào?(Khi chuẩn bị chế biến và trong lúc chế biến thức ăn)

- Những thực phẩm nào dễ bị mất chất dinh dưỡng khi chuẩn bị chế biến?

- GV chiếu hình 3.17. yêu cầu HS quan sát cho biết các chất dinh dưỡng nào có trong thịt cá? (Chất đạm vitamin A, B, C, chất béo, khoáng, nước).

- Biện pháp bảo quản các chất dinh dưỡng trong thịt, cá là gì?

- Đối với loại thực phẩm này, chúng ta cần bảo quản như thế nào để có giá trị sử dụng tốt?

- HS trả lời.

- GV nhận xét, chốt.

- GV chiếu hình 3.18. yêu cầu HS quan sát kết hợp liên hệ thực tế hoạt động cặp đôi kể tên các loại rau, củ, quả thường dùng ? Rau củ, quả trước khi chế biến và sử dụng phải qua những động tác gì ?

một cách chu đáo để góp phần làm tăng giá trị dinh dưỡng của thực phẩm.

- Không để ruồi, bọ bâu vào.

- Giữ thịt, cá ở nhiệt độ thích hợp để sử dụng lâu dài.

2. Rau, củ, quả, đậu hạt tươi.

- Rửa rau thật sạch chỉ nên cắt thái sau khi rửa , không ngâm rau lâu trong nước và không để rau khô héo.

- Rau, củ, quả ăn sống nên gọt vỏ trước khi ăn.

3. Đậu hạt khô, gạo.

- HS đại diện trả lời, nhóm khác nhận xét, bổ sung
- GV nhận xét, chốt.
- GV lưu ý HS cách rửa, gọt, cắt, thái bởi vì nó ảnh hưởng rất lớn đến giá trị dinh dưỡng. *Sinh tố và chất khoáng dễ bị tiêu hủy nếu thực hiện không đúng cách, cần để nguyên trạng thái, rửa sạch trước khi cắt gọt.*
- GV chiếu hình 3.19 yêu cầu HS quan sát hình nêu tên các loại đậu hạt, ngũ cốc thường dùng?
- Biện pháp bảo quản chất dinh dưỡng thích hợp.
- Đậu hạt khô như thế nào ?
- Gạo như thế nào ?
- HS hoạt động cá nhân trả lời, các bạn khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, chốt.

C. Hoạt động luyện tập: 5'

1. *Mục tiêu* : nắm vững được kiến thức cơ bản để làm bài tập

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân.

hoạt động cả lớp

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*

Gv : yêu cầu hs hđ cá nhân trả lời câu hỏi, làm bài tập

- Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?

- HS suy nghĩ và viết ra giấy, GV gọi đại diện một số em, mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp.

- Yêu cầu HS làm 1 số bài tập sau:

* Đậu hạt khô, gạo bảo quản như thế nào ?

- *Đậu hạt khô bảo quản chu đáo nơi khô ráo, mát mẻ, tránh sâu mọt.*

- Gạo không vo quá kỹ sẽ bị mất sinh tố B.

* Bài tập 1 trang 84 SGK

Sinh tố C, B, phương pháp, chất khoáng.

- Để đảm bảo chất dinh dưỡng trong thịt, cá, củ, quả, trước khi chế biến thì chúng ta phải làm gì ?

- Hãy kể tên các chất sinh tố dễ tan trong nước?

+ Em hãy tích chữ (X) vào “ Đúng” hoặc “Sai” tương ứng với nội dung các câu trong bảng sau để chọn cách làm phù hợp, bảo quản được chất dinh dưỡng trong thực phẩm.

STT	Để bảo quản chất dinh dưỡng trong thực phẩm cần	Đúng	Sai
1	Chọn mua gạo thật trắng và vo thật kỹ trước khi nấu cơm.		
2	Rửa sạch rau củ quả trước khi cắt, thái.		
3	Thái mỏng thịt, cá và ngâm vào nước thật lâu trước khi nấu.		

D. Hoạt động vận dụng: 3'

1.Mục tiêu : nắm vững được kiến thức trọng tâm vận dụng vào thực tế

2.Phương thức:Hỗ trợ cá nhân.

hoạt động cả lớp

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

Gv; Yêu cầu hs vận dụng kiến thức đã học, trả lời câu hỏi

- Em hãy quan sát trong gia đình xem những loại thực phẩm nào đã được bảo quản tốt và những loại nào chưa được bảo quản tốt. Liệt kê những việc cần thực hiện để bảo quản thực phẩm trong gia đình.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức:Hỗ trợ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

m hãy tìm hiểu thêm thông tin trên mạng internet với từ khóa “ Bảo quản thực phẩm” hoặc trên tivi, báo chí để biết thêm các phương pháp bảo quản thực phẩm.

- * - Về nhà học thuộc bài.
- Làm bài tập 1, 2 trang 84 SGK
- Chuẩn bị giấy tiết sau kiểm tra 15 phút.
- Tại sao phải quan tâm bảo quản chất dinh dưỡng trong khi chế biến thức ăn ?
- Ảnh hưởng của nhiệt độ đối với thành phần dinh dưỡng ?

Tuần 22

Tiết 44 Bài 17: BẢO QUẢN CHẤT DINH DƯỠNG TRONG CHẾ BIẾN
MÓN ĂN (TIẾT 2)

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức:

- Hiểu được sự cần thiết phải bảo quản chất dinh dưỡng trong khi chế biến món ăn.

2. Kỹ năng:

- Thực hiện một số công việc để hạn chế hao hụt chất dinh dưỡng của một số loại thực phẩm khi chế biến.

- Áp dụng hợp lý các quy trình chế biến và bảo quản thực phẩm để tạo nguồn dinh dưỡng tốt cho sức khỏe và thể lực.

3. Thái độ:

- Có ý thức quan tâm đến công việc nội trợ và tích cực giữ vệ sinh môi trường và an toàn trong chế biến thực phẩm

4. Năng lực:

- Năng lực tự học, sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN, HỌC SINH

- GV:

SGK, SBT, tài liệu tham khảo, soạn giáo án

Các mẫu hình phóng to H3.17- 3.19 SGK.

- HS :

Vở ghi, SGK, VBT, đọc trước nội dung bài 17

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động : 5'

1. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. Phương thức: Hđ cá nhân.

3. Sản phẩm : Trình bày miệng.

4. Kiểm tra, đánh giá:

Hs đánh giá

Gv đánh giá

5. Tiến trình

* Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

C1. Chất dinh dưỡng nào trong thực phẩm dễ bị mất đi khi chuẩn bị chế biến?

C2. Cách bảo quản thực phẩm trước khi chế biến?

C3. Tại sao phải quan tâm bảo quản chất dinh dưỡng khi chế biến?

HS lắng nghe

*Thực hiện nhiệm vụ:

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

C1: - Chất khoáng và sinh tố trong thực phẩm dễ bị mất đi khi chuẩn bị chế biến.

C2: - Không ngâm rửa thịt cá sau khi thái

- Rau, củ, quả, đậu hạt tươi: rửa sạch không ngâm lâu trong nước, không thái nhỏ khi rửa, không để khô héo.

- Đậu, hạt khô, gạo Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Không vo gạo quá kĩ.

C3:- Trong quá trình chế biến một số vitamin và khoáng chất dễ bị mất đi hoặc biến chất do nhiệt độ vì vậy cần phải quan tâm bảo quản chất dinh dưỡng khi chế biến.

*Báo cáo kết quả: Hs trình bày miệng

*Đánh giá kết quả:

-Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài

B. Hoạt động hình thành kiến thức

<u>Hoạt động của giáo viên và học sinh</u>	<u>Nội dung</u>
<u>HĐ 1: Tại sao phải quan tâm đến bảo quản chất dinh dưỡng trong chế biến:10'</u> <u>1.Mục tiêu : - Hiểu được tại sao phải quan tâm đến bảo quản chất dinh dưỡng trong chế biến:</u> <u>2.Phương thức: Hđ cá nhân, hđn .</u> <u>hoạt động cả lớp</u> <u>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi</u> <u>4.Kiểm tra, đánh giá:</u> <u>Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau</u> <u>Gv đánh giá</u> <u>5.Tiến trình</u> <u>*Chuyển giao nhiệm vụ</u> <u>GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi:</u> <u>- GV: Nêu câu hỏi</u> <u>Nấu lâu sẽ mất nhiều sinh tố, nhất là sinh tố tan trong nước như: sinh tố C, B,PP; thực phẩm biến chất.</u> <u>C1. Em hãy lấy VD minh họa.</u> <u>C2. Tại sao phải quan tâm bảo quản chất dinh dưỡng khi chế biến?</u> <u>C3. Những điểm cần chú ý khi chế biến món ăn để không mất đi nguồn vitamin, chất dd trong thực phẩm?</u> <u>-HS: Lắng nghe câu hỏi</u> <u>*Thực hiện nhiệm vụ:</u> <u>-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:</u> <u>-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.</u> <u>Dự kiến trả lời:</u> <u>C1: vd rang thịt lâu bị cháy ăn đắng=> thịt bị mất chất, biến chất.</u> <u>C2: - Nấu lâu sẽ mất nhiều sinh tố: C,B,PP.</u>	<u>II- Bảo quản chất dinh dưỡng trong khi chế biến:</u> <u>1. Tại sao phải quan tâm đến bảo quản chất dinh dưỡng trong chế biến:</u> <u>- Nấu lâu sẽ mất nhiều sinh tố: C,B,PP.</u> <u>- Rán lâu sẽ mất nhiều sinh tố:A,D,E,K.</u>

- Rán lâu sẽ mất nhiều sinh tố: A, D, E, K.

C3: - Cho thực phẩm vào luộc hay nấu khi nước sôi.

- Khi nấu tránh khuấy nhiều.

- Không hâm thức ăn nhiều lần.

- Không vo gạo quá kĩ.

*Báo cáo kết quả:

- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.

*Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: chốt kiến thức, ghi bảng.

- Gv chuyển ý: Trong quá trình sử dụng nhiệt, các chất dd chịu nhiều biến đổi dễ bị biến chất hoặc tiêu hủy, do đó chúng ta cần quan tâm sd nhiệt hợp lí trong chế biến món ăn để giữ cho món ăn luôn có giá trị sử dụng tốt.

HD 2: Ảnh hưởng của nhiệt độ đối với thành phần dinh dưỡng: 20'

1. Mục tiêu : - Hiểu được sự ảnh hưởng của nhiệt độ đối với thành phần dinh dưỡng

2. Phương thức: Hđ cá nhân, hđn . hoạt động cả lớp

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi

4. Kiểm tra, đánh giá:

Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

Gv đánh giá

5. Tiến trình

*Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HDN trả lời câu hỏi:

1. Nhiệt độ có ảnh hưởng như thế nào đến chất dinh dưỡng trong thức ăn?

2. Ảnh hưởng của nhiệt độ đối với thành phần dinh dưỡng:

- Chất đạm nhiệt độ quá cao giá trị dinh dưỡng giảm

- Chất béo: đun nóng nhiều, sinh tố A bị phân huỷ và chất béo bị biến chất.

- Chất đường bột: sẽ chuyển màu, có vị đắng ở nhiệt độ 180°C.

- Chất khoáng: khi nấu một phần hoà tan trong nước.

- Sinh tố: dễ bị mất trong chế biến nhất là sinh tố

2. Khi rán có nên để lửa to quá không.

3. Em hãy lấy VD minh họa ảnh hưởng của nhiệt độ đối với chất khoáng và sinh tố.

-HS lắng nghe.

*Thực hiện nhiệm vụ:

-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:

-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

Dự kiến trả lời:

C1: - Chất đạm nhiệt độ quá cao giá trị dinh dưỡng giảm

- Chất béo: đun nóng nhiều, sinh tố A bị phân huỷ và chất béo bị biến chất.

- Chất đường bột: sẽ chuyển màu, có vị đắng ở nhiệt độ 180°C.

- Chất khoáng: khi nấu một phần hoà tan trong nước.

- Sinh tố: dễ bị mất trong chế biến nhất là sinh tố hoà tan trong nước.

C2: - Rán lửa vừa phải

C3: - Các sinh tố và chất khoáng dễ tan trong nước như C,B,PP, sẽ bị bay hơi theo hơi nước khi luộc rau củ quá lâu.

*Báo cáo kết quả:

- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.

*Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: chốt kiến thức, ghi bảng.

-Gv nhấn mạnh: Cần áp dụng hợp lý các quy trình kỹ thuật trong chế biến món ăn để hạn chế phần nào sự hao hụt chất dinh dưỡng.

hoà tan trong nước.

C. Hoạt động luyện tập: 5'

1.Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập

2.Phương thức:Hđ cá nhân.

hoạt động cả lớp

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4.Kiểm tra, đánh giá:

Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

Gv đánh giá

5.Tiến trình

*Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi:

Những điểm cần chú ý khi chế biến món ăn?

Nêu biện pháp bảo quản chất dinh dưỡng không bị mất trong quá trình chế biến

Nên sử dụng ở những nhiệt độ nào cho thích hợp?

-HS: hệ thống lại kiến thức

*Thực hiện nhiệm vụ:

-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:

*Báo cáo kết quả:

- Hs trình bày nhanh

*Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

D. Hoạt động vận dụng: 3'

1.Mục tiêu : nắm vững cách bảo quản chất dinh dưỡng trong chế biến món ăn để vận dụng vào thực tiễn.

2.Phương thức:Hđ cá nhân.

hoạt động cả lớp

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4.Kiểm tra, đánh giá:

Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

Gv đánh giá

5.Tiến trình

*Chuyển giao nhiệm vụ

GV đưa ra bài tập : - Cho hs đọc phần “ có thể em chưa biết” SGK

1. Em hãy điền vào chỗ trống nội dung thích hợp theo bảng sau.

<u>Tên thực phẩm</u>	<u>Biện pháp bảo quản chất dinh dưỡng</u>
<u>Thịt bò</u>	
<u>Tôm tươi</u>	
<u>Rau cải</u>	
<u>Cà chua</u>	
<u>Giá đỗ</u>	
<u>Khoai tây</u>	
<u>Cà rốt</u>	
<u>Hoa quả tráng miệng</u>	

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân:

***Báo cáo kết quả:**

- HS lên bảng làm bài

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2’

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4.Kiểm tra, đánh giá:

Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá

Gv đánh giá vào tiết học sau

5.Tiến trình

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- HS học bài ghi và sgk.

- Đọc trước bài 18:’ Các phương pháp chế biến thực phẩm”

***Rút kinh nghiệm:**

Tuần 23

TIẾT 45 BÀI 18 : CÁC PHƯƠNG PHÁP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức:

- Hiểu được tại sao cần phải chế biến thực phẩm.**
- Nắm được các phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt: luộc, nấu, kho, hấp (đồ).**

2. Kỹ năng:

- Biết cách chế biến món ăn ngon bổ dưỡng, hợp vệ sinh, sử dụng phương pháp chế biến phù hợp để đáp ứng đúng mức nhu cầu ăn uống của con người.**

3. Thái độ:

- Có ý thức quan tâm đến công việc nội trợ và tham gia giúp đỡ cha mẹ anh chị em trong mọi công việc của gia đình.**

4. Năng lực:

- Năng lực tự học, sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề.**

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN, HỌC SINH

- GV:

SGK, SBT, tài liệu tham khảo, soạn giáo án

Các mẫu hình phóng to H3.20- 3.23 SGK.

- HS :

Vở ghi, SGK, VBT, đọc trước nội dung bài 18

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.**
- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.**

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động : 5'

1. *Mục tiêu* : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. *Phương thức*:Hđ cá nhân.

3. *Sản phẩm* : Trình bày miệng.

4. *Kiểm tra, đánh giá*: Hs đánh giá, Gv đánh giá

5. *Tiến trình*

* Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

Nêu những điểm chú ý khi chế biến món ăn?

Ảnh hưởng của nhiệt độ đối với thành phần dinh dưỡng như thế nào?

Tại sao phải chế biến thực phẩm?

HS lắng nghe

*Thực hiện nhiệm vụ:

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

C1: : - Cho thực phẩm vào luộc hay nấu khi nước sôi.

- Khi nấu tránh khuấy nhiều.

- Không hâm thức ăn nhiều lần.

- Không vo gạo quá kĩ.

C2: - Chất đạm nhiệt độ quá cao giá trị dinh dưỡng giảm

- Chất béo: đun nóng nhiều, sinh tố A bị phân huỷ và chất béo bị biến chất.

- Chất đường bột: sẽ chuyển màu, có vị đắng ở nhiệt độ 180°C.

- Chất khoáng: khi nấu một phần hoà tan trong nước.

- Sinh tố: dễ bị mất trong chế biến nhất là sinh tố hoà tan trong nước.

C3. Chế biến thực phẩm để thực phẩm chín mềm, dễ tiêu hóa, ăn ngon hơn...

*Báo cáo kết quả: Hs trình bày miệng

*Đánh giá kết quả:

-Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV: dẫn dắt giới thiệu bài:

+ Thực phẩm hàng ngày sử dụng được chế biến bằng nhiều phương pháp: có sử dụng nhiệt và không sử dụng nhiệt.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

<u>Hoạt động của giáo viên và học sinh</u>	<u>Nội dung</u>
--	-----------------

HD 1: Tìm hiểu phương pháp lược : 10'

1.Mục tiêu : - Biết được cách thực hiện món lược.

2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn.

hoạt động cả lớp

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi

4.Kiểm tra, đánh giá:

Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

Gv đánh giá

5.Tiến trình

*Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HDN trả lời câu hỏi:

- GV: Nêu câu hỏi

- Em hãy kể tên những món ăn thường dùng trong bữa ăn của gia đình?

? Trình bày hiểu biết của em về món lược.

? Lượng nước trong món lược nên lưu ý ntn.

? Em hãy kể tên một vài món lược mà gia đình em hay dùng và cách làm, Từ đó rút ra qui trình thực hiện món lược.

? Món lược phải đảm bảo yêu cầu kĩ thuật gì.

-HS: Lắng nghe câu hỏi

*Thực hiện nhiệm vụ:

-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:

-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

Dự kiến trả lời:

- Lược là pp làm chín thực phẩm trong môi trường nhiều nước với thời gian đủ để thực phẩm chín mềm.

- Lược trong môi trường nhiều nước

- Yêu cầu kt: Nước lược trong

. Thực phẩm động vật: chín mềm, không dai, không nhừ.

. Thực phẩm thực vật: rau lá chín tới có màu xanh,

I- Phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt.

1. Phương pháp làm chín thực phẩm trong nước

a. Lược.

- Lược là pp làm chín thực phẩm trong môi trường nhiều nước với thời gian đủ để thực phẩm chín mềm.

- Quy trình thực hiện:

- Yêu cầu kỹ thuật:

. Nước lược trong

. Thực phẩm động vật: chín mềm, không dai, không nhừ.

. Thực phẩm thực vật: rau lá chín tới có màu xanh, rau củ có bột chín bở hoặc chín dẻo.

rau củ có bột chín bở hoặc chín dẻo.

***Báo cáo kết quả:**

- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: chốt kiến thức, ghi bảng.

HĐ 2: Tìm hiểu phương pháp nấu: 10'

1.Mục tiêu : - Biết được cách thực hiện món nấu.

2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn.

hoạt động cả lớp

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi

4.Kiểm tra, đánh giá:

Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HDN trả lời câu hỏi:

- GV: Nêu câu hỏi

? Trình bày hiểu biết của em về món nấu.

? quy trình thực hiện món nấu ntn.

? Món nấu phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật gì.

-HS: Lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:

-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

Dự kiến trả lời:

- Nấu là pp làm chín thực phẩm bằng cách phối hợp nhiều nguyên liệu Đv và Tv, có thêm gia vị trong môi trường nước.

***Quy trình thực hiện:**

+ Làm sạch nguyên liệu thực phẩm, cắt thái phù hợp, tẩm ướp gia vị.

+Nấu nguyên liệu ĐV trước sau đó cho nguyên liệu Tv vào nấu tiếp, nêm vừa miệng.

+Trình bày món ăn.

***Báo cáo kết quả:**

- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.

***Đánh giá kết quả:**

b. Nấu.

- Nấu là pp làm chín thực phẩm bằng cách phối hợp nhiều nguyên liệu Đv và Tv, có thêm gia vị trong môi trường nước.

***Quy trình thực hiện:**

+ Làm sạch nguyên liệu thực phẩm, cắt thái phù hợp, tẩm ướp gia vị.

+Nấu nguyên liệu ĐV trước sau đó cho nguyên liệu Tv vào nấu tiếp, nêm vừa miệng.

+Trình bày món ăn.

*** Yêu cầu kỹ thuật.**
(SGK)

<u>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</u> <u>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</u> <u>GV: chốt kiến thức, ghi bảng.</u>	
HD3: Tìm hiểu phương pháp kho: 7' 1.Mục tiêu : - Biết được cách thực hiện món kho. 2.Phương thức: Hđ cá nhân, hđn. hoạt động cả lớp 3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi 4.Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5.Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HDN trả lời câu hỏi: - GV: Nêu câu hỏi ? Em hiểu thế nào là kho. ? Qua quá trình quan sát việc chế biến của gia đình, em hãy trình bày cách làm một món kho. ? Món kho phải đảm bảo yêu cầu kĩ thuật gì. -HS: Lắng nghe câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ: -HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm: -GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực. Dự kiến trả lời: - Kho là pp làm chín mềm thực phẩm trong lượng nước vừa phải với vị mặn đậm đà. *Quy trình thực hiện: + Làm sạch nguyên liệu thực phẩm, cắt thái phù hợp, tẩm ướp gia vị. +Nấu thực phẩm với lượng ít, có vị đậm +Trình bày món ăn.	c. Kho. - Kho là pp làm chín mềm thực phẩm trong lượng nước vừa phải với vị mặn đậm đà. *Quy trình thực hiện: + Làm sạch nguyên liệu thực phẩm, cắt thái phù hợp, tẩm ướp gia vị. +Nấu thực phẩm với lượng ít, có vị đậm +Trình bày món ăn. * Yêu cầu kĩ thuật. (SGK)

* Yêu cầu kĩ thuật. *Báo cáo kết quả: - Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm. *Đánh giá kết quả: - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá GV: chốt kiến thức, ghi bảng.	
HD4: Tìm hiểu phương pháp làm chín thực phẩm bằng hơi nước: 7' 1.Mục tiêu : - Biết được cách thực hiện phương pháp làm chín thực phẩm bằng hơi nước. 2.Phương thức: Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp 3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi 4.Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5.Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HDN trả lời câu hỏi: - GV: Nêu câu hỏi ? Gia đình em thường làm món ăn gì bằng phương pháp hấp, đồ. ? Hãy mô tả cách đồ xôi ở gia đình em. ? Món hấp, đồ phải đảm bảo yêu cầu kĩ thuật gì. -HS: Lắng nghe câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ: -HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm: -GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực. Dự kiến trả lời: - Hấp (đồ) là pp làm chín thực phẩm bằng sức nóng	2.Phương pháp làm chín thực phẩm bằng hơi nước. - Hấp (đồ) là pp làm chín thực phẩm bằng sức nóng của hơi nước. *Quy trình thực hiện: + Làm sạch nguyên liệu thực phẩm. + Sơ chế, tẩm ướp gia vị. +Hấp chín thực phẩm. +Trình bày món ăn. * Yêu cầu kĩ thuật. (SGK)

của hơi nước. *Quy trình thực hiện: + Làm sạch nguyên liệu thực phẩm. + Sơ chế, tẩm ướp gia vị. +Hấp chín thực phẩm. +Trình bày món ăn. *Báo cáo kết quả: - Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm. *Đánh giá kết quả: - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá GV: chốt kiến thức, ghi bảng.	
--	--

C.Hoạt động luyện tập: 3'

1.*Mục tiêu* : nắm vững kiến thức để làm bài tập

2.*Phương thức*: Hđ cá nhân.

hoạt động cả lớp

3.*Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân

4.*Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.*Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi:

- Em hãy nêu các phương pháp chế biến thực phẩm trong môi trường nước? Kho và nấu khác nhau ở điểm nào.

- Phương pháp làm chín thực phẩm bằng hơi nước hấp, đồ?

-HS: hệ thống lại kiến thức

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

D. Hoạt động vận dụng:3'

1.*Mục tiêu* : nắm vững các phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt, trong môi trường nước và hơi nước.

2.*Phương thức*: Hđ cá nhân, Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp

3.*Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân

4.*Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.*Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Vận dụng kiến thức vào thực tiễn để nấu những món ăn đơn giản trong gia đình.
- Hãy nêu cách thực hiện một món ăn sử dụng phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt, trong môi trường nước và hơi nước mà em biết?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân:

***Báo cáo kết quả:**

- HS lên bảng làm bài

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'

1.*Mục tiêu*: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.*Phương thức*: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3.*Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. *Tiến trình*

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Học vở ghi và SGK.
- Tìm hiểu thêm các món ăn được chế biến có sử dụng nhiệt: nướng, rán, rang, xào trong gia đình em và ở địa phương. Ghi lại công thức chế biến các món ăn mà em tìm hiểu được để chia sẻ với các bạn và báo cáo với giáo viên vào tiết học tiếp theo.

***Rút kinh nghiệm.**

Tuần 23

TIẾT 46 _BÀI 18: CÁC PHƯƠNG PHÁP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM (tiết 2)

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức:

- Hiểu được tại sao cần phải chế biến thực phẩm.
- Nắm được các phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt: nướng, rán, rang, xào.

2. Kỹ năng:

- Biết cách chế biến món ăn ngon bổ dưỡng, hợp vệ sinh, sử dụng phương pháp chế biến phù hợp để đáp ứng đúng mức nhu cầu ăn uống của con người.

3. Thái độ:

- Có ý thức quan tâm đến công việc nội trợ và tham gia giúp đỡ cha mẹ anh chị em trong mọi công việc của gia đình.

4. Năng lực:

- Năng lực tự học, sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN, HỌC SINH

- GV:

SGK, SBT, tài liệu tham khảo, soạn giáo án

Các mẫu hình phóng to H3.20- 3.23 SGK.

- HS :

Vở ghi, SGK, VBT, đọc trước nội dung bài 18

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP :

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động : 5'

1. *Mục tiêu* : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2. *Phương thức*: Hđ cá nhân.
3. *Sản phẩm* : Trình bày miệng.

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5. Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

- Nêu phương pháp làm chín thực phẩm trong nước?
- Nêu phương pháp làm chín thực phẩm bằng hơi nước?

HS lắng nghe

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

C1: Các phương pháp làm chín thực phẩm trong môi trường nước:

- Luộc là pp làm chín thực phẩm trong môi trường nhiều nước với thời gian đủ để thực phẩm chín mềm.
- Nấu là pp làm chín thực phẩm bằng cách phối hợp nhiều nguyên liệu Đv và Tv, có thêm gia vị trong môi trường nước.
- Kho là pp làm chín mềm thực phẩm trong lượng nước vừa phải với vị mặn đậm đà.

C2: - Hấp (đồ) là pp làm chín thực phẩm bằng sức nóng của hơi nước.

***Quy trình thực hiện:**

- + Làm sạch nguyên liệu thực phẩm.
- + Sơ chế, tẩm ướp gia vị.
- +Hấp chín thực phẩm. +Trình bày món ăn.

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**

-Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV: dẫn dắt giới thiệu bài:

Gv: Ngoài cách làm chín thực phẩm trong nước và bằng hơi nước gia đình em còn có cách làm chín thực phẩm nào khác? Lấy ví dụ minh họa?

HS: Trình bày theo hiểu biết trong thực tiễn

Gv: Dẫn dắt vào bài

B. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
-------------------------------------	----------

HĐ1: Tìm hiểu phương pháp nướng: 8'

1. *Mục tiêu* : - Biết được cách thực hiện món nướng.

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân, hđn .

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi:

- GV: Nêu câu hỏi

? Gia đình em có hay làm món nướng không. Lấy VD.

? Người ta thường làm món nướng ntn

? Ví dụ như món thịt lợn nướng chả, theo em yêu cầu kĩ thuật của món này là gì.

? Vậy em hãy nêu yêu cầu kĩ thuật của món nướng.

-HS: Lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:

-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

Dự kiến trả lời:

- Nướng là làm chín thực phẩm bằng sức nóng trực tiếp của lửa (chỉ dùng lửa dưới) thường là than củi. Nướng 2 bên mặt của thực phẩm cho đến khi vàng đều.

*Quy trình kĩ thuật:

+ Làm sạch nguyên liệu.

+ Để nguyên hoặc cắt thái thực phẩm phù hợp.

+ Tẩm ướp gia vị, cho thực phẩm lên vỉ nướng hoặc que tre nhọn.

+ Nướng vàng đều,

+ Trình bày món ăn.

* Yêu cầu kĩ thuật:

***Báo cáo kết quả:**

3. Phương pháp làm chín thực phẩm bằng sức nóng trực tiếp của lửa.

- Nướng là làm chín thực phẩm bằng sức nóng trực tiếp của lửa (chỉ dùng lửa dưới) thường là than củi. Nướng 2 bên mặt của thực phẩm cho đến khi vàng đều.

*Quy trình kĩ thuật:

+ Làm sạch nguyên liệu.

+ Để nguyên hoặc cắt thái thực phẩm phù hợp.

+ Tẩm ướp gia vị, cho thực phẩm lên vỉ nướng hoặc que tre nhọn.

+ Nướng vàng đều,

+ Trình bày món ăn.

* Yêu cầu kĩ thuật:

(SGK)

- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm. *Đánh giá kết quả: - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá GV: chốt kiến thức, ghi bảng.	
HĐ2: Tìm hiểu phương pháp rán: 8' 1.Mục tiêu : - Biết được cách thực hiện món rán. 2.Phương thức: Hđ cá nhân, hđn. hoạt động cả lớp 3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi 4.Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5.Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi: - GV: Nêu câu hỏi ? Gia đình em thường chế biến những món rán nào. ?Hãy trình bày cách rán đậu ở gia đình em. ? Món rán phải đảm bảo yêu cầu kĩ thuật gì. -HS: Lắng nghe câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ: -HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm: -GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực. Dự kiến trả lời: - Rán là làm chín thực phẩm trong lượng chất béo khá nhiều, đun với lửa vừa trong khoảng thời gian đủ làmf chín thực phẩm. *Quy trình kĩ thuật: + Làm sạch nguyên liệu, cắt thái phù hợp, tẩm ướp gia vị. + Cho nguyên liệu vào chất béo đang nóng già, rán	4. Phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo. a. Rán. - Rán là làm chín thực phẩm trong lượng chất béo khá nhiều, đun với lửa vừa trong khoảng thời gian đủ làmf chín thực phẩm. *Quy trình kĩ thuật: + Làm sạch nguyên liệu, cắt thái phù hợp, tẩm ướp gia vị. + Cho nguyên liệu vào chất béo đang nóng già, rán vàng đều, chín kĩ. + Trình bày món ăn. * Yêu cầu kĩ thuật: (SGK)

vàng đều, chín kĩ. + Trình bày món ăn. * Yêu cầu kĩ thuật: *Báo cáo kết quả: - Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm. *Đánh giá kết quả: - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá GV: chốt kiến thức, ghi bảng.	
HĐ3: Tìm hiểu phương pháp rang: 8' 1.Mục tiêu : - Biết được cách thực hiện món rang. 2.Phương thức: Hđ cá nhân, hđn. hoạt động cả lớp 3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi 4.Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5.Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi: - GV: Nêu câu hỏi ? Gia đình em thường chế biến những món rang nào. ?Hãy trình bày cách rang một thực phẩm nào đó ở gia đình em ? Món rang phải đảm bảo yêu cầu kĩ thuật gì. ?Theo em rán khác rang ở điểm nào. -HS: Lắng nghe câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ: -HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm: -GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực. Dự kiến trả lời:	b. Rang. - Rang là đảo đều thực phẩm trong chảo với một lượng chất béo rất ít hoặc không có chất béo, lửa vừa đủ để thực phẩm chín từ ngoài vào trong. *Quy trình kĩ thuật: + Làm sạch nguyên liệu. + Cho vào chảo 1 lượng rất ít chất béo hoặc không có chất béo, đảo đều liên tục cho thực phẩm chín vàng đều. + Trình bày món ăn. * Yêu cầu kĩ thuật: (SGK)

- Rang là đảo đều thực phẩm trong chảo với một lượng chất béo rất ít hoặc không có chất béo, lửa vừa đủ để thực phẩm chín từ ngoài vào trong. *Quy trình kĩ thuật: + Làm sạch nguyên liệu. + Cho vào chảo 1 lượng rất ít chất béo hoặc không có chất béo, đảo đều liên tục cho thực phẩm chín vàng đều. + Trình bày món ăn. * Yêu cầu kĩ thuật: *Báo cáo kết quả: - Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm. *Đánh giá kết quả: - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá GV: chốt kiến thức, ghi bảng.	
HĐ4: Tìm hiểu phương pháp xào: 8' 1.<i>Mục tiêu</i> : - Biết được cách thực hiện món xào. 2.<i>Phương thức</i>: Hđ cá nhân. hoạt động cả lớp 3.<i>Sản phẩm</i> : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi 4.<i>Kiểm tra, đánh giá</i>: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5.<i>Tiến trình</i> *Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk, trả lời câu hỏi: - GV: Nêu câu hỏi ? Hãy kể tên những món xào mà gia đình em hay làm. ? Hãy trình bày cách làm một món xào mà em thích nhất trong gia đình em. ? Món xào phải đảm bảo yêu cầu kĩ thuật gì. ?Theo em xào và rán có điểm gì khác nhau. -HS: Lắng nghe câu hỏi	c. Xào. - Xào là đảo qua đảo lại thực phẩm trong chảo với 1 lượng mỡ hoặc dầu vừa phải, có sự lết hợp giữa các loại thực phẩm, đun lửa to trong thời gian ngắn. *Quy trình kĩ thuật: + Làm sạch nguyên liệu, cắt thái phù hợp, tẩm ướp gia vị. + Cho 1 lượng mỡ vừa đủ vào chảo làm chín thực phẩm Đv trước mức ra bát + Thêm một lượng mỡ, cho nguyên liệu TV vào xào chín tới, cho nguyên liệu ĐV vào trộn đều.

*Thực hiện nhiệm vụ: -HS: Làm việc cá nhân. Dự kiến trả lời: - Xào là đảo qua đảo lại thực phẩm trong chảo với 1 lượng mỡ hoặc dầu vừa phải, có sự lết hợp giữa các loại thực phẩm, đun lửa to trong thời gian ngắn. *Quy trình kĩ thuật: + Làm sạch nguyên liệu, cắt thái phù hợp, tẩm ướp gia vị. + Cho 1 lượng mỡ vừa đủ vào chảo làm chín thực phẩm Đv trước mức ra bát + Thêm một lượng mỡ, cho nguyên liệu TV vào xào chín tới, cho nguyên liệu ĐV vào trộn đều. + Vận to lửa, đảo nhanh tay. + Trình bày món ăn. * Yêu cầu kĩ thuật: *Báo cáo kết quả: - Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm. *Đánh giá kết quả: - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá GV: chốt kiến thức, ghi bảng.	+ Vận to lửa, đảo nhanh tay. + Trình bày món ăn. * Yêu cầu kĩ thuật: (SGK)
--	---

C.Hoạt động luyện tập: 3'

1.Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập

2.Phương thức: Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi:

- Em hãy nêu các phương pháp chế biến thực phẩm trong chất béo: rán, rang, xào?

-HS: hệ thống lại kiến thức

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

D.Hoạt động vận dụng: 3'

1.*Mục tiêu* : nắm vững các phương pháp chế biến thực phẩm bằng sức nóng trực tiếp của lửa, phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo.

2.*Phương thức*: Hđ cá nhân.

3.*Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân

4.*Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.*Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Vận dụng kiến thức vào thực tiễn để nấu những món ăn đơn giản trong gia đình.
- Hãy nêu cách thực hiện một món ăn sử dụng phương pháp chế biến thực phẩm: nướng, rán, rang, xào mà em biết?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân:

***Báo cáo kết quả:**

- HS lên bảng làm bài

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E.Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'

1.*Mục tiêu*: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.*Phương thức*: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3.*Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân

4.*Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5.*Tiến trình*

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Học vở ghi và SGK.
- Tìm hiểu phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt trong gia đình em và ở địa phương. Ghi lại công thức thực hiện các món đó.

***Rút kinh nghiệm.**

Tuần 24

Tiết 47- Bài 18:

CÁC PHƯƠNG PHÁP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM (tiết 3)

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức:

- Hiểu được tại sao cần phải chế biến thực phẩm.
- Nắm được các phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt: trộn dầu giấm, trộn hỗn hợp, muối chua.

2. Kỹ năng:

- Biết cách chế biến món ăn ngon bổ dưỡng, hợp vệ sinh, sử dụng phương pháp chế biến phù hợp để đáp ứng đúng mức nhu cầu ăn uống của con người.

3. Thái độ:

- Có ý thức quan tâm đến công việc nội trợ và tham gia giúp đỡ cha mẹ anh chị em trong mọi công việc của gia đình.

4. Năng lực:

- Năng lực tự học, sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN, HỌC SINH

- GV:

SGK, SBT, tài liệu tham khảo, soạn giáo án

Các mẫu hình phóng to H3.20- 3.23 SGK.

- HS :

Vở ghi, SGK, VBT, đọc trước nội dung bài 18

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động : 5'

1. *Mục tiêu* : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. *Phương thức*:Hỗ cá nhân.
3. *Sản phẩm* : Trình bày miệng.
4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

- Trình bày khái niệm, quy trình thực hiện các món nướng, rang, rán?
- HS lắng nghe

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.
 - Nướng là làm chín thực phẩm bằng sức nóng trực tiếp của lửa chỉ dùng lửa dưới) thường là than củi. Nướng 2 bên mặt của thực phẩm cho đến khi vàng đều.
 - Rang là đảo đều thực phẩm trong chảo với một lượng chất béo rất ít hoặc không có chất béo, lửa vừa đủ để thực phẩm chín từ ngoài vào trong.
 - Rán là làm chín thực phẩm trong lượng chất béo khá nhiều, đun với lửa vừa trong khoảng thời gian đủ làm chín thực phẩm.

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**

-Hs nhận xét, bổ sung
GV đánh giá cho điểm.

GV: dẫn dắt giới thiệu bài:

- Gv: Cho học sinh quan sát món dưa muối. Hỏi học sinh đây là món gì? Cách chế món ăn này?

Gv: Ngoài các phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt thì còn các phương pháp chế biến nào khác? Nội dung của bài hôm nay...

B. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
HĐ1.Tìm hiểu phương pháp trộn dầu giấm.: 15' 1.Mục tiêu : - Biết được cách thực hiện món trộn dầu giấm.	II/Phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt 1. Trộn dầu giấm. - Là cách làm thực

2.<i>Phương thức</i>: Hđ cá nhân, hđn. hoạt động cả lớp 3.<i>Sản phẩm</i> : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi 4. <i>Kiểm tra, đánh giá</i>: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5.<i>Tiến trình</i> *Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi: - GV: Nêu câu hỏi ? Em có nhận xét gì về trạng thái, hương vị, màu sắc của món trộn dầu giấm. ? Thực phẩm nào thường được sử dụng trong món trộn dầu giấm. ? Theo em tại sao chỉ trộn trước khi ăn 5 đến 10 phút. ? Món trộn dầu giấm được thực hiện theo quy trình nào. ? Theo em món trộn dầu giấm cần đảm bảo những yêu cầu kĩ thuật gì. -HS: Lắng nghe câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ: -HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm: -GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực. Dự kiến trả lời: thực phẩm giảm bớt mùi vị chính (thường là mùi hăng) và ngấm các gia vị khác, tạo nên món ăn ngon miệng. * Quy trình thực hiện: - Làm sạch thực phẩm. - Trộn thực phẩm với hỗn hợp dầu giấm + đường + muối + tiêu. - Trộn trước khi ăn 5 đến 10 phút. - Trình bày đẹp, sáng tạo. * Yêu cầu kĩ thuật: - Rau, giá giữ được độ tươi, giòn láng không bị nát.	phẩm giảm bớt mùi vị chính (thường là mùi hăng) và ngấm các gia vị khác, tạo nên món ăn ngon miệng. * Quy trình thực hiện: - Làm sạch thực phẩm. - Trộn thực phẩm với hỗn hợp dầu giấm + đường + muối + tiêu. - Trộn trước khi ăn 5 đến 10 phút. - Trình bày đẹp, sáng tạo. * Yêu cầu kĩ thuật: - Rau, giá giữ được độ tươi, giòn láng không bị nát. - Vừa ăn, vị chua dịu, hơi mặn, ngọt, béo. - Thơm mùi gia vị.
--	---

- Vừa ăn, vị chua dịu, hơi mặn, ngọt, béo. - Thơm mùi gia vị. *Báo cáo kết quả: - Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm. *Đánh giá kết quả: - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá GV: chốt kiến thức, ghi bảng.	
HĐ2.Tìm hiểu phương pháp trộn hỗn hợp.: 10' 1.Mục tiêu : - Biết được cách thực hiện món trộn hỗn hợp. 2.Phương thức: Hđ cá nhân, hđn. hoạt động cả lớp 3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi 4. Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5.Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi: - GV: Nêu câu hỏi ? Em đã được ăn những món nộm nào? Kể tên những nguyên liệu trong một món nộm đó. ?Món trộn hỗn hợp thường được thực hiện theo quy trình ntn. ? Tại sao nguyên liệu trước khi trộn lại phải ướp muối, sau đó rửa lại cho hết mặn rồi vắt ráo. ? Theo em món trộn hỗn hợp cần đảm bảo những yêu cầu kĩ thuật gì. -HS: Lắng nghe câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ: -HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm: -GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.	2. Trộn hỗn hợp - Là cách pha trộn các thực phẩm đã được sơ chế hoặc làm chín bằng các phương pháp khác, kết hợp với gia vị tạo thành món ăn có giá trị dinh dưỡng cao. * Quy trình thực hiện: - Thực phẩm thực vật làm sạch, cắt thái phù hợp, ngâm nước muối => rửa lại, vắt ráo. - Thực phẩm động vật được chế biến chín mềm, cắt thái phù hợp. - Trộn chung nguyên liệu ĐV, TV và gia vị. - Trình bày đẹp, sáng tạo. * Yêu cầu kĩ thuật: - Giòn, ráo nước. - Vừa ăn, vị chua, cay, mặn, ngọt. - Màu sắc hấp dẫn.

Dự kiến trả lời: - vd: nộm hoa chuối, nộm rau muống, nộm ngó sen, nộm tai lợn..... * Quy trình thực hiện: - Thực phẩm thực vật làm sạch, cắt thái phù hợp, ngâm nước muối => rửa lại, vắt ráo. - Thực phẩm động vật được chế biến chín mềm, cắt thái phù hợp. - Trộn chung nguyên liệu ĐV, TV và gia vị. - Trình bày đẹp, sáng tạo. * Yêu cầu kỹ thuật: - Giòn, ráo nước. - Vừa ăn, vị chua, cay, mặn, ngọt. - Màu sắc hấp dẫn. *Báo cáo kết quả: - Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm. *Đánh giá kết quả: - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá GV: chốt kiến thức, ghi bảng. => GV bổ sung thêm: Ướp muối vào nguyên liệu vì muối có tác dụng rút bớt nước trong nguyên liệu sau đó vắt ráo.....	
HĐ3.Tìm hiểu phương pháp muối chua: 7’ 1.Mục tiêu : - Biết được cách thực hiện món trộn hỗn hợp. 2.Phương thức: Hđ cá nhân. hoạt động cả lớp 3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, hoàn thành nội dung trong vở ghi 4 .Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5.Tiến trình	3. Muối chua a, Muối xối: là cách làm tp lên men vi sinh trong tgian ngắn b, Muối nén: là cách làm tp lên men vi sinh trong tgian dài * Quy trình thực hiện: SGK *Yêu cầu kỹ thuật: SGK

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi:

- GV: Nêu câu hỏi

? em đã đc ăn món muối chua j?

? kể tên các tp thường đc sd để muối chua mà em biết

? Muối chua đc làm ntn?

? Muối xối và muối nén khác nhau ntn?

-HS: Lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân.

Dự kiến trả lời:

- Món cà muối, dưa rau cải muối, hành muối....

-Muối xối: là cách làm tp lên men vi sinh trong tgian ngắn

- Muối nén: là cách làm tp lên men vi sinh trong tgian dài

***Báo cáo kết quả:**

-hs trả lời.

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: chốt kiến thức, ghi bảng.

C. Hoạt động luyện tập: 3'

1.Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập

2.Phương thức: Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi:

- Kể các phương pháp làm chín thực phẩm không sử dụng nhiệt?
- Nêu món trộn dầu giấm, trộn hỗn hợp?

-HS: hệ thống lại kiến thức

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

D. Hoạt động vận dụng: 3'

1.*Mục tiêu* : nắm vững các phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt: trộn dầu giấm, trộn hỗn hợp, muối chua.

2.*Phương thức*: Hđ cá nhân.

3.*Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Vận dụng kiến thức vào thực tiễn để nấu những món ăn đơn giản trong gia đình.

- Hãy nêu cách thực hiện một món ăn mà em biết?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân:

***Báo cáo kết quả:**

- HS lên bảng làm bài

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E.Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'

1.*Mục tiêu*: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.*Phương thức*: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3.*Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân

4.*Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5.Tiến trình

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

*GV giới thiệu món nộm hoa chuối.

Nguyên liệu:

- 1 hoa chuối
- 2 quả chanh giã
- 2 quả ớt sừng, loại không cay lắm
- Rau răm
- 0,2 kg tôm tươi
- Nước mắm, đường...

Cách làm :

- Hoa chuối tách lớp ngoài bỏ đi. Bào mỏng, ngâm nước chanh pha loãng cho chuối khỏi bị thâm. Rửa sạch, vớt ra, để ráo nước.
- Tôm hấp chín, bỏ vỏ, đầu, chừa đuôi tôm cho đẹp.
- Pha nước mắm ớt chua ngọt, 1 nửa trộn đều bằm chuối, để khoảng 10 phút cho ngấm, nửa nước mắm còn lại để khi nào ăn nộm thì chấm thêm.
- Cho món nộm ra đĩa hoặc ra miếng hoa chuối, để tôm lên trên, trang trí ớt tỉa hoa, rau răm cắt nhỏ. Có thể rắc thêm lạc rang lên nộm.
- Học vở ghi và SGK.
- Nghiên cứu trước bài 24: Thực hành tỉa hoa trang trí món ăn, chuẩn bị nguyên liệu mỗi em đem 1 củ hành lá và 1 quả ớt to, kéo , dao.

*** Rút kinh nghiệm.**

Tuần 24

TIẾT 48: BÀI 24- TH TỈA HOA TRANG TRÍ MÓN ĂN TỪ MỘT SỐ LOẠI RAU, CỦ, QUẢ (T.1)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: HS biết cách tỉa hoa bằng rau, củ, quả. Thực hiện được một số mẫu hoa đơn giản, thông dụng để trang trí món ăn.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng vận dụng các mẫu hoa trang để trí món ăn.

3. Thái độ: Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, an toàn lao động.

4. Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin, năng lực thực hành.

- **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: - Dụng cụ : dao, kéo.

- Nguyên liệu: Quả ớt chín đỏ

2. Học sinh: Sách vở và đồ dùng học tập

- Dụng cụ : dao, kéo.

- Nguyên liệu: Quả ớt chín đỏ.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, .

- KT thảo luận cặp đôi, giao nhiệm vụ

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi : 5'

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
1. Mục tiêu : Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho HS. Rèn khả năng hợp tác cho hs. 2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân 3. Sản phẩm : Đáp án trả lời của HS 4. Kiểm tra, đánh giá: - Hs đánh giá - Gv đánh giá 5. Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ - Gv : Tổ chức trò chơi : Tiếp sức ? kể tên các loại rau củ quả thường dùng để trang trí món ăn? *Thực hiện nhiệm vụ - HS: Chia làm 2 đội tham gia chơi	

- GV : Tổ chức - Dự kiến sản phẩm: Các đội cử lần lượt các thành viên của đội mình lên viết các loại rau củ, quả dùng trong trang trí món ăn, mỗi thành viên chỉ viết một từ rồi quay về cho bạn khác lên viết. <i>*Đánh giá kết quả</i> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học : Các loại rau, củ, quả đã được sử dụng chế biến nếu được tía thành những bông hoa, lá, con giống đem trang trí trên món ăn trông thật đẹp mắt, hấp dẫn. Vậy làm thế nào để tía được hoa hành tây như thế? Hôm nay chúng ta nghiên cứu bài 24 tiết 1. ->Giáo viên nêu mục tiêu bài học...	
---	--

B. Hoạt động hình thành kỹ năng mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1: Giới thiệu chung: 7' 1.<i>Mục tiêu:</i>Nắm được nguyên liệu, dụng cụ cần thiết và các hình thức tía hoa. 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> Đặt và giải quyết vấn đề, pp giảng giải; hoạt động cặp đôi. 3.<i>Sản phẩm:</i> Đáp án trả lời của HS 4.<i>Kiểm tra đánh giá:</i> - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá, bổ sung và chốt lại. 5.<i>Tiến trình</i> - GV nêu yêu cầu bài thực hành. - Kiểm tra sự chuẩn bị của HS - nhận xét *Chuyển giao nhiệm vụ - GV: yêu cầu HS dựa vào mục I và quan sát hình 3.28SGK/116 kết hợp liên hệ thực tế, cho biết: + Tía hoa trang trí nhằm mục đích gì? + Những nguyên liệu và dụng cụ nào có thể dùng để tía hoa trang trí? *Thực hiện nhiệm vụ - HS: suy nghĩ cá nhân trả lời.	I. Giới thiệu chung. 1. Nguyên liệu dụng cụ tía hoa: a. Nguyên liệu: Quả ớt b. Dụng cụ: Dao bản to, mỏng, dao nhỏ mũi nhọn, dao lam, kéo nhỏ mũi nhọn, bát nước nhỏ. 2.Hình thức tía hoa: Tía tạo hình hoa

- GV : quan sát

- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Hoạt động 2: Thực hiện mẫu: 10'

1. *Mục tiêu:* Biết được cách tĩa hoa huệ tây từ quả ớt.

Nhiệm vụ: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ ở nhà mà giáo viên giao cho và cử đại diện nhóm lên báo cáo.

Phương thức thực hiện: Kỹ thuật giao nhiệm vụ, báo cáo kết quả.

Sản phẩm cần đạt: Kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm.

Kiểm tra đánh giá: Qua quan sát hoạt động và sản phẩm của nhóm.

Tiến trình hoạt động dạy học:

GV giao nhiệm vụ về nhà cho các nhóm: *Nêu cách tĩa hoa huệ tây từ quả ớt và thực hành tĩa một sản phẩm.*

-Giáo viên yêu cầu lớp trưởng nhắc lại nhiệm vụ mà GV giao cho ở tiết trước và báo cáo sự chuẩn bị của các nhóm.

-GV nhận xét tinh thần chuẩn bị của các nhóm.

- GV tổ chức cho các nhóm báo cáo:

+ Mời đại diện từng nhóm lên báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm mình. Yêu cầu các nhóm còn lại nghe và nhận xét, đóng góp ý kiến.

Gv nhận xét chung, bổ sung

C. Thực hành tĩa hoa đồng tiền: 15'

1. *Mục tiêu:* Tĩa được hoa đồng tiền từ quả ớt

2. *Phương thức thực hiện:* Dạy học nhóm, cặp đôi

3.*Sản phẩm:* Câu trả lời của cặp đôi, sản phẩm thực hành của các nhóm.

4.*Kiểm tra đánh giá:*

- HS đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5.*Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: yêu cầu hs hoạt động cặp đôi để nêu các bước tĩa hoa đồng tiền từ quả ớt.. Sau đó hs làm việc theo nhóm

I. Tĩa hoa từ quả ớt.

1.Tĩa hoa huệ tây

Lớp trưởng báo cáo.

-Đại diện lần lượt từng nhóm lên báo cáo kết quả thực hiện của nhóm mình, nhóm khác lắng nghe để góp ý kiến.

- Dự kiến câu trả lời:

1. Tĩa hoa đồng tiền

thực hành tỉa hoa đồng tiền.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai các bước thực hiện theo hướng dẫn của GV.

- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.

- Dự kiến sản phẩm: Hoa đồng tiền từ quả ớt

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- HS: nhóm khác nhận xét, đánh giá.

- GV nhận xét, đánh giá.

D. Hoạt động vận dụng: 5'

1. Mục tiêu: Tạo ra được 1 bông hoa sáng tạo theo mình.

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân

3. Sản phẩm: Sản phẩm của HS

4. Kiểm tra đánh giá:

- Hs đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: yêu cầu hs thực hành trình bày mẫu tự sáng tạo cá nhân.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai thực hiện.

- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.

- Dự kiến sản phẩm: Sản phẩm tỉa từ quả ớt.

***Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- HS: khác nhận xét, đánh giá.

- GV nhận xét, đánh giá.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 3'

1. *Mục tiêu:* Tìm các mẫu tả hoa từ quả ớt
2. *Phương thức thực hiện:* HĐ cá nhân
3. *Sản phẩm:* Sản phẩm của HS
4. *Kiểm tra đánh giá:*

- Hs đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: Gọi 1 hs lên liên kết các sản phẩm của các thành viên trong lớp thành 1 sản phẩm lớn .
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai thực hiện.
- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.
- Dự kiến sản phẩm: Sản phẩm sáng tạo từ quả ớt

***Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- HS: khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá.

*** GV giao thêm nhiệm vụ:**

- Về nhà tìm hiểu trên sách , báo, tivi, internet xem những mẫu hoa khác có thể tả được từ quả ớt. Sưu tầm hướng dẫn cách tả hoặc hình ảnh...

* GV: Yêu cầu hs gói kỹ dao vào giấy để ở dưới đáy cặp để về nhà có dụng cụ thực hành thêm ở nhà.

Xem phần 4. Tia hoa từ dưa chuột. Chuẩn bị dụng cụ và 2 quả dưa chuột.

*** Rút kinh nghiệm.**

Tuần 25

TIẾT 49: BÀI 24- TH TỈA HOA TRANG TRÍ MÓN ĂN TỪ MỘT SỐ LOẠI RAU, CỦ, QUẢ (T.2)

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** HS biết cách tĩa hoa bằng quả dưa chuột. Thực hiện được một số mẫu hoa đơn giản, thông dụng để trang trí món ăn.
- 2. Kỹ năng:** Có kỹ năng vận dụng các mẫu hoa trang để trí món ăn.
- 3. Thái độ:** Có thái độ nghiêm túc , cẩn thận, an toàn lao động.
- 4. Năng lực, phẩm chất:**
 - **Năng lực:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin, năng lực thực hành.
 - **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

- 1. Giáo viên:** - Dụng cụ : dao, kéo.
 - Nguyên liệu: 2 quả dưa chuột
- 2. Học sinh:** - Sách vở và đồ dùng học tập
 - Dụng cụ : dao, kéo.
 - Nguyên liệu: 2 quả dưa chuột

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
1. <i>Mục tiêu</i> : Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho HS. Rèn khả năng hợp tác cho hs. 2. <i>Phương thức thực hiện</i>: HĐ cá nhân 3. <i>Sản phẩm</i> : Đáp án trả lời của HS 4. <i>Kiểm tra, đánh giá</i>: - Hs đánh giá - Gv đánh giá 5. <i>Tiến trình</i> *Chuyên giao nhiệm vụ - Gv : Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy HĐ cá nhân trả lời câu hỏi : + Dưa chuột theo em dùng để làm gì? + Theo e dưa chuột có thể tạo được hoa không? Nó thường được trang trí ở các món ăn nào em biết? - Hs : tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - HS: suy nghĩ trả lời. - GV : quan sát - Dự kiến sản phẩm: + Dưa chuột dùng để ăn gém, nộm... + Dưa chuột tạo được hoa trang trí. + Trang trí trong các món nộm, món ăn. *Báo cáo kết quả HS: Trả lời đáp án của mình *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học : Các loại rau, củ, quả đã được sử dụng chế biến nếu được tía thành những bông hoa, lá, con giống đem trang trí trên món ăn trông thật đẹp mắt, hấp dẫn. Vậy làm thế nào để tía được hoa dưa chuột? Hôm nay chúng ta nghiên cứu bài 24 tiết 2	

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học...

B. Hoạt động hình thành kỹ năng:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1 : Giới thiệu bài thực hành 1.<i>Mục tiêu:</i>Nắm được nguyên liệu, dụng cụ cần thiết và các hình thức tỉa hoa. 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> Đặt và giải quyết vấn đề, pp giảng giải; hoạt động cá nhân. 3.<i>Sản phẩm:</i> Đáp án trả lời của HS 4.<i>Kiểm tra đánh giá:</i> - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá, bổ sung và chốt lại. 5.<i>Tiến trình</i> - GV nêu yêu cầu bài thực hành. - Kiểm tra sự chuẩn bị của HS - nhận xét *Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS liên hệ thực tế,HĐ cá nhân cho biết: + Nguyên liệu, dụng cụ tỉa hoa dưa chuột? + Dưa chuột chọn quả như thế nào? + Hình thức tỉa hoa dưa chuột? - HS tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - HS: suy nghĩ trả lời. - GV : quan sát - Dự kiến sản phẩm: + Nguyên liệu: Dưa chuột quả to vừa, ít hạt, thẳng. + Dụng cụ: Dao nhỏ, mũi nhọn,sắc; kéo nhỏ. + Hình thức tỉa hoa: Tỉa tạo hình hoa. *Báo cáo kết quả HS: Trả lời đáp án của mình *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại và yêu cầu hs ghi vào vở.	I. Giới thiệu bài thực hành 1. Nguyên liệu: Dưa chuột quả to vừa, ít hạt, thẳng. 2. Dụng cụ Dao nhỏ, mũi nhọn,sắc; kéo nhỏ. 3.Hình thức tỉa hoa: Tỉa tạo hình hoa.

Hoạt động 2: Thực hiện mẫu.

1. *Mục tiêu:* Biết được cách tỉa hoa cà chua

2. *Phương thức thực hiện:* Đặt và giải quyết vấn đề, pp giảng giải; dạy học nhóm.

3. *Sản phẩm:* Đáp án trả lời của HS

4. *Kiểm tra đánh giá:*

- Hs đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá, bổ sung và chốt lại.

5. *Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: Dựa vào mục 3.a,b,c SGK, quan sát hình 3.32, hình 3.33 và hình 3.34 .Hoạt động nhóm cho biết :

- + Cách tỉa một lá ,3 lá bằng quả dưa chuột?
- + Cách tỉa cành lá từ quả dưa chuột?
- + Cách tỉa bó lúa từ dưa chuột?

- HS: Tiếp nhận.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS: suy nghĩ trả lời cá nhân.Sau đó hoạt động nhóm.
- GV : quan sát
- Dự kiến sản phẩm:

Tỉa hoa một lá và ba lá:

*** Một lá:**

- Dùng dao cắt cạnh quả dưa, không cắt sâu đến ruột
- Cắt lát mỏng theo cạnh xiên, cắt dính nhau từng 2 lát một- tách 2 lát dính rẽ ra thành hình lá

*** Ba lá:**

Cắt lát mỏng theo cạnh xiên và cắt dính nhau 3 lát một- xếp xoè 3 lát hoặc cuộn lát giữa lại.

Tỉa cành lá:

- Cắt một cạnh quả dưa. cắt lại thành hình tam giác, cắt nhiều lát mỏng dính nhau tại một đỉnh nhọn của tam giác , theo số lẻ 5, 7, 9.
- Cuộn các lát dưa xen kẽ nhau.

Tỉa bó lúa:

Giống như tỉa cành lá.Chỉ khác là miếng dưa để tỉa được cắt thành hình tam giác cân có đỉnh cong.

II. Thực hiện mẫu

2. Tỉa hoa từ quả dưa chuột.

a. Tỉa hoa một lá và ba lá,

*** Một lá:**

- Dùng dao cắt cạnh quả dưa, không cắt sâu đến ruột
- Cắt lát mỏng theo cạnh xiên, cắt dính nhau từng 2 lát một- tách 2 lát dính rẽ ra thành hình lá

*** Ba lá:**

- Cắt lát mỏng theo

*Báo cáo kết quả - Đại diện nhóm trả lời. Nhóm khác lắng nghe. *Đánh giá kết quả - Học sinh nhóm khác nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại và yêu cầu hs ghi vào vở. GV hỏi thêm: Khi tĩa một lá, ba lá cần chú ý gì? HS trả lời: + Tĩa một lá dính nhau ở phần sống thẳng; tĩa ba lá dính nhau ở một đầu. + Các lát cắt mỏng đều nhau dễ cuốn + Tĩa xong ngâm nước sạch 5 phút để ráo sản phẩm sẽ cứng và tươi lâu hơn. - GV hướng dẫn và thực hiện mẫu. - HS quan sát	cạnh xiên và cắt dính nhau 3 lát một- xếp xoè 3 lát hoặc hoặc cuộn lát giữa lại. b. Tĩa cành lá: - Cắt một cành quả dưa. cắt lại thành hình tam giác, cắt nhiều lát mỏng dính nhau tại một đỉnh nhọn của tam giác , theo số lẻ 5, 7, 9. - Cuộn các lát dưa xen kẽ nhau. c.Tĩa bó lúa: Giống như tĩa cành lá. Chỉ khác là miếng dưa để tĩa được cắt thành hình tam giác cân có đỉnh cong.
C. Hoạt động luyện tập 1. Mục tiêu: Tĩa được hoa từ quả dưa chuột như 1 lá, 3 lá, cành lá, bó lúa. 2. Phương thức thực hiện: Dạy học nhóm. 3. Sản phẩm: Sản phẩm thực hành của các nhóm. 4. Kiểm tra đánh giá: - HS đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá. 5. Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ - GV: yêu cầu hs thực hành theo nhóm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. *Thực hiện nhiệm vụ	.

- HS triển khai các bước thực hiện theo hướng dẫn của GV.
- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.
- Dự kiến sản phẩm: Hoa dừa chuột 1 lá, 3 lá, cành lá và bó lúa.

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- HS: nhóm khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá.

D. Hoạt động vận dụng:

1. Mục tiêu: Tạo ra được 1 bông hoa sáng tạo theo mình.

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân

3. Sản phẩm: Sản phẩm của HS

4. Kiểm tra đánh giá:

- Hs đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5. Tiến trình

***Chuyên giao nhiệm vụ**

- GV: yêu cầu hs thực hành trình bày mẫu tự sáng tạo cá nhân.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai thực hiện.
- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.
- Dự kiến sản phẩm: Hoa dừa chuột tự sáng tạo.

***Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- HS: khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

1. Mục tiêu: Trình bày được 1 sản phẩm gồm nhiều bông hoa dừa chuột.
2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân

3.Sản phẩm: Sản phẩm của HS

4.Kiểm tra đánh giá:

- Hs đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5.Tiến trình

***Chuyên giao nhiệm vụ**

- GV: Gọi 1 hs lên liên kết các sản phẩm của các thành viên trong lớp thành 1 sản phẩm lớn .

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai thực hiện.
- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.
- Dự kiến sản phẩm: Hoa dưa chuột

***Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- HS: khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá.

* GV giao thêm nhiệm vụ:

- Về nhà tìm hiểu trên sách , báo, tivi, internet xem những mẫu hoa khác có thể tía được từ quả dưa chuột.Sưu tầm hướng dẫn cách tía hoặc hình ảnh...

* GV: Yêu cầu hs gói kỹ dao vào giấy để ở dưới đáy cặp để về nhà có dụng cụ thực hành thêm ở nhà.

Xem phần 4. Tía hoa từ quả cà chua. Chuẩn bị dụng cụ và 2 quả cà chua.

Rút kinh nghiệm.

Tuần 25

TIẾT 50: BÀI 24- TH TĨA HOA TRANG TRÍ MÓN ĂN TỪ MỘT SỐ LOẠI RAU, CỦ, QUẢ (T.3)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: HS biết cách tía hoa bằng quả cà chua. Thực hiện được một số mẫu hoa đơn giản, thông dụng để trang trí món ăn.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng vận dụng các mẫu hoa để trang trí món ăn.

3. Thái độ: Có thái độ nghiêm túc , cẩn thận, an toàn lao động.

4. Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin, năng lực thực hành.

- **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: - Dụng cụ : dao, kéo.

- Nguyên liệu: quả cà chua.

2. Học sinh: - Sách vở và đồ dùng học tập.

- Dụng cụ : dao, kéo.

- Nguyên liệu: quả cà chua.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
1. <i>Mục tiêu</i> : Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho HS. Rèn khả năng hợp tác cho hs. 2. <i>Phương thức thực hiện</i>: HĐ cá nhân 3. <i>Sản phẩm</i> : Đáp án trả lời của HS 4. <i>Kiểm tra, đánh giá</i>: - Hs đánh giá - Gv đánh giá 5. <i>Tiến trình</i> *Chuyển giao nhiệm vụ - Gv : Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy HĐ cá nhân trả lời câu hỏi : + Nêu cách thực hiện một món nộm mà em đã thưởng thức? + Trên đĩa nộm thường được trang trí gì? - Hs : tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - HS: suy nghĩ trả lời. - GV : quan sát - Dự kiến sản phẩm:	

- HS tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - HS: suy nghĩ trả lời. - GV : quan sát - Dự kiến sản phẩm: + Nguyên liệu: Cà chua: to, không nhũn. + Dụng cụ: Dao nhỏ, mũi nhọn, sắc; kéo nhỏ. + Hình thức tia hoa: Tia tạo hình hoa hồng. *Báo cáo kết quả HS: Trả lời đáp án của mình *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại và yêu cầu hs ghi vào vở.	nhọn, sắc; kéo nhỏ. 2. Hình thức tia hoa: Tia tạo hình hoa hồng.
Hoạt động 2: Thực hiện mẫu. 1. Mục tiêu: Biết được cách tia hoa cà chua 2. Phương thức thực hiện: Đặt và giải quyết vấn đề, pp giảng giải; Dạy học nhóm. 3. Sản phẩm: Đáp án trả lời của HS 4. Kiểm tra đánh giá: - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá, bổ sung và chốt lại. 5. Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ - GV: Dựa vào mục 4. SGK - quan sát hình 3.35 - liên hệ thực tế trả lời câu hỏi: + Cách chọn cà chua để tia hoa? + Hãy trình bày cách tia hoa hồng từ quả cà chua mà em biết? Hoạt động nhóm 5 phút - HS: tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - HS: suy nghĩ cá nhân trả lời. Sau đó thảo luận cặp đôi thống nhất đáp án. - GV : quan sát - Dự kiến sản phẩm:	II. Thực hiện mẫu. Tia hoa từ quả cà chua(Tia hoa hồng): - Dùng dao cắt ngang gần cuống quả cà chua nhưng còn để dính lại 1 phần. - Lạng phần vỏ cà chua dày 0,1 cm – 0,2cm từ cuống theo dạng vòng tròn ốc xung quanh quả cà chua để

+ Chọn quả nhỏ, tròn đều, chín vừa tới, cuống còn xanh + Dùng dao cắt ngang gần cuống quả cà chua nhưng còn để dính lại 1 phần. Lạng phần vỏ cà chua dày 0,1 cm – 0,2cm từ cuống theo dạng vòng tròn ốc xung quanh quả cà chua để có 1 dải dài. Cuộn vòng từ dưới lên, phần cuống sẽ dùng làm đế hoa. *Báo cáo kết quả - Đại diện nhóm trả lời. *Đánh giá kết quả - HS: nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, bổ sung và kết luận *GV hỏi thêm: +Ngoài tia hoa hồng quả cà chua còn tia được loại hoa gì nữa? +Cá nhân học sinh liên hệ thực tế trả lời. * GV thao tác mẫu cho HS xem. HS quan sát GV làm thao tác mẫu	có 1 dải dài. - Cuộn vòng từ dưới lên, phần cuống sẽ dùng làm đế hoa.
---	---

C. Hoạt động luyện tập

1. Mục tiêu: Tia được 1 bông hoa từ quả cà chua.

2. Phương thức thực hiện: Dạy học nhóm.

3.Sản phẩm: Sản phẩm thực hành của các nhóm.

4.Kiểm tra đánh giá:

- HS đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5.Tiến trình

***Chuyên giao nhiệm vụ**

- GV: yêu cầu hs thực hành theo nhóm.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai các bước thực hiện theo hướng dẫn của GV.
- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.
- Dự kiến sản phẩm: Hoa cà chua.

****Báo cáo kết quả***

- Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.

****Đánh giá kết quả***

- HS: nhóm khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá.

D. Hoạt động vận dụng

1. *Mục tiêu:* Tạo ra được 1 bông hoa sáng tạo theo mình.

2. *Phương thức thực hiện:* HĐ cá nhân

3. *Sản phẩm:* Sản phẩm của HS

4. *Kiểm tra đánh giá:*

- Hs đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5. *Tiến trình*

****Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV: yêu cầu hs thực hành trình bày mẫu tự sáng tạo cá nhân.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

****Thực hiện nhiệm vụ***

- HS triển khai thực hiện.
- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.
- Dự kiến sản phẩm: Hoa cà chua tự sáng tạo.

****Báo cáo kết quả***

- HS báo cáo sản phẩm.

****Đánh giá kết quả***

- HS: khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

1. *Mục tiêu:* Trình bày được 1 sản phẩm gồm nhiều bông hoa cà chua.

2. *Phương thức thực hiện:* HĐ cá nhân

3. *Sản phẩm:* Sản phẩm của HS

4. *Kiểm tra đánh giá:*

- Hs đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5. *Tiến trình*

****Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV: Gọi 1 hs lên liên kết các sản phẩm của các thành viên trong lớp thành 1 sản phẩm lớn .

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai thực hiện.

- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.

- Dự kiến sản phẩm: Hoa cà chua

***Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- HS: khác nhận xét, đánh giá.

- GV nhận xét, đánh giá.

* GV giao thêm nhiệm vụ:

- Về nhà tìm hiểu trên sách , báo, tivi, internet xem những mẫu hoa khác có thể tía được từ quả cà chua. Sưu tầm hướng dẫn cách tía hoặc hình ảnh...

* GV: Yêu cầu hs gói kỹ dao vào giấy để ở dưới đáy cặp để về nhà có dụng cụ thực hành thêm ở nhà

. Rút kinh nghiệm.

Tuần 26

**TIẾT 51- BÀI 19: THỰC HÀNH – CHẾ BIẾN MÓN ĂN TRỘN DẦU GIẤM
RAU XÀ LÁCH (T.1)**

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: HS biết được các nguyên liệu, sơ chế được nguyên liệu món rau xà lách trộn dầu giấm.

2. Kỹ năng: Nắm được quy trình thực hiện sơ chế của món này và biết cách thực hiện.

3. Thái độ: Có ý thức giữ gìn vệ sinh và an toàn thực phẩm.

4. Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học; năng lực hợp tác; năng lực khái quát hóa; năng lực phân tích, tổng hợp thông tin, năng lực thực hành.

- **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Các nguyên liệu, dụng cụ : xà lách, cà chua....

2. Học sinh: Chuẩn bị mỗi nhóm: xà lách, cà chua , ớt, thớt, thịt bò(nếu có) dao con, bát to, nước.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động: 5'

Hoạt động của giáo viên và học sinh

1.Mục tiêu : Huy động kiến thức,tạo hứng thú cho HS. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2.Phương thức thực hiện: HĐ nhóm

3.Sản phẩm : Các nguyên liệu mà các nhóm chọn được.

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

Giáo viên tổ chức cuộc thi « **Ai đi chợ giỏi** »

=> Trước tiên giáo viên bày nguyên liệu được sử dụng trong món trộn dầu giấm và 1 số nguyên liệu không liên quan trong đó có 1 số nguyên liệu bị dập nát, một số nguyên liệu tươi mới sau đó GV đặt lại.

=> GV chia lớp làm 3 nhóm, mỗi nhóm cử 2 bạn đại diện nhóm lên bảng tham gia cuộc thi .

=> Thể lệ cuộc thi: Trong vòng 1 phút nhiệm vụ của mỗi đội là phải chọn đủ và đúng những nguyên liệu cần thiết và tươi mới nhất đủ dùng cho món trộn dầu giấm rau xà lách. Đội nào chọn đủ, đúng và chọn được nguyên liệu tốt nhất, thời gian nhanh nhất thì đội đó sẽ chiến thắng. Đội chiến thắng sẽ nhận được phần quà bí mật.

- Hs : tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS: Các nhóm cử 2 bạn lên tham gia cuộc thi.

- GV : quan sát

- Dự kiến sản phẩm: Các nguyên liệu mà các nhóm chọn được

***Báo cáo kết quả**

Đại diện nhóm báo cáo kết quả chọn được của nhóm mình.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhóm khác nhận xét, bổ sung, đánh giá.
- Giáo viên nhận xét, đánh giá, công bố đội chiến thắng, trao thưởng.
- >Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học.
- >Giáo viên nêu mục tiêu bài học...

B. Hoạt động hình thành kỹ năng mới: 10'

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1 : Tìm hiểu nguyên liệu. 1.Mục tiêu:Nắm được nguyên liệu, dụng cụ cần thiết. 2. Phương thức thực hiện: Đặt và giải quyết vấn đề, pp giảng giải; hoạt động nhóm 3.Sản phẩm: Đáp án trả lời của HS 4.Kiểm tra đánh giá: - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá, bổ sung và chốt lại. 5.Tiến trình - GV nêu yêu cầu bài thực hành. - Kiểm tra sự chuẩn bị của HS - nhận xét *Chuyển giao nhiệm vụ - GV: yêu cầu HS đọc mục I SGK, HĐ nhóm trả lời câu hỏi sau: + Chuẩn bị món trộn dầu giấm rau xà lách cần những nguyên liệu, gia vị, dụng cụ? + Nguyên liệu nào bắt buộc phải có? + Nguyên liệu nào không cần thiết có thể thay đổi cho cho một loại nguyên liệu khác phù hợp với khẩu vị người ăn? + Hành tây chọn củ ntn thì ngon? + Chọn cà chua xanh có được không? -HS tiếp nhận. *Thực hiện nhiệm vụ - HS: suy nghĩ trả lời.Sau đó hoạt động nhóm. - GV : quan sát - Dự kiến sản phẩm: + Nguyên liệu, gia vị: Xà lách, hành tây, cà chua, thịt bò, tỏi, giấm, đường, muối, tiêu, dầu ăn, ớt, rau thơm.	I. Nguyên liệu:

+ Dụng cụ: Dao nhỏ, mũi nhọn, sắc; kéo nhỏ. + Nguyên liệu bắt buộc: Xà lách, hành tây. + Thịt bò có thể thay đổi được thành giò, tôm, thịt lợn... + Hành tây chọn củ to, tròn đều, mỏng vỏ. + Cà chua chọn quả chín. Không chọn quả xanh. *Báo cáo kết quả Đại diện nhóm trả lời. *Đánh giá kết quả - Học sinh nhóm khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại và yêu cầu hs ghi vào vở. Hoạt động 2: Thực hiện mẫu. 1. Mục tiêu: Biết được cách sơ chế nguyên liệu. 2. Phương thức thực hiện: Đặt và giải quyết vấn đề, pp giảng giải; HĐ cá nhân. 3. Sản phẩm: Đáp án trả lời của HS 4. Kiểm tra đánh giá: - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá, bổ sung và chốt lại. 5. Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ - GV: Dựa vào mục giai đoạn 1. SGK - liên hệ thực tế trả lời câu hỏi: Rau xà lách, thịt bò, hành tây, cà chua được sơ chế như thế nào? - HS: tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - HS: suy nghĩ cá nhân trả lời. - GV : quan sát - Dự kiến sản phẩm: + Rau xà lách: Nhặt rửa sạch, ngâm nước muối nhạt khoảng 10 phút, vớt ra vẩy cho ráo nước. + Thịt bò: Thái lát mỏng ngang thớ, ướp tiêu, xì dầu, xào chín. + Hành tây: Bóc lớp vỏ khô, rửa sạch, thái mỏng, ngâm giấm, đường.	II. Thực hiện mẫu Giai đoạn 1: Chuẩn bị + Rau xà lách: Nhặt rửa sạch, ngâm nước muối nhạt khoảng 10 phút, vớt ra vẩy cho ráo nước. + Thịt bò: Thái lát mỏng ngang thớ, ướp tiêu, xì dầu, xào chín. + Hành tây: Bóc lớp vỏ khô, rửa sạch, thái mỏng, ngâm giấm, đường. + Cà chua: cắt lát, trộn giấm, đường.
---	--

+ Cà chua: cắt lát, trộn giấm, đường.

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm trả lời.

***Đánh giá kết quả**

- HS: nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, bổ sung và kết luận

C. Hoạt động luyện tập: 25'

1. Mục tiêu: Sơ chế được các nguyên liệu.

2. Phương thức thực hiện: Dạy học nhóm.

3. Sản phẩm: Sản phẩm thực hành của các nhóm.

4. Kiểm tra đánh giá:

- HS đánh giá, nhận xét.

- Gv đánh giá.

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: yêu cầu hs thực hành theo nhóm.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai các bước thực hiện theo hướng dẫn của GV.

- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.

- Dự kiến sản phẩm: Rau xà lách, thịt bò, hành tây, cà chua đã được sơ chế.

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- HS: nhóm khác nhận xét, đánh giá.

- GV nhận xét, đánh giá.

D. Hoạt động vận dụng: 3'

1. Mục tiêu: Sơ chế sáng tạo theo mình.

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân

3. Sản phẩm: Sản phẩm của HS

4. Kiểm tra đánh giá:

- Hs đánh giá, nhận xét.

- Gv đánh giá.

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: yêu cầu hs thực hành trình bày mẫu tự sáng tạo cá nhân.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai thực hiện.

- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.

- Dự kiến sản phẩm: rau xà nách, hành tây, cà chua.

***Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- HS: khác nhận xét, đánh giá.

- GV nhận xét, đánh giá.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'

1. Mục tiêu: Trình bày được 1 sản phẩm gồm các sản phẩm sáng tạo của cá nhân.

2. Phương thức thực hiện: HĐ nhóm

3. Sản phẩm: Sản phẩm của HS

4. Kiểm tra đánh giá:

- Hs đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: yêu cầu nhóm lên liên kết các sản phẩm của các thành viên trong nhóm thành 1 sản phẩm lớn .

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai thực hiện.

- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.

- Dự kiến sản phẩm: sản phẩm của HS

***Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- HS: khác nhận xét, đánh giá.

- GV nhận xét, đánh giá.

* GV: Yêu cầu hs gói kỹ dao vào giấy để ở dưới đáy cặp để về nhà có dụng cụ thực hành thêm ở nhà

Chuẩn bị cho tiết sau: 1 bát tô, 1 đĩa, 1 bát con, thìa, đũa, dao thái, dao tĩa, thớt.. Giấy báo, khăn tay, túi đựng thực phẩm, găng tay nilon. Chú ý sơ chế nguyên liệu tại nhà và mang theo dụng cụ đựng, đảo...

*** Rút kinh nghiệm.**

Tuần 26

TIẾT 52- BÀI 19: THỰC HÀNH – CHẾ BIẾN MÓN ĂN TRỘN DẦU GIẤM RAU XÀ LÁCH (T.2)

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** HS biết cách làm nước trộn dầu giấm và trộn rau.
- 2. Kỹ năng:** Nắm được quy trình thực hiện của món này và biết cách thực hiện.
- 3. Thái độ:** Có ý thức giữ gìn vệ sinh và an toàn thực phẩm.
- 4. Năng lực, phẩm chất:**
 - **Năng lực:** Năng lực tự học; năng lực hợp tác; năng lực khái quát hóa; năng lực phân tích, tổng hợp thông tin, năng lực thực hành.
 - **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

- 1. Giáo viên:** 1 bát tô, 1 đĩa, 1 bát con, thìa, đũa, dao thái, dao tĩa, thớt.. Giấy báo, khăn tay, túi đựng thực phẩm, găng tay nilon. Sơ chế nguyên liệu tại nhà và mang theo dụng cụ đựng, đảo...
- 2. Học sinh:** Sách vở, nguyên vật liệu đã sơ chế ở nhà và dụng cụ cô giáo đã giao.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động

Hoạt động của giáo viên và học sinh
<i>1. Mục tiêu :</i> Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho HS. Rèn khả năng hợp tác cho hs.
<i>2. Phương thức thực hiện:</i> HĐ cá nhân
<i>3. Sản phẩm :</i> Đầy đủ nguyên liệu và dụng cụ theo nhóm.
<i>4. Kiểm tra, đánh giá:</i> - Hs đánh giá - Gv đánh giá
<i>5. Tiến trình</i>

- Gv : Yêu cầu HS bỏ nguyên liệu đã sơ chế từ nhà, dụng cụ ra .Ngồi về vị trí nhóm.
- Hs : tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS: thực hiện theo yêu cầu của GV.
- GV : quan sát
- Dự kiến sản phẩm: Đầy đủ nguyên liệu và dụng cụ theo nhóm.

***Báo cáo kết quả**

HS: về đúng vị trí cô giáo quy định.

***Đánh giá kết quả**

- Giáo viên nhận xét, đánh giá ý thức của HS.

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học...

B. Hoạt động hình thành kỹ năng mới

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động :Thực hiện mẫu. 1. Mục tiêu: Biết được cách làm nước trộn và trộn rau 2. Phương thức thực hiện: Đặt và giải quyết vấn đề, pp giảng giải; HĐ cá nhân. 3.Sản phẩm: Đáp án trả lời của HS 4.Kiểm tra đánh giá: - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá, bổ sung và chốt lại. 5.Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ - GV:Dựa vào mục giai đoạn 2.SGK - liên hệ thực tế trả lời câu hỏi: + Nêu cách làm nước trộn dầu giấm? + Nêu cách trộn rau? - HS: tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - HS: suy nghĩ cá nhân trả lời. - GV : quan sát - Dự kiến sản phẩm:	II. Thực hiện mẫu Giai đoạn 2: Ché biến +Làm nước trộn: Cho 3 thìa súp giấm, 1 thìa súp đường, ½ thìa cà phê muối, khuấy tan. Nếm có gia vị chua,

+Làm nước trộn: Cho 3 thìa súp giấm, 1 thìa súp đường, ½ thìa cà phê muối, khuấy tan. Nếm có gia vị chua, ngọt, hơi mặn. Cho tiếp vào hỗn hợp trên 1 thìa súp dầu ăn, khuấy đều cùng với tiêu, tỏi phi vàng. + Trộn rau: Cho xà lách, cà chua, hành tây vào 1 khay to, đổ hỗn hợp dầu giấm vào trộn đều, nhẹ tay. *Báo cáo kết quả - HS trả lời. *Đánh giá kết quả - HS: khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, bổ sung và kết luận	ngọt, hơi mặn. Cho tiếp vào hỗn hợp trên 1 thìa súp dầu ăn, khuấy đều cùng với tiêu, tỏi phi vàng. + Trộn rau: Cho xà lách, cà chua, hành tây vào 1 khay to, đổ hỗn hợp dầu giấm vào trộn đều, nhẹ tay.
C. Hoạt động luyện tập 1. Mục tiêu: Chế biến được nước trộn và trộn rau. 2. Phương thức thực hiện: Dạy học nhóm. 3.Sản phẩm: Sản phẩm thực hành của các nhóm. 4.Kiểm tra đánh giá: - HS đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá. 5.Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ - GV: yêu cầu hs thực hành theo nhóm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. *Thực hiện nhiệm vụ - HS triển khai các bước thực hiện theo hướng dẫn của GV. - GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn. - Dự kiến sản phẩm: Nước trộn và trộn rau. *Báo cáo kết quả - Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm. *Đánh giá kết quả - HS: nhóm khác nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét, đánh giá. D. Hoạt động vận dụng: 1. Mục tiêu: Chế biến sáng tạo theo mình. 2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân	

3.Sản phẩm: Sản phẩm của HS 4.Kiểm tra đánh giá: - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá. 5.Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ - GV: yêu cầu hs thực hành trình bày mẫu tự sáng tạo cá nhân. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. *Thực hiện nhiệm vụ - HS triển khai thực hiện. - GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn. - Dự kiến sản phẩm: sản phẩm thực hành của hs. *Báo cáo kết quả - HS báo cáo sản phẩm. *Đánh giá kết quả - HS: khác nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét, đánh giá.	
--	--

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

1. Mục tiêu: Trình bày được 1 sản phẩm gồm các sản phẩm sáng tạo của cá nhân.
2. Phương thức thực hiện: HĐ nhóm
- 3.Sản phẩm: Sản phẩm của HS
- 4.Kiểm tra đánh giá:
 - Hs đánh giá, nhận xét.
 - Gv đánh giá.
- 5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

 - GV: yêu cầu nhóm lên liên kết các sản phẩm của các thành viên trong nhóm thành 1 sản phẩm lớn .
 - HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

 - HS triển khai thực hiện.
 - GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.
 - Dự kiến sản phẩm: sản phẩm của HS

****Báo cáo kết quả***

- HS báo cáo sản phẩm.

****Đánh giá kết quả***

- HS: khác nhận xét, đánh giá.

- GV nhận xét, đánh giá.

* GV: Yêu cầu hs gói kỹ dao vào giấy để ở dưới đáy cặp để về nhà có dụng cụ thực hành thêm ở nhà

Chuẩn bị cho tiết sau: + 1 bát tô, 1 đĩa, 1 bát con, thìa, đũa, dao thái. Giấy báo, khăn tay, túi đựng thực phẩm, găng tay nilon.

+ Nước trộn, sơ chế nguyên liệu tại nhà .

Tuần 27

**TIẾT 53- BÀI 19: THỰC HÀNH – CHẾ BIẾN MÓN ĂN TRỘN DẦU GIẤM
RAU XÀ LÁCH (T.3)**

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: HS biết được cách trình bày món rau xà lách trộn dầu giấm.

2. Kỹ năng: Trình bày được món rau xà lách trộn dầu giấm đẹp mắt.

3. Thái độ: Có ý thức giữ gìn vệ sinh và an toàn thực phẩm.

4. Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực thực hành.

- **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: + 1 bát tô, 1 đĩa, 1 bát con, thìa, đũa, dao thái. Giấy báo, khăn tay, túi đựng thực phẩm, găng tay nilon.

+ Nước trộn, sơ chế nguyên liệu tại nhà .

2. Học sinh mỗi nhóm:

+ 1 bát tô, 1 đĩa, 1 bát con, thìa, đũa, dao thái. Giấy báo, khăn tay, túi đựng thực phẩm, găng tay nilon.

+ Nước trộn, sơ chế nguyên liệu tại nhà .

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động

Hoạt động của giáo viên và học sinh
1.Mục tiêu : Huy động kiến thức,tạo hứng thú cho HS. Rèn khả năng hợp tác cho hs. 2.Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân 3.Sản phẩm : Đầy đủ nguyên liệu và dụng cụ theo nhóm. 4.Kiểm tra, đánh giá: - Hs đánh giá - Gv đánh giá 5.Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ - Gv : Yêu cầu HS bỏ nguyên liệu, nước trộn, dụng cụ ra .Ngồi về vị trí nhóm. - Hs : tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - HS: thực hiện theo yêu cầu của GV. - GV : quan sát - Dự kiến sản phẩm: Đầy đủ nguyên liệu và dụng cụ theo nhóm. *Báo cáo kết quả HS: về đúng vị trí cô giáo quy định. *Đánh giá kết quả - Giáo viên nhận xét, đánh giá ý thức của HS. ->Giáo viên nêu mục tiêu bài học...

B. Hoạt động hình thành kỹ năng mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN
------------------------	--------------

	ĐẠT
Hoạt động :Thực hiện mẫu. 1. <i>Mục tiêu:</i> Biết được cách trình bày. 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> Đặt và giải quyết vấn đề, pp giảng giải; HĐ cá nhân. 3.<i>Sản phẩm:</i> Đáp án trả lời của HS 4.<i>Kiểm tra đánh giá:</i> - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá, bổ sung và chốt lại. 5.<i>Tiến trình</i> *Chuyển giao nhiệm vụ - GV:Dựa vào mục giai đoạn 3.SGK - liên hệ thực tế trả lời câu hỏi: + Nêu cách trình bày món trộn dầu giấm rau xà lách. - HS: tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - HS: suy nghĩ cá nhân trả lời. - GV : quan sát - Dự kiến sản phẩm: Xếp hỗn hợp xà lách vào đĩa, chọn 1 ít lát cà chua bày xung quanh, trên đế hành tây và trên cùng là thịt bò sắp vào giữa đĩa rau. Trang trí thêm rau thơm, ớt tía hoa. *Báo cáo kết quả - HS trả lời. *Đánh giá kết quả - HS: khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, bổ sung và kết luận * GV thao tác mẫu cho HS xem. HS quan sát GV làm thao tác mẫu.	II. Thực hiện mẫu Giai đoạn 3: Trình bày
C. Hoạt động luyện tập 1. <i>Mục tiêu:</i> Trình bày được nước trộn và trộn rau. 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> Dạy học nhóm. 3.<i>Sản phẩm:</i> Sản phẩm thực hành của các nhóm.	

4.Kiểm tra đánh giá:

- HS đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: yêu cầu hs thực hành theo nhóm.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai các bước thực hiện theo hướng dẫn của GV.
- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.
- Dự kiến sản phẩm: Đĩa trộn dầu giấm rau xà lách.

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- HS: nhóm khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá.

D. Hoạt động vận dụng

1. Mục tiêu: Trình bày sáng tạo theo mình.

2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân

3.Sản phẩm: Sản phẩm của HS

4.Kiểm tra đánh giá:

- Hs đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: yêu cầu hs thực hành trình bày mẫu tự sáng tạo cá nhân.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai thực hiện.
- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.
- Dự kiến sản phẩm: sản phẩm thực hành của hs.

***Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - HS: khác nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét, đánh giá. | |
|--|--|

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

1. *Mục tiêu:* Trình bày được 1 sản phẩm gồm các sản phẩm sáng tạo của cá nhân.
2. *Phương thức thực hiện:* HĐ nhóm
3. *Sản phẩm:* Sản phẩm của HS
4. *Kiểm tra đánh giá:*
 - Hs đánh giá, nhận xét.
 - Gv đánh giá.

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: yêu cầu nhóm lên liên kết các sản phẩm của các thành viên trong nhóm thành 1 sản phẩm lớn .
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai thực hiện.
- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.
- Dự kiến sản phẩm: sản phẩm của HS

***Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo sản phẩm.

***Đánh giá kết quả**

- HS: khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá.

* GV: Yêu cầu hs gói kỹ dao vào giấy để ở dưới đáy cặp để về nhà có dụng cụ thực hành thêm ở nhà

*** Rút kinh nghiệm.**

Tuần 27

Tiết 54 – Bài 21

TỔ CHỨC BỮA ĂN HỢP LÍ TRONG GIA ĐÌNH (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hiểu được thế nào là bữa ăn hợp lý.
- Nguyên tắc tổ chức bữa ăn hợp lý trong gia đình, phân chia số bữa ăn trong ngày.

2. Kỹ năng :

- Hiểu được hiệu quả của việc tổ chức bữa ăn hợp lý.
- Tổ chức được bữa ăn ngon, bổ và không tốn kém hoặc lãng phí.

3. Thái độ : Giáo dục HS ăn uống điều độ có giờ giấc.

4. Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.
- **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy chiếu, phiếu học tập, giấy A0, bút dạ.
- Phân bố nội dung bài giảng:
 - + Tiết 1: I. Thế nào là bữa ăn hợp lý?.
 - II. Phân chia số bữa ăn trong ngày.
 - + Tiết 2: III. Nguyên tắc tổ chức bữa ăn hợp lý trong gia đình.

2. Học sinh:

- Sách vở và đồ dùng học tập.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động: 5'

1. Mục tiêu:

- Nhằm giúp HS huy động kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân về vấn đề liên quan đến tổ chức bữa ăn, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác, tinh thần học tập lẫn nhau trong học sinh.

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.
- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu: Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy hoạt động nhóm trả lời câu hỏi sau:

1.Theo em thế nào là bữa ăn hợp lí? Duy trì bữa ăn hợp lí để làm gì?

2. Em thường ăn mấy bữa một ngày? Tại sao lại có số bữa như vậy? Ăn như vậy có tác dụng gì?

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

+ HS đọc yêu cầu.

+ HS thảo luận.

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)

- Dự kiến câu trả lời:HS trả lời theo ý hiểu

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm trình bày.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề : Vậy để kiểm tra xem phần trả lời các câu hỏi trên của các bạn đã đúng và đầy đủ hay chưa chúng ta hãy cùng cô tìm hiểu bài học ngày hôm nay.

->Giáo viên phân bố nội dung bài giảng và nêu mục tiêu bài học...

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung (ghi bảng)
Hoạt động1 :Tìm hiểu thế nào là bữa ăn hợp lí trong gia đình: 10' 1. Mục tiêu : Biết được khái niệm bữa ăn hợp lí trong gia đình 2.Phương thức: Hđ cá nhân, hoạt động cặp đôi ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp 3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi 4. Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá	I. Thế nào là bữa ăn hợp lý.

5. Tiến trình

Cơ thể con người tự bản thân nó đòi hỏi về chất(thức ăn) để duy trì sự sống, sự tồn tại và phát triển. Nếu cung cấp cho cơ thể đầy đủ các chất dinh dưỡng thông qua con đường ăn uống thì ta sẽ có một sức khỏe dồi dào, một trí lực sung mãn. Muốn có được đầy đủ các chất dinh dưỡng nuôi cơ thể thì nguồn cung cấp thức ăn trong bữa ăn cần có sự phối hợp những thực phẩm có đầy đủ các chất dinh dưỡng cần thiết và theo tỉ lệ thích hợp.

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv: Hoạt động nhóm

Yêu cầu: nghiên cứu sgk + Nhớ lại kiến thức bài 15 hoàn thành các câu trả lời vào phiếu học tập sau:

1. Bữa ăn hợp lí cần chọn những loại thực phẩm nào ?
2. Em hãy cho biết nhận xét chung về các bữa ăn thường ngày của gia đình :

- + Có những loại món ăn nào? Kể tên?.
- + Có những loại chất dinh dưỡng nào?.
- + Có đủ dùng không?.
- + Có thấy ngon miệng không?.

3. Theo em thế nào là bữa ăn hợp lí?.

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

- + HS đọc yêu cầu.
- + HS hoạt động cá nhân
- + HS hoạt động nhóm

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)

- Dự kiến câu trả lời:

1. Bữa ăn hợp lí cần:

+ Chọn đủ thực phẩm thuộc các nhóm dinh dưỡng để kết hợp thành bữa ăn hoàn chỉnh (nhóm giàu chất đạm, giàu chất đường bột, giàu chất béo, giàu khoáng chất và vitamin.)

2. Học sinh so sánh và đối chiếu với 4 nhóm chất dinh dưỡng -> rút ra nhận xét

Ví dụ:

Món ăn

Chất dinh dưỡng

Cơm -----→ Đường bột Đậu phụ sốt cà chua ---- -> Đường, bột, béo, vitamin Tôm rang ---- -> Đạm, khoáng Bắp cải luộc ---- -> Vitamin, sơ Cà muối ---- -> Khoáng, chất sơ - HS nhận xét bữa ăn trên đủ dùng với gia đình em gồm.. người, em thấy rất ngon miệng. - HS có thể lấy các ví dụ khác và phân tích như trên. 3. là bữa ăn có sự phối hợp đầy đủ 4 nhóm chất dinh dưỡng theo tỉ lệ thích hợp... *Báo cáo kết quả - Đại diện nhóm trình bày kết quả trên phiếu học tập . *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá chéo nhau. - Giáo viên nhận xét, đánh giá GV : Nhận xét-→ chốt kiến thức	Bữa ăn hợp lý là sự phối hợp các loại thực phẩm với đầy đủ các chất dinh dưỡng cần thiết theo tỷ lệ thích hợp, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể .
Hoạt động 2 :Tìm hiểu cách phân chia số bữa ăn trong ngày: 22’ 1. Mục tiêu : Giải thích được cơ sở khoa học của việc phân chia số bữa ăn trong ngày để bảo vệ sức khỏe. 2.Phương thức: Hđ cá nhân, hoạt động nhóm ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật khăn phủ bàn; hoạt động cả lớp 3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi 4. Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau. - Gv đánh giá 5.Tiến trình Gv nêu vấn đề: Ngoài việc cấu tạo thực đơn của bữa ăn, việc	II. Phân chia số bữa ăn trong ngày.

phân chia số bữa ăn trong ngày có vai trò như thế nào đối với đời sống con người, chúng ta cùng tìm hiểu vấn đề này.

***Chuyên giao nhiệm vụ**

- GV Yêu cầu HS đọc mục II - liên hệ thực tế hoạt động cặp đôi trả lời các câu hỏi sau

1. Thông thường mỗi ngày chúng ta ăn bao nhiêu bữa?
2. Theo em thời gian và số lượng bữa ăn trong ngày ở các vùng các địa phương, các gia đình có giống nhau không?

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

- + HS đọc yêu cầu.
- + HS hoạt động cá nhân.
- + HS hoạt động cặp đôi thống nhất ý kiến.

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)

- Dự kiến câu trả lời:

1 . - Hai bữa

- Ba bữa

- Nhiều bữa

2. - Không giống nhau do có hoàn cảnh, công việc, thời tiết, điều kiện kinh tế khác nhau.

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện cặp đôi lên trình bày

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Gv giải thích: Ở mỗi vùng, để phù hợp với sinh hoạt, họ bố trí thời gian và số bữa ăn trong ngày có thể không giống nhau. Điều kiện kinh tế cũng ảnh hưởng đến vấn đề này.

GV ?. Em có thể phân biệt được như thế nào là bữa ăn chính, bữa ăn phụ trong ngày?.

- Dự kiến câu trả lời:

. - Bữa chính có cơm mới nấu và nhiều món ăn hơn.

- Bữa phụ không nhất thiết phải có cơm(ngô, khoai , sắn, mì nấu, cơm rang, bánh, sữa...)

Gv nói thêm: Thông thường ở thành phố, thị trấn, thị xã đối với

các gia đình công nhân, viên chức họ có 2 bữa chính là trưa và tối còn sáng là bữa phụ. Còn ở nông thôn nói chung có nơi sinh hoạt như thị trấn, thị xã, có nơi ăn sáng lại là bữa chính để họ kéo dài thời gian làm việc trong buổi.

GV? Theo em, bữa sáng có quan trọng không? Tại sao?

- Hs trả lời

- Dự kiến câu trả lời:

+ Bữa sáng quan trọng vì nó cung cấp năng lượng cho cơ thể hoạt động sau 1 đêm dài và cả 1 buổi sáng làm việc.

GV nhắc nhở HS cần ăn sáng mỗi ngày để đảm bảo sức khỏe .

GV khẳng định: Thông thường mỗi ngày chúng ta ăn nhiều bữa (từ 2 bữa trở lên). Tại sao phải ăn nhiều bữa trong ngày?. Khoa học đã khẳng định khi dạ dày hoạt động bình thường, thức ăn được tiêu hóa hết trong khoảng thời gian 4- 5 giờ sau khi ăn.

Do vậy khoảng cách giữa mỗi bữa ăn thường từ 4 đến 5 giờ là hợp lý.

? Nếu theo cách phân chia đó thì 1 ngày cần ăn mấy bữa?

- Dự kiến câu trả lời:

- Cần ăn 5-6 bữa.

? Tại sao cần ăn đủ bữa, đúng giờ mỗi ngày?

- Dự kiến câu trả lời:

- Để cơ thể có đủ năng lượng hoạt động, đảm bảo sức khỏe, tăng tuổi thọ...

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV Yêu cầu HS đọc SGK mục II và thảo luận nhóm 5 phút sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn cho biết cần phải phân chia các bữa ăn trong ngày như thế nào cho phù hợp?

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

+ HS đọc yêu cầu.

+ HS hoạt động cá nhân viết ý kiến của mình vào các góc giấy

+ HS hoạt động nhóm thống nhất ý kiến ghi ở giữa tờ giấy.

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)

- Dự kiến câu trả lời:

- Cần phân chia bữa ăn hợp lý
+ Bữa sáng: sau khi ngủ dậy cần ăn đủ năng lượng cho lao động, học tập cả buổi sáng. Nên ăn vừa phải, không nên bỏ

+ Bữa sáng: sau khi ngủ dậy cần ăn đủ năng lượng cho lao động, học tập cả buổi sáng. Nên ăn vừa phải, không nên bỏ ăn sáng sẽ có hại cho cơ thể + Bữa trưa: cần ăn nhanh nhưng đủ chất để có thời gian nghỉ ngơi tiếp tục làm việc + Bữa tối: cần tăng khối lượng với các món ăn nóng, ngon, rau củ, quả để bù lại năng lượng tiêu hao trong ngày. Thời gian bữa ăn có thể dài hơn. *Báo cáo kết quả - Đại diện các nhóm lên dán kết quả lên bảng. *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá. GV chốt kiến thức trên phiếu học tập của học sinh. GV lưu ý : Ăn uống đúng bữa, đúng giờ, đủ năng lượng, đủ chất dinh dưỡng...cũng là điều kiện cần thiết để đảm bảo sức khỏe và góp phần tăng tuổi thọ. ?. Qua bài học hôm nay các em cần ghi nhớ những kiến thức trọng tâm nào?. - Hs nhắc lại những kiến thức trọng tâm của bài. GV dẫn : Để giúp các em củng cố và khắc sâu kiến thức sau đây chúng ta cùng làm 1 số bài tập luyện tập	ăn sáng sẽ có hại cho cơ thể + Bữa trưa: cần ăn nhanh nhưng đủ chất để có thời gian nghỉ ngơi tiếp tục làm việc + Bữa tối: cần tăng khối lượng với các món ăn nóng, ngon, rau củ, quả để bù lại năng lượng tiêu hao trong ngày. Thời gian bữa ăn có thể dài hơn.
--	---

C. Hoạt động luyện tập: 3'

1. Mục tiêu :

- Củng cố, khắc sâu kiến thức về thế nào là bữa ăn hợp lý và cách phân chia số bữa ăn trong ngày.

2. Phương thức: Kỹ thuật trình bày 1 phút.

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, hoàn thành vào vở viết.

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. Tiến trình.

***GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**

Gv : yêu cầu hs hđ cá nhân trả lời câu hỏi, làm bài tập

- Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

+ HS đọc yêu cầu.

+ HS suy nghĩ và viết ra giấy,

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)

***Báo cáo kết quả**

- GV gọi đại diện một số em, mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, giải đáp thắc mắc cho HS.

***GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**

- GV yêu cầu Hs hoạt động cá nhân trả lời một số câu hỏi sau :

1. Cho biết thế nào là bữa ăn hợp lý?

2. Trong ngày nên ăn mấy bữa chính ? Vì sao?

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.

+ Đọc yêu cầu.

+ Suy nghĩ trả lời các câu hỏi vào vở viết.

- Dự kiến câu trả lời:

1. Bữa ăn hợp lý là sự phối hợp các loại thực phẩm với đầy đủ các chất dinh dưỡng cần thiết theo tỷ lệ thích hợp, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể .

2. Ba bữa chính: sáng, trưa , tối

+ Bữa sáng: sau khi ngủ dậy cần ăn đủ năng lượng cho lao động, học tập cả buổi sáng. Nên ăn vừa phải, không nên bỏ ăn sáng sẽ có hại cho cơ thể

+ Bữa trưa: cần ăn nhanh nhưng đủ chất để có thời gian nghỉ ngơi tiếp tục làm việc

+ Bữa tối: cần tăng khối lượng với các món ăn nóng, ngon, rau củ, quả để bù lại năng lượng tiêu hao trong ngày. Thời gian bữa ăn có thể dài hơn.

***Báo cáo kết quả**

- 2- 3 Hs trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

D. Hoạt động vận dụng: 3'

1. *Mục tiêu* : Hs vận dụng kiến thức về tổ chức bữa ăn hợp lí vào làm 1 số bài tập vận dụng.

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân.

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân, hoàn thành vào vở bài tập.

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

- Gv tổ chức cho Hs hoạt động nhóm trả lời các câu hỏi sau.

1. Em hãy nhớ lại và liệt kê những thức ăn mà em đã ăn trong ba ngày gần đây ghi theo mẫu sau:

Ngày	Bữa sáng	Bữa trưa	Bữa tối
1			
2			
3			

- Thảo luận với bạn bè xem ăn như vậy đã hợp lí chưa? Giải thích vì sao? Nếu chưa thì cần điều chỉnh như thế nào cho hợp lí?

2. *Hãy chọn câu trả lời đúng*: Tại sao không nên nhịn ăn sáng?

Câu	Nội dung	Đúng	Sai
1	Sau một giấc ngủ dài cả đêm, bụng đã đói		
2	Dạ dày hoạt động không đều độ, có hại co sức khỏe		
3	Không bổ sung năng lượng kịp thời, ảnh hưởng đến lao động, học tập		
4	Tất cả các lí do trên		

3. Quan sát bảng sau và nhận xét xem bạn nào biết cách bố trí thời gian bữa ăn trong ngày hợp lí nhất và giải thích sự lựa chọn của mình.

Thời gian bữa ăn	Bạn Lan	Bạn Hoa	Bạn Long
Bữa sáng	6 giờ 30 phút	8 giờ	9 giờ
Bữa trưa	11 giờ 30 phút	11 giờ	12 giờ
Bữa tối	18 giờ	19 giờ	20 giờ
Hợp lí nhất			

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

+ Đọc yêu cầu.

+ Suy nghĩ , Ghi câu trả lời ra giấy để chia sẻ với các bạn trong nhóm.

***Báo cáo kết quả**

- Hs có thể trả lời ngay trên lớp hoặc về nhà suy nghĩ trả lời ra vở ghi chép.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'

1. *Mục tiêu:* HS tiếp tục tìm hiểu thêm để củng cố và mở rộng kiến thức về tổ chức bữa ăn hợp lý trong gia đình

2. *Phương thức:* Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3. *Sản phẩm :* Hoàn thành vào vở ghi chép.

4. *Kiểm tra, đánh giá:*

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá.

- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. *Tiến trình.*

*** GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**

- Em hãy tìm hiểu từ các loại sách, ti vi hay trên mạng internet và học hỏi từ những người lớn có kinh nghiệm để hiểu thêm thế nào là bữa ăn hợp lý?.

- Về học bài và trả lời câu hỏi SGK/108.

- Xem bài 21 SGK Trang 106, phần III . Chuẩn bị hình 3.24. trang 107

- Tìm hiểu nhu cầu của các thành viên trong gia đình.

- Điều kiện tài chính.

- Sự cân bằng các chất dinh dưỡng.

- Thay đổi món ăn.

HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

+ Đọc yêu cầu.

+ Về nhà sưu tầm theo nội dung yêu cầu và hoàn thành các bài tập.

***. Rút kinh nghiệm.**

Tuần 28

Tiết 55 – Bài 21

TỔ CHỨC BỮA ĂN HỢP LÝ TRONG GIA ĐÌNH (T.2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hiểu được nguyên tắc tổ chức bữa ăn hợp lý trong gia đình và hiệu quả của việc tổ chức bữa ăn hợp lý.

2. Kỹ năng :

- Tổ chức được bữa ăn ngon, bổ và không tốn kém hoặc lãng phí.

3. Thái độ :

- Giáo dục HS tiết kiệm tránh lãng phí thực phẩm

4. Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.

- **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Máy chiếu, phiếu học tập, giấy A0, bút dạ.

2. Học sinh: Sách vở và đồ dùng học tập.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động

1. Mục tiêu:

- Nhằm giúp HS huy động kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân về vấn đề liên quan đến tổ chức bữa ăn, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác, tinh thần học tập lẫn nhau trong học sinh.

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- **Giáo viên yêu cầu:** Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy hoạt động nhóm trả lời câu hỏi sau:

1. Bữa ăn hằng ngày ở gia đình em thường có những món nào? Có những loại chất dinh dưỡng nào? Em có thấy ngon miệng không?.

2. Nêu ví dụ về một bữa ăn hợp lý trong gia đình và giải thích vì sao đó là bữa ăn hợp lý?.

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

+ HS đọc yêu cầu.

+ HS hoạt động cá nhân.

+ HS thảo luận.

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)

- Dự kiến câu trả lời: HS trả lời theo ý hiểu

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm trình bày.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề : Việc tổ chức 1 bữa ăn hợp lý rất quan trọng tới sức khỏe của các thành viên trong gia đình. Nhưng tổ chức 1 bữa ăn hợp lý cần tuân theo những nguyên tắc nào? Chúng ta cùng tìm hiểu về những nguyên tắc đó.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung (ghi bảng)
Hoạt động1 : Tìm hiểu về nhu cầu của các thành viên trong gia đình 1. <i>Mục tiêu</i> : Xác định được nhu cầu của các thành viên trong gia đình 2. <i>Phương thức</i>: Hđ cá nhân, hoạt động cặp đôi , hoạt động chung cả lớp ; Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật giao nhiệm vụ 3. <i>Sản phẩm</i> : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi 4. <i>Kiểm tra, đánh giá</i>: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5. <i>Tiến trình</i> *Chuyển giao nhiệm vụ. - GV yêu cầu hs hoạt động nhóm trả lời câu hỏi vào phiếu học tập 1. Gia đình em gồm có mấy thành viên? Đó là những ai? 2. Em hãy cho biết nhu cầu dd của mỗi thành viên trong gia đình ntn?(giống hay khác nhau). Hs tiếp nhận nhiệm vụ. *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: + HS đọc yêu cầu. + HS hoạt động cá nhân trả lời 2 câu hỏi trên + HS hoạt động nhóm. - Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần) - Dự kiến câu trả lời: 1. Trong một gia đình thường gồm nhiều thành viên khác nhau như người lớn. trẻ em, nam, nữ. - Người lớn : người già, người đang làm việc, phụ nữ có thai. - Trẻ em: Ở các độ tuổi khác nhau. 2. Nhu cầu khác nhau ở từng độ tuổi	III. Nguyên tắc tổ chức bữa ăn hợp lý trong gia đình. 1.Nhu cầu các thành viên trong gia đình: - Tùy thuộc

- Trẻ em đang lớn cần ăn nhiều loại thực phẩm để phát triển cơ thể. - Người lớn đang làm việc, đặc biệt lao động chân tay, cần ăn các thực phẩm cung cấp nhiều năng lượng. - Phụ nữ có thai nên ăn những thực phẩm giàu chất đạm, chất canxi và chất sắt. *Báo cáo kết quả - Đại diện nhóm trình bày trên phiếu học tập. *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá GV chốt : Để định chuẩn cho việc chọn mua thực phẩm thích hợp cần tùy thuộc vào lứa tuổi, giới tính, thể trạng và công việc mà mỗi người đòi hỏi về nhu cầu dinh dưỡng. GV dẫn : . Em có nhận xét gì nếu cần phải đáp ứng đầy đủ nhu cầu khác nhau của từng thành viên trong gia đình trong bữa ăn?. GV: Để trả lời cho câu hỏi đó ta nghiên cứu mục Hoạt động 2: Tìm hiểu về điều kiện tài chính. 1. Mục tiêu : Biết được điều kiện tài chính ảnh hưởng trực tiếp đến việc chọn mua thực phẩm. 2. Phương thức: Hs cá nhân, hoạt động cặp đôi , hoạt động chung cả lớp ; Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật giao nhiệm vụ 3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi 4. Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5. Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ. *Chuyển giao nhiệm vụ - GV cầu HS hoạt động cặp đôi trả lời câu hỏi: 1.Theo em điều kiện tài chính của các gia đình có giống nhau không?. 2. Điều kiện tài chính của gia đình có ảnh hưởng đến việc chọn mua thực phẩm không?. 3. Làm thế nào để có thể đảm bảo được nhu cầu dinh dưỡng của gia đình phù hợp với số tiền hiện có? Hs thực hiện nhiệm vụ	vào lứa tuổi, giới tính, thể trạng và công việc mà mỗi người có nhu cầu khác nhau. Ví dụ: + Trẻ đang lớn cần nhiều thực phẩm để phát triển cơ thể . + Người lao động chân tay cần ăn các thực phẩm cung cấp nhiều năng lượng . 2. Điều kiện tài chính
---	--

*Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: + HS đọc yêu cầu. + HS hoạt động cá nhân trả lời 3 câu hỏi trên. + HS hoạt động cặp đôi thống nhất ý kiến - Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần) - Dự kiến câu trả lời: 1. Không giống nhau. 2. Ảnh hưởng trực tiếp, nếu có nhiều tiền sẽ mua được nhiều loại thực phẩm ngon, ít tiền sẽ không có điều kiện mua nhiều loại thực phẩm ngon, giá trị dinh dưỡng cao. 3. Cần cân nhắc kĩ càng khi đi chợ mua thực phẩm như: + Lựa chọn thực phẩm đáp ứng được về chất dinh dưỡng mà đa số thành viên trong gia đình cần. + Lựa chọn loại thực phẩm mới, tươi, ngon, phổ thông. + Lựa chọn loại thực phẩm không trùng về nhóm dinh dưỡng chính. *Báo cáo kết quả - Đại diện cặp đôi trả lời *Đánh giá kết quả - Cặp đôi khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá GV bổ sung: Ngoài những thực phẩm phải dùng tiền để mua, một số vùng nông thôn, miền núi, hải đảo...có thể phối hợp các loại thực phẩm mà có nguồn từ các loại gia cầm, gia súc nuôi được; các loại rau, củ, quả trồng được... GV nhấn mạnh. Nếu điều kiện tài chính cho phép thì có thể lựa chọn được các loại thực phẩm đáp ứng đủ nhu cầu bữa ăn, tuy nhiên để có một bữa ăn giàu chất dinh dưỡng, hợp lí không nhất thiết phải có nhiều tiền. GV chốt kiến thức và ghi bảng. Hoạt động 3: Tìm hiểu về sự cân bằng các chất dinh dưỡng. 1. Mục tiêu : Biết được sự cân bằng các chất dinh dưỡng trong bữa ăn. 2. Phương thức: Hđ cá nhân, hoạt động nhóm , hoạt động chung cả lớp ; Kỹ thuật đặt câu hỏi. 3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành	- Cần cân nhắc kĩ càng khi đi chợ mua thực phẩm. - Một bữa ăn ngon, đủ chất không nhất thiết phải đắt tiền. 3. Sự cân
---	--

1. <i>Mục tiêu</i> : Biết được mục đích và cách thay đổi món ăn cho hợp lý. 2. <i>Phương thức</i>: Hđ cá nhân, hoạt động chung cả lớp ; Kỹ thuật đặt câu hỏi 3. <i>Sản phẩm</i> : hoàn thành nội dung trong vở ghi 4. <i>Kiểm tra, đánh giá</i>: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5. <i>Tiến trình</i> *Chuyển giao nhiệm vụ. GV cho HS đọc SGK mục 4 trả lời câu hỏi: 1. Tại sao phải thay đổi món ăn? 2. Làm thế nào để thay đổi được món ăn trong thực đơn bữa ăn. - Hs lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: + HS đọc yêu cầu. + HS hoạt động cá nhân. - Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần) - Dự kiến câu trả lời: 1. Thay đổi món ăn trong các bữa ăn để tránh nhàm chán hay thích ăn hơn, ăn ngon hơn, dễ ăn hơn... 2. Có nhiều hình thức thay đổi như: + Thay đổi loại thực phẩm để làm một món ăn. + Phối hợp các loại thực phẩm để làm một món ăn. + Thay đổi cách chế biến món ăn. + Đổi cách trình bày hình thức của món ăn. + Phối hợp các loại món ăn trong 1 thực đơn hợp lý. *Báo cáo kết quả - 2 -3 Hs trả lời miệng *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá <i>Gv bổ sung:</i> Thay đổi món ăn trong thực đơn bữa ăn còn có tác dụng cân bằng các chất dinh dưỡng, thường xuyên bổ sung các chất dinh dưỡng cần thiết mà một loại thực phẩm không đáp ứng được.	loại thực phẩm của 4 nhóm thức ăn. 4.Sự thay đổi món ăn.
---	---

? Thay đổi phương pháp chế biến món ăn có tác dụng gì? - Dự kiến câu trả lời: để có món ăn ngon miệng. ? Thay đổi hình thức trình bày và màu sắc của món ăn có tác dụng gì? - Dự kiến câu trả lời: để bữa ăn thêm phần hấp dẫn - Trong bữa ăn có nên thêm món ăn cùng loại thực phẩm hoặc cùng phương pháp chế biến với món chính đã có sẵn không ? ví dụ? - Dự kiến câu trả lời: - không ví dụ: bữa ăn đã có món cá kho thì không cần phải có thêm món cá hấp. GV chốt kiến thức:theo sgk *Chuyển giao nhiệm vụ. Gv : yêu cầu hs hđ cá nhân trả lời câu hỏi: - Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp? - Hs tiếp nhận nhiệm vụ *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh:suy nghĩ và viết ra giấy. - Dự kiến câu trả lời: - HS 1: Viết ghi nhớ. - Hs 2: Có 4 nguyên tắc để tổ chức bữa ăn hợp lí trong gia đình: kể tên..... - HS 3 : Tại sao em và mọi người ngày nào cũng ăn cơm từ 2-3 bữa mà em không chán?... *Báo cáo kết quả - Đại diện 1 -2 em trả lời trong 1 phút *Đánh giá kết quả - HS giải đáp - Giáo viên nhận xét, giải đáp thắc mắc của hs GV : Để giúp các em củng cố và khắc sâu kiến thức sau đây chúng ta cùng làm 1 số bài tập luyện tập	
--	--

C. Hoạt động luyện tập

1. Mục tiêu :

- Củng cố, khắc sâu kiến thức về nguyên tắc tổ chức bữa ăn hợp lý trong gia đình.

2. Phương thức:

- Hđ cá nhân , hoạt động cả lớp, Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật trình bày 1 phút.

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, hoàn thành vào vở viết.

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

- Gv đánh giá

5. Tiến trình.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

- Gv tổ chức cho Hs hoạt động cá nhân trả lời các câu hỏi sau.

1.? Em hãy cho ví dụ về một thực đơn cân bằng dinh dưỡng? Loại thực phẩm nào em chọn thuộc nhóm dinh dưỡng nào?

2. Em hãy nêu nguyên tắc tổ chức bữa ăn hợp lý trong gia đình ?

3.Tại sao phải quan tâm đến chế độ ăn uống cho từng đối tượng khi tổ chức bữa ăn trong gia đình ?

4.Tại sao phải cân bằng chất dinh dưỡng trong bữa ăn?

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

+ HS đọc yêu cầu.

+ HS hoạt động cá nhân.

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)

- Dự kiến câu trả lời:

1. HS đưa ra 2-3 ví dụ và xác định giá trị dinh dưỡng.

2. HS nêu :

- Nhu cầu các thành viên trong gia đình

- Điều kiện tài chính

- Sự cân bằng chất dinh dưỡng.

- Sự thay đổi món ăn.

3. Tùy thuộc vào lứa tuổi, giới tính, thể trạng và công việc mà mỗi người có nhu cầu dinh dưỡng khác nhau.

4. Vì : Đảm bảo cung cấp đầy đủ cho cơ thể năng lượng và chất dinh dưỡng tránh tình trạng thừa thiếu chất trong mỗi bữa ăn, tránh nhàm chán, đảm bảo sức khỏe...

***Báo cáo kết quả**

- 4-5 Hs trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

D. Hoạt động vận dụng

1. *Mục tiêu* : Hs vận dụng kiến thức về tổ chức bữa ăn hợp lý vào làm 1 số bài tập vận dụng.
2. *Phương thức*: Hoạt động cá nhân.
3. *Sản phẩm* : Câu trả lời của học sinh trong vở ghi chép.
4. *Kiểm tra, đánh giá*:
 - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
 - Gv đánh giá
5. *Tiến trình*.

GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:

- Gv: Yêu cầu hs vận dụng kiến thức đã học, trả lời các câu hỏi sau:
 1. Em hãy xem lại cách ăn uống của mình và ghi ra những điều cần thực hiện để đảm bảo ăn uống hợp lý.
 2. Em nên nhắc nhở người thân trong gia đình và bạn bè điều gì để cùng thực hiện ăn uống cho hợp lý?
 3. Gia đình em thường ăn mấy bữa trong một ngày, gồm những món ăn như thế nào? Thời gian ăn và các món ăn như vậy đã hợp lý chưa? Trao đổi với bố mẹ để thay đổi nếu thấy sự phân chia thời gian, cách lựa chọn phối hợp các món ăn với nhau trong ngày của gia đình chưa hợp lý.
- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:
 - + Đọc yêu cầu.
 - + Suy nghĩ ghi lại những điều đó và cùng gia đình thực hiện.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

1. *Mục tiêu*: - HS tiếp tục tìm hiểu thêm để củng cố và mở rộng kiến thức về tổ chức bữa ăn hợp lý trong gia đình
2. *Phương thức*: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân
3. *Sản phẩm* : Hoàn thành vào vở ghi chép.
4. *Kiểm tra, đánh giá*:
 - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá.
 - Gv đánh giá vào tiết học sau
5. *Tiến trình*.

GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:

1. Em hãy tìm hiểu từ các loại sách, ti vi hay trên mạng internet và học hỏi từ những người lớn có kinh nghiệm để hiểu thêm thế nào là bữa ăn hợp lý?.
2. Ăn uống hợp lý phải kèm theo chế độ vận động hợp lý. Em hãy quan sát tháp dinh dưỡng- vận động ở bài 15 cơ sở của ăn uống hợp lý, liên hệ với bản thân và

điền vào bảng sau những việc em cần thực hiện để có chế độ vận động phù hợp, tốt cho sức khỏe.

3. Dặn dò:

- Học và trả lời các câu hỏi SGK/108.
- Đọc trước bài 22 - Quy trình tổ chức bữa ăn. SGK/ 108.
- Sưu tầm một số thực đơn bữa cỗ, thực đơn liên hoàn, chiêu đãi mà em từng biết.
- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:
 - + Đọc yêu cầu.
 - + Về nhà sưu tầm.

***Rút kinh nghiệm.**

Tuần 28

Tiết 56 – Bài 22

QUY TRÌNH TỔ CHỨC BỮA ĂN (T.1)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết được khái niệm thực đơn là gì.
- Phân tích được nguyên tắc xây dựng thực đơn .
- Lựa chọn được thực phẩm cho thực đơn.

2. Kỹ năng :

- Rèn kỹ năng làm việc khoa học, kỹ năng cuộc sống, gắn bó và có trách nhiệm với cuộc sống gia đình.
- Cần bố trí, sắp xếp công việc cho hợp lý theo quy trình công nghệ nhất định .

3. Thái độ :

- Có thái độ say mê yêu thích môn học.

4. Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.
- **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy chiếu, phiếu học tập, giấy A0, bút dạ.
- Một số mẫu thực đơn chuẩn bị cho các bữa ăn hàng ngày, bữa tiệc, bữa cỗ.
- Phân bổ nội dung bài giảng:

- + Tiết 1: I. Xây dựng thực đơn.
II. Lựa chọn thực phẩm cho thực đơn
- + Tiết 2: III. Chế biến món ăn.
IV. Bày bàn và thu dọn sau ăn.

2. Học sinh:

- Sách vở và đồ dùng học tập.
- Một số mẫu thực đơn chuẩn bị cho các bữa ăn hàng ngày, bữa tiệc, bữa cỗ.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động

1. Mục tiêu:

- Nhằm giúp HS huy động kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân về vấn đề liên quan đến tổ chức bữa ăn, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác, tinh thần học tập lẫn nhau trong học sinh.

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.
- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

GV đặt vấn đề: Quy trình tổ chức bữa ăn thực chất là một vấn đề gồm nhiều mảng kiến thức. Do vậy hiểu quy trình tổ chức bữa ăn, thực hiện tổ chức bữa ăn cần phải có các thao tác chuẩn bị cho đáo, biểu hiện cụ thể là biết xây dựng kế hoạch chuẩn bị cho quy trình tổ chức bữa ăn như:

- + Xây dựng thực đơn;
- + Chọn lựa thực phẩm cho thực đơn;
- + Chế biến món ăn;
- + Trình bày bàn ăn và thu dọn sau khi ăn.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

- GV: Thảo luận nhóm cho biết

1. Nếu ta đảo các trình tự trên thì điều gì sẽ xảy ra?
2. Em hiểu quy trình tổ chức bữa ăn là gì?

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

+ HS đọc yêu cầu.

+ HS thảo luận.

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)

- Dự kiến câu trả lời:

1.+ Chọn thực phẩm không theo thực đơn.

+ Không có thức ăn để trình bày.

+ Hoặc trình bày thức ăn chưa chế biến...

2. Tổ chức thực hiện công việc theo 1 trình tự nhất định.

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm trình bày.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề : Để hiểu rõ hơn về quy trình tổ chức bữa ăn cô và các em sẽ cùng nhau tìm hiểu và thực hiện trình tự trên theo các tiết học.

- Gv ghi đầu bài lên bảng :

- GV phân bố bài giảng và nêu mục tiêu bài học.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung (ghi bảng)
Hoạt động1 : Tìm hiểu thực đơn là gì ? 1. <i>Mục tiêu</i> : Biết được khái niệm thực đơn là gì?.mục đích của việc chuẩn bị thực đơn cho bữa ăn. 2. <i>Phương thức</i>: Hđ cá nhân, hoạt động nhóm , hoạt động chung cả lớp, Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật giao nhiệm vụ 3. <i>Sản phẩm</i> : phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi 4. <i>Kiểm tra, đánh giá</i>: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5.<i>Tiến trình</i> GV nêu vấn đề: Để hiểu được thực đơn là gì, chúng ta sẽ quan sát các	<u>I. Thực đơn là gì?.</u>

hình ảnh sau. Gv chiếu cho Hs xem một số hình ảnh bày các món ăn của 1 bữa ăn gia đình, bữa tiệc, cỗ...

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

GV: Quan sát các hình ảnh sau đó hoạt động cặp đôi trả lời câu hỏi:

1. Em hãy liệt kê các món ăn ở hình ảnh vừa quan sát?.
2. Theo em thực đơn là gì?.

*** Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**

- Dự kiến câu trả lời:

1. HS liệt kê được 1 số món ăn.
2. Thực đơn là bảng ghi lại tất cả các món ăn dự định sẽ phục vụ trong bữa ăn(ăn thường, bữa cỗ hay tiệc).

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện cặp đôi trình bày.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá chấm điểm chéo nhau.
- Giáo viên nhận xét, đánh giá.
- GV chốt kiến thức ghi bảng

Gv yêu cho HS quan sát một số mẫu thực đơn mẫu sau:

- GV đưa ra 1- 2 thực đơn chiếu cho Hs quan sát. Ví dụ :

Thực đơn 1	Thực đơn 2
1. Súp gà nấm hương 2/ Mực Chiên Giòn 3/ Cá Diêu Hồng Nướng Muối Ớt 4/ Gà Ta Hấp Bát Bửu Bánh Mì 5/ Lẩu Hải Sản Chua Cay 6/ Rau Câu Trái Cây	1/ Nộm đu đủ 2/ Sườn xào chua ngọt. 3/ Gà ta luộc 4/ Cá quả hấp 5/ Tôm chiên xù. 6/ Thịt bò xào thập cẩm 7/ Xôi ruốc 8 /Dưa hấu

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

GV : Hoạt động nhóm trả lời câu hỏi sau vào phiếu học tập .

1. Em có nhận xét gì về trình tự được sắp xếp trong thực đơn?.
2. Mục đích của việc chuẩn bị thực đơn cho bữa ăn là gì?.

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ

- Dự kiến câu trả lời:

- Thực đơn là bảng ghi lại tất cả những món ăn dự định sẽ phục vụ trong bữa tiệc, cỗ, liên hoan hay bữa ăn thường ngày...

1. - HS 1: Món nhiều đạm xếp ở trên.
 - Hs 2: Món nhiều vitamin xếp ở trên
 - HS 3: Món nhiều béo xếp ở....

2. Mục đích: Nếu có thực đơn thì việc chuẩn bị thực phẩm dễ dàng hơn.

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên ghi nhận và bổ sung cho đầy đủ và giải thích cho HS hiểu món nào ăn trước, món nào ăn sau, món nào ăn kèm với món nào...

GV lưu ý : Trình tự sắp xếp các món ăn trong thực đơn phản ánh phần nào phong tục tập quán, đồng thời thể hiện sự dồi dào, phong phú về thực phẩm. Có thể nhìn vào thực đơn ta sẽ đánh giá được mức độ hiểu biết của người xây dựng thực đơn trong lĩnh vực ăn uống.

GV nhấn mạnh : Mục đích của việc chuẩn bị thực đơn cho bữa ăn, nếu được chuẩn bị kỹ càng thì ta sẽ dễ dàng thực hiện, cụ thể:

- Sẽ mua những loại thực phẩm nào?.

- Mua thực phẩm đó ở đâu?

- Nếu không có loại thực phẩm như thực đơn thì ta sẽ thay thế bằng loại thực phẩm nào?.

GV kết luận: Có thực đơn, công việc thực hiện bữa ăn sẽ được tiến hành trôi chảy, khoa học.

GV dẫn vào mục 2: Vậy là chúng ta đã trả lời được câu hỏi thực đơn là gì?. Vậy khi xây dựng thực đơn ta cần tuân theo những nguyên tắc nào chúng ta cùng tìm hiểu mục 2

GV nêu vấn đề: Khi xây dựng thực đơn, ta cần xác định sẽ xây dựng thực đơn cho loại bữa ăn nào: bữa tiệc, bữa cỗ, bữa ăn thường ngày...

GV: ? Căn cứ vào yếu tố nào để xây dựng được thực đơn?

- Dự kiến câu trả lời:

- Căn cứ vào tính chất của bữa ăn.

- HS nhận xét. GV nhận xét ghi bảng nguyên tắc a,

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

Hoạt động nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn trả lời câu hỏi sau

1. Bữa cơm thường ngày em ăn những món ăn gì? gồm bao nhiêu món?. sử dụng những thực phẩm và cách chế biến như thế nào?.

2. Một bữa cỗ hoặc tiệc liên hoan, chiêu đãi em ăn những món ăn gì?

2. Tìm hiểu về nguyên tắc xây dựng thực đơn

a, Thực đơn có số lượng

gồm bao nhiêu món?.sử dụng những thực phẩm và cách chế biến như thế nào?.

3. Quan sát các bữa ăn thường ngày và bữa cỗ, tiệc...trong thực tế, nêu cơ cấu của các bữa ăn đó ?cho ví dụ ?.

- Dự kiến câu trả lời:

1. Bữa ăn thường ngày thường có 3 đến 4 món gần, thường sử dụng các loại thực phẩm thông thường, chế biến đơn giản.

2. có 4- 5 món trở lên: thường sử dụng thực phẩm cao cấp, được chế biến công phu, trình bày đẹp...

3. HS kể các loại món ăn (theo sgk):

+ Các món canh hoặc súp: súp gà nấm hương, canh cua rau đay mồng tơi...

+ Các món rau, củ, quả tươi hay trộn, muối chua: nộm đu đủ, xu xu luộc...

+ Các món nguội: thịt gà luộc, giò chả...

+ Các món xào, rán: thịt bò xào, tôm chiên xù...

+ Các món mặn: củ từ nấu xương, thịt kho tàu, cá kho...

+ Các món tráng miệng: dưa hấu, nho, quýt...

- Hs thực hiện nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

+ HS đọc yêu cầu.

+ HS hoạt động cá nhân trả lời 3 câu hỏi trên vào góc giấy .

+ HS hoạt động nhóm thống nhất ý kiến ghi vào giữa giấy

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm lên dán kết quả lên bảng và trình bày.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV nhận xét chốt kiến thức và yêu cầu hs bổ sung vào vở.

GV dẫn vào mục b,....

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

GV : Hoạt động nhóm trả lời câu hỏi hoàn thành phiếu học tập sau:

1. Trong thực đơn, món ăn chính được hiểu như thế nào?

và chất lượng món ăn phù hợp với tính chất của bữa ăn.

2. Bữa ăn thường ngày gồm các món chính nào? 3. Bữa liên hoan chiêu đãi.. gồm các món chính nào? 4. Bữa ăn có người phục vụ và dọn từng món lên bàn, em thấy các loại món ăn được cơ cấu như thế nào?. - Hs thực hiện nhiệm vụ *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: + HS đọc yêu cầu. + HS hoạt động cá nhân trả lời 4 câu hỏi trên. + HS hoạt động nhóm thống nhất ý kiến - Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần) - Dự kiến câu trả lời: 1. Là món giàu chất đạm, chất béo... 2. Bữa ăn thường ngày gồm các món chính: canh, mặn, xào(hoặc luộc) 3. Bữa liên hoan chiêu đãi.. gồm các món nêu ở mục a 4. Cơ cấu của bữa ăn có người phục vụ và dọn từng món lên bàn: + Món khai vị (súp, nộm..) + Món ăn sau khai vị (món xào, rán, nguội...) + Món ăn chính (món mặn như nấu, hấp, nướng...) + Món ăn thêm (rau, canh..) + Món tráng miệng: dưa hấu, nho, quýt... + Đồ uống: bia, nước ngọt, rượu... *Báo cáo kết quả - Đại diện nhóm trả lời *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá GV bổ sung: Món ăn chính không phải cứ là những món có nhiều chất đạm, đường bột hay chất béo mà trong bữa ăn cần có đủ các loại món ăn cung cấp cho cơ thể 4 nhóm chất dinh dưỡng cần thiết. - Nếu bữa ăn có các món ăn được dọn cùng một lúc lên bàn các loại món ăn thì hình thức tổ chức sẽ tùy thuộc vào tập quán ăn uống của từng địa phương. Mỗi loại thực đơn cần có đủ các loại món ăn và có thể thay đổi món ăn theo từng loại thực phẩm của các nhóm thức ăn. - GV chốt kiến thức trên phiếu học tập của hs và yêu cầu cả lớp bổ sung vào vở.	b, Thực đơn phải đủ các loại món ăn chính theo cơ cấu của bữa ăn.
---	--

GV dẫn vào mục c,....

***Chuyên giao nhiệm vụ**

- GV cầu HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi:

. Làm thế nào để xây dựng được thực đơn vừa có thể đảm bảo được nhu cầu dinh dưỡng của gia đình vừa phù hợp với số tiền hiện có?

- Hs thực hiện nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

+ HS đọc yêu cầu.

+ HS hoạt động cá nhân trả lời .

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)

- Dự kiến câu trả lời:

+ Nên thay đổi nhiều loại thức ăn khác nhau trong cùng 1 nhóm.

+ Cân bằng chất dinh dưỡng các nhóm thức ăn.

+ Chọn thức ăn phù hợp với điều kiện kinh tế của gia đình.

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện cặp đôi trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Cặp đôi khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV chốt nhấn mạnh : Đây là nguyên tắc thể hiện tính hợp lý, phù hợp với hoàn cảnh kinh tế của người dự định xây dựng thực đơn

Hoạt động 2: Tìm hiểu về lựa chọn thực phẩm cho thực đơn.

1. Mục tiêu : Biết cách lựa chọn thực phẩm cho thực đơn.

2. Phương thức: Hđ cá nhân, hoạt động nhóm , hoạt động chung cả lớp ; Kỹ thuật đặt câu hỏi, kỹ thuật giao nhiệm vụ.

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

- Gv đánh giá

5. Tiến trình

Gv đưa ra một số câu hỏi.

? Ta căn cứ vào đâu để lựa chọn thực phẩm cho thực đơn? .

c, Thực đơn phải đảm bảo yêu cầu về mặt dinh dưỡng của bữa ăn và hiệu quả kinh tế.

II. Lựa

**1. Đối với
thực đơn
thường
ngày**

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

- + HS đọc yêu cầu.
- + HS hoạt động cá nhân.
- + HS hoạt động nhóm.

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)

- Dự kiến câu trả lời:

1. Nên chọn đủ thức các loại thực phẩm cần thiết cho cơ thể trong một ngày (gồm đủ các nhóm thức ăn)

2. Khi chuẩn bị thực đơn thường ngày cần quan tâm đến số người, tuổi tác, tình trạng sức khỏe, công việc, sở thích về ăn uống, lựa chọn thực phẩm đáp ứng nhu cầu năng lượng và định lượng khẩu phần ăn trong ngày

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm trình bày

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV chốt kiến thức ghi bảng.

GV đưa vấn đề vào mục 2 : Thông thường khi tổ chức các bữa liên hoan, chiêu đãi vấn đề xây dựng thực đơn đãi khách được đặc biệt quan tâm và hàng loạt câu hỏi được đặt ra như:

- Sẽ tổ chức bữa tiệc, bữa liên hoan theo hình thức nào?.
- Thành phần của những người tham dự ra sao?. Bao nhiêu người? Giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp, vị trí công tác...
- Thời gian như thế nào? Giữa buổi sáng, buổi trưa, chiều hay tối.
- Sẽ lựa chọn loại thực đơn nào phù hợp với sở thích và điều kiện tài chính?.
- Các câu hỏi trên sẽ là cơ sở cho việc xây dựng thực đơn dùng cho bữa liên hoan, chiêu đãi, từ đó có kế hoạch thực hiện lựa chọn thực phẩm cho thực đơn phù hợp và hiệu quả.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

- Gv: Hoạt động cặp đôi trả lời câu hỏi :

Em hãy lựa chọn thực phẩm cho thực đơn liên hoan ở gia đình em nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8 tháng 3?.

- Hs thực hiện nhiệm vụ

a. Nên chọn đủ thức các loại thực phẩm cần thiết cho cơ thể trong một ngày (gồm đủ các nhóm thức ăn)

b. Khi chuẩn bị thực đơn thường ngày cần quan tâm đến số người, tuổi tác, tình trạng sức khỏe, công việc, sở thích về ăn uống, lựa chọn thực phẩm đáp ứng nhu cầu năng lượng và định lượng khẩu phần ăn trong ngày

2. Đối với thực đơn dùng trong các bữa liên hoan, chiêu đãi

*Thực hiện nhiệm vụ + HS đọc yêu cầu. + HS hoạt động cá nhân. + HS hoạt động cặp đôi. - Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần) - Dự kiến câu trả lời: + HS lập ra 1 thực đơn gồm các món ăn đã được phân loại theo đúng trình tự cấu trúc của thực đơn, hoặc có thể nhớ lại 1 bữa cỗ và phân loại các món ăn *Báo cáo kết quả - Đại diện nhóm trình bày *Đánh giá kết quả - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá điều chỉnh lại cho phù hợp. GV chốt kiến thức ghi bảng *Chuyển giao nhiệm vụ. Hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi - Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp? - Hs thực hiện nhiệm vụ *Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ và viết ra giấy. *Báo cáo kết quả - Đại diện một số em, mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp. *Đánh giá kết quả - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá điều chỉnh lại cho phù hợp. GV : Để giúp các em củng cố và khắc sâu kiến thức sau đây chúng ta cùng làm 1 số bài tập luyện tập	- Tùy hoàn cảnh và điều kiện sẵn có, tính chất bữa ăn mà chuẩn bị thực phẩm phù hợp, cân đối số người dự, không nên quá cầu kì, hoang phí.
---	---

C. Hoạt động luyện tập: 5 phút

1. Mục tiêu :

- Củng cố, khắc sâu kiến thức về xây dựng thực đơn và lựa chọn thực phẩm cho thực đơn.

2. Phương thức:

- Hđ cá nhân , hoạt động cả lớp, Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật trình bày 1 phút.

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, hoàn thành vào vở viết.

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

- Gv đánh giá

5. Tiến trình.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

Gv : yêu cầu hs hđ cá nhân tl câu hỏi:

1. Muốn tổ chức một bữa ăn chu đáo cần phải làm gì? .

2. Hãy nêu những điểm cần lưu ý khi xây dựng thực đơn?.

- Hs thực hiện nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS đọc yêu cầu.

+ Hs trả lời vào vở bài tập

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)

- Dự kiến câu trả lời:

1. Muốn tổ chức một bữa ăn chu đáo cần:

+ Xây dựng thực đơn;

+ Chọn lựa thực phẩm cho thực đơn;

+ Chế biến món ăn;

+ Trình bày bàn ăn và thu dọn sau khi ăn.

2. Cần lựa chọn thực phẩm cho thực đơn phù hợp với số người và đặc điểm của từng người trong gia đình. Thực đơn cần phải thích hợp với ngân quỹ của gia đình.

***Báo cáo kết quả**

- 2 – 3 Hs trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

- GV chiếu hình ảnh 1 số món ăn của một số bữa ăn yêu cầu HS quan sát yêu cầu Hs nhận xét xem những thực đơn đó đã hợp lí chưa?

- Hs thực hiện nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS quan sát, nhận xét.

***Báo cáo kết quả**

- 1- 2 hs trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá điều chỉnh lại cho phù hợp.

D. Hoạt động vận dụng: 4'

1. *Mục tiêu* : Hs vận dụng kiến thức về quy trình tổ chức bữa ăn vào làm 1 số bài tập vận dụng.

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân, hđn , Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp

3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân, hoàn thành vào vở bài tập.

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

Gv: Yêu cầu hs vận dụng kiến thức đã học, trả lời các câu hỏi sau:

1. Em hãy tìm hiểu xem bữa ăn trong gia đình mình có đảm bảo theo bốn nguyên tắc đã học không? Em có thể vận dụng quy trình tổ chức bữa ăn đã học để xây dựng thực đơn cho bữa ăn hằng ngày và thực đơn cho bữa liên hoan ở gia đình?.

- Hs thực hiện nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS về nhà tìm hiểu, ghi lại những việc đã làm để báo cáo lại với cô và chia sẻ với bạn bè.

***Báo cáo kết quả**

- 1- 2 hs trả lời vào tiết học sau

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'

1. *Mục tiêu*: - HS tiếp tục tìm hiểu thêm để củng cố và mở rộng kiến thức về quy trình tổ chức bữa ăn.

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3. *Sản phẩm* : Hoàn thành vào vở ghi chép.

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá.
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. *Tiến trình*.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

- Em hãy tìm hiểu từ các loại sách, ti vi hay trên mạng internet và học hỏi từ những người lớn có kinh nghiệm để hiểu thêm về chế độ dinh dưỡng và những món ăn có lợi cho sức khỏe của từng thành viên trong gia đình mình.

* - Về học bài và trả lời câu hỏi 1,2 SGK/112

- Xem bài 22 SGK Trang 110, phần III: IV .

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

+ Đọc yêu cầu.

+ Về nhà sưu tầm.

*** Rút kinh nghiệm.**

Tuần 29

Tiết 57 – Bài 22

QUY TRÌNH TỔ CHỨC BỮA ĂN (T.2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết cách chế biến món ăn và phục vụ bữa ăn chu đáo.

- Biết cách bày bàn và thu dọn bàn ăn sau khi ăn.

2. Kỹ năng:

- Ăn uống hợp lý, giữ vệ sinh an toàn thực phẩm, chế biến món ăn đơn giản thường dùng trong gia đình .

- Rèn kỹ năng làm việc khoa học, kỹ năng cuộc sống, gắn bó và có trách nhiệm với cuộc sống gia đình.

3. Thái độ:

- Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tế và làm việc theo quy trình. Có ý thức ăn uống hợp lý để đảm bảo đủ chất dinh dưỡng và bảo vệ cơ thể.

4. Năng lực:

- **Năng lực:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.
- **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy chiếu, phiếu học tập, giấy A0, bút dạ.
- Một số mẫu thực đơn chuẩn bị cho các bữa ăn hàng ngày, bữa tiệc, bữa cỗ.

2. Học sinh:

- Sách vở và đồ dùng học tập.
- Một số mẫu thực đơn chuẩn bị cho các bữa ăn hàng ngày, bữa tiệc, bữa cỗ. GV:
- Nghiên cứu trước nội dung bài 22. Phần III, IV.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động: 5'

1. *Mục tiêu:* Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2. *Phương thức thực hiện:*

- Hoạt động cá nhân.

3. *Sản phẩm hoạt động*

- Trình bày miệng

4. *Phương án kiểm tra, đánh giá*

- Học sinh đánh giá.
- Giáo viên đánh giá.

5. *Tiến trình hoạt động:*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu: Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi sau:

1. Em muốn ăn những món ăn gì vào bữa cơm tối nay của gia đình?
3. Khi đã lựa chọn được thực phẩm cho các món ăn. Em sẽ làm gì tiếp theo?

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:
 - + HS đọc yêu cầu.

+ HS hoạt động cá nhân trả lời lần lượt từng câu hỏi.

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)

- Dự kiến câu trả lời:

1,2. HS trả lời theo ý hiểu.

3. Nấu các món, dọn mâm ăn và rửa bát...

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm trình bày.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề : Đây chính là nội dung của tiết học hôm nay: GV ghi đầu bài lên bảng.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung (ghi bảng)
Hoạt động1 : Tìm hiểu kĩ thuật chế biến món ăn? 1. <i>Mục tiêu</i> : Biết được quy trình chế biến món ăn. Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tế và làm việc theo quy trình. 2. <i>Phương thức</i>: Hđ cá nhân, hoạt động nhóm , hoạt động chung cả lớp ; Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ 3. <i>Sản phẩm</i> : phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi 4. <i>Kiểm tra, đánh giá</i>: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5. <i>Tiến trình</i> <i>GV nêu vấn đề</i>: Có thực phẩm tươi ngon, nhưng phải biết chế biến đúng kĩ thuật mới tạo ra các món ăn đặc sắc, hấp dẫn và đảm bảo đủ chất bổ dưỡng. *Chuyển giao nhiệm vụ. GV: Liên hệ kiến thức và kĩ năng đã học em hãy trả lời câu hỏi sau: - Muốn chế biến món ăn phải qua các khâu nào? - Hs tiếp nhận nhiệm vụ. Liên hệ trả lời câu hỏi trên. - <i>Dự kiến câu trả lời</i>: Gồm 3 khâu chính: + Sơ chế thực phẩm	<u>III- Chế biến món ăn</u>

+ Chế biến món ăn + Trình bày món ăn *Báo cáo kết quả - 1- 2 HS trình bày. *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá - > Để hiểu rõ hơn chúng ta lần lượt tìm hiểu các khâu trên. *Chuyển giao nhiệm vụ. - GV: Hoạt động cặp đôi hoàn thành phiếu học tập bằng cách trả lời câu hỏi sau: - Cho biết những hiểu biết của em về khâu sơ chế thực phẩm?. (Khái niệm, quy trình, cho ví dụ cụ thể đối với mỗi quy trình). - Hs tiếp nhận nhiệm vụ *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: + HS đọc yêu cầu. + HS hoạt động cá nhân. + HS hoạt động cặp đôi thống nhất ý kiến - Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần) - Dự kiến câu trả lời: 1. Sơ chế thực phẩm a, Khái niệm: Sơ chế thực phẩm là khâu chuẩn bị thực phẩm trước khi chế biến. b, Quy trình sơ chế thực phẩm. - Làm sạch thực phẩm: Loại bỏ những phần không ăn được và sử dụng các biện pháp để thực phẩm được sạch như rửa, lau, nhúng, tráng.... - Pha chế thực phẩm: cắt thái thực phẩm theo yêu cầu của từng món ăn - Tẩm ướp thực phẩm: sử dụng các loại gia vị, hương liệu... ướp thực phẩm theo nhu cầu và sở thích(nếu có). c. Ví dụ : - Loại thực phẩm cần làm sạch như rau muống: loại bỏ những lá sâu, già, héo úa, → rửa sạch dưới vòi nước chảy nhiều lần... - Loại thực phẩm cần pha chế: thịt gà + Luộc thì để cả con + Rang , xào thì chặt miếng vừa ăn...	1.Sơ chế thực phẩm:
---	-----------------------------------

- Tắm ướp thực phẩm: cá, thịt
- + Trước khi nấu hoặc kho ta cần tắm ướp các gia vị muối mặn tiêu...để gia vị ngấm đều vào thực phẩm ăn xẽ ngon hơn

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện cặp đôi trình bày.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá chấm điểm chéo nhau.
- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

GV lưu ý: Mỗi vùng miền có phương pháp chế biến, tắm ướp có thể khác nhau ví dụ người miền Trung sử dụng cay nhiều ,người miền Nam đặc trưng sử dụng ngọt nhiều,còn người miền Bắc chúng ta các món ăn ăn có khẩu vị thanh đậm, nhẹ nhàng, có vị chua nhẹ;

- GV chốt kiến thức ghi bảng.

GV dẫn vào mục 2 : Sau khi sơ chế thực phẩm công đoạn tiếp theo là gì?...> **mục 2**

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

Gv : Hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập sau:

1. Em hãy kể tên các phương pháp chế biến thực phẩm đã học ?.
2. Xây dựng 1 thực đơn cho bữa ăn mà em yêu thích?.và chọn phương pháp thích hợp cho từng loại món ăn của thực đơn?.
3. Mục đích của việc chế biến món ăn là gì?.

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

- + HS đọc yêu cầu.
- + HS hoạt động cá nhân.
- + HS hoạt động nhóm.

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)

- Dự kiến câu trả lời:

1. * Các phương pháp làm chín thực phẩm theo phương pháp sử dụng nhiệt là

- + Làm chín thực phẩm trong nước: luộc, nấu, kho.
- + Làm chín thực phẩm bằng hơi nước : hấp, đồ.
- + Làm chín thực phẩm bằng sức nóng trực tiếp của lửa: nướng.

* Các phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt.

- + Trộn dầu giấm.

- Sơ chế thực là khâu chuẩn bị thực phẩm trước khi chế biến.

2. Chế biến món ăn.

+ Trộn hỗn hợp.

+ Muối chua.

2. HS xây dựng 1 thực đơn yêu thích và chọn phương pháp chế biến .

3. Mục đích: Làm cho thực phẩm chín, dễ tiêu hóa, hấp thu, tăng giá trị cảm quan... vì qua chế biến, thực phẩm thay đổi về trạng thái, hương vị, màu sắc...

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm trình bày

***Đánh giá kết quả**

- Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV chốt kiến thức: Có nhiều phương pháp chế biến món ăn, tuy nhiên cần tuân theo những phương pháp chế biến thực phẩm nhất định thích hợp cho từng loại món ăn của thực đơn.

GV dẫn: Khi các món ăn trong thực đơn đã được chế biến hoàn chỉnh. Việc trình bày các món ăn đó như thế nào cũng là một yêu cầu quan trọng (thể hiện mong muốn của người xây dựng thực đơn)

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

GV cho HS quan sát một số hình ảnh món ăn có trang trí (h.3.25 sgk/ 111)

Yêu cầu: Hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi:

1. Tại sao phải trình bày món ăn?

2. Khi trình bày món ăn ta cần chú ý điều gì?.

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

+ HS đọc yêu cầu.

+ HS hoạt động cá nhân trả lời.

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)

- Dự kiến câu trả lời:

1. Để tạo vẻ đẹp cho món ăn, tăng giá trị mỹ thuật của bữa ăn: hấp dẫn, kích thích ăn ngon miệng

2. Chú ý: Phải có tính thẩm mỹ, sáng tạo, vệ sinh và phù hợp với món ăn

***Báo cáo kết quả**

- 1- 2 Hs trả lời

3. Trình bày

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV mở rộng: Trang trí món ăn cũng là một nghệ thuật. Bằng sự sáng tạo của mỗi người, các em hãy thực hiện trang trí các món ăn trong gia đình. GV cho HS quan sát 1 số hình ảnh món ăn có trang trí khác.

GV lưu ý: Trong quá trình chế biến món ăn cần đảm bảo giữ vệ sinh an toàn thực phẩm .

GV dẫn: Để có một bữa ăn chu đáo, thơm tất ngoài việc chuẩn bị thực đơn, lựa chọn thực phẩm cho thực đơn và chế biến món ăn... người tổ chức cần chú ý đến việc bày dọn thức ăn lên bàn và thu dọn sau khi ăn.

Hoạt động2 : Tìm hiểu bày bàn và thu dọn sau khi ăn.

1. *Mục tiêu :* Biết được cách bày bàn và thu dọn sau ăn. Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tế và làm việc theo quy trình.
2. *Phương thức:* Hđ cá nhân, hoạt động nhóm , hoạt động chung cả lớp ; Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật giao nhiệm vụ
3. *Sản phẩm :* phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi
4. *Kiểm tra, đánh giá:*
 - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
 - Gv đánh giá
5. *Tiến trình.*

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

GV: Nghiên cứu thông tin mục IV sgk / 111. Hoạt động nhóm trả lời câu hỏi:

1. Tại sao cần chú ý đến việc bày dọn thức ăn lên bàn?.
2. Hình thức trình bày bàn ăn phụ thuộc yếu tố nào?
3. Để việc tổ chức bữa tiệc, liên hoan được chu đáo, cần quan tâm đến những vấn đề gì?.

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:
 - + HS đọc yêu cầu.
 - + HS hoạt động cá nhân.
 - + HS hoạt động nhóm.
- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)
- Dự kiến câu trả lời:

IV. Bày bàn và thu dọn sau khi ăn.

1. Vì:

- + Thể hiện sự chu đáo của người tổ chức.
- + Tạo được ấn tượng thẩm mỹ.
- + Tạo được sự hấp dẫn.
- + Tạo được không khí đầm ấm, gần gũi...

2. Phụ thuộc vào:

* Chuẩn bị dụng cụ.

- Căn cứ vào thực đơn và số người dự bữa để tính số bàn ăn và các loại dụng cụ ...cho đầy đủ.
- Cần chọn dụng cụ đẹp, phù hợp với tính chất của bữa ăn.

* Bày bàn ăn.

- Trang trí lịch sự, trang nhã. Món ăn được đưa ra theo thực đơn trình bày đẹp.
- Cách bày bàn và bố trí chỗ ngồi cho khách phụ thuộc vào tính chất của bữa ăn

3. Cách phục vụ và thu dọn sau khi ăn.

a. Phục vụ

- Ân cần, niềm nở, hoà nhã, tỏ lòng quý trọng khách...

b. Dọn bàn ăn.

- Không thu dọn dụng cụ ăn uống khi còn người đang ăn.
- Xếp dụng cụ ăn uống theo từng loại.

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm trình bày.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV chốt kiến thức trên phiếu học tập của HS

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

Gv : yêu cầu hs hđ cá nhân trả lời câu hỏi:

- Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?
- Hs tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: suy nghĩ và viết ra giấy.
- Dự kiến câu trả lời:

1. Chuẩn bị dụng cụ.

- HS 1: Viết ghi nhớ. - Hs 2: *Báo cáo kết quả - Đại diện 1 -2 em trả lời trong 1 phút *Đánh giá kết quả - HS giải đáp - Giáo viên nhận xét, giải đáp thắc mắc của hs GV : Để giúp các em củng cố và khắc sâu kiến thức sau đây chúng ta cùng làm 1 số bài tập luyện tập	2. Bày bàn ăn. 3. Cách phục vụ và thu dọn sau khi ăn.
---	---

C. Hoạt động luyện tập

1. Mục tiêu :

- Củng cố, khắc sâu kiến thức về quy trình tổ chức bữa ăn.

2. Phương thức:

- Hđ cá nhân , hoạt động cả lớp, Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật trình bày 1 phút.

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, hoàn thành vào vở viết.

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

- Gv đánh giá

5. Tiến trình.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

Gv : yêu cầu hs hđ cá nhân tl câu hỏi, làm bài tập.

Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

Câu1: Chế biến một món ăn được thực hiện qua các khâu:

a) Sơ chế thực phẩm, trình bày món ăn, chế biến món ăn.

b) Sơ chế thực phẩm, chế biến món ăn, trình bày món ăn.

c) Chế biến món ăn, trình bày món ăn.

d) Sơ chế thực phẩm, chế biến món ăn, bày bàn ăn.

Câu 2: Sơ chế thực phẩm là?

a) Nấu chín thực phẩm

b) Trình bày thực phẩm

c) Chuẩn bị thực phẩm

Câu 3: Em hãy chọn từ hoặc cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống(.....) các câu sau đây?

a. Mục đích của chế biến món ăn là làm thực phẩm.....,, dễ tiêu hoá, thay đổi.....,..... Và đảm bảo an toàn khi ăn.

b. Tuỳ theo yêu cầu của, sẽ chọn phương phápmón ăn.....

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

+ HS đọc yêu cầu.

+ HS hoạt động cá nhân trả lời .

- Dự kiến câu trả lời:

1. b

2. c

3.a, ...chín, dễ hấp thụ....trạng thái , hương vị, màu sắc...

b,thực đơn,.....chế biến.....thích hợp.

***Báo cáo kết quả**

- 1- 2 Hs trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

D. Hoạt động vận dụng

1. Mục tiêu : Hs vận dụng kiến thức về quy trình tổ chức bữa ăn vào làm 1 số bài tập vận dụng.

2. Phương thức: Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, hoàn thành vào vở bài tập.

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. Tiến trình.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

Gv: Yêu cầu hs vận dụng kiến thức đã học, trả lời các câu hỏi sau:

1. Kể tên những việc em đã làm để giúp bố mẹ chế biến, bày bàn và thu dọn sau ăn?.

2. Có bỏ qua khâu sơ chế thực phẩm được không? Tại sao?.

3. Tại sao không thu dọn dụng cụ ăn uống khi còn người đang ăn?.

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

+ HS đọc yêu cầu và trả lời.

- Dự kiến câu trả lời:

1. - HS kể tên.

2. Không

- Vì nếu bỏ qua khâu sơ chế sẽ không loại bỏ những phần thực phẩm không ăn được, thực phẩm sẽ rất bẩn

- Có những thực phẩm cần phải cắt thái, tẩm ướp gia vị chế biến món ăn mới ngon.

3. Như thế sẽ mất lịch sự.

***Báo cáo kết quả**

- 1- 2 Hs trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: Sau bài học hôm nay em hãy tích cực vận dụng kiến thức đã học giúp đỡ bố mẹ chế biến, bày bàn và thu dọn sau ăn theo các khâu cô vừa hướng dẫn để trở thành những nhà nội trợ thông minh, đảm đang trong tương lai.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

1. Mục tiêu: - HS tiếp tục tìm hiểu thêm để củng cố và mở rộng kiến thức về tổ chức bữa ăn hợp lý trong gia đình

2. Phương thức: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3. Sản phẩm : Hoàn thành vào vở ghi chép.

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá.

- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình

Gv nêu vấn đề và giao nhiệm vụ về nhà.

1. Em hãy tìm hiểu trên các cuốn sách tạp chí nấu ăn, mạng internet một số món ăn, nguyên liệu, cách chế biến, cách trình bày những món ăn đó. Ghi lại những thông tin tìm hiểu được để chia sẻ với cô giáo và các bạn trong lớp vào tiết học sau.

2. Dẫn dò:

- HS học bài ghi- phần ghi nhớ sgk

- Chuẩn bị bài 23: TH: Xây dựng thực đơn.

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

- + Đọc yêu cầu.
- + Về nhà sưu tầm
- * **Rút kinh nghiệm.**

--

Tuần 29

Tiết 58 – Bài 23

THỰC HÀNH : XÂY DỰNG THỰC ĐƠN (T.1)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết cách xây dựng được thực đơn dùng cho các bữa ăn thường ngày.

2. Kỹ năng :

- Có kỹ năng vận dụng để xây dựng được những thực đơn phù hợp đáp ứng yêu cầu ăn uống của gia đình.

3. Thái độ :

- Giáo dục HS có ý thức biết lựa chọn thực phẩm, chế biến thực phẩm ngon, tiết kiệm.

4. Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.
- **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Máy chiếu, phiếu học tập, giấy A0, bút dạ.
- Danh sách các món ăn thường ngày trong gia đình.
- Bảng cơ cấu thực hiện bữa ăn trong ngày.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị đầy đủ sách vở và đồ dùng học tập, mẫu báo cáo.
- Một số mẫu thực đơn chuẩn bị cho các bữa ăn hàng ngày.

3. Phân bố thời gian thực hành:

- Tiết 1: I. Thực đơn dùng cho bữa ăn thường ngày.
- Tiết 2: II. Thực đơn dùng cho các bữa liên hoan chiêu đãi.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động

1. *Mục tiêu:* huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. *Phương thức thực hiện:*

- Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

3. *Sản phẩm hoạt động*

- Trình bày miệng

4. *Phương án kiểm tra, đánh giá*

- Học sinh đánh giá.
- Giáo viên đánh giá.

5. *Tiến trình hoạt động:*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu: Dựa vào kiến thức đã học các em hãy hoạt động nhóm trả lời câu hỏi sau:

1. Muốn tổ chức một bữa ăn chu đáo cần phải làm gì?

2. Hãy nêu những điểm cần lưu ý khi xây dựng thực đơn?

- Hs : tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS: suy nghĩ trả lời.
- GV : quan sát giúp đỡ(nếu cần)
- Dự kiến câu trả lời:

1. Muốn tổ chức một bữa ăn chu đáo cần:

- + Xây dựng thực đơn;
- + Chọn lựa thực phẩm cho thực đơn;
- + Chế biến món ăn;
- + Trình bày bàn ăn và thu dọn sau khi ăn.

2. Lưu ý:

- + Cần lựa chọn thực phẩm cho thực đơn phù hợp với số người và đặc điểm của từng người trong gia đình. Thực đơn cần phải thích hợp với ngân quỹ của gia đình.

***Báo cáo kết quả**

- 1- 2 Hs trả lời miệng.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học : Ở bài học trước các em đã biết tổ chức bữa ăn trong gia đình như thế nào là hợp lý và quy trình tổ chức bữa ăn như thế nào là phù hợp, hợp lý từ bữa ăn đơn giản hàng ngày, đến bữa cỗ hay bữa tiệc liên hoan.Từ vốn kiến thức đó hôm nay các em vận dụng vào việc xây dựng thực đơn cho bữa cơm hàng ngày của gia đình em. (tiết 1)

->Giáo viên phân bố thời gian thực hành và nêu mục tiêu bài học...

B. Hoạt động hình thành kỹ năng

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung (ghi bảng)
Hoạt động1 : Bổ trợ kiến thức về thực đơn dùng cho bữa ăn thường ngày. 1. <i>Mục tiêu</i> : Bổ trợ lại kiến thức đã học khi xây dựng thực đơn cho bữa ăn thường ngày. 2. <i>Phương thức</i>: Hđ cá nhân, hoạt động nhóm , hoạt động chung cả lớp ; Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật giao nhiệm vụ 3. <i>Sản phẩm</i> : phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi 4. <i>Kiểm tra, đánh giá</i>: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5.<i>Tiến trình</i> *Chuyển giao nhiệm vụ. GV : Nhớ lại kiến thức bài trước . Hoạt động cá nhân trả lời các câu hỏi sau: 1. Em cho biết thực đơn là gì? 2. Em cho biết nguyên tắc cơ bản khi xây dựng thực đơn thường ngày cho gia đình?. - Hs thực hiện nhiệm vụ *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: + HS đọc yêu cầu. + HS hoạt động cá nhân. + HS hoạt động nhóm. - Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần) - Dự kiến câu trả lời:	<u>I.Thực đơn dùng cho bữa ăn thường ngày.</u>

1. Thực đơn là bảng ghi lại tất cả những món ăn dự định sẽ phục vụ trong bữa tiệc, cỗ, liên hoan hay bữa ăn thường ngày...

2. Nguyên tắc cơ bản khi xây dựng thực đơn thường ngày cho gia đình:

- + Đảm bảo thực đơn có số lượng và chất lượng phù hợp với tính chất hàng ngày có từ 3 đến 4 món.
- + Thực đơn đủ món chính theo cơ cấu bữa ăn: canh, món mặn, món xào, (hoặc luộc) và dùng với nước chấm.
- + Thực đơn phải đảm bảo đủ yêu cầu về dinh dưỡng.
- + Thực đơn phải đủ các nhóm thức ăn, phải phù hợp cho số người và quan tâm đến tuổi tác, tình trạng sức khỏe.

***Báo cáo kết quả**

- 1-2 HS trình bày

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- GV cho HS xem H3.26/sgk .Danh mục các món ăn thường ngày và bảng cơ cấu thực đơn hợp lý của bữa ăn thường ngày.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

GV yêu cầu HS: Quan sát H3.26/sgk/114. Danh mục các món ăn thường ngày và bảng cơ cấu thực đơn hợp lý của bữa ăn thường ngày.

Hoạt động nhóm trả lời câu hỏi sau :

- 1.Gia đình em thường dùng những món ăn gì thường ngày?
2. Em hãy nêu nhận xét về thành phần và số lượng món ăn của bữa cơm gia đình?
3. Em hãy kể tên các món ăn thuộc các thể loại: canh, mặn, xào? Và 1 số món phụ ăn kèm.

- Hs thực hiện nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- + HS đọc yêu cầu.
- + HS hoạt động cá nhân.
- + HS hoạt động nhóm.

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)
- Dự kiến câu trả lời:

1. Các món ăn: 3 món chính: canh, mặn, xào.thêm vào đó có 1hoặc 2 món phụ ăn kèm.
2. Nhận xét : Bữa ăn thường ngày có 3 đến 4 món ăn thường sr dụng các

1. Số món ăn:

loại thực phẩm thông dụng, chế biến đơn giản. 3. Món canh: canh cua rau mồng tơi; canh ngao, canh cá rô đồng.... Món mặn: Cá kho, thịt kho tàu, thịt rang, trứng rán... Món xào: Xu hào xào trứng, rau muống xào tỏi... Món phụ : canh cua ăn kèm cà muối , dưa chua kèm nước chấm... *Báo cáo kết quả - Đại diện nhóm trình bày *Đánh giá kết quả - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá điều chỉnh lại cho phù hợp. GV chốt kiến thức ghi bảng. Hoạt động 2 : GV thực hiện mẫu . 1. Mục tiêu: Biết được cách xây dựng thực đơn cho bữa ăn thường ngày thông qua ví dụ của cô. 2. Phương thức thực hiện: Đặt và giải quyết vấn đề, pp giảng giải, hđ nhóm. 3.Sản phẩm: Đáp án trả lời của HS 4.Kiểm tra đánh giá: - Hs đánh giá, nhận xét. - Gv đánh giá, bổ sung và chốt lại. 5.Tiến trình. *Chuyển giao nhiệm vụ. Liên hệ kiến thức thực tế : Hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi sau: Nhà em gồm những món chính nào?.Ngoài các món chính đó ra em còn ăn kèm với món nào khác?. - Hs thực hiện nhiệm vụ *Thực hiện nhiệm vụ + HS đọc yêu cầu. + HS hoạt động cá nhân. - Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần) - Dự kiến câu trả lời:Hs trả lời theo ý kiến riêng. *Báo cáo kết quả - 1-2 HS trình bày *Đánh giá kết quả - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá	3-4 món, thuộc loại chế biến đơn giản, nhanh gọn 2. Các món ăn: 3 món chính: canh, mặn, xào.1 hoặc 2 món phụ(nếu có) II . Ví dụ.
---	--

- Giáo viên nhận xét, đánh giá điều chỉnh lại cho phù hợp.	
--	--

C. Hoạt động luyện tập

1. *Mục tiêu:*. Xây dựng thực đơn cho bữa ăn thường ngày của gia đình

2. *Phương thức thực hiện:* Hoạt động cá nhân

3. *Sản phẩm:* Sản phẩm thực hành của cá nhân.

4. *Kiểm tra đánh giá:*

- HS đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5. *Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: yêu cầu cá nhân mỗi em tự xây dựng 1 thực đơn cho bữa cơm thường ngày ở gia đình em.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai các bước thực hiện theo hướng dẫn của GV.

- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.

- Dự kiến sản phẩm: mỗi hs một sản phẩm hoàn thành vào báo cáo theo mẫu ở vở bài tập.

***Báo cáo , đánh giá kết quả.**

- Gv thu báo cáo của cả lớp., nhận xét chung và chọn ra vài bài tiêu biểu nhận xét, rút kinh nghiệm mặt nào nên và chưa nên.

- Gv có thể cho điểm ngay 1 số bài đã nhận xét, số bài còn lại mang về nhà chấm.

D. Hoạt động vận dụng

1. *Mục tiêu :* Hs vận dụng kiến thức về tổ chức bữa ăn hợp lí vào làm 1 số bài tập vận dụng.

2. *Phương thức:* Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp

3. *Sản phẩm :* Phiếu học tập cá nhân, hoàn thành vào vở bài tập.

4. *Kiểm tra, đánh giá:*

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

1. Chia sẻ với người thân trong gia đình về cách xây dựng thực đơn dùng cho các bữa ăn thường ngày.

2. Tham khảo 1 số món ăn trong hình 3.26 để xây dựng thực đơn cho bữa ăn ở gia đình em vào ngày cuối tuần.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà

****Báo cáo kết quả***

- HS báo cáo kết quả vào giờ học sau.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

1. *Mục tiêu:* - HS tiếp tục tìm hiểu thêm để củng cố và mở rộng kiến thức về tổ chức bữa ăn hợp lý trong gia đình

2. *Phương thức:* Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3. *Sản phẩm :* Hoàn thành vào vở ghi chép.

4. *Kiểm tra, đánh giá:*

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá.
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. *Tiến trình*

****Chuyển giao nhiệm vụ.***

- Gia đình em có những ai? Suy nghĩ về đặc điểm của từng thành viên trong gia đình (Có ai bị béo phì hoặc suy dinh dưỡng không? Có em nhỏ dưới 5 tuổi hay phụ nữ mang thai, cho con bú không? Có ông bà già yếu hay mắc bệnh tiểu đường không? Ai là người lao động nặng nhọc nhất trong gia đình.

- Hãy tìm hiểu trên sách báo hay trên mạng internet để biết thêm thông tin về chế độ dinh dưỡng và những món ăn lợi cho sức khỏe của từng người. Ghi lại những thông tin này, chia sẻ với bố mẹ và bàn cách thể hiện để đảm bảo chế độ ăn.

* Xem phần II. Thực đơn dùng cho bữa liên hoan, bữa cỗ, chuẩn bị bài thực hành sau.

- Sưu tầm những mẫu thực đơn đã từng được ăn về các bữa tiệc, cỗ....

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

+ Đọc yêu cầu.

+ Về nhà sưu tầm.

*** Rút kinh nghiệm.**

Tuần 30

Tiết 59 – Bài 23

THỰC HÀNH : XÂY DỰNG THỰC ĐƠN (T.2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết cách xây dựng được thực đơn dùng cho các bữa liên hoan hay bữa cỗ.

2. Kỹ năng :

- Có kỹ năng vận dụng để xây dựng được những thực đơn phù hợp đáp ứng yêu cầu ăn uống của gia đình.

3. Thái độ :

- Giáo dục HS có ý thức biết lựa chọn thực phẩm, chế biến thực phẩm ngon, tiết kiệm.

4. Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.
- **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Danh sách các món ăn dùng cho bữa cỗ, bữa liên hoan.
- Bảng cơ cấu thực hiện bữa ăn dùng cho bữa cỗ, bữa liên hoan.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị đầy đủ sách vở và đồ dùng học tập.
- Một số mẫu thực đơn chuẩn bị cho các bữa ăn hàng ngày, bữa tiệc, bữa cỗ.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động

1. *Mục tiêu:* huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. *Phương thức thực hiện:*

- Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

3. *Sản phẩm hoạt động*

- Trình bày miệng

4. *Phương án kiểm tra, đánh giá*

- Học sinh đánh giá.

- Giáo viên đánh giá.

5. *Tiến trình hoạt động:*

- **GV:** Trả bài và nhận xét bài thực hành tiết 1 rút kinh nghiệm cho bài thực hành tiếp theo.

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

Gv : Dựa vào kiến thức thực tế em hãy kể tên một số món ăn mình đã ăn trong các bữa cỗ, liên hoan, chiêu đãi?.

- Hs thực hiện nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS đọc yêu cầu.

+ HS hoạt động cá nhân.

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)

- Dự kiến câu trả lời: HS kể tên nhiều món ăn.

***Báo cáo kết quả**

- 1-2 hs trả lời miệng

***Đánh giá kết quả**

- Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-Giáo viên gieo vấn đề vào bài học: Các em đã kể tên được rất nhiều món ăn mà các em đã ăn trong các bữa cỗ, liên hoan, chiêu đãi. Muốn biết được thực đơn các em vừa kể đã hợp lý chưa? Và cách xây dựng chúng như thế nào?. Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay.

B. Hoạt động hình thành kỹ năng

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung (ghi bảng)
-------------------------------------	---------------------

Hoạt động1 : Bổ trợ kiến thức về thực đơn dùng cho bữa liên hoan, bữa cỗ.

1. *Mục tiêu* : Bổ trợ lại kiến thức đã học khi xây dựng thực đơn cho bữa liên hoan, bữa cỗ.

2. *Phương thức*: Hđ cá nhân, hoạt động nhóm , hoạt động chung cả lớp ; Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật giao nhiệm vụ

3. *Sản phẩm* : phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi

4. *Kiểm tra, đánh giá*:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. *Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

GV : yêu cầu hs quan sát h3.27 sgk/115. Hoạt động nhóm trả lời các câu hỏi

1. Nhớ lại bữa cỗ, bữa liên hoan gia đình em tổ chức (hoặc em được mời tham dự) nêu thành phần, số lượng món ăn?

2. Em hãy nêu nguyên tắc cơ bản khi xây dựng thực đơn bữa cỗ hoặc bữa liên hoan?.

- Hs thực hiện nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

- + HS đọc yêu cầu.
- + HS hoạt động cá nhân.
- + HS hoạt động nhóm.

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)

- Dự kiến câu trả lời:

1. Các món ăn: có 4- 5 món trở lên: thường sử dụng thực phẩm cao cấp, được chế biến công phu, trình bày đẹp.

2. Các món được chia thành các loại sau:

- + Các món canh hoặc súp.
- + Các món rau, củ, quả tươi hay trộn, muối chua.
- + Các món nguội.
- + Các món xào, rán.
- + Các món mặn.
- + Các món tráng miệng.

II. Thực đơn dùng cho bữa liên hoan, bữa cỗ.

- Nếu bữa liên hoan + Món khai vị (súp, nộm..) + Món ăn sau khai vị (món xào, rán, nguội...) + Món ăn chính (món mặn như nấu, hấp, nướng...) + Món ăn thêm (rau, canh..) + Món tráng miệng: dưa hấu, nho, quýt... + Đồ uống: bia, nước ngọt, rượu... *Báo cáo kết quả - Đại diện nhóm trình bày *Đánh giá kết quả - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá điều chỉnh lại cho phù hợp. GV chốt kiến thức ghi bảng.	- Các món ăn: có 4-5 món trở lên. Tùy thuộc vào điều kiện vật chất, tài chính, thực đơn có thể tăng cường lượng và chất. - Các món ăn : thực đơn thuwowngfv được kê theo các món chính, món phụ, món tráng miệng và đồ uống.
---	---

C.Hoạt động luyện tập

1. Mục tiêu: Xây dựng thực đơn cho bữa cỗ, liên hoan.
2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.
3. Sản phẩm: Sản phẩm thực hành của nhóm.

4. Kiểm tra đánh giá:

- HS đánh giá, nhận xét.
- Gv đánh giá.

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: yêu cầu mỗi tổ cùng bàn và xây dựng 1 thực đơn cho bữa cỗ hoặc bữa liên hoan.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS triển khai các bước thực hiện theo hướng dẫn của GV.
- Các tổ thảo luận tìm món ăn thích hợp đảm bảo đủ lượng và chất.
- GV quan sát, nhắc nhở, uốn nắn.
- Dự kiến sản phẩm:
- + Sau 20 phút các tổ nộp để GV nhận xét.

***Báo cáo kết quả.**

- Mỗi tổ cử đại diện trình bày thực đơn của tổ mình trước lớp.

*** Đánh giá kết quả.**

- Hs nhận xét, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

D. Hoạt động vận dụng

1. *Mục tiêu* : HS biết vận dụng kiến thức đã học để xây dựng thực đơn cho gia đình dùng trong một ngày, một bữa liên hoan hay cỗ
2. *Phương thức*: Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp
3. *Sản phẩm* : Phiếu học tập cá nhân, hoàn thành vào vở bài tập.
4. *Kiểm tra, đánh giá*:
 - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
 - Gv đánh giá

5. Tiến trình

***Chuyên giao nhiệm vụ.**

1. Chia sẻ với người thân trong gia đình về cách xây dựng thực đơn dùng cho các bữa cỗ, liên hoan.
 2. Em hãy so sánh bữa cỗ (hoặc liên hoan) với các bữa ăn thường ngày, em có nhận xét gì?.
- Hs tiếp nhận nhiệm vụ:
 - Dự kiến sản phẩm:

1. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
2. Nhận xét : Số món nhiều hơn, hàm lượng chất dinh dưỡng trong các món ăn cao hơn

***Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo kết quả vào giờ học sau.

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

- 1.*Mục tiêu*: - HS tiếp tục tìm hiểu thêm để củng cố và mở rộng kiến thức về xây dựng thực đơn.
2. *Phương thức*: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân
3. *Sản phẩm* : Hoàn thành vào vở ghi chép.
4. *Kiểm tra, đánh giá*:
 - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá.
 - Gv đánh giá vào tiết học sau

5.Tiến trình

***Chuyên giao nhiệm vụ.**

GV : Tham khảo 1 số món ăn trong hình 3.27 để xây dựng thực đơn cho bữa cỗ, tiệc ở gia đình em.

- Về nhà tìm hiểu trên các phương tiện thông tin đại chúng về cách xây dựng thực đơn ngày thường và ngày lễ tết.

- Ôn tập kiến thức chương III.

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

+ Đọc yêu cầu.

+ Về nhà sưu tầm.

*** Rút kinh nghiệm.**

--

Tuần 30

TIẾT 60 :ÔN TẬP

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:- Sau khi học xong giáo viên phải làm cho học sinh.

- Biết hệ thống được những kiến thức cơ bản đã học, biết liên hệ với thực tiễn.

2. Kỹ năng: - Vận dụng các kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi

3. Thái độ: - Có thái độ nghiêm túc , cẩn thận, an toàn lao động.

- Có ý thức tập chung ôn tập.

4. Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin,

- **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. Chuẩn bị của thầy và trò:

1. Giáo viên : Ra hệ thống câu hỏi, đáp án.

2. Học sinh: Đọc và nghiên cứu trước bài..

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động

1. Mục tiêu: huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs, rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. *Phương thức thực hiện:*

- Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

3. *Sản phẩm hoạt động*

- Trình bày miệng và làm vào vở

4. *Phương án kiểm tra, đánh giá*

- Học sinh đánh giá.
- Giáo viên đánh giá.

5. *Tiến trình hoạt động:*

- **GV:** Nêu câu hỏi, hướng dẫn học sinh trả lời

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

Gv : - Hs thực hiện nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- + HS suy nghĩ trả lời câu hỏi
- + HS hoạt động cá nhân.

- >Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)

***Báo cáo kết quả**

- Học sinh trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên uốn nắn,kết luận vấn đề

B. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
1. <i>Mục tiêu:</i> -Huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs. 2. <i>Phương thức thực hiện:</i> - Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm 3. <i>Sản phẩm hoạt động</i> - Trình bày miệng và làm vào vở 4. <i>Phương án kiểm tra, đánh giá</i> - Học sinh đánh giá - Giáo viên đánh giá 5. <i>Tiến trình hoạt động</i> - GV: Nêu câu hỏi, hướng dẫn học sinh	

trả lời

***Chuyên giao nhiệm vụ.**

Gv : Đưa ra các câu hỏi

HS:Tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

+ HS hoạt động cá nhân.

- >Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)

***Báo cáo kết quả**

- Học sinh trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên uốn nắn,kết luận vấn đề

* Hệ thống câu hỏi.

-GV: Phát đề cương ôn tập cho HS

Chương I. May mặc trong gia đình

-GV: Hướng dẫn học sinh trả lời

+HS: trả lời

Chương II. Trang trí nhà ở

GV: Hướng dẫn học sinh trả lời

HS:trả lời

Chương I: May mặc trong gia đình

Câu 1: Hãy nêu nguồn gốc, quy trình sản xuất, tính chất của vải sợi thiên nhiên?

Câu 2: Nêu nguồn gốc quy trình sản xuất, tính chất vải sợi hóa học, vải sợi pha?

Câu 3: Để có được trang phục đẹp cần chú ý đến điểm nào?

Câu 4: Sử dụng trang phục cần chú ý đến vấn đề gì?

Chương II: Trang trí nhà ở

Câu 1: Nhà ở có vai trò như thế nào đối với cuộc sống con người?

Câu 2: Cần phải làm gì để nhà ở gọn gàng, ngăn nắp?

Câu 3: Cần phải làm gì để nhà ở luôn

<u>Chương III: Nấu ăn trong gia đình</u> GV: Hệ thống câu hỏi HS: Trả lời vào vở bài tập	sạch sẽ, đẹp? Chương III: Nấu ăn trong gia đình Câu 1: Thức ăn có vai trò gì đối với cơ thể? Câu 2: Tại sao phải giữ vệ sinh an toàn thực phẩm Câu 3: Nêu những biện pháp phòng tránh nhiễm trùng, nhiễm độc thực phẩm thường làm? Câu 4: Bảo quản chất dinh dưỡng phải tiến hành theo trường hợp nào? Câu 5: Hãy kể tên các phương pháp làm chín thực phẩm thường được sử dụng hàng ngày? Câu 6: Hãy kể phương pháp chế biến thức ăn không dùng nhiệt? Câu 7: Nêu những yếu tố cần thiết để tổ chức bữa ăn hợp lý?
--	---

C.Hoạt động luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng

1. Mục tiêu: huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. Phương thức thực hiện

- Hoạt động cá nhân.

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày miệng và làm vào vở

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động

GV: - gọi học sinh nhắc lại trọng tâm của từng bài

***Chuyển giao nhiệm vụ.**

Gv : - Hs thực hiện nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS trả lời

***Báo cáo kết quả**

- Học sinh trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên nhắc nhở học sinh về ôn bài tiết sau kiểm tra

Rút kinh nghiệm

Tuần 31

Tiết 61: Kiểm tra 1 tiết

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức

- Nhằm củng cố và đánh giá những kiến thức đã học chương nấu ăn trong gia đình của học sinh.

2. Kỹ năng :

- Rèn luyện kỹ năng làm bài kiểm tra tự luận

3. Thái độ :

- Giáo dục học sinh tính sáng tạo, trung thực.

4. Năng lực, phẩm chất

- Năng lực: Tự giác làm bài kiểm tra

- Phẩm chất: Trung thực trong giờ kiểm tra, chấp hành kỷ luật

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN, HỌC SINH :

1. Giáo viên : Nhận đề kiểm tra

2. Học sinh : Học kỹ các kiến thức đã được ôn tập

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP :

1. Ổn định lớp : Sĩ số. (1 phút)

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CÔNG NGHỆ 6 CHƯƠNG III

Hình thức: Trắc nghiệm 30% + Tự luận 70%

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	

	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	T L	
Chức năng ăn uống hợp lý	- Biết được có bao nhiêu nhóm chất dinh dưỡng		-Hiểu được vai trò của từng chất dinh dưỡng đối với cơ thể.		- Biết thay thế các thực phẩm trong cùng một nhóm thức ăn.				
<i>Số câu</i>	1 câu		1 câu		1 câu				3 câu
<i>Số điểm</i>	0,25 đ		0,25 đ		0,25 đ				0,75 đ
<i>Tỉ lệ %</i>	2,5 %		2,5 %		2,5 %				7,5 %
Vệ sinh an toàn thực phẩm	- Biết được các nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm		- Hiểu được khái niệm nhiễm trùng thực phẩm, nhiễm độc thực phẩm. - Nêu được một số biện pháp phòng tránh nhiễm độc thực phẩm thường dùng						
<i>Số câu</i>	1 câu		2 câu	1 câu					3 câu
<i>Số điểm</i>	0,25 đ		0,5 đ	2 đ					2,75 đ
<i>Tỉ lệ %</i>	2,5 %		5 %	20 %					27,5 %
Bảo quản chất dinh dưỡng trong chế biến món ăn			Nêu được các biện pháp bảo quản chất dinh dưỡng trong khi chế biến. Giải thích được vì sao phải bảo quản chất dinh dưỡng trong chế biến món ăn						
<i>Số câu</i>				1 câu					1 câu
<i>Số điểm</i>				3 đ					3 đ
<i>Tỉ lệ %</i>				30 %					30 %
Các	- Biết được đặc								

phương pháp chế biến thực phẩm .	điểm cơ bản của món kho. -Biết được các phương pháp làm chín thực phẩm trong nước, phương pháp chế biến không sử dụng nhiệt.							
<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i> <i>Tỉ lệ %</i>	3 câu 0,75 đ 7,5 %							3 câu 0,75 đ 7,5 %
Tổ chức bữa ăn hợp lý trong gia đình	- Hiểu được vai trò của bữa sáng đối với cơ thể.		Nêu được thể nào là bữa ăn hợp lý. Nêu được các nguyên tắc tổ chức bữa ăn hợp lý trong gia đình.					
<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i> <i>Tỉ lệ %</i>	1 câu 0,25 đ 2,5 %			1 câu 2 đ 20 %				3 câu 2,25 đ 22,5 %
Quy trình tổ chức bữa ăn.	- Biết được khái niệm thực đơn.		- Hiểu được quy trình tổ chức bữa ăn.					
<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i> <i>Tỉ lệ %</i>	1 câu 0,25 đ 2,5 %		1 câu 0,25 đ 2,5 %					2 câu 0,5 đ 5 %
Tổng: Số câu Số điểm	7 câu 1,75 đ 17,5 %		4 câu 1 đ 10 %	3 câu 7 đ 70 %	1 câu 0,25 đ 2,5 %			15 câu 10 đ 100 %

Tỉ lệ %									
---------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Đề bài

I. Trắc nghiệm : (3 Điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Nhiễm độc thực phẩm là:

- A. Sự xâm nhập của các chất hóa học vào thực phẩm .
- B. Sự xâm nhập của các vi khuẩn vào thực phẩm.
- C. Sự xâm nhập của các chất độc vào thực phẩm .
- D. Sự xâm nhập của các sự độc hại vào thực phẩm.

Câu 2: Nhiễm trùng thực phẩm là:

- A. Sự xâm nhập của các sự độc hại vào thực phẩm.
- B. Sự xâm nhập của các chất hóa học vào thực phẩm.
- C. Sự xâm nhập của các chất hóa học vào thực phẩm.
- D. Sự xâm nhập của các vi khuẩn vào thực phẩm.

Câu 3: Chọn câu sai:

- A. Món kho là món cần ít nước, vị mặn.
- B. Món kho là món cần vị mặn, hơi sánh.
- C. Món kho là món cần nhiều nước, vị mặn.
- D. Món kho là món cần hơi sánh, ít nước.

Câu 4 : Thực đơn là:

- A. Thực đơn còn gọi là menu.
- B. Một bảng ghi lại những món mà khách hàng đã đặt trước khi đi ăn sinh nhật.
- C. Một bảng ghi lại tất cả những món ăn dự định sẽ phục vụ trong bữa tiệc, cỗ, liên hoan hay bữa ăn thường ngày.
- D. Một cuốn tập hoặc sách ghi lại tất cả những món ăn dự định sẽ phục vụ trong bữa tiệc, cỗ, liên hoan hay bữa ăn thường ngày.

Câu 5: Các phương pháp làm chín trong nước là:

- A. Rang, rán(chiên), xào.
- B. Rang, rán(chiên), hấp.
- C. Luộc, nấu, kho.
- D. Luộc, nấu, hấp.

Câu 6: Có mấy nguyên nhân chính gây ra ngộ độc thực phẩm?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 7: Có bao nhiêu nhóm chất dinh dưỡng :

A. 1

B. 2

C.3

D.4

Câu 8: Em hãy chọn một loại thực phẩm trong các thực phẩm sau đây để thay thế cá:

A. Rau muống

C. Khoai lang

B. Đậu phụ

D. Ngô

Câu 9: Không ăn bữa sáng là:

A. Có hại cho sức khỏe.

C. Tiết kiệm thời gian

B. Thói quen tốt

D. Góp phần giảm cân

Câu 10 : Muốn tổ chức bữa ăn chu đáo cần thực hiện theo quy trình

A. Xây dựng thực đơn; lựa chọn thực phẩm cho thực đơn; chế biến món ăn; trình bày bàn ăn và thu dọn sau khi ăn

B. Xây dựng thực đơn; trình bày bàn ăn; lựa chọn thực phẩm cho thực đơn; chế biến món ăn và thu dọn sau khi ăn

C. Xây dựng thực đơn; chế biến món ăn; lựa chọn thực phẩm cho thực đơn; trình bày bàn ăn và thu dọn sau khi ăn

D. Lựa chọn thực phẩm cho thực đơn; xây dựng thực đơn; trình bày bàn ăn; chế biến món ăn và thu dọn sau khi ăn

Câu 11: Thiếu chất đạm cơ thể sẽ:

A. Mắc bệnh béo phì

C. Mắc bệnh suy dinh dưỡng

B. Mắc bệnh về gan.

D. Mắc bệnh về mắt.

Câu 12: Phương pháp nào sau đây thuộc loại phương pháp chế biến không sử dụng nhiệt.

A. Muối chua

C. Xào

B. Kho

D. Nướng

II. Tự luận : 7 đ

Câu 1: (3 điểm) Tại sao phải bảo quản chất dinh dưỡng trong chế biến món ăn? Nêu các biện pháp bảo quản chất dinh dưỡng trong khi chế biến.

Câu 2: (2 điểm) Nêu một số biện pháp phòng tránh nhiễm độc thực phẩm thường dùng?

Câu 3: (2 điểm) Thế nào là bữa ăn hợp lý? Nêu các nguyên tắc tổ chức bữa ăn hợp lý trong gia đình?

ĐÁP ÁN

PHẦN MỘT - / Trắc nghiệm (3 điểm):

Mỗi câu trả lời đúng được 0.25đ .

Câu 1C (0.25đ)

Câu 2A (0.25đ)

Câu 3D (0.25đ)

Câu 4B (0.25đ)

Câu 5A (0.25đ)

Câu 6A (0.25đ)

Câu 7C (0.25đ)

Câu 8B (0.25đ)

Câu 9D (0.25đ)

Câu 10C (0.25đ)

Câu 11B (0.25đ)

Câu 12B (0.25đ)

II. Tự luận (7 điểm):

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
Câu 1	Phải bảo quản chất dinh dưỡng trong chế biến món ăn vì: Muốn cho việc ăn uống, sử dụng thực phẩm có tác dụng tốt đến sức khỏe và thể lực, cần phải bảo quản các chất dinh dưỡng của thực phẩm cho thật chu đáo trong quá trình chế biến thực phẩm (trong lúc chuẩn bị cũng như khi chế biến) Nêu được các biện pháp sau: - Cho thực phẩm vào luộc hay nấu khi nước sôi. - Khi nấu tránh khuấy nhiều, không nên hâm lại thức ăn nhiều lần. - Không nên dùng gạo xát quá trắng và vo kỹ gạo khi nấu cơm. - Không vo gạo quá kỹ, không nên chặt bỏ nước cơm trong khi nấu	(1đ) (0,5đ) (0,5đ) (0,5đ) (0,5đ)
Câu 2	Nêu được các biện pháp phòng tránh nhiễm độc thực phẩm - Không dùng các thực phẩm có chất độc: cá nóc, khoai tây mọc mầm, nấm lạ... (sử dụng thịt cóc phải bỏ hết da, phủ tạng, nhất là gan và trứng) - Không dùng các thức ăn bị biến chất hoặc bị nhiễm chất độc hóa học ... - Không dùng những đồ hộp đã quá hạn sử dụng, những hộp bị phồng.	(1đ) (0,5đ) (0,5đ)
Câu 3	Bữa ăn hợp lý: Là bữa ăn có sự phối hợp các loại thực phẩm với đầy đủ các chất dinh dưỡng cần thiết theo tỉ lệ thích hợp để cung cấp cho nhu cầu của cơ thể về năng lượng và về các chất dinh dưỡng. Nguyên tắc tổ chức bữa ăn hợp lý trong gia đình: - Căn cứ vào nhu cầu các thành viên trong gia đình - Dựa vào điều kiện tài chính - Cần chú ý sự cân bằng chất dinh dưỡng - Cần thay đổi món ăn	(1đ) (0,25đ) (0,25đ) (0,25đ) (0,25đ)

- Thu bài, nhận xét giờ kiểm tra

Tuần 31

Ngày soạn: 03/4/

Ngày dạy: 6AB: 12/4/; 6C: 9/4/

CHƯƠNG IV: THU CHI TRONG GIA ĐÌNH

TIẾT 62: THU NHẬP CỦA GIA ĐÌNH (T1)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Biết được nguồn thu nhập của gia đình là gì
- Các nguồn thu nhập của gia đình
- Các nguồn thu nhập bằng tiền
- Các nguồn thu nhập bằng hiện vật

2. Kỹ năng

- Rèn cho học sinh 1 số năng khiếu có sẵn
- Giáo dục học sinh xác định được những việc có thể làm giúp gia đình

3. Thái độ

- Giáo dục học sinh có ý thức tiết kiệm tiền chi tiêu trong gia đình

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.
- Phẩm chất: Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Sưu tầm một số tranh ảnh về ngành nghề trong xã hội, các ngành về kinh tế gia đình VAC các ngành dịch vụ

2. Học sinh: Đọc trước bài 25(trang 124 SGK)

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động: 5'

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung ghi bảng
<i>1. Mục tiêu:</i> huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs. <i>2. Phương thức:</i> Hđ cá nhân. <i>3. Sản phẩm :</i> Phiếu học tập	

4.Kiểm tra, đánh giá: Hs đánh giá Gv đánh giá 5.Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ -Gv : Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy HDN tl câu hỏi + <i>Nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của một gia đình bao gồm những gì?</i> + <i>Vậy thu nhập là gì? Thu nhập dưới những hình thức nào?</i> Hs : tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ -Hs : trả lời câu hỏi Gv : theo dõi -> Dự kiến sản phẩm + May mặc, ăn uống, giải trí..... + Thu nhập là tổng các khoản thu bằng tiền hoặc hiện vật do lao động của các thành viên trong gia đình tạo ra + Có 2 hình thức : - Thu nhập bằng tiền -Thu nhập bằng hiện vật *Báo cáo kết quả Hs trả lời. *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ... ->Giáo viên nêu mục tiêu bài học...	
---	--

B.Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1:Tìm hiểu về thu nhập của gia đình: 10' 1.Mục tiêu : Biết được nguồn gốc thu nhập của gia đình	I.Thu nhập của gia đình là gì?
--	--

2.<i>Phương thức</i>:Hđ cá nhân. hoạt động cả lớp 3.<i>Sản phẩm</i> : Phiếu học tập cá nhân ,hoàn thành nội dung trong vở ghi 4.<i>Kiểm tra, đánh giá</i>: Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau Gv đánh giá 5.<i>Tiến trình</i> *Chuyển giao nhiệm vụ Gv : yêu cầu hs hđ cá nhân nghiên cứu sgk, tl câu hỏi + <i>Vậy em hiểu lao động là gì?</i> + <i>Mục đích của lao động là để làm gì?</i> Hs : Tiếp nhận kiến thức *Thực hiện nhiệm vụ Hs :tl -> <i>Dự kiến sản phẩm</i> + Phải làm việc, phải sử dụng bàn tay,khối óc +Để tạo ra thu nhập đáp ứng cho nhu cầu của con người *Báo cáo kết quả Hs trả lời nhanh *Đánh giá kết quả - <i>Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</i> - <i>Giáo viên nhận xét, đánh giá</i> -><i>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</i>	- Là tổng các khoản thu bằng tiền hoặc hiện vật do lao động của các thành viên trong gia đình tạo ra
--	---

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung ghi bảng
Hoạt động 2:Các nguồn thu nhập của gia đình: 22’’ 1.<i>Mục tiêu</i> : Biết được nguồn thu nhập trong gia đình bằng tiền 2.<i>Phương thức</i>:Hđ cá nhân. 3.<i>Sản phẩm</i> : Phiếu học tập cá nhân,	II.Các nguồn thu nhập của gia đình.

hoàn thành nội dung trong vở ghi

4. Kiểm tra, đánh giá:

Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

Gv đánh giá

5. Tiến trình

****Chuyển giao nhiệm vụ***

Gv hướng dẫn học sinh quan sát hình đầu chương IV SGK trang 123

+ Trong gia đình ai tạo ra nguồn thu nhập?

****Thực hiện nhiệm vụ***

học sinh quan sát

-> Dự kiến sản phẩm...

Bố mẹ đi làm và hưởng tiền lương

****Báo cáo kết quả***

- Đại diện từng cá nhân,

****Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

****Chuyển giao nhiệm vụ***

-Gv yêu cầu hs: dựa vào hình 4.1 trang 124

+ Thu nhập bằng tiền của gia đình em có từ những nguồn gốc nào?

+ Gia đình em có những ai đi làm?

+ Hàng tháng gia đình em có những khoản thu bằng nguồn nào?

-HS tiếp nhận

****Thực hiện nhiệm vụ***

Hs quan sát trả lời câu hỏi

****Báo cáo kết quả***

- Học sinh trả lời

****Đánh giá kết quả***

-Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

-Giáo viên nhận xét đánh giá

*Đánh giá kết quả -Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá -Giáo viên nhận xét đánh giá *Chuyển giao nhiệm vụ Dựa vào 2 hình 4.1 và 4.2 em hãy cho biết + hình thức thu nhập chính của gia đình mình? + Có gia đình em nào trực tiếp sản xuất ra sản phẩm không? *Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát trả lời *Báo cáo kết quả HS trả lời *Đánh giá kết quả -Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá -Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên bổ sung: Mỗi gia đình có hình thức thu nhập riêng, song thu nhập bằng hình thức nào là còn tùy thuộc vào từng địa phương, từng vùng.	- Ngô,lúa,khoai - Tôm,cá - Gà, vịt,lợn
--	---

C. Hoạt động luyện tập: 5'

1.Mục tiêu:

- Biết được thu nhập của gia đình là tổng các khoản thu
- Biết các nguồn thu nhập trong gia đình bằng tiền-bằng hiện vật

2.Phương thức: Hđ cặp đôi.

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cặp đôi.

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

-> Giáo viên:

Câu 1: có những nguồn thu nhập nào bằng tiền?

Câu 2: Có những nguồn thu nhập nào bằng hiện vật?

****Thực hiện nhiệm vụ***

-> Học sinh suy nghĩ trả lời

**** Báo cáo kết quả:*** Cá nhân trả lời

-> Dự kiến sản phẩm:

+ Tiền lương, tiền phúc lợi, tiền tiết kiệm, tiền thưởng, tiền hưu trí, tiền bảo hiểm

+ Các sản phẩm vật chất tạo ra (lúa, ngô, khoai, sắn, cá, lợn, gà, mây, tre...)

****Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

D.Hoạt động vận dụng: 2 phút

1.Mục tiêu : -Biết được thu nhập của gia đình là tổng các khoản thu

-Biết các nguồn thu nhập trong gia đình bằng tiền-bằng hiện vật

2.Phương thức:Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

Gv đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

****Chuyển giao nhiệm vụ***

Gv yêu cầu

+có mấy loại thu nhập trong gia đình?

- Học sinh tiếp nhận...

****Thực hiện nhiệm vụ***

- Học sinh hđ cá nhân

- Giáo viên q/s hướng dẫn

->Dự kiến sản phẩm: Có 2 loại là thu nhập bằng tiền và thu nhập bằng hiện vật

****Báo cáo kết quả***

- HS báo cáo cá nhân

****Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 1'

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức:Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân.

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau,
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu:
+ Em hãy cho biết giữa thu nhập bằng tiền và thu nhập bằng hiện vật có mối quan hệ như thế nào trong đời sống gia đình?
- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh hđ nhóm
- Giáo viên q/s
- > Dự kiến sản phẩm

***Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Về nhà học thuộc bài.
- Chuẩn bị nghiên cứu tiếp phần III, IV.

*** Rút kinh nghiệm.**

Tuần 32

Tiết 63: Thu nhập của gia đình (tt)

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Biết được các khoản chi tiêu trong gia đình là gì
- Làm thế nào để cân đối thu, chi trong gia đình

2. Kỹ năng:

- Giáo dục hs xác định được một số việc làm để giúp đỡ gia đình

3. Thái độ:

- Giáo dục học sinh có ý thức tiết kiệm tiền chi tiêu trong gia đình

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác, Năng lực khái quát hóa, Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.
- Phẩm chất: Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

- **GV** :+ Nghiên cứu sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, soạn giáo án.
+ Đồ dùng dạy học: Tranh và các biểu đồ
- **HS** : Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động Khởi động: 5'

1. *Mục tiêu:* Tạo tình huống có vấn đề liên quan đến bài học.

2. *Phương thức thực hiện:*

- Hoạt động nhóm

3. *Sản phẩm hoạt động*

- Trình bày phiếu học tập

4. *Phương án kiểm tra, đánh giá*

- Học sinh đánh giá.

5. *Tiến trình hoạt động:*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu:

?Thu nhập của gia đình là gì

?Có những loại hình thu nhập nào

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh tl

-> Dự kiến sản phẩm:- là tổng các khoản thu bằng tiền hoặc hiện vật do lao động của các thành viên trong gia đình tạo ra

- Có 2 loại là bằng tiền và hiện vật

***Báo cáo kết quả**

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ... ta đã biết mỗi tổng thu nhập khác nhau, từ các nguồn khác nhau.Cụ thể ở nước ta các gia đình có hình thức thu nhập như thế nào? Và làm cách nào để có thể thu nhập cho mỗi gia đình?

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học...

B. Hoạt động: Hình thành kiến thức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 1:Giáo viên giới thiệu và giúp học sinh xác định từng loại thu nhập của các loại hộ gia đình ở Việt Nam: 20' 1. Mục tiêu: -Biết được các khoản chi tiêu trong gia đình là gì -Làm thế nào để cân đối thu,chi trong gia đình 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động nhóm. 3. Sản phẩm hoạt động - Phiếu học tập của nhóm 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh đánh giá lẫn nhau. 5. Tiến trình hoạt động *Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên yêu cầu + Hãy kể tên các loại hộ gia đình ở Việt Nam mà em biết? - Học sinh tiếp nhận... *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh... suy nghĩ trả lời. - Giáo viên q/s, hướng dẫn -> Dự kiến sản phẩm...hộ gia đình ở thành phố và hộ gia đình ở nông thôn *Báo cáo kết quả : - HS: Trả lời *Đánh giá kết quả	III. Thu nhập của các hộ gia đình

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

***Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv yêu cầu: Điền vào chỗ trống những từ trong khung bên phải vào các mục a,b,c,d,e

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh suy nghĩ trả lời.
- Giáo viên q/s, hướng dẫn
- > Dự kiến sản phẩm:
- a/ tiền lương, tiền thưởng
- b/ lương hưu, lãi tiết kiệm
- c/ học bổng
- d/ trợ cấp xã hội, lãi tiết kiệm

***Báo cáo kết quả :**

- HS: Đại diện nhóm báo cáo

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên chốt kiến thức ghi lên bảng

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV y/c: Tiếp tục điền vào chỗ trống trong SGK trang 126

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS trả lời
- GV quan sát
- > Dự kiến sản phẩm:
- a/ tranh sơn mài, khảm trai, hàng ren, khăn thêu, giỏ mây, nón...
- b/ khoai, sắn, ngô, thóc, lợn, gà...
- c/ rau, hoa, quả...
- d/ cá, tôm, hải sản...
- e/ muối

***Báo cáo kết quả :**

- HS: đại diện nhóm trả lời

1. Thu nhập của gia đình công nhân viên chức.

- Tiền lương, tiền thưởng
- Lương hưu, lãi tiết kiệm
- Học bổng
- Trợ cấp xã hội, lãi tiết kiệm

2. Thu nhập của gia đình sản xuất

- Tranh sơn mài, khảm trai, hàng ren, khăn thêu, giỏ mây, nón...
- Khoai, sắn, ngô, thóc, lợn, gà...
- Rau, hoa, quả...
- Cá, tôm, hải sản
- Muối

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên chốt kiến thức ghi lên bảng

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV: Điền tiếp vào ô trống SGK trang 126

HS tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS trả lời
- GV quan sát
- >Dự kiến sản phẩm:

a/tiền lãi,

b,c/tiền công

***Báo cáo kết quả :**

-Hs tl

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên chốt kiến thức ghi lên bảng

Hoạt động 2: Tìm hiểu biện pháp tăng thu nhập cho gia đình: 15'

1. Mục tiêu: -Biết được các khoản chi tiêu trong gia đình là gì
-Làm thế nào để cân đối thu,chi trong gia đình

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân.

3. Sản phẩm hoạt động

- Phiếu học tập cá nhân.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV y/c:ghi vào vở những nội dung thích hợp ở bảng bên vào chỗ trống các mục

3. Thu nhập của người buôn bán, dịch vụ

- Tiền lãi
- Tiền công

IV. Biện pháp tăng thu nhập gia đình

a,b,c

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ trả lời
- GV quan sát

***Báo cáo kết quả :**

- Hs : cá nhân trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên chốt kiến thức ghi lên bảng

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV: yêu cầu

- + Em có thể làm gì để góp phần tăng thu nhập cho gia đình?

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS trả lời tự do

***Báo cáo kết quả :**

- HS trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Giáo viên khẳng định theo 2 ý cũng góp phần tăng thu nhập cho gia đình
- +Tiết kiệm(không lãng phí)
- +Chi tiêu hợp lý(đủ - khoa học)

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV:

- + Em có thể làm gì để giúp đỡ gia đình trên mảnh vườn xinh xắn?
- +Em có thể giúp đỡ gia đình phát triển chăn nuôi không?

Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- HS trả lời
- > Dự kiến sản phẩm:

1. Phát triển kinh tế gia đình bằng cách làm thêm nghề phụ

-Tăng năng xuất lao động, tăng ca sắp xếp, làm thêm giờ

-Làm kinh tế phụ,làm gia công tại gia đình.

-Dạy thêm(gia sư), tận dụng thời gian ham gia quảng cáo bán hàng

+Nhặt cỏ,cuốc đất, tưới cây... +Cho các con vật ăn,tắm... *Báo cáo kết quả : -Hs tl cá nhân *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiên thức	2. Em có thể làm gì góp phần tăng thu nhập cho gia đình - Làm vườn, chăm sóc gia súc, gia cầm, giúp đỡ gia đình những việc trong nhà, việc nội trợ
--	---

C. Hoạt động luyện tập: 4'

1.Mục tiêu:

- Biết được thu nhập của gia đình là tổng các khoản thu
- Biết các nguồn thu nhập trong gia đình bằng tiền-bằng hiện vật

2.Phương thức: Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

*Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên: Theo em những ai có thể tham gia đóng góp vào thu nhập cho gia đình

*Thực hiện nhiệm vụ

-> Học sinh suy nghĩ trả lời

-> dự kiến sản phẩm: mọi thành viên đều phải tham gia đóng góp

* Báo cáo kết quả:

- Cá nhân trả lời

*Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

D.Hoạt động vận dụng: 3'

1.Mục tiêu : -Biết được thu nhập của gia đình là tổng các khoản thu

-Biết các nguồn thu nhập trong gia đình bằng tiền-bằng hiện vật

2.Phương thức:Hđ cặp đôi.

3.Sản phẩm : Phiếu học tập

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyên giao nhiệm vụ**

Gv: ?Người lao động có thể tăng thu nhập bằng cách nào

?Người đã nghỉ hưu ngoài lương hưu còn có thể làm thêm gì

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh hoạt động cặp đôi.
- Giáo viên q/s hướng dẫn
- > Dự kiến sản phẩm:
- Tăng năng xuất lao động, tăng ca sản xuất, làm thêm giờ
- Kinh tế phụ, làm gia công tại nhà để tăng thu nhập

***Báo cáo kết quả cá nhân b/c**

***Đánh giá kết quả cá nhân nx**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 1'

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức:Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau,
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5.Tiến trình

***Chuyên giao nhiệm vụ**

?Em đã làm gì để góp phần tăng thu nhập cho gia đình

?Em hãy liệt kê các công việc mình làm để giúp đỡ gia đình

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh hoạt động cá nhân
- Giáo viên q/s
- >Dự kiến sản phẩm... Giúp đỡ bố mẹ công việc nhà, chăm sóc các vật nuôi....

***Báo cáo kết quả**

- Các nhóm báo cáo

***Đánh giá kết**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Về nhà học thuộc bài.
- Nghiên cứu bài 26

*** Rút kinh nghiệm.**

Tuần 32

Tiết 64: CHI TIÊU TRONG GIA ĐÌNH

I. Mục tiêu

1.Kiến thức :

- Biết được chi tiêu trong gia đình là gì, các khoản chi tiêu trong gia đình

2. Kỹ năng : Làm được một số công việc giúp đỡ gia đình và có ý thức tiết kiệm trong chi tiêu

3. Thái độ : Giáo dục học sinh có ý thức tiết kiệm không chi tiêu hoang phí

4. Năng lực: Bồi dưỡng cho HS năng lực tư duy kỹ thuật, làm việc trên tinh thần hợp tác nhóm.

II. CHUẨN BỊ :

1. GV: Hình minh họa đầu chương SGK
2. HS: SGK + đồ dùng học tập

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động Khởi động: 5'

1. Mục tiêu : - Biết được chi tiêu trong gia đình là gì, các khoản chi tiêu trong gia đình

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu: ?Con người cần có nhu cầu gì trong cuộc sống

- Học sinh tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh TL

- Giáo viên QS

- Dự kiến sản phẩm : ăn uống, may mặc, đi chơi...

***Báo cáo kết quả cặp đôi đại diện báo cáo**

***Đánh giá kết quả cặp đôi đại diện nhận xét**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học .

* Giáo viên giới thiệu bài hàng ngày con người có nhiều hoạt động, các hoạt động đó được thể hiện theo 2 hướng cơ bản.

-Tạo ra của cải vật chất cho xã hội-Tiêu dùng những của cải vật chất của xã hội. Trong điều kiện kinh tế hiện nay con người sống cần ăn mặc và các vật dụng phục vụ cho cuộc sống, học tập, công tác, vui chơi giải trí.

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học...

B. Hoạt động: Hình thành kiến thức

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	Nội dung
Hoạt động 1: Tìm hiểu về chi tiêu trong gia đình: 15' <i>1. Mục tiêu :</i> - Biết được chi tiêu trong gia đình là gì, các khoản chi tiêu trong gia đình <i>2. Phương thức thực hiện:</i> - Hoạt động cá nhân	I. Chi tiêu trong gia đình là gì Là các chi phí để đáp ứng nhu cầu vật chất và văn hóa tinh thần của các thành viên trong gia đình từ nguồn thu nhập của họ.

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV: +Chi tiêu trong gia đình là gì?

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh trả lời

- Giáo viên quan sát

-> Dự kiến sản phẩm...Các chi phí về vật chất, văn hóa tinh thần của các các viên trong gia đình

***Báo cáo kết quả**

- HS: báo cáo cá nhân

***Đánh giá kết quả nhóm báo cáo**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét đánh giá

->Giáo viên nhận xét đánh giá chốt ghi bảng

Hoạt động 2: Tìm hiểu về các khoản chi tiêu trong gia đình: 17'

1. Mục tiêu : - Biết được chi tiêu trong gia đình là gì, các khoản chi tiêu trong gia đình

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu:

+Kể tên các sản phẩm dùng cho việc ăn

II. Các khoản chi tiêu trong gia đình

1/ Chi cho nhu cầu vật chất

- Chi cho ăn uống, may mặc, ở.
- Chi cho nhu cầu đi lại.
- Chi bảo vệ sức khỏe

2/ Chi cho nhu cầu văn hóa, tinh thần

- Chi cho học tập
- Chi cho nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí
- Chi cho nhu cầu giao tiếp xã hội

Đời sống kinh tế nâng cao các nhu cầu văn hóa, tin thần càng tăng, do đó mức chi tiêu cho nhu cầu này càng tăng lên

uống của gia đình? + Các loại sản phẩm may mặc mà bản thân và gia đình dùng hàng ngày? - Học sinh tiếp nhận... *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh TL - Giáo viên QS *Báo cáo kết quả HS: trả lời cá nhân *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá -> Giáo viên nhận xét đánh giá -> Giáo viên chốt ghi bảng *Chuyển giao nhiệm vụ Gv: + kể tên các hoạt động văn hóa, tinh thần của gia đình mình phải chi tiêu - Học sinh tiếp nhận... *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh TL - Giáo viên QS -> Dự kiến sản phẩm: Học tập, giao tiếp, giải trí, thăm quan... *Báo cáo kết quả HS: trả lời cá nhân *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá -> Giáo viên nhận xét đánh giá -> Giáo viên chốt ghi bảng	
---	--

C. Hoạt động luyện tập: 4'

1. Mục tiêu : Bồi dưỡng cho HS năng tự học, tự giải quyết vấn đề, làm việc trên tinh thần hợp tác nhóm.
2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cá nhân
3. Sản phẩm hoạt động: - Kết quả thảo luận cặp đôi.
4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh đánh giá lẫn nhau
5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV nêu câu hỏi củng cố, HS suy nghĩ và lựa chọn phương án trả lời.

Câu 1: Nêu các khoản chi cho nhu cầu vật chất trong gia đình ?

+HS: suy nghĩ trả lời.

Câu 2: Nêu các khoản chi cho nhu cầu văn hóa, tinh thần trong gia đình?

+HS: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh...TL

- Giáo viên...Q/S

-> Dự kiến sản phẩm:

+ Chi cho ăn uống, may mặc, ở, chi cho nhu cầu đi lại, chi bảo vệ sức khỏe...

+ Chi cho học tập, chi cho nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí, chi cho nhu cầu giao tiếp xã hội

***Báo cáo kết quả**

- Học sinh báo cáo theo cặp

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

D. Hoạt động vận dụng : 3'

1. Mục tiêu : Bồi dưỡng cho HS năng tự học, tự giải quyết vấn đề, làm việc trên tinh thần hợp tác nhóm.

2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động: - Phiếu học tập của nhóm

4. Phương án kiểm tra, đánh giá: - Học sinh đánh giá lẫn nhau

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu:

+Hàng ngày em đi học bằng phương tiện gì?

+Học sinh tự liên hệ gia đình mình số người, bố và mẹ làm gì ? ở đâu ? họ đi làm bằng những phương tiện gì?

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh...TL

- Giáo viên...Q/S

-> Dự kiến sản phẩm:+ đi bộ, xe đạp, xe đạp điện, ô tô

***Báo cáo kết quả**

- Học sinh trả lời.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng : 1'

1. *Mục tiêu* : Bồi dưỡng cho HS năng tự học, tự giải quyết vấn đề, làm việc trên tinh thần hợp tác nhóm.

2. *Phương thức thực hiện* : - Hoạt động nhóm

3. *Sản phẩm hoạt động*:- Phiếu học tập của nhóm

4. *Phương án kiểm tra, đánh giá*:- Học sinh đánh giá lẫn nhau

5. *Tiến trình hoạt động*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu

+Con người cần có những nhu cầu gì trong cuộc sống ?

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh...TL

- Giáo viên...Q/S

-> Dự kiến sản phẩm : ăn uống, may mặc, thăm hỏi, đi chơi, xem phim ảnh...

***Báo cáo kết quả**

- Học sinh báo cáo theo nhóm

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

*Dặn dò:

-GV yêu cầu HS về nhà học bài và đọc trước bài mới cho tiết học sau.

***Rút kinh nghiệm:**

Tuần 33

Tiết 65 – Bài 26

CHI TIÊU TRONG GIA ĐÌNH(T.2)

I. MỤC TIÊU:

1. **Kiến thức**: Biết sự khác nhau về mức tiêu của hộ gia đình ở Việt Nam

2. **Kĩ năng** : Làm được các biện pháp cân đối thu chi trong gia đình.

3. Thái độ : Có ý thức chi tiêu tiết kiệm trong gia đình

4. Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.

- **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Máy chiếu, phiếu học học, bảng phụ.

2. Học sinh: Chuẩn bị đầy đủ sách vở và đồ dùng học tập như hướng dẫn ở tiết trước.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động

1. Mục tiêu:

- Nhằm giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm của bản thân về vấn đề liên quan đến tổ chức bữa ăn, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác, tinh thần học tập lẫn nhau trong học sinh.

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu: Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy hoạt động nhóm trả lời câu hỏi sau:

Trong gia đình em có các khoản thu nhập nào? Đã chi tiêu các khoản gì hàng tháng?

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

+ HS đọc yêu cầu.

+ HS thảo luận.

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)
- Dự kiến câu trả lời: HS trả lời theo ý hiểu

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm trình bày.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề : Vậy để kiểm tra xem phần trả lời các câu hỏi trên của các bạn đã đúng và đầy đủ hay chưa chúng ta hãy cùng cô tìm hiểu bài học ngày hôm nay.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động 1 . Tìm hiểu chi tiêu của các hộ gia đình ở Việt Nam. 1. Mục tiêu : - Biết được chi tiêu trong gia đình ở các khu vực 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá: Học sinh đánh giá 5. Tiến trình hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ GV: Chi tiêu trong gia đình là gì? - Học sinh tiếp nhận... *Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh TL- Giáo viên QS - Dự kiến sản phẩm...Các chi phí trong gia đình của các vùng miền *Báo cáo kết quả nhóm báo cáo *Đánh giá kết quả nhóm báo cáo - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá ->Giáo viên nhận xét đánh giá *Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu: ? Hãy nhắc lại các hình thức thu nhập của	III. Chi tiêu của các loại hộ gia đình ở Việt Nam. - Gia đình nông thôn sản xuất ra sản phẩm vật chất và trực tiếp tiêu dùng. - Gia đình thành thị thu nhập bằng tiền nên phải mua hoặc chi trả.

các hộ thành phố và nông thôn? - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 bạn trong thời gian 3 phút đánh dấu (X) vào các cột ở bảng sau đây cho thích hợp và rút ra kết luận về sự khác nhau giữa chi tiêu chủ yếu của các loại hộ gia đình. - Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung để hoàn thiện rút ra kết luận về sự khác nhau giữa chi tiêu chủ yếu của các loại hộ gia đình. - Học sinh tiếp nhận... *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh TL - Giáo viên QS *Báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá ->Giáo viên nhận xét đánh giá chốt ghi bảng				
Hộ gia đình Nhu cầu	Nông thôn		Thành phố	
	Tự cấp	Mua hoặc chi trả	Tự cấp	Mua hoặc chi trả
Ăn uống	x			x
May mặc		x		x
ở (nhà,điện,nước...)	x	x		x
Đi lại		x		x
Bảo vệ sức khoẻ		x		x
Học tập		x		x
Nghỉ ngơi, giải trí	x			x
Hoạt động 2 . Tìm hiểu cân đối thu chi trong gia đình. 1. Mục tiêu : - Biết được cách cân đối chi tiêu trong gia đình ở các khu vực 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cá			- Gia đình nông thôn sản xuất ra sản phẩm vật chất và trực tiếp tiêu dùng. IV. Cân đối thu chi trong gia đình.	

nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá: Học sinh đánh giá

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV: Chi tiêu trong gia đình là gì?

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ:**

Học sinh TL- Giáo viên QS

- Dự kiến sản phẩm... Các chi phí trong gia đình của các vùng miền

***Báo cáo kết quả nhóm báo cáo**

***Đánh giá kết quả nhóm báo cáo**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

-> Giáo viên nhận xét đánh giá

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu: - Yêu cầu HS đọc mục II - SGK - liên hệ thực tế.

- Em hiểu thế nào là cân đối thu chi trong gia đình?

- Muốn cân đối thu chi tốt theo em cần phải làm gì?

- Dựa vào mục 1.. đọc 4 ví dụ SGK. Em cho biết chi tiêu ở 4 gia đình đã hợp lý chưa? như thế nào gọi là chi tiêu hợp lý?

- HS cá nhân liên hệ chi tiêu của gia đình để trả lời.

- GV bổ sung và kết luận

- Nếu chi tiêu không hợp lý, thiếu phần tích lũy thì sẽ dẫn đến hậu quả gì? Liên hệ ở gia đình em?

- Dựa vào mục 2 SGK. Nêu các biện pháp cân đối thu chi?

1. Chi tiêu hợp lý.

a) Ở thành thị

b) Ở nông thôn

- Thỏa mãn các nhu cầu thiết yếu của gia đình theo khả năng thu nhập

- Có phần tích lũy

2. Biện pháp cân đối thu chi.

a) Chi tiêu theo kế hoạch.

- Xác định trước định nhu cầu chi tiêu và cân đối với khả năng thu nhập.

b) Tích lũy (tiết kiệm)

- Tích lũy nhờ tiết kiệm chi tiêu hàng ngày

- Tích lũy giúp chúng ta có một khoản chi cho những việc đột xuất, mua sắm thêm các đồ dùng khác hoặc để phát triển kinh tế gia đình

- Thế nào là chi tiêu theo kế hoạch? - Gv chiếu hình 4.3 quyết định mua hàng khi nào trong 3 trường hợp: Rất cần- Cần (hàng đắt cũng phải mua.)- Chưa cần? (hàng rẻ cũng không mua) - gợi ý để HS thảo luận: - Mua hàng khi nào – Mua hàng loại nào – Mua hàng ở đâu?). Có những biện pháp chi tiêu nào để đảm bảo cân đối thu chi ở gia đình? - Học sinh tiếp nhận... *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh TL - Giáo viên QS *Báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá ->Giáo viên nhận xét đánh giá chốt ghi bảng	
---	--

C. Hoạt động luyện tập: 4'

1. Mục tiêu : Bồi dưỡng cho HS năng tự học, tự giải quyết vấn đề, làm việc trên tinh thần hợp tác nhóm.

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu học tập.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV nêu câu hỏi củng cố, HS suy nghĩ và lựa chọn phương án trả lời.

- Một gia đình sống ở thành phố, bố là giảng viên của một trường đại học cách nhà 5km. Mẹ bán hàng tại nhà, hai con gái đều đang học phổ thông. Hãy hoạt động cá nhân 3 phút liên hệ, tìm hiểu, hoàn thành bảng chi tiêu dưới đây cho gia đình trên.

Chi tiêu cho nhu cầu vật chất	Chi tiêu cho nhu cầu tinh thần	Các biện pháp tiết kiệm chi tiêu

--	--	--

- Thu nhập 1 tháng của gia đình trên khoảng bao nhiêu là phù hợp?
- Từng em trình bày kết quả liên hệ, tìm hiểu, các thành viên nhận xét, góp ý để hoàn thiện bài tập.
- Mức chi tiêu của gia đình ở thành phố và nông thôn có gì khác nhau không?
- Làm thế nào để cân đối thu, chi trong gia đình?
- Em hãy kể tên những khoản chi tiêu của gia đình em mà em biết?
- HS đọc phần ghi nhớ SGK/133.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh...TL
- Giáo viên...Q/S

***Báo cáo kết quả**

- Học sinh báo cáo theo nhóm

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

D. Hoạt động vận dụng : 3'

1. Mục tiêu : Bồi dưỡng cho HS năng tự học, tự giải quyết vấn đề, làm việc trên tinh thần hợp tác nhóm.
2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân.
3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu học tập.
4. Phương án kiểm tra, đánh giá- Học sinh đánh giá lẫn nhau
5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

Em hãy về nhà tìm hiểu về một số nội dung liên quan trong bài học, tổng hợp trả lời các câu hỏi theo hướng dẫn sau đây và nộp sản phẩm cho cô vào buổi học sau:

Các việc làm để giảm bớt chi tiêu.

- Gia đình em đã áp dụng biện pháp nào để giảm bớt chi tiêu?
- Bản thân các em đã có những việc làm gì để giảm bớt chi tiêu?

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh...TL
- Giáo viên...Q/S

***Báo cáo kết quả**

- Học sinh trả lời.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng : 1'

1. *Mục tiêu* : Bồi dưỡng cho HS năng tự học, tự giải quyết vấn đề, làm việc trên tinh thần hợp tác nhóm.
2. *Phương thức thực hiện*: - Hoạt động cá nhân.
3. *Sản phẩm hoạt động*- Phiếu học tập cá nhân.
4. *Phương án kiểm tra, đánh giá*- Học sinh đánh giá lẫn nhau
5. *Tiến trình hoạt động*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Mỗi học sinh tìm hiểu, liên hệ ở gia đình và khu dân cư phát hiện những việc làm để tiết kiệm chi tiêu nhưng không phù hợp với quy định của pháp luật và lứa tuổi.

- Mỗi thành viên chủ động phát hiện những việc làm tiết kiệm chi tiêu cho gia đình nhưng chưa đúng luật pháp và không phù hợp với lứa tuổi ở các gia đình, trong các cơ sở sản xuất trong xã hội.

+ Tổng hợp kết quả tìm hiểu, trao đổi và nộp cho cô giáo vào buổi học sau.

* - Về học bài 3, 4, SGK /133.

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh...TL
- Giáo viên...Q/S
- Dự kiến sản phẩm -> ăn uống, may mặc, thăm hỏi...

***Báo cáo kết quả**

- Học sinh báo cáo theo nhóm

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên chốt kiến thức

*Dặn dò:

-GV yêu cầu HS về nhà học bài và đọc trước bài mới cho tiết học sau.

Rút kinh nghiệm:

Tuần 33

Tiết 66 - Bài 27

THỰC HÀNH : BÀI TẬP TÌNH HUỐNG VỀ THU, CHI TRONG GIA ĐÌNH (T.1)

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** Thông qua bài học thì học sinh nắm được các kiến thức cơ bản về thu, chi trong gia đình.
- 2. Kỹ năng :** Xác định được mức thu và chi của gia đình trong một tháng, một năm.
- 3. Thái độ :** Có ý thức giúp đỡ gia đình và tiết kiệm chi tiêu.
- 4. Năng lực, phẩm chất:**
 - **Năng lực:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.
 - **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

- 1. Giáo viên:** Máy chiếu, phiếu học học, bảng phụ.
- 2. Học sinh:** Chuẩn bị đầy đủ sách vở và đồ dùng học tập như hướng dẫn ở tiết trước.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động: 5'

1. Mục tiêu:

- Nhằm giúp HS huy động kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân về vấn đề liên quan đến cách thu chi trong gia đình, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác, tinh thần học tập lẫn nhau trong học sinh.

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.
- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu Từ các nhu cầu tối thiểu của bản thân, hãy liên hệ thực tế ở gia đình em xác định chi tiêu của em hàng tháng và các khoản chi tiêu trong gia đình em?
- Hs tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:
 - + HS đọc yêu cầu.
 - + HS thảo luận.
- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)
- Dự kiến câu trả lời: HS trả lời theo ý hiểu

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm trình bày.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên gieo vấn đề : Vậy để kiểm tra xem phần trả lời các câu hỏi trên của các bạn đã đúng và đầy đủ hay chưa chúng ta hãy cùng cô tìm hiểu bài học ngày hôm nay.

B.Hoạt động hình thành kiến thức mới

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
HOẠT ĐỘNG I: Tìm hiểu cách xác định thu nhập của gia đình. <i>1. Mục tiêu :</i> - Biết được cách xác định các khoản thu nhập của gia đình <i>2. Phương thức thực hiện:</i> - Hoạt động cá nhân <i>3. Sản phẩm hoạt động-</i> Trình bày miệng <i>4. Phương án kiểm tra, đánh giá-</i> Học	I.Chuẩn bị

sinh đánh giá 5. Tiến trình hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ GV: Phân công cho từng nhóm. GV: Yêu cầu học sinh thực hành với từng nội dung. + Nhóm 1: Lập phương án thu, chi cho gia đình ở thành phố. + Nhóm 2. Lập phương án thu, chi cho gia đình ở nông thôn. + Nhóm 3: Cân đối thu chi cho gia đình em với mức thu nhập 1 tháng. GV: Hướng dẫn học sinh thực hành theo - Học sinh tiếp nhận... *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh TL - Giáo viên QS *Báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá -> Giáo viên nhận xét đánh giá chốt ghi bảng	II. Nội dung thực hành 1) Xác định thu nhập của gia đình a) Gia đình ở thành phố *Giải - Tổng thu nhập của gia đình là: $900.000 + 350.000 + 1.000.000 + 800.000 = 3.050.000 \text{ đ}$ b) Gia đình ở nông thôn *Giải - Số thóc đem bán đi là: $5 \text{ (tấn)} - 1,5 \text{ (tấn)} = 3,5 \text{ (tấn)}$ Số tiền bán thóc là . $3,5 \text{ (tấn)} \times 2.000 \text{ đ} = 7.000.000 \text{ đ}$ - Tổng thu nhập của gia đình là: $1.000.000 \text{ đ} + 7.000.000 \text{ đ} = 8.000.000 \text{ đ}$ c) Gia đình ở miền trung du Bắc Bộ - Tổng thu nhập trong 1 năm là $= 10.000.000 + 1.000.000 + 200.000 + 1.800.000$ $= 13.000.000$ III. Thực hành IV. Đánh giá - Nhận xét
---	--

C. Hoạt động luyện tập: 15'

1. Mục tiêu : Bồi dưỡng cho HS năng tự học, tự giải quyết vấn đề, làm việc trên tinh thần hợp tác nhóm.
2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cá nhân
3. Sản phẩm hoạt động: Bài kiểm tra 15p
4. Phương án kiểm tra, đánh giá- Học sinh đánh giá lẫn nhau

5. Tiến trình hoạt động

*Hình thức hoạt động: GV đưa ra câu hỏi, HS suy nghĩ và làm bài vào giấy kiểm tra 15p.

Câu 1: Nêu các khoản chi cho nhu cầu vật chất trong gia đình em ?

+HS: suy nghĩ trả lời.

Câu 2: Nêu các khoản chi cho nhu cầu văn hóa, tinh thần trong gia đình em?

+HS: suy nghĩ trả lời

D. Hoạt động vận dụng

1. Mục tiêu : Bồi dưỡng cho HS năng tự học, tự giải quyết vấn đề, làm việc trên tinh thần hợp tác nhóm.

2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động- Phiếu học tập của nhóm

4. Phương án kiểm tra, đánh giá- Học sinh đánh giá lẫn nhau

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

Em hãy về nhà tìm hiểu về một số nội dung liên quan trong bài học, tổng hợp trả lời các câu hỏi theo hướng dẫn sau đây và nộp sản phẩm cho cô vào buổi học sau:

- Chi tiêu cho nhu cầu vật chất, tinh thần của gia đình em hàng tháng là bao nhiêu?

- Các biện pháp có thể để tiết kiệm chi tiêu?

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh...TL

- Giáo viên...Q/S

***Báo cáo kết quả**

- Học sinh báo cáo theo nhóm

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

1. Mục tiêu : Bồi dưỡng cho HS năng tự học, tự giải quyết vấn đề, làm việc trên tinh thần hợp tác nhóm.

2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động- Phiếu học tập của nhóm

4. Phương án kiểm tra, đánh giá- Học sinh đánh giá lẫn nhau

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Thảo luận nhóm về việc lựa chọn các công việc phù hợp với lứa tuổi các em, phù hợp với pháp luật quy định để giúp gia đình tiết kiệm chi tiêu.

+ Tổng hợp kết quả tìm hiểu, trao đổi và nộp cho cô giáo vào buổi học sau.

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh...TL

- Giáo viên...Q/S

- Dự kiến sản phẩm -> ăn uống, may mặc, thăm hỏi...

***Báo cáo kết quả**

- Học sinh báo cáo theo nhóm

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá->Giáo viên chốt kiến thức

*Dặn dò:

-GV yêu cầu HS về nhà học bài và đọc trước bài mới cho tiết học sau

Rút kinh nghiệm :

Tuần 34

Tiết 67 - Bài 27

THỰC HÀNH : BÀI TẬP TÌNH HUỐNG VỀ THU, CHI TRONG GIA ĐÌNH (T.2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Thông qua bài học thì học sinh nắm được các kiến thức về thu, chi trong gia đình.

2. Kỹ năng : Xác định được mức thu và chi của gia đình trong một tháng, một năm.

3. Thái độ : Có ý thức giúp đỡ gia đình và tiết kiệm chi tiêu.

4. Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.

- **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Máy chiếu, phiếu học học, bảng phụ.

2. Học sinh: Chuẩn bị đầy đủ sách vở và đồ dùng học tập như hướng dẫn ở tiết trước.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A. Hoạt động khởi động

1. Mục tiêu:

- Nhằm giúp HS huy động kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân về vấn đề liên quan đến chi tiêu trong gia đình, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác, tinh thần học tập lẫn nhau trong học sinh.

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.
- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu: Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy hoạt động nhóm trả lời câu hỏi sau:

Từ các nhu cầu tối thiểu của bản thân, hãy liên hệ thực tế ở gia đình em xác định chi tiêu của em hàng tháng và các khoản chi tiêu trong gia đình em?

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

- + HS đọc yêu cầu.
- + HS thảo luận.

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)

- Dự kiến câu trả lời: HS trả lời theo ý hiểu

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm trình bày.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề : Vậy để kiểm tra xem phần trả lời các câu hỏi trên của các bạn đã đúng và đầy đủ hay chưa chúng ta hãy cùng cô tìm hiểu bài học ngày hôm nay.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
HD 1. Tìm hiểu cách xác định chi tiêu của gia đình. 1. <i>Mục tiêu</i> : - Biết được cách xác định các khoản chi tiêu trong gia đình 2. <i>Phương thức thực hiện</i> : Hoạt động cá nhân 3. <i>Sản phẩm hoạt động</i>- Trình bày miệng 4. <i>Phương án kiểm tra, đánh giá</i>- Học sinh đánh giá 5. <i>Tiến trình hoạt động</i>: *Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 6 phút học sinh tính toán các khoản thu nhập trong một tháng và một năm của mỗi gia đình - <i>Học sinh tiếp nhận...</i> *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh TL- Giáo viên QS - Dự kiến sản phẩm...Các chi phí trong gia đình của các vùng miền *Báo cáo kết quả nhóm báo cáo *Đánh giá kết quả nhóm báo cáo - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá ->Giáo viên nhận xét đánh giá *Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu: Hãy nhắc lại các hình thức thu nhập của các hộ thành phố và nông thôn? - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 bạn trong thời gian 3 phút đánh dấu (X) vào các cột ở bảng sau đây cho thích hợp và rút ra kết luận về sự khác nhau giữa chi tiêu chủ yếu của các loại hộ gia đình. - Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác	I. Cách xác định chi tiêu của gia đình.

nhận xét, bổ sung để hoàn thiện rút ra kết luận về sự khác nhau giữa chi tiêu chủ yếu của các loại hộ gia đình. - Học sinh tiếp nhận... *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh TL - Giáo viên QS *Báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá ->Giáo viên nhận xét đánh giá chốt ghi bảng	
HDD2. Tìm hiểu cân đối thu chi 1. Mục tiêu : - Biết được cách xác định các khoản chi tiêu trong gia đình 2. Phương thức thực hiện : Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động- Trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá- Học sinh đánh giá 5. Tiến trình hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 6 phút học sinh tính toán các khoản thu nhập trong một tháng và một năm của mỗi gia đình - Học sinh tiếp nhận... *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh TL- Giáo viênQS - Dự kiến sản phẩm...Các chi phí trong gia đình của các vùng miền *Báo cáo kết quả nhóm báo cáo *Đánh giá kết quả nhóm báo cáo - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá ->Giáo viên nhận xét đánh giá	II. Cân đối thu chi a) Gia đình em có 4 người, mức thu nhập của một tháng là 2.000.000 đồng (ở thành phố) và 800.000 đồng (ở nông thôn). Em hãy tính mức chi tiêu cho các nhu cầu cần thiết sao cho mỗi tháng có thể tiết kiệm ít nhất được 100.000 đồng b) Mỗi ngày bố mẹ cho em 1.500đồng để ăn sáng. Em thường mua quà sáng 1.000 đồng /ngày. Số tiền còn lại em mua truyện và quà tặng bạn nhân ngày sinh nhật. Em có để dành được tiền không ? c) Em tham gia kế hoạch nhỏ như. Nuôi gà, trồng rau và hoa ở vườn, gom sách báo cũ ..để bán lấy tiền và tiền mừng tuổi tết Tổng số tiền mỗi năm em có khoảng 200.000 đồng Em sử dụng khoản tiền đó như thế nào? Em để dành được bao nhiêu ? III.Đánh giá -nhận xét

*Chuyển giao nhiệm vụ GV: Hướng dẫn học sinh cách tính cân đối thu, chi theo các ý a,b,c. - HS: Thực hiện nhóm 5 phút dưới sự giám sát chỉ bảo của giáo viên hoàn thành báo cáo thực hành. - Đại diện nhóm lên bảng trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Học sinh tiếp nhận... *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh TL - Giáo viên QS *Báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá ->Giáo viên nhận xét đánh giá chốt ghi bảng	
---	--

C. Hoạt động -Luyện tập:

1. Mục tiêu : - Biết được cách xác định các khoản chi tiêu trong gia đình
2. Phương thức thực hiện : Hoạt động cá nhân
3. Sản phẩm hoạt động- Trình bày miệng
4. Phương án kiểm tra, đánh giá- Học sinh đánh giá
5. Tiến trình hoạt động:

GV nêu câu hỏi củng cố, HS suy nghĩ và lựa chọn phương án trả lời.

Câu 1: Nêu các khoản chi cho nhu cầu vật chất trong gia đình ?

+HS: suy nghĩ trả lời.

Câu 2: Nêu các khoản chi cho nhu cầu văn hóa, tinh thần trong gia đình?

+HS: suy nghĩ trả lời

D. Hoạt động :Vận dụng

1. Mục tiêu : Bồi dưỡng cho HS năng tự học, tự giải quyết vấn đề, làm việc trên tinh thần hợp tác nhóm.
2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động nhóm
3. Sản phẩm hoạt động- Phiếu học tập của nhóm
4. Phương án kiểm tra, đánh giá- Học sinh đánh giá lẫn nhau
5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

Em hãy về nhà tìm hiểu về một số nội dung liên quan trong bài học, tổng hợp trả lời các câu hỏi theo hướng dẫn sau đây và nộp sản phẩm cho cô vào buổi học sau:

- Chi tiêu cho nhu cầu vật chất, tinh thần của gia đình em hàng tháng là bao nhiêu?

- Các biện pháp có thể để tiết kiệm chi tiêu?

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh...TL

- Giáo viên...Q/S

***Báo cáo kết quả**

- Học sinh báo cáo theo nhóm

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E. Hoạt động: Tìm tòi, mở rộng

1. Mục tiêu : Bồi dưỡng cho HS năng tự học, tự giải quyết vấn đề, làm việc trên tinh thần hợp tác nhóm.

2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động- Phiếu học tập của nhóm

4. Phương án kiểm tra, đánh giá- Học sinh đánh giá lẫn nhau

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Thảo luận nhóm về việc lựa chọn các công việc phù hợp với lứa tuổi các em, phù hợp với pháp luật quy định để giúp gia đình tiết kiệm chi tiêu.

+ Tổng hợp kết quả tìm hiểu, trao đổi và nộp cho cô giáo vào buổi học sau.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh...TL

- Giáo viên...Q/S

- Dự kiến sản phẩm -> ăn uống, may mặc, thăm hỏi...

***Báo cáo kết quả**

- Học sinh báo cáo theo nhóm

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

*Dặn dò:

-GV yêu cầu HS về nhà học bài và đọc trước bài mới cho tiết học sau.

Rút kinh nghiệm:

Tuần 34

Tiết 68, 69: ÔN TẬP CHƯƠNG IV

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: HS Thông qua tiết ôn tập, HS nhớ lại các phần nội dung đã được học trong chương IV và một số kiến thức trọng tâm của chương III..

2. Kỹ năng : Nhằm vững kiến thức và kỹ năng thu, chi và nấu ăn trong gia đình

3. Thái độ : - Có ý thức tự giác tham gia tích cực vận dụng kiến thức đã học vào xây dựng bài.

- Thông qua tiết ôn tập rèn luyện tính siêng năng, nhanh nhẹn, biết vận dụng kiến thức bằng phương pháp khoa học .

4. Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.

- **Phẩm chất:** Trung thực, tự tin, chấp hành kỉ luật.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: - Máy chiếu, giấy A0, bút dạ

- Câu hỏi ôn tập và đề cương ôn tập.

2. Học sinh: Chuẩn bị đầy đủ sách vở và đồ dùng học tập như hướng dẫn ở tiết trước.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

A.Hoạt động khởi động

1.Mục tiêu:

- Nhằm giúp HS huy động kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân về vấn đề liên quan đến tổ chức bữa ăn, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác, tinh thần học tập lẫn nhau trong học sinh.

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.
- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

* GV tổ chức trò chơi “ Nhìn tranh nhớ bài”:

+ GV chiếu hình ảnh cho HS quan sát sau đó nêu tên các bài đã được học. HS khác nhận xét, GV nhận xét, chốt.

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:

+ HS đọc yêu cầu.

+ HS thảo luận.

- Giáo viên: Quan sát hỗ trợ (nếu cần)
- Dự kiến câu trả lời: HS trả lời theo ý hiểu

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm trình bày.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề : Vậy để kiểm tra xem phần trả lời các câu hỏi trên của các bạn đã đúng và đầy đủ hay chưa chúng ta hãy cùng cô tìm hiểu bài học ngày hôm nay.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
1. Mục tiêu : - Biết được cách xác định các khoản chi tiêu trong gia đình 2. Phương thức thực hiện : Hoạt động cá nhân 3. Sản phẩm hoạt động- Trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá- Học sinh đánh giá 5. Tiến trình hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chia lớp thành 4 nhóm thảo luận khoảng 15 phút	I. Các nhóm thảo luận theo nội dung phân công II. Thảo luận trước lớp. Trả lời câu 1. - An toàn thực phẩm là giữ cho thực phẩm không bị nhiễm trùng, nhiễm độc, biến chất. + An toàn thực phẩm khi mua sắm: thực phẩm đảm bảo tươi, không ôi, ươn, ứa, ươn...

- Gv ghi câu hỏi lên bảng phụ và gọi Hs đọc

Nhóm 1.

Câu 1.

*Cho biết biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm? Nêu ảnh hưởng của nhiệt độ đối với vi khuẩn

- Hs thảo luận trả lời, nhận xét, bổ sung

- Gv bổ sung và kết luận

- Hs trả lời ảnh hưởng của nhiệt độ đối với vi khuẩn, Gv kết luận

Câu 2.

* Để tổ chức bữa ăn hợp lý phù hợp với hoàn cảnh của từng gia đình, cần dựa vào những nguyên tắc nào?

*Tại sao lại phân chia số bữa ăn trong ngày?

- Hs thảo luận trả lời, nhận xét, bổ sung

- Gv bổ sung và kết luận

Nhóm 2

Câu 3.

*Hãy kể các phương pháp làm chín thực phẩm thường được sử dụng hàng ngày?

- Hs thảo luận trả lời, nhận xét, bổ sung

- Gv bổ sung và kết luận

Câu 4

*Trình bày quy trình thực hiện một món

đồ hộp phải chú ý đến hạn sử dụng.

+ An toàn thực phẩm khi chế biến: vi khuẩn xâm nhập vào thức ăn khi chế biến thức ăn trong nhà bếp, khi sơ chế... Nếu thức ăn không được nấu chín hay bảo quản không chu đáo vi trùng sẽ phát triển mạnh, gây ngộ độc. tiêu chảy, nôn mửa.

Trả lời câu 2.

+ Đáp ứng nhu cầu các thành viên trong gia đình.

+ Phù hợp với điều kiện tài chính.

+ Sự cân bằng chất dinh dưỡng chọn đủ 4 nhóm thức ăn cân bằng dinh dưỡng.

+ Thay đổi món ăn, thay đổi cách chế biến để ăn ngon hơn.

Câu 3.

- Phương pháp làm chín thực phẩm trong nước.(luộc, nấu, kho)

- Phương pháp làm chín thực phẩm bằng hơi nước.(hấp)

- Phương pháp làm chín thực phẩm bằng sức nóng trực tiếp của lửa.

- Phương pháp làm chín thực phẩm bằng chất béo.(rán, rang, xào)

Câu 4

- (HS tự chọn món và trả lời)

Câu 5.

- Thu nhập của gia đình là tổng các khoản thu bằng tiền hoặc bằng hiện vật do lao động của các thành viên trong gia đình tạo ra.

- Có những loại thu nhập bằng tiền hoặc bằng hiện vật.

Câu 6

-Tiết kiệm (không lãng phí)

- Chi tiêu hợp lý.(đủ – khoa học)

- Làm các công việc giúp đỡ gia đình tùy

nộm mà em thích.(Chuẩn bị, chế biến, trình bày) - Hs thảo luận trả lời, nhận xét, bổ sung Nhóm 3. Câu 5. *Thu nhập của gia đình là gì và có những loại thu nhập nào? - Hs thảo luận trả lời, nhận xét, bổ sung - Gv bổ sung và kết luận Nhóm 4. Câu 6. *Em đã làm gì để góp phần tăng thu nhập gia đình?. *Báo cáo , nhận xét - Yêu cầu học sinh hệ thống lại kiến thức - Gv hệ thống lại kiến thức đã ôn tập - Học sinh tiếp nhận... *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh TL- Giáo viên QS - Dự kiến sản phẩm...Các chi phí trong gia đình của các vùng miền *Báo cáo kết quả nhóm báo cáo *Đánh giá kết quả nhóm báo cáo - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá vụ - Học sinh TL - Giáo viên QS *Báo cáo kết quả *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá ->Giáo viên nhận xét đánh giá chốt ghi bảng	theo sức của mình. .(HS nêu một số công việc đã làm ở gia đình))
--	--

C. Hoạt động : Luyện tập

1. Mục tiêu : - Biết được cách xác định các khoản chi tiêu trong gia đình
2. Phương thức thực hiện : Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá- Học sinh đánh giá

5. Tiến trình hoạt động:

GV nêu câu hỏi củng cố, HS suy nghĩ và lựa chọn phương án trả lời.

Câu 1: Nêu các khoản chi cho nhu cầu vật chất trong gia đình ?

+HS: suy nghĩ trả lời.

Câu 2: Nêu các khoản chi cho nhu cầu văn hóa, tinh thần trong gia đình?

+HS: suy nghĩ trả lời

D. Hoạt động : Vận dụng

1. Mục tiêu : - Biết được cách xác định các khoản chi tiêu trong gia đình

2. Phương thức thực hiện : Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá- Học sinh đánh giá

5. Tiến trình hoạt động:

- GV tổ chức trò chơi ai nhanh, ai nhanh bằng cách GV chia lớp làm 6 nhóm sau đó GV đưa ra các câu hỏi có nhiều lựa chọn yêu cầu trong thời gian ngắn nhất đội nào trả lời được nhiều câu đúng nhất đội đó sẽ chiến thắng. Phần thưởng cho đội chiến thắng sẽ là một phần quà bí mật.

Câu 1: Những thực phẩm giàu chất đạm:

A. Mía

C. Rau các loại

B. Trứng, thịt cá, đậu tương

D. Gạo, ngô

Câu 2: Những thực phẩm giàu tinh bột:

A. Mía

C. Gạo, ngô, khoai, sắn

B. Thịt, cá

D. Rau xanh

Câu 3: Người ta phân chia thức ăn thành mấy nhóm:

A. 2 nhóm

B. 3 nhóm

C. 4 nhóm

D. 5 nhóm

Câu 4: Bữa ăn thường ngày gồm:

A. 5 - 6 món

C. 2 món

B. 3 - 4 món

D. Nhiều món

Câu 5: Nếu thiếu chất đạm trầm trọng làm cho trẻ em :

A. Dễ béo phì

B. Dễ bị đói mệt

C. Thiếu năng lượng

D. Bị suy dinh dưỡng, phát triển kém.

Câu 6: Nếu ăn thừa chất đạm:

A. Làm cơ thể bị suy dinh dưỡng

B. Trí tuệ phát triển kém

C. Cơ thể ốm yếu

D. Gây bệnh béo phì, huyết áp cao, bệnh tim mạch

Gọi 1-> 2 học sinh nhắc lại trọng tâm của từng bài.

- GV nhận xét ý thức, thái độ, tinh thần học tập của HS kết quả tiết ôn tập.

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh...TL

- Giáo viên...Q/S

***Báo cáo kết quả**

- Học sinh báo cáo theo nhóm

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E. Hoạt động : Tìm tòi, mở rộng

1. Mục tiêu : - Biết được cách xác định các khoản chi tiêu trong gia đình

2. Phương thức thực hiện : Hoạt động cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá- Học sinh đánh giá

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Hãy tìm hiểu thêm trên tivi, sách báo hay trên internet để thấy được tầm quan trọng của thực phẩm đối với cơ thể con người, tác hại của việc ăn uống không điều độ. Những thực đơn giúp cơ thể con người khỏe hơn.

*- Về nhà học ôn kĩ bài và xem thêm những nội dung chưa được ôn ở trên lớp.

- Giáo viên nhắc nhở học sinh tránh ôn tủ, mà phải học hết để tiết sau làm bài kiểm tra học kì II tiết được tốt

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh...TL

- Giáo viên...Q/S

- Dự kiến sản phẩm -> ăn uống, may mặc, thăm hỏi...

***Báo cáo kết quả**

- Học sinh báo cáo theo nhóm

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

*Dẫn dò:

-GV yêu cầu HS về nhà học bài và đọc trước bài mới cho tiết học sau.

Rút kinh nghiệm:

Tuần 35

Tiết 70

KIỂM TRA HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:- Qua bài kiểm tra đánh giá mức độ nhận thức , khả năng vận dụng kiến thức của học sinh.

2. Kỹ năng : Rèn năng lực vận dụng, khái quát hoá, tổng. hợp hoá kiến thức

3. Thái độ : Giáo dục ý thức tự học, tự giác, tập trung cao.

4.Năng lực, phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực tư duy, năng lực sáng tạo, tự quản lí, tính toán.

- **Phẩm chất:** Trung thực; Nghiêm túc; Tự tin và có tinh thần vượt khó; Chấp hành kỉ luật

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA: Trắc nghiệm và tự luận

Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm và tự luận

MA TRẬN

Cấp	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao

độ	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TN KQ	TL
Chủ đề								
Cơ sở của ăn uống hợp lý	Biết được các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể			Hiểu được nguồn gốc và vai trò của các chất dinh dưỡng	Phân biệt được TPdinh dưỡng trong một số TP			
25%TSĐ =2.5điểm	10%TSĐ =0.25điểm m	0%TSĐ =0điểm m	0%TSĐ =0điểm	80%TSĐ =2điểm	10%TSĐ =0.25điểm m	0%TSĐ =0điểm m	0%TSĐ =0điểm	0%TSĐ =0điểm m
Vệ sinh an toàn thực phẩm	Nhận biết được nguyên nhân gây ngộ độc		Hiểu được thế nào là an toàn vệ sinh thực phẩm	Hiểu rõ về nhiễm trùng, nhiễm độc thực phẩm		Trình bày các PP phòng tránh		
30%TSĐ =3điểm	16%TSĐ =0.5điểm m	0%TSĐ =0điểm m	8%TSĐ =0.25điểm m	34%TSĐ =1điểm	0%TSĐ =0điểm	42%TSĐ =1.25điểm	0%TSĐ =0điểm	0%TSĐ =0điểm m
Tổ chức bữa ăn hợp lý trong gia đình	Nêu được sự cần thiết của ăn uống hợp lý		Hiểu sự cần thiết của việc phân chia số bữa ăn		Vận dụng ăn uống khoa học trong thực tế			
10%TSĐ =1điểm	50%TSĐ =0.5điểm m	0%TSĐ =0điểm m	25%TSĐ =0.25điểm m	0%TSĐ =0điểm	25%TSĐ =0.25điểm m	0%TSĐ =0điểm m	0%TSĐ =0điểm	0%TSĐ =0điểm m

Xây dựng thực đơn			Hiểu được cơ cấu các món ăn trong các bữa ăn	Hiểu được nguyên tắc cơ bản trong xây dựng thực đơn				Vận dụng vào thực tế xây dựng được thực đơn
32.5%TSĐ =3.25điểm	0%TSĐ =0điểm	0%TSĐ =0điểm	8%TSĐ =0.25điểm	30%TSĐ =1điểm	0%TSĐ =0điểm	0%TSĐ =0điểm	0%TSĐ =0điểm	62%TSĐ =2điểm
Thu, chi trong gia đình			Phân biệt được các khoản thu nhập					
2.5%TSĐ =0.25điểm	0%TSĐ =0điểm	0%TSĐ =0điểm	100%TSĐ =0.25điểm	0%TSĐ =0điểm	0%TSĐ =0điểm	0%TSĐ =0điểm	0%TSĐ =0điểm	0%TSĐ =0điểm
TSĐ:10-số câu 10	1.25 điểm 12.5%	0điểm 0%	1điểm 10%	4điểm 40%	0.5điểm 5%	1.25điểm 12.5%	0điểm 0%	2điểm 20%

ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HỌC KỲ II

I. Trắc nghiệm(3đ)

*** Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất**

Câu 1: Bữa ăn thường ngày có:

- a. 3 - 4 món. b. 4 - 6 món. c. 5 - 6 món. d. 7 - 8 món.

Câu 2: Khoảng cách giữa các bữa ăn là:

- a. 3 đến 5 giờ. c. 4 đến 6 giờ.
b. 4 đến 5 giờ. d. 5 đến 6 giờ.

Câu 3: Món ăn chính được dùng trong bữa tiệc là:

- a. Súp măng cua. c. Gỏi thập cẩm.

b. Gà luộc + Xôi mặn.

d. Tôm hấp bia.

Câu 4: Đây là cách thu nhập bằng hiện vật?

a. Tiền trợ cấp xã hội.

b. Làm đồ thủ công mỹ nghệ.

c. Tiền tiết kiệm qua bỏ heo.

d. Tiền lãi bán hàng.

Câu 5: Ăn khoai tây mầm, cá nóc... là ngộ độc thức ăn do:

a. Do thức ăn có sẵn chất độc.

b. Do thức ăn nhiễm độc tố vi sinh vật.

c. Do thức ăn bị biến chất.

d. Do thức ăn bị nhiễm chất độc hóa học.

Câu 6: Thành phần dinh dưỡng chính trong thịt, cá là:

a. Chất béo.

c. Chất đạm.

b. Chất đường bột.

d. Chất khoáng.

Câu 7: Bữa ăn hợp lý là bữa ăn :

a. Đắt tiền.

b. Cung cấp đủ năng lượng cho cơ thể hoạt động.

c. Cung cấp đủ năng lượng và chất dinh dưỡng cho nhu cầu của cơ thể.

d. Có nhiều loại thức ăn .

Câu 8: Bữa tối nên ăn như thế nào?

a. Ăn thức ăn nóng, dễ tiêu.

b. Ăn thức ăn giàu lipit.

c. Ăn loại thức ăn giàu lipit, giàu năng lượng.

d. Ăn thật no để bù đắp năng lượng.

Câu 9: Sinh tố có thể tan trong chất béo là:

a. Sinh tố A, B,C,K.

b. Sinh tố A,D,E,K.

c. Sinh tố A,C,D,K .

d. Sinh tố A,B,D,C.

Câu 10: Chất cần thiết cho việc tái tạo các tế bào đã chết:

a. Chất đạm .

b.Chất béo.

c. Chất đường bột .

d. Chất khoáng và vitamin .

Câu 11: An toàn thực phẩm là giữ cho thực phẩm:

a. Tươi ngon không bị héo.

b. Không bị biến chất , ôi thiu.

c. Không bị nhiễm trùng, nhiễm độc .

d. Không bị nhiễm trùng, nhiễm độc và biến chất.

Câu 12:Nhiệt độ an toàn trong nấu nướng là:

a. 50°C đến 80°C.

b. 0°C đến 37°C.

c. 100°C đến 115°C.

d. 80°C đến 90°C.

II Tự luận(8đ):

Câu 1: (2đ)Nêu nguồn cung cấp và chức năng dinh dưỡng của chất đạm?

Câu 2: (2đ)Thế nào là nhiễm trùng, nhiễm độc thực phẩm? Nguyên nhân gây ngộ độc thức ăn và biện pháp phòng tránh?

Câu 3: (3đ) Nêu nguyên tắc xây dựng thực đơn? Em hãy xây dựng thực đơn cho một bữa tiệc cưới?

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HỌC KỲ II

I. Phần trắc nghiệm (3đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	a	b	b	b	a	c	c	a	b	a	d	c
Thang điểm	0.25 đ	0.25 đ	0.25 đ	0.25 đ	0.25 đ	0.25 đ	0.25 đ	0.25 đ	0.25 đ	0.25 đ	0.25 đ	0.25 đ

II. Phần tự luận (7đ)

Câu 1: Nêu nguồn cung cấp và chất năng dinh dưỡng của chất đạm?

*** Nguồn cung cấp(0.5đ):**

- Đạm động vật: Thịt nạc, cá, trứng, sữa...
- Đạm thực vật: Đậu nành, chế phẩm từ đậu nành, nấm...

*** Chức năng dinh dưỡng(1.5đ):**

- Giúp cơ thể phát triển tốt
- Cần thiết cho việc tái tạo các tế bào đã chết
- + Tóc này rụng, tóc khác mọc
- + Răng sữa thay thế bằng răng trưởng thành
- Tăng sức đề kháng và cung cấp năng lượng cho cơ thể.

Câu 2: Thế nào là nhiễm trùng, nhiễm độc thực phẩm? Nguyên nhân gây ngộ độc thức ăn và biện pháp phòng tránh?

*** Nhiễm trùng (0.25đ)**là sự xâm nhập của vi khuẩn có hại vào thực phẩm

*** Nhiễm độc (0.25đ)**là sự xâm nhập của chất độc vào thực phẩm.

*** Nguyên nhân gây ngộ độc thức ăn(1đ):**

- Do thức ăn bị nhiễm vi sinh vật và độc tố của vi sinh vật
- Do thức ăn bị biến chất.
- Do bản thân thức ăn có sẵn chất độc.

- Do thức ăn bị nhiễm các chất hóa học, chất bảo vệ thực vật, chất phụ gia..

*** Biện pháp phòng tránh(0.5đ):**

- Không ăn những thức ăn có sẵn chất độc
- Không sử dụng các thực phẩm bị nhiễm độc hoặc biến chất
- Không sử dụng đồ hộp đã quá hạn.

Câu 3: Nêu nguyên tắc xây dựng thực đơn? Em hãy xây dựng thực đơn cho một bữa tiệc cưới?

*** Nguyên tắc xây dựng thực đơn(1đ):**

- Thực đơn có số lượng và chất lượng món ăn phù hợp với tính chất của bữa ăn
- Thực đơn phải có đủ các loại món ăn chính theo cơ cấu của bữa ăn
- Thực đơn phải đảm bảo yêu cầu về mặt dinh dưỡng và hiệu quả kinh tế

***Xây dựng thực đơn cho một bữa tiệc cưới(2đ)**

Yêu cầu có các món sau

- | | |
|-------------------------|----------------------|
| 1.Món khai vị | 2. Món sau khai vị |
| 3.Món ăn chính (no) | 4.Món ăn thêm (chơi) |
| 5.Đồ uống + Tráng miệng | |

III.. Củng cố, dặn dò.

- Nhận xét giờ kiểm tra
- Vận dụng các kiến thức đã học.

*** Rút kinh nghiệm.**